

GIẢNG GIẢI

CẢM ỨNG THIÊN

TẬP 1



GIẢNG GIẢI
CẢM ỨNG THIÊN - TẬP 1
HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch

Bản quyền bản Việt dịch thuộc về dịch giả và Nhà xuất bản Liên Phật Hội (United Buddhist Publisher).

Copyright © 2018 by United Buddhist Publisher (UBP)

ISBN-13: 978-1724511676

ISBN-10: 172451167X

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch

GIẢNG GIẢI CẢM ỨNG THIÊN

TẬP 1 (TRỌN BỘ 8 TẬP)

NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI
UNITED BUDDHIST PUBLISHER - UBP

NỘI DUNG

Duyên khởi	7
Bài giảng thứ nhất	17
Bài giảng thứ hai	25
Bài giảng thứ ba	35
Bài giảng thứ tư	43
Bài giảng thứ năm	51
Bài giảng thứ sáu	61
Bài giảng thứ bảy	71
Bài giảng thứ tám	79
Bài giảng thứ chín	87
Bài giảng thứ mười	95
Bài giảng thứ 11	103
Bài giảng thứ 12	113
Bài giảng thứ 13	121
Bài giảng thứ 14	131
Bài giảng thứ 15	139
Bài giảng thứ 16	149
Bài giảng thứ 17	157
Bài giảng thứ 18	165
Bài giảng thứ 19	173
Bài giảng thứ 20	181
Bài giảng thứ 21	189
Bài giảng thứ 22	197
Bài giảng thứ 23	207
Bài giảng thứ 24	217

Duyên khởi

(Giảng ngày 11 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 1, số lưu trữ: 19-012-0001)

Thưa quý vị đồng học!

Mới đây có một số vị đồng tu yêu cầu tôi giảng lại bản văn “*Thái Thượng Cảm ứng thiên*”, hy vọng có thể phát sóng qua Đài truyền hình. Làm được như vậy rất tốt, nhưng việc giảng lại lần nữa phải mất nhiều thời gian. Tại đây chúng ta vừa khai giảng các bộ kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Địa Tạng. Cùng lúc giảng giải cả ba bộ kinh như vậy đã nhiều rồi, nay tăng thêm nữa tôi e là quá nặng. Nhưng suy đi tính lại, tôi dự định sẽ tận dụng thời gian sáng sớm để giảng khoảng nửa giờ, trong hai đến ba tháng có thể hoàn tất trọn vẹn phần giảng giải này.

Trong thực tế, khóa giảng này cực kỳ quan trọng và thiết yếu. Hồi cuối triều Thanh, đầu thời Dân quốc, Đại sư Ấn Quang đặc biệt đề cao pháp tu này. Những năm ấy, Đại sư đang ở núi Phổ Đà, quan Tri huyện Định Hải bấy giờ lên núi lễ kính, thỉnh Đại sư đến huyện Định Hải giảng kinh thuyết pháp. Đại sư vốn người Thiểm Tây, phát âm rất nặng, nên đối với cư dân địa phương có sự khác biệt trở ngại về ngôn ngữ, liền nhờ một vị Pháp sư đến Định Hải giảng kinh.

Vị Pháp sư ấy đến Định Hải giảng kinh gì? Dường như là Âm chất văn của Văn Xương Đế quân. Tôi xem văn bản thấy được tư liệu này thì hết sức kinh ngạc. Một vị quan đứng đầu địa phương cung thỉnh pháp sư giảng kinh, ngài đến đó không giảng kinh Phật, mà lại giảng kinh văn của Đạo giáo!

Đặc biệt hơn nữa, Đại sư Ấn Quang suốt một đời hết sức

đề cao những bản văn thuộc loại như Liễu Phàm tứ huấn, Cảm ứng thiên... Vì thế mà ngài phải nhận rất nhiều sự phê phán của người đương thời cũng như đời sau, nhưng hết thảy những phê phán ấy đều là dựa trên chỗ thấy biết của người phạm tục.

Trên phương diện Phật pháp, tôi tin là rất nhiều vị đồng tu đều đã biết qua câu này: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên.*” (Người hiểu đạo thuyết pháp, dù nói pháp nào cũng không khiếm khuyết.) Lại có câu: “*Vô nhất pháp bất thị Phật pháp.*” (Không một pháp nào không là Phật pháp.) Quý vị thử suy ngẫm xem, hai câu ấy có ý nghĩa gì? Trong thực tế, các pháp thế gian với pháp Phật do đâu mà phân biệt? Là do tâm của quý vị. Trong các pháp không hề có thế gian hay xuất thế gian. Không hề có! Đều là do trong tâm quý vị phân biệt. Nếu trong tâm quý vị có sự bám chấp, phân biệt, vọng tưởng thì đó gọi là pháp thế gian, dù quý vị học kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm cũng là pháp thế gian. Vì sao vậy? Vì không ra ngoài ba cõi. Nếu như quả thật lìa khỏi sự bám chấp, phân biệt, vọng tưởng, xin thưa với quý vị rằng hết thảy các pháp đều sẽ là thấu triệt sinh tử, ra ngoài ba cõi. Vì thế, không một pháp nào không phải là Phật pháp. Chúng ta cần phải hiểu thật rõ ràng ý nghĩa đó.

Hôm qua khi tôi viếng thăm [các tín hữu] đạo Thiên Chúa, có người hỏi tôi rằng, đạo Thiên Chúa giảng về linh hồn so với đạo Phật giảng về pháp tánh thì khác biệt thế nào? Tôi chỉ đơn giản bảo người ấy rằng, nếu có bám chấp, phân biệt thì gọi là linh hồn, không có bám chấp, phân biệt thì gọi là pháp tánh. Người ấy liền lập tức nhận hiểu, thể hội được vấn đề.

Như vậy, [linh hồn với pháp tánh] là một hay không phải một? Chỉ là một thôi. Nhưng một đàng thì có bám chấp, phân biệt, một đàng thì lìa khỏi bám chấp, phân biệt. Có bám

chấp, phân biệt thì hết thấy các pháp đều chướng ngại; lìa khỏi bám chấp, phân biệt thì muôn pháp đều trọn vẹn dung thông. Vì thế cần thấu hiểu được rằng, hết thấy chúng sinh trong pháp giới hư không đều cùng một pháp tánh, kinh Hoa Nghiêm gọi đó là pháp thân: “Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất pháp thân.” (Ba đời mười phương Phật, đều cùng một pháp thân.) Câu này thì quý vị đều nghe rất quen thuộc rồi. Quý vị suy ngẫm xem, đã cùng một pháp thân thì có pháp nào lại không là pháp Phật? Bài văn Cảm ứng thiên lẽ nào là ngoại lệ? Cho nên cũng là pháp Phật. Huống chi, các bài văn Cảm ứng thiên với Âm chất văn, từ đầu đến cuối, mỗi chữ mỗi câu đều là giảng rõ về năm giới và mười nghiệp lành.

Năm giới và mười nghiệp lành là pháp căn bản trong nhà Phật. Những ai lìa khỏi năm giới và mười nghiệp lành là rơi vào tà đạo. Bất luận quý vị tu học theo pháp môn nào, dù là người mới học hay đã chứng A-la-hán, cho đến Bồ Tát Đẳng giác, nếu lìa khỏi năm giới và mười nghiệp lành thì đã rơi vào tà đạo, sao có thể gọi là pháp Phật?

Nếu muốn giảng giải năm giới và mười nghiệp lành cho trọn vẹn và thực tiễn, thì các bài Cảm ứng thiên với Âm chất văn chính là tài liệu giảng dạy rất tốt, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Đại sư Ấn Quang đã nói hết sức rõ ràng, thế giới ngày nay nhiều loạn động, nhiều tai nạn, nếu muốn cứu vãn chỉ có một phương pháp là kêu gọi tất cả chúng sinh hãy tỉnh ngộ, thấu hiểu đạo chân chánh, dứt điều ác, làm điều thiện. Như vậy thì mọi tai ương cho dù không hóa giải hoàn toàn cũng sẽ được giảm nhẹ, rút ngắn được thời gian tai kiếp. Mà điều này thì chắc chắn là có thể làm được.

Có vị đồng tu ở Đài Loan hỏi tôi, trong đại kiếp nạn này liệu Đài Loan có thoát được chăng? Tôi bảo người ấy chắc chắn là được. Người Đài Loan tạo tội rất nặng, nhưng quý vị thử suy ngẫm xem, họ bắt đầu tạo tội từ khi nào? Bất quá

cũng chỉ từ 20 năm gần đây thôi. Quý vị nghĩ xem, trước đây 20 năm người Đài Loan hết sức có khuôn phép, giữ theo luật pháp. Nhìn ngược lại 30 năm trước, phong khí Đài Loan có thể nói là tốt đẹp nhất Đông Nam Á, lòng người chơn chất, hiền lương. Người Đài Loan tạo tội chỉ trong 20 năm gần đây, khiến phong khí xã hội hoàn toàn thay đổi. Nhưng dù vậy, số người tạo tội cũng không quá nhiều, mà thời gian cũng không quá lâu. Huống chi ở Đài Loan số người niệm Phật rất nhiều, người có thiện tâm cũng rất nhiều. Cho nên dù gặp kiếp nạn, cũng sẽ không quá lớn.

Người Nhật Bản tạo tội rất nặng, có thể nói là hết sức nặng. Trong tương lai khi đại nạn đến, họ phải nhận lãnh quả báo gấp chục lần người Đài Loan hoặc hơn thế nữa. Chúng ta theo như nghĩa lý trong Cảm ứng thiên mà giảng giải thì người gieo nhân lành sẽ gặt quả tốt, người làm việc ác phải chịu quả xấu, đó là lẽ cảm ứng chân thật.

Cho nên, Tổ Ấn Quang hết sức đề cao ba bản văn [Liễu Phàm tứ huấn, Cảm ứng thiên và Âm chất văn]. Đó chính là trí tuệ chân thật, cứu vãn được kiếp nạn của thế giới. Đại sư suốt một đời hết sức nêu cao việc này, mà người chân chánh thấu hiểu được lại không nhiều lắm. Sau khi Tổ Ấn Quang đã vãng sinh rồi, người có khả năng tiếp tục truyền rộng những điều này lại càng quá ít.

Năm 1977, tôi nhận lời mời của các đồng tu, lần đầu tiên đến Hương Cảng (Hong Kong) giảng kinh Lăng Nghiêm. Khi ấy tôi ở lại lâu đến bốn tháng. Trong hai tháng đầu tôi ở tại Cửu Long, nơi thư viện Trung Hoa Phật Giáo của Lão pháp sư Đàm Hư. Hai tháng sau thì ở tại đạo tràng của Lão Hòa thượng Thọ Dã và Giảng đường Quang Minh của Lam Đường Đạo.

Khi ở chỗ thư viện, tôi thấy nơi đây thu thập rất nhiều những kinh sách do Hoàng Hóa Xã của Đại sư Ấn Quang

xuất bản. Tôi với Đại sư có quan hệ hết sức mật thiết, là quan hệ truyền thừa tiếp nối, vì thầy tôi là Lão cư sĩ Lý Bình Nam, vốn là học trò của Đại sư. Do đó, bản thân tôi đối với những lời khuyên dạy của ngài, cũng như những Kinh sách do Hoàng Hóa Xã xuất bản, đều tự nhiên có cảm tình rất sâu sắc. Những kinh sách của Hoàng Hóa Xã được thu thập trong thư viện nhỏ này, tôi đều xem qua toàn bộ, thấy có ba quyển được in nhiều nhất, hình thức in đẹp nhất. Đó là các sách Cảm ứng thiên hội biên, An Sĩ toàn thư và Liễu Phàm tứ huấn.

Thư viện Trung Hoa Phật Giáo lưu giữ những sách này với số lượng khá nhiều, tôi liền chọn trong những ấn bản khác nhau, lấy ra mỗi loại một quyển mang về Đài Loan. Khi nhìn vào những trang bản quyền cuối sách thì biết rằng ba tên sách này được in ra nhiều lần, mỗi lần in ít nhất là 10.000 quyển, nhiều nhất thì lên đến 50.000 quyển. Vậy cả thầy đã in bao nhiêu lần? Có đến mấy chục lần! Tôi làm một thống kê sơ lược thì thấy ba tên sách này có số lượng đã in vượt quá ba triệu quyển. Điều này khiến tôi hết sức kinh ngạc. Các sách do Hoàng Hóa Xã xuất bản, mỗi tên sách đều vào khoảng một ngàn, hai ngàn quyển, vì sao ba tên sách này được in nhiều đến thế?

Điều này khiến tôi phải chú ý, rồi lặng lẽ suy ngẫm thật kỹ mới hiểu ra rằng, Tổ Ấn Quang hết lòng muốn cứu vớt tai ương cho đời, cứu vớt kiếp nạn, [ngài tin rằng lưu hành] ba tựa sách này là rất tốt.

Ngày nay, ở những hiệu sách khắp nơi, các vị đồng học đều có thể tìm thấy [sách nói về] những lời tiên tri, dự báo từ thuở xưa của phương Tây. Có rất nhiều sách khác nhau. Tôi đã xem qua đến mười mấy quyển, thầy đều nói rằng năm 1999 là thời điểm cuối cùng của thế giới, với một đại nạn mang tính hủy diệt và kéo dài, đại khái phải đến hơn vài

chục năm. Quãng thời gian này bắt đầu từ năm 1990, cho nên phải qua đến sau năm 2010 mới có thể xem là tai qua nạn khỏi.

Những sách như vậy của phương Tây chỉ nói là có tai nạn xảy ra, rằng do con người làm nhiều việc xấu ác, Thượng đế muốn dạy dỗ uốn nắn nên phải trừng phạt người đời, muốn đem cả thế giới này làm mới lại từ đầu. Hết thầy đều là theo luận thuyết “túc mạng” hay số phận an bày, khác xa với các sách như Liễu Phàm tứ huấn, Cảm ứng thiên, vì trong những sách này đề ra phương thức cứu vãn, còn các sách của phương Tây chỉ nói đến kiếp nạn mà không đề ra biện pháp gì để cứu vãn.

Trong số những tiên tri dự báo của phương Tây có một phần nằm trong Thánh kinh, so ra có sự sáng suốt hơn, vì trong đó đi đến kết luận cuối cùng là do nơi lòng người. Nếu lòng người có thể thay đổi, hướng về điều lành, thì kiếp nạn này có thể được hóa giải. Nhưng cũng chỉ nói chung chung vậy thôi, còn việc thay đổi cụ thể thế nào, dứt ác làm thiện ra sao thì không thấy nói rõ. Thật là khác xa với ba quyển [Liễu Phàm tứ huấn, Cảm ứng thiên và An Sĩ toàn thư,] vì trong ba sách này giảng rõ mọi điều thấu triệt, dù nói về lý lẽ hay sự tướng cũng đều hết sức thấu triệt.

Nói thật thì chúng ta hiểu ra những điều này quá muộn, có lẽ cũng vì chúng sinh thế giới này phước báo khác biệt. Vì sao nói rằng chúng ta hiểu ra quá muộn? Chưa từng có ai đem ba tựa sách này dịch sang ngoại ngữ để lưu hành trên toàn thế giới, vì không hiểu được tầm quan trọng, thiết yếu của việc này. Nếu như ba tựa sách này đều được dịch sang nhiều ngôn ngữ trên thế giới, đều được lưu hành rộng rãi khắp nơi, thì nơi nơi đều sẽ được tốt đẹp. Đó là vì chúng ta không hiểu biết, nay hiểu ra được thì không còn kịp nữa. Đó thật là “mất bò mới lo làm chuồng”, nhưng vẫn phải làm thôi.

Hy vọng mọi người đều phát tâm, chúng ta cùng khởi xướng việc này, đem hết khả năng chuyển dịch những sách này ra nhiều ngoại ngữ để lưu hành trên khắp thế giới, khiến cho những ai hữu duyên đọc được đều có phúc lành. Hơn nữa, chúng ta còn có trách nhiệm và sứ mạng phải khuyến bảo khuyến khích mọi người tụng đọc, gìn giữ làm theo những lời dạy trong sách, không chỉ để chuyển biến nghiệp báo tự thân, mà còn giúp cho xã hội được bình yên, ổn định, giúp cho chúng sinh trên toàn thế giới được tai qua nạn khỏi.

Trong vòng một năm sau khi từ Hương Cảng trở về, tôi đề xướng việc in ấn sách Cẩm ứng thiên hội biên lần thứ nhất, đến nay đã in rất nhiều lần, tổng cộng được khoảng gần 100.000 quyển, cho dù năng lực của tôi rất hạn chế.

Với các sách Cẩm ứng thiên hội biên, An Sĩ toàn thư và Liễu Phàm tứ huấn, tôi ở Đài Loan đề xướng việc phiên dịch, in ấn lưu hành. Hơn nữa, các sách này đều được tôi giảng giải qua rất nhiều lần, cũng không nhớ rõ bao nhiêu lần. Quyển Cẩm ứng thiên tôi dùng để giảng giải khi trước, bên trong mỗi trang đều có ghi chú bên lề, những chỗ quan trọng đều có đánh dấu. Cách đây mấy hôm, khi đồng tu yêu cầu giảng [sách này], tôi liền tìm kiếm quyển sách đã giảng trước đây. Tìm ra được thì bớt việc, vì đến lúc giảng giải không cần phải chuẩn bị lại.

Hy vọng chư vị đồng tu xem trọng việc này, thực sự dứt trừ hết thảy các việc xấu ác, tu tập hết thảy việc lành. [Nên ghi nhớ,] Tổ Ấn Quang dùng ba quyển sách này để bổ sung vào những chỗ thiếu sót trong giới hạnh của chúng ta.

Về pháp môn niệm Phật, các bậc tổ sư, đại đức thường dạy bảo khuyến khích chúng ta “trì giới niệm Phật”. Niệm Phật mà không giữ giới luật, không làm việc thiện thì không thể vãng sanh. Người xưa từng nói: “Miệng niệm Di-đà tâm tán loạn, cho dù lớn tiếng uống công thôi.” Cho nên, điều

quan trọng, thiết yếu nhất là phải giữ lòng lành, nói lời lành, làm việc lành. Kết luận cuối cùng trong Cảm ứng thiên cũng là như vậy. Nếu quý vị giữ được thân, khẩu, ý đều hiền thiện, thì theo như trong Cảm ứng thiên, quý vị sẽ được thiện thần bảo vệ, giúp đỡ. Tịnh Độ tông thì dạy rằng như vậy quý vị niệm Phật nhất định sẽ vãng sanh. Thế gian hiện nay rất nhiều tai nạn, nên ví như chúng ta gặp phải tai nạn cũng không cần phải sợ sệt.

Hôm qua, tôi viếng thăm viện dưỡng lão, gặp khoảng hơn 20 người già mắc bệnh ung thư thời kỳ cuối. Tôi bảo các nữ tu trong viện rằng, cần mang đến hy vọng cho những người già này, đừng mang bi thương đến cho họ; phải dùng tôn giáo để giáo dục, mở ra con đường cho họ. [Nên khuyên bảo họ rằng,] con người thật ra không có chết đi. Sống chết là chuyện bình thường, chỉ là chuyển đổi sang hoàn cảnh khác mà thôi. Khi họ thay đổi được quan niệm như thế thì đối với chuyện sống chết họ sẽ thấy không còn quan trọng, trong lòng sẽ được bình yên, tĩnh lặng. Như thế là giải tỏa được vướng mắc để chuyển sang một hoàn cảnh tốt đẹp hơn, một sinh hoạt tốt đẹp hơn.

Cho nên, sự giáo dục của tôn giáo là hết sức quan trọng, thiết yếu. Khi mọi người quan tâm đến trẻ em, đối với những trẻ khuyết tật đều có sự chăm sóc giúp đỡ đặc biệt. Với người già cũng cần phải chăm sóc giúp đỡ đặc biệt như thế, sao có thể thờ ơ xem nhẹ? Người già phải có cách chỉ bày đặc biệt, phải thường trò chuyện, thăm hỏi, an ủi họ. Điều này cũng quan trọng, thiết yếu như việc dạy dỗ trẻ em. Phải có người thường xuyên giảng nói, mang ý nghĩa [sống chết] quan trọng này giảng giải cho họ, giúp họ thoát khỏi sự đau đớn khổ sở vì [nỗi lo] sống chết. Với người học Phật thì nhất định phải khuyên bảo họ cầu sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc. Với những tín đồ đạo Thiên Chúa, đạo Cơ Đốc, hãy khuyên bảo họ nhất định phải cầu lên thiên đường. Cõi trời so với

cõi người tốt đẹp hơn nhiều. Như thế là giáo dục, không chỉ chăm chăm lo việc giúp đỡ đời sống vật chất, mà đối với đời sống tinh thần cũng nhất định không để họ thiếu thốn.

Chuyện vui chơi giải trí cũng cần tăng thêm. Hôm qua, các nữ tu bảo tôi rằng, những người phụ trách việc giải trí có mời một số thanh niên đến đây ca hát, phục vụ các cụ, nhưng họ không thích nghe. Tôi nói, đó là lẽ đương nhiên. Người già nghe loại âm nhạc thời nay chỉ chán ghét thôi, sao có thể nghe được? Quý vị phải hiểu được tâm lý của người già, phải dùng loại âm nhạc của 30 năm trước, thì họ sẽ thích nghe, hoặc những bài hát của 40 năm trước, có người nghe qua liền nhớ lại lúc còn trẻ họ đã từng hát, trong lòng ắt có cảm xúc. Tất nhiên không thể [người nào cũng] giống hệt như nhau.

Nghe tôi nói rồi họ mới nghĩ lại. Tôi bảo, quý vị cần phải tìm kiếm nhiều loại. Những điệu múa ngày nay người già không thích xem, phải cho họ xem các vở diễn Triều Châu, các tuồng tích xưa, thì họ sẽ vui thích. Các cụ là người của thời xưa, quý vị phải dùng những thứ thời xưa thì họ đáp ứng ngay. Cho nên, chúng ta phải chú tâm, phải thường xuyên trò chuyện với người già, xem họ vui thích chuyện gì, hy vọng những gì, ta mới có thể thay họ mà lo liệu. Như thế mới đúng là chăm sóc, lo lắng cho người già, giúp người già mở mang tâm ý, được sống thoải mái tự do. Chúng ta làm được như vậy mới hết trách nhiệm.

Chúng ta phải hết sức tìm kiếm những bài hát xưa, những vở diễn xưa, những băng ghi hình... Tìm được rồi thì mang đến tặng cho các cụ. Trong số các cụ có rất nhiều người Trung quốc. Những việc làm như vậy có thể nói đích thực là dứt ác, làm thiện.

Hôm nay tôi thấy rất nhiều người trong quý vị đã có tập sách Cảm ứng thiên khổ nhỏ này. Mọi người sử dụng bản in nhỏ gọn như vậy là rất tốt. Tôi vừa xem qua, thấy bản này

in ra 1.000 quyển, như vậy là quá ít. Bản này nhỏ gọn, dùng tụng đọc tốt, rất thuận tiện mang theo để thường xuyên đọc. Phần sau lại có cả Âm chất văn của Văn Xương Đế quân. Cả hai bản văn nằm trong một quyển, thật là một quyển sách nhỏ gọn hết sức lý tưởng.

Trong khoảng nửa giờ buổi sáng sớm của thời gian từ hai đến ba tháng tới, chúng ta sẽ cùng nhau nghiên cứu quyển sách nhỏ này.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta dừng ở đây.

Bài giảng thứ nhất

(Giảng ngày 14 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 2, số lưu trữ: 19-012-0002)

Thưa quý vị đồng học!

Hôm nay là ngày bắt đầu, mọi người cùng đến đây học tập bản văn Thái Thượng Cảm ứng thiên. Bản văn này không dài lắm, chỉ hơn 1.300 chữ thôi. Tiêu đề bản văn là Thái Thượng Cảm ứng thiên. Hai chữ “Thái Thượng” có ý tôn xưng, hàm nghĩa rất sâu xa.

Chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta giảng kinh thuyết pháp, tất cả đều từ nơi tự tánh lưu xuất hiển lộ, không nên hiểu là do một con người cụ thể nào đó giảng nói ra. Nếu cho rằng kinh Phật là do đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng thuyết thì thật sai lầm! Chúng ta đã thấy trong rất nhiều kinh luận, đức Phật tự nói rằng suốt đời ngài chưa từng giảng kinh, suốt đời ngài chưa từng nói ra một chữ. Câu nói ấy là chân thật, không chỉ là lời nhún nhường vô nghĩa, cũng không phải lời tùy tiện nói ra.

Kẻ phàm phu bám chấp nơi tự ngã, cho là thật có, nên [nói đến] thuyết pháp thì hoặc là tự mình thuyết, hoặc là người đối diện thuyết, hoặc là có người khác thuyết. Chư Phật Bồ Tát không bám chấp tự ngã, nên trong kinh Kim Cang đã nói rất rõ, không chỉ là không có các tướng “ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả”, mà ngay cả những ý niệm ấy cũng không có, nên nói là không có “ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến”. Chữ “kiến” ở đây là kiến giải, hay chỗ thấy biết nhận hiểu, tức là ý niệm. Đâu chỉ là không bám chấp nơi các tướng, mà ngay cả ý niệm cũng đã là không.

Người thuyết pháp, từ đâu mà thuyết? Đó là từ nơi chân tánh lưu xuất hiển lộ. Chân tánh, không thể là chân tánh của người khác, mà là của chính mình. Ý nghĩa này chúng ta nhất định phải thấu triệt. Từ nơi tự tánh lưu xuất hiển lộ, đó là chân thật. Nếu [phát xuất] từ ý thức, thì ý thức là [sự phân biệt] của mỗi người, nên lời nói ra không thể tin cậy được.

Trong pháp Phật thường nói: “Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” (Tâm ý sáng rõ thấy được tự tánh; thấy tự tánh liền thành Phật.) Như có bậc đại thánh ra đời thì vị này có thấy được tự tánh hay không? Có thành Phật không?

Đức Phật phương tiện nói rằng, thánh nhân trong thế gian chưa thể thấy được tự tánh. Đó là cách nói phương tiện. Nếu nói theo nghĩa chân thật thì trong kinh luận Đại Thừa từng giảng giải rất nhiều, rằng chư Phật Như Lai ứng hóa nơi thế gian này, tùy theo chủng loại chúng sinh mà hóa thân, tùy theo căn cơ chúng sinh mà thuyết pháp, sao có thể biết được các bậc thánh nhân ấy không phải là chư Phật Như Lai thị hiện hóa thân?

Trước đây có người từng nói rằng Khổng Tử là một vị Bồ Tát, hiệu Đồng Nho. Có người hỏi tôi điều ấy có đáng tin không? Tôi theo thông lệ của các bậc thầy tổ, không trả lời dứt khoát là có hay không. Bởi nếu nói Khổng tử là Bồ Tát thì không có căn cứ, tôi không thể tùy tiện nói. Còn nếu nói Khổng tử không phải Bồ Tát, thì theo như lẽ ứng hóa vừa nêu trên, vẫn có khả năng đó là Bồ Tát ứng hóa tại thế gian này. Nếu thực sự khế nhập được vào cảnh giới chân thật, thì hết thảy chúng sinh có ai không là Bồ Tát, có ai chẳng phải Như Lai?

Cho nên, ở đây nêu lên đề mục trước. Đề mục như vậy, văn gốc như vậy, vừa mở đầu đã nêu bật trong hai chữ “Thái Thượng”. Chúng ta cùng tu học pháp Phật, cần phải thấu suốt ý nghĩa gồm thấu trong hai chữ này chính là sự lưu xuất

hiển lộ của tự tánh, mà đức của tự tánh là cao trời không gì hơn được. Nói cách khác, chúng ta có thể giảng giải lý luận, có thể cung kính làm theo [Chánh pháp], ấy đều là thuận theo đức của tự tánh. Thuận theo đức của tự tánh là hiền thiện chân chánh, trái ngược với đức của tự tánh là xấu ác tà vạy. Đó là tiêu chuẩn phân biệt cao nhất giữa hiền thiện và xấu ác, là tiêu chuẩn tuyệt đối để phân biệt giữa chân chánh với tà vạy. Đối với hai chữ “Thái Thượng” nêu lên ngay đầu bản văn, chúng ta phải tỉnh giác răn ngừa, không thể sơ xuất xem nhẹ dụng ý này.

Tiếp theo là hai chữ “cảm” và “ứng”. Người xưa so sánh rất thích hợp rằng “cảm” giống như việc trồng cây, còn “ứng” ví như việc cây đơm hoa kết trái. Dùng hai chữ này làm tên gọi của bản văn chính là để nói rõ rằng “có cảm nhất định có ứng”.

Ý nghĩa là thế nào? Cảm và ứng đều là y theo tự tánh khởi sinh. Tự tánh biến hiện khắp mọi nơi, mọi lúc. Chúng ta ngày nay nói về thời gian và không gian, trong tự tánh không có phân biệt. Thời gian với không gian là hợp nhất, cho nên có cảm tất nhiên có ứng. Xét trên cơ thể mỗi người thì “nhỏ một sợi tóc động toàn thân”. Chỉ một sợi tóc thật không đáng nói, nhưng ngay lúc ta kéo mạnh nó lên thì toàn thân liền nhận biết, thấy khó chịu. Kéo một sợi tóc, đó là cảm; toàn thân khó chịu, đó là ứng.

Do đó biết rằng, khi trong tâm chúng ta khởi lên một ý nghĩ, hoặc nói năng hành động, đừng cho là chuyện nhỏ nhặt, không đáng kể. Ngược lại, một ý nghĩ nhỏ nhặt, yếu ớt nhất cũng có thể làm chấn động cả các pháp giới trong hư không. Chúng ta do mê muội mà không biết được điều đó.

Cũng giống như một sợi lông tơ trên cơ thể, khi ta nắm lấy nhỏ lên thì toàn thân đều có thể nhận biết. Điều này mọi người đều biết, vì là trên cơ thể của mình. Nhưng quý vị không thấu hiểu được rằng, hết thảy các pháp giới trong hư

không cùng với pháp thân thanh tịnh của tất cả chúng sinh đều cùng một thể tánh. Vì cùng một thể tánh, cho nên cảm ứng là không thể suy lường, có cảm ắt có ứng, cảm như thế nào liền ứng như thế ấy.

Cảm ứng như thế cũng có thể gọi là quan hệ nhân quả. Chúng sinh có cảm, đó là nhân; chư Phật, Bồ Tát, chư thiên, long, quỷ thần có ứng, đó là quả. Thấu hiểu được ý nghĩa này, chân tướng sự thật này, quý vị mới thấu triệt được lời dạy của bậc cổ đức: “Chủng qua đắc qua, chủng đậu đắc đậu.” (Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu.) Hình ảnh so sánh này có ý nghĩa rất sâu xa, cho ta biết rằng gieo nhân lành nhất định sẽ được quả lành, tạo nhân xấu ác nhất định không thoát khỏi quả báo xấu ác.

Từ vô thủy đến nay, hết thảy chúng sinh đều gieo nhân lành ít, tạo nhân ác nhiều. Chỉ ngay trong đời này mà tinh tâm suy xét kỹ, quán sát chi ly, cũng sẽ thấy quanh ta những nghịch duyên xấu ác rất nhiều, duyên lành rất ít. Duyên lành giúp cho sự nghiệp tu tập của ta được tiến bộ, thúc đẩy hạnh lành. Nghịch duyên xấu ác làm tăng trưởng những ý niệm xấu ác, những việc làm xấu ác. Như vậy, trong tương lai quả báo sẽ đến như thế nào, chẳng phải mỗi người đều tự thấy biết rõ ràng minh bạch rồi sao? Như thế đều là ý nghĩa cảm ứng.

Người xưa thường nói: “Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu.” (Lưới trời lồng lộng, tuy thưa nhưng chẳng lọt.) Câu này nói rõ lý lẽ cảm ứng, là lý lẽ chân thật, là chân tướng sự thật.

Trong cả bản văn này, ý nghĩa cốt yếu tổng quát nằm ở bốn câu đầu tiên:

*Họa, phước không cửa vào,
Đều do người tự chuốc.
Việc báo ứng thiện, ác,
Như bóng luôn theo hình.*

*(Họa phúc vô môn,
Duy nhân tự chiêu.
Thiện ác chi báo,
Như ảnh tùy hình.)*

Phần còn lại của bản văn đều nhằm giảng rõ bốn câu này, chỉ nhằm giảng giải thật tường tận, chi ly ý nghĩa của bốn câu này mà thôi. Chúng ta học tập, nắm vững được chỗ ý nghĩa cốt yếu của bốn câu này, mỗi lúc khởi lên một ý nghĩ, hoặc nói năng hành động, phải tự xét có phù hợp với đức của tự tánh hay không? Nếu phù hợp với đức của tự tánh thì có thể suy nghĩ như vậy, làm việc như vậy; nếu trái ngược với đức của tự tánh, thì biết ngay là không thể nghĩ như vậy, không thể nói như vậy hoặc làm như vậy.

Trong tất cả kinh luận, đức Phật dạy chúng ta, nhất là chúng sinh thời mạt pháp, nếu muốn thành tựu sự nghiệp tu tập thì điều kiện trước hết là phải gần gũi thiện hữu, hay bạn lành. Điều này được xem là quan trọng nhất. Trong kinh điển Tiểu thừa cũng không khác. Trước đây tôi từng đọc qua kinh A-nan vấn sự Phật cát hung (A-nan thưa hỏi Phật về những chuyện lành dữ), thấy ngay câu đầu tiên đức Phật đã dạy rằng phải “thân cận minh sư” (gần gũi bậc thầy sáng suốt). Minh sư ở đây, trong kinh Đại thừa gọi là thiện hữu hay thiện tri thức. Bởi vì, như kinh Địa Tạng có dạy, chúng sinh phàm phu trong sáu nẻo luân hồi, tâm tánh, nhận thức không cố định. Ngạn ngữ cũng có câu: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.” Những lời ấy cho thấy rõ rằng, phàm phu chúng ta nhất định chịu ảnh hưởng từ hoàn cảnh sống, chịu ảnh hưởng từ ngoại cảnh, không thể đạt đến mức “cảnh tùy tâm chuyển” (hoàn cảnh tùy theo tâm mà thay đổi), mà trong thực tế thường là “tâm tùy cảnh chuyển” (tâm tùy hoàn cảnh mà thay đổi).

Cho nên, hoàn cảnh đối với chúng ta thật hết sức quan trọng, thiết yếu. Từ xưa nay, các bậc đại đức, thầy tổ, các vị

chân chánh tu hành có công phu định tuệ, đều có khả năng chuyển biến hoàn cảnh, không bị hoàn cảnh chuyển biến, nhưng các ngài vẫn dạy đệ tử phải y theo xưa kia, luôn phải soát xét chọn lựa hoàn cảnh sống. Vì sao vậy? Vì những đệ tử ấy đều là phàm phu, không đủ sức làm chuyển biến hoàn cảnh bên ngoài, nên nhất định phải chịu ảnh hưởng từ ngoại cảnh, không thể không soát xét chọn lựa hoàn cảnh.

Trong việc soát xét chọn lựa hoàn cảnh tu học thì điều kiện trước tiên là phải gần gũi bạn lành, hay thiện hữu. Nếu quý vị có thể thường xuyên gần gũi bạn lành, các bậc thiện tri thức, các bậc thầy giỏi, hoặc những bạn đạo tốt để cùng nhau tham học, thì con đường tu tập của quý vị nhất định sẽ được giúp đỡ, hỗ trợ.

Chúng ta xem trong các sách như Cao tăng truyện, Cư sĩ truyện, thấy các bậc đại đức xưa nay gần gũi thiện hữu, minh sư trong hơn mười năm, hoặc hai, ba mươi năm, cho đến suốt một đời vẫn không lìa xa. Những vị ấy khi đã thành tựu việc tu học, hẳn có thể lìa xa thiện hữu, minh sư, nhưng vì sao vẫn không lìa xa? Thật không gì khác hơn là muốn nêu gương cho hàng hậu học. Cho nên, họ kề cận bên thầy, giúp thầy dạy dỗ, tiếp nhận, dẫn dắt những đồng học đến sau. Đến khi vị thầy vãng sinh rồi, đã viên tịch rồi, họ mới rời đi, đến giáo hóa ở vùng khác.

Chúng ta thấy các bậc đại đức, thầy tổ xưa nay, những vị làm như vậy rất nhiều, cũng là thực sự làm theo lời khuyên dạy của đức Thế Tôn, trừ phi không đủ nhân duyên thì đó lại là chuyện khác. Nhưng trong trường hợp đó cũng phải tu sửa đạo nghiệp tự thân để có sự thành tựu chân chánh, rồi mới có thể rời xa [thiện hữu, minh sư].

Thế nào gọi là thành tựu? Theo trong pháp Phật thì tiêu chuẩn trước hết, từ phương diện trí tuệ kiến giải mà nói, là phải có đủ năng lực phân biệt giữa chân với vọng, giữa chánh

với tà, giữa đúng với sai, giữa thiện với ác, giữa lợi với hại... Phải thực sự có khả năng phân biệt, nhận biết rõ ràng.

Điều kiện thứ hai là phải có được công phu định lực, không bị nhiễu loạn bởi ngoại cảnh, cũng có nghĩa là không bị hoàn cảnh bên ngoài cám dỗ, dẫn dụ. Ngoài không vướng mắc hình tướng, trong không rối loạn tự tâm. Có đủ hai điều kiện ấy thì mới có thể lìa thầy xa bạn. Không đủ hai điều kiện ấy mà xa thầy là điều hết sức nguy hiểm, bởi vì quý vị phải đối phó với giặc phiền não bên trong, lại thêm hoàn cảnh cám dỗ, dụ hoặc bên ngoài. Quý vị không vượt qua được sự cám dỗ, ắt phải đọa lạc.

Nhưng ví như ngày nay không có thầy dẫn dắt, dù muốn gần gũi thiện tri thức cũng không gặp được, vậy phải làm sao? Như có thể tìm được một số bạn hữu đồng đạo, mọi người có thể họp lại cùng nhau tu tập, giúp đỡ khuyến khích lẫn nhau, xem các bậc đại đức ngày xưa như thiện tri thức [để noi theo].

Tôi cũng giới thiệu với quý vị nên xem Phật A-di-đà là bậc thiện tri thức. Phật A-di-đà phải tìm ở đâu? Ấy là trong kinh Vô Lượng Thọ, trong năm bộ kinh Tịnh Độ, mỗi ngày đều tụng đọc, mỗi ngày đều giảng giải, mỗi ngày đều cùng nhau học tập, như vậy là chúng ta không hề lìa xa bậc thiện tri thức.

Tôi ở tại đây, nhờ mạng Internet kết duyên cùng quý vị đồng học [khắp nơi], đối với mọi người cũng là điều tốt đẹp. Chúng ta dù cách xa nhau, nhưng nhờ phương pháp khoa học kỹ thuật hiện đại mà được gần nhau, mỗi ngày đều có thể cùng nhau tu học.

Bốn câu mở đầu của bài văn này phải thường ghi nhớ trong lòng, luôn nêu cao sự tỉnh giác nhận biết. Mỗi người đều có sự báo ứng của riêng mình, cho đến gia đình, xã hội, quốc gia hoặc cả thế giới này cũng đều không ra ngoài định luật báo ứng đó.

Xã hội ngày nay nhiều loạn động, thế giới không yên ổn, chúng ta đều biết là do sự chiêu cảm của cộng nghiệp. Làm sao có thể hóa giải kiếp nạn này? Chỉ cần mọi người có thể tỉnh ngộ hiểu ra, thấy biết rõ ràng chân tướng lý lẽ sự việc, quyết chí quay đầu sửa lỗi, dứt trừ hết thảy việc ác, nỗ lực làm tất cả điều lành, buông bỏ quyền lợi riêng tư, hết thảy đều vì cộng đồng xã hội, đều vì tất cả chúng sinh, thì kiếp nạn này tự nhiên có thể hóa giải.

Dù là thiên tai hay tai họa con người tạo ra, thảy đều do nghiệp ác chiêu cảm mà đến. Lìa bỏ mọi nghiệp ác thì không chỉ là tai họa do người tạo ra sẽ không còn, mà tôi dám chắc rằng cả những tai họa từ thiên nhiên cũng sẽ không còn nữa. Vì sao nói rằng những tai họa từ thiên nhiên cũng không còn nữa? Đó chính là như trong kinh điển Đại thừa thường dạy: “Cảnh tùy tâm chuyển.” Hoàn cảnh tùy nơi tâm thức con người mà chuyển biến vậy. Chỉ khi thấu hiểu sâu sắc được ý nghĩa này thì người ta mới chịu tin tưởng [Phật pháp], mới quyết tâm làm theo.

Bản văn này phân chia các phần, đoạn rất rõ ràng. Người xưa phân thành nhiều đoạn dài, chúng ta hãy nhìn xuống phần “Trực giảng” [trong sách này]. Trong phần “Trực giảng” chia ra thành 10 chương. Chúng ta ở đây cùng học tập, sẽ cùng phân chia các chương ấy theo cách tương tự như trong kinh điển chia phần, phân nghĩa. Sắp tới, khi tôi giảng đến chỗ nào, sẽ đưa ra từng phân đoạn nhỏ và giảng giải thật rõ ràng, minh bạch để quý vị hiểu được mỗi đoạn như thế nói về những ý nghĩa gì.

Bốn câu mở đầu này là cốt yếu tổng quát của toàn bản văn. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ hai

(Giảng ngày 15 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 3, số lưu trữ: 19-012-0003)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Kinh Dịch của Trung Quốc thời cổ nói rằng: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương.*” (Nhà nào thường làm việc thiện, ắt sẽ được nhiều điều tốt đẹp. Nhà nào thường làm việc ác, ắt sẽ gặp nhiều tai ương.)

Dùng chữ “tất hữu” nghĩa là “ắt có”, là một từ ngữ khẳng định dứt khoát. Đó là nói thuyết nhân quả báo ứng nhất định đúng thật, là chân lý của thế gian. Nếu người nào làm nhiều việc thiện, tích tạo nhân đức, thì người ấy nhất định được tăng trưởng phước lành, mọi điều phước báo tự nhiên tìm đến. Nếu người nào chỉ làm toàn những việc xấu ác, thì dù cho gia đình sẵn có phước báo, ông bà cha mẹ sẵn có phước báo, được sinh ra trong nhà giàu có, nhất định rồi cũng sẽ đến lúc thân bại danh liệt, nhà tan cửa nát. Những chuyện như vậy không chỉ được ghi lại rất nhiều trong lịch sử thời xưa, mà xem trong xã hội hiện nay, dù tại Trung quốc hay ở các nước khác, chỉ cần lưu ý một chút là có thể nhận thấy ngay, chứng tỏ lời dạy của người xưa nhất định là chính xác.

Đối với ý nghĩa cảm ứng, chúng ta cần phải nhận thức, hiểu rõ về nhân duyên quả báo, khẳng định sự đúng thật của nhân duyên quả báo, lấy đó làm khuôn thước, chuẩn mực trong suốt một đời người. Được như vậy thì mỗi lúc khởi tâm suy nghĩ, nói năng hành động đều sẽ tự nhiên có sự kiềm chế, ước thúc, biết tránh dữ làm lành, dứt ác tu thiện. Đó chính là sự giáo hóa của bậc thánh hiền, đáng gọi là giáo dục.

Xét như vậy thì con người hiện nay, xã hội hiện nay có giáo dục hay không? Không hề có. Đất nước xây dựng nhiều trường học như vậy, nhưng mục đích cuối cùng là gì? Tôi còn nhớ lúc mới xuất gia, có một hôm đang quét lá ở cổng chùa Lâm Tế tại Viên Sơn. Hồi đó, khoảng sân ngoài cổng chùa lớn lắm, cây cối rất nhiều, mỗi ngày đều phải có người quét lá. Khi ấy, tôi gặp một số sinh viên trên đường lên Viên Sơn ngắm cảnh, hành vi cử chỉ thật không giống như người có học. Tôi nhìn thấy như vậy trong lòng nhiều cảm xúc, cất tiếng than rằng: “Tiếc thay, những người này chưa từng được giáo dục.”

Lúc ấy, tôi chỉ nói với một người trong nhóm mấy huynh đệ đang cùng quét lá, nhưng có ba người trong bọn họ nghe được, liền quay lại hỏi tôi: “Ông vừa nói bọn chúng tôi không được giáo dục, có phải vậy chăng?”

Tôi đáp: “Đúng, không sai. Nhìn các anh không giống những người có giáo dục.”

Người ấy cãi lại: “Chúng tôi là sinh viên năm thứ tư của trường Đại học Luật Đài Loan, sao ông dám nói chúng tôi không được giáo dục?”

Tôi nói: “Được, các anh nhận là người có giáo dục, xin hỏi các anh chữ giáo phải giảng thế nào? Chữ dục phải giảng thế nào? Hai chữ giáo dục phải giảng giải thế nào? Nhờ các anh giảng giải cho, tôi xin lắng tai nghe.”

Những người ấy không nói được gì, nhân đó cơn giận liền giảm xuống ngay. Sinh viên vào thời ấy, nhìn chung khoảng 40 năm trước, so với bây giờ không giống nhau. Họ nguôi giận rồi liền quay sang thưa hỏi, nhờ tôi chỉ dạy.

Tôi bảo họ: “Ý nghĩa của giáo dục là dạy cho chúng ta nên người, các anh đã học qua chưa? Rõ ràng là chưa. Giáo dục của Trung quốc thuở xưa, từ các triều đại Hạ, Thương, Chu cho đến tận cuối đời Thanh, tôn chỉ vẫn không hề thay

đổi. Trong việc giáo dục có ba mục đích. Thứ nhất là dạy về quan hệ giữa người với người, như hiếu thuận cha mẹ, tôn kính bậc sư trưởng, thương yêu hòa kính anh chị em, hòa ái vui vẻ với bạn bè... Đại khái là những điều như vậy. Thứ hai là dạy người hiểu rõ về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, môi trường sống. Thứ ba là dạy rõ về quan hệ giữa con người với trời đất, quỷ thần. Những điều tôi nói đó, các anh đã từng học qua chưa? Rõ ràng là chưa. Hãy nói cụ thể trong đời sống, giáo dục tiểu học đã dạy cách ứng xử khi gặp người vấy nước quét sân, các anh đã học qua chưa? Chưa từng học qua. Cho nên tôi nhìn các anh giống như những người vô học, các anh thật chưa từng được giáo dục.”

Những người ấy liền hỏi lại: “Chúng tôi hiện nay đang học ở trường đại học, nếu nói đó không phải giáo dục thì phải gọi thế nào?”

Tôi nói: “Câu hỏi của anh rất hay. Chỗ mà các anh đang theo học đó chỉ là nơi truyền dạy tri thức mà thôi. Gọi tên như vậy các anh có hiểu ra được ý nghĩa gì chẳng? Bảng hiệu trường đại học hiện nay nên gỡ xuống, phải gọi là ‘trường cao đẳng truyền dạy tri thức’. Tên gọi như vậy mới phù hợp với sự thật. Trường ấy chẳng hề giáo dục.”

Đa số người thời nay đều đã vất bỏ giáo dục, quên mất giáo dục, còn bàn luận được gì nữa? Cho nên xã hội này loạn động, đời sống người dân khốn khổ, đâu phải không duyên cớ? Xã hội ngày nay chỉ biết truyền dạy những kiến thức khoa học kỹ thuật, còn căn bản giáo dục thì vất bỏ mất rồi.

Nói về giáo dục của Phật giáo, Đại sư Thanh Liên trong sách “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện kinh luân quán” có lược nêu ba mục tiêu giáo dục của Phật giáo. Thứ nhất, dạy người dứt ác, làm thiện. Thứ hai, [dạy người] chuyển mê thành ngộ. Thứ ba, [dạy người] chuyển phàm thành thánh. Trong lúc giảng giải kinh điển tôi đều đã có đề cập qua những điều này.

Dạy người dứt ác làm thiện, đó là giúp người chắc chắn không rơi vào ba đường ác. Quý vị trong đời này cho đến đời sau, nếu có thể y theo như thế thì sẽ được phước báo trong hai cõi trời, người. Đó gọi là giáo dục.

Mục tiêu thứ hai là chuyển mê thành ngộ, nghĩa là vượt thoát sáu cõi luân hồi, chứng nhập các cảnh giới Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, tức là bốn Thánh pháp giới trong mười pháp giới [của tông Thiên Thai]. Chuyển mê thành ngộ là ngay trong cảnh giới đời sống thường nhật này không ngừng hướng thượng vươn lên. Đó là giáo dục.

Mục tiêu sau cùng là chuyển phàm thành thánh, là vượt thoát cả mười pháp giới, tâm ý sáng rõ thấy được tự tánh, thấy tự tánh rồi thành Phật. Đó là giáo dục.

Chúng ta hãy nhìn lại xem, xã hội hiện nay dạy những điều gì? Đó là dạy cho người ta khoa học kỹ thuật, dạy cho người ta những năng lực mà sau khi học xong, họ sẽ dùng chính những năng lực đó để tạo nghiệp.

Cách đây mấy ngày có vị đồng học từ Úc châu sang, trò chuyện với tôi về những phần tử tinh anh trong xã hội, những nhân tài kiệt xuất. Ông ấy chỉ ra những người nào? Là các khoa học gia. Những phần tử tinh anh, những nhân tài kiệt xuất ấy chế tạo đầu đạn nguyên tử, vũ khí hạt nhân, thật là thông minh tuyệt đỉnh! Họ tạo ra những thứ như thế để tương lai giết người, mỗi đầu đạn nguyên tử giết chết hàng mấy trăm ngàn người, mấy triệu người... Những phần tử tinh anh, những nhân tài kiệt xuất là thế. Không sai vào đâu được, họ là những kẻ có thể giết chết rất nhiều người. Họ chế tạo ra những thứ mà nhất định chỉ dùng để giết người, quả báo phải vào địa ngục Vô gián. Những nhân tài kiệt xuất ấy tương lai đi về đâu? Đi vào địa ngục Vô gián, mà là đi ngay, đi rất nhanh.

Nền giáo dục Nho gia Trung quốc, nền giáo dục của nhà

Phật, đều tuyệt đối không dạy người giỏi những việc như thế. Quý vị xem trong giới luật nhà Phật, việc chế tạo công cụ để giết hại chúng sinh như vậy đều bị xem là trọng tội sát sinh. Ngày trước chế tạo những công cụ giết hại nào? Đó là cung tên, người chế tạo nó bị xem là phạm tội rất nặng, dù mỗi lần chỉ giết chết một con vật thôi. Trong kinh Phật giảng điều này rất rõ: “Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân.” (Người chết lại làm dê, dê chết lại làm người.) Oán thù qua lại chẳng bao giờ dứt. Quý vị giết hại một con vật, món nợ nghiệp báo còn đây đưa mãi chẳng bao giờ dứt, vậy giết hại nhiều người đến thế thì sao? Phải đọa vào địa ngục thôi. Người đời thường nói: “Mãi mãi không được chuyển kiếp.” Đó là lời nói thật, chẳng phải dối.

Cho nên, tôi đã nói rất nhiều lần, vẫn phải lặp lại nhiều lần nữa là vì sao? Vì trong số quý vị không ghi nhớ hết, không nhận lãnh thể hội được ý nghĩa đó. Thế giới này vốn là đa dạng, khác biệt, nếu muốn biến nó thành đồng nhất là không thể được. Vì sao biết là không thể? Thân này của chúng ta là một vũ trụ nhỏ, môi trường, hoàn cảnh bên ngoài là một vũ trụ lớn. Vũ trụ lớn so với vũ trụ nhỏ là hoàn toàn tương đồng. Vũ trụ lớn kia phức tạp như thế nào, vũ trụ nhỏ của chúng ta cũng phức tạp như thế ấy. Nhà Phật giảng về y báo so với chánh báo tương đồng.

Thân thể này của ta cũng là đa dạng, khác biệt: con mắt khác với lỗ tai, lỗ tai chẳng giống lỗ mũi, lỗ mũi lại khác với lưỡi... Thật là đa dạng. Quý vị làm sao có thể thống nhất lại? Thân thể này của tôi, nếu cho rằng chẳng có gì cần đến, chỉ có con mắt là thiết yếu thôi, vậy có được không? Không được. Cho nên quý vị đã thấy rõ là đa dạng, nhiều phần khác biệt.

Hơn nữa, trong cái đa dạng khác biệt đó, quý vị lại nhận biết về mỗi thành phần đều là bạc nhất, không có cái thua kém. Mắt thấy là bạc nhất, tai nghe là bạc nhất, mũi ngửi cũng là bạc nhất... Thấy thấy mọi thứ đều là bạc nhất, không

có cái thua kém. Có thua kém là đối chọi ngay, nên không có thua kém. Từ điểm này mà quý vị có thể hiểu ra được trong toàn thể vũ trụ cũng vậy, muôn việc muôn pháp đều là bậc nhất, không có pháp thua kém.

Cho nên quý vị thấy rằng, khi tiếp xúc với các tôn giáo khác, tôi và các vị lãnh đạo tôn giáo khác thường nói đến bậc nhất, tất cả đều là bậc nhất. Phật giáo là bậc nhất, Cơ Đốc giáo cũng bậc nhất, Hồi giáo cũng là bậc nhất, như thế thì mọi vấn đề đều được giải quyết. Kinh Phật là bậc nhất, Thánh kinh cũng bậc nhất, kinh Koran cũng là bậc nhất, thì có bao nhiêu vấn đề cũng đều giải quyết được cả, có thể cùng sống chung vui vẻ thuận hòa. Bằng như cứ cho rằng ta là thật, người khác là giả, làm sao không đánh nhau? Đánh nhau cho đến chết đi sống lại, tạo tác tội nghiệp cực kỳ nặng nề, tạo thành vòng oán thù qua lại mãi mãi không dứt.

Cho nên đức Phật dạy rằng, mê hay ngộ, phàm hay thánh chỉ khác biệt trong một khoảng mê ngộ mà thôi. Một niệm giác ngộ liền thành Phật, Bồ Tát, thánh nhân. Giác ngộ điều gì? Đó là hiểu được các pháp đều bình đẳng, mỗi mỗi đều là bậc nhất. Quý vị mở kinh Hoa Nghiêm, tìm xem từ đầu đến cuối có pháp nào chẳng phải bậc nhất? Không thể tìm được, vì mỗi mỗi đều là bậc nhất. Trong kinh Lăng Nghiêm, quý vị đọc đến chương “Nhị thập ngũ viên thông” cũng thấy 25 vị Bồ Tát, trong đó mỗi vị đều là bậc nhất, không nói vị nào thua kém cả.

Khi đã biết rằng tất cả các pháp đều bình đẳng, mỗi mỗi đều là bậc nhất, chúng ta mới có thể tôn trọng lẫn nhau, tự nhiên khởi sinh lòng tôn trọng, kính yêu người khác. Như vậy mới có thể giải quyết được các vấn đề xã hội, mới có thể thực sự làm cho xã hội an lành ổn định, thế giới hòa bình, hết thấy chúng sinh đều bình đẳng, đều có được cuộc sống hạnh phúc tốt đẹp trọn vẹn.

Chúng ta xem trong xã hội hiện nay, các cấp lãnh đạo cũng luôn miệng nói những lời như thế, nhưng việc làm đích thực là nhiều loạn xã hội, phá hoại hòa bình. Những việc họ làm so với những gì họ nói hoàn toàn trái ngược, nguyên do nằm ở đâu? Nói thật một lời, đó là vì không được giáo dục.

Trong thời đại hiện nay, vấn đề đã phát triển đến mức cực kỳ nghiêm trọng, ấy là thế giới sắp hủy diệt. Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo thì nói đến ngày tận thế. Tận thế là lúc nào? [Họ nói] là năm 1999, tức là năm nay. Chúng ta xem như hết sức may mắn, gặp được ngay lúc này. Liệu đại nạn này có hóa giải được không? Có thể được. Đức Phật dạy rằng: “Y báo tùy trước chánh báo chuyển.” (Y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi.) Đức Phật đã dạy cho chúng ta nguyên lý chuyển đổi ấy. Những thiên tai hay tai họa con người tạo ra là y báo, lòng người là chánh báo. Chỉ cần lòng người biết dứt ác tu thiện, trừ mê khai ngộ, thì đại nạn tự nhiên có thể hóa giải.

Chúng ta giảng kinh là vì ai mà giảng? Là vì hết thầy chúng sinh trong hư không pháp giới mà giảng, là vì chư Phật, Bồ Tát mà giảng. Chúng ta vì điều gì mà niệm Phật? Tuyệt đối không thể vì riêng bản thân mình, mà là vì [muốn cho] hết thầy chúng sinh trong thế giới này được tai qua nạn khỏi. Không phải vì tự thân mình. Vì tự thân mình thì công đức hết sức nhỏ nhoi. Vì hết thầy chúng sinh thì công đức hết sức lớn lao.

Trong pháp Phật thường nói đến việc tích lũy công đức, đó không phải nói sự tướng bên ngoài, mà là nói trong tâm thức, tâm lượng phải lớn lao. Sao gọi là tâm lượng lớn lao? Mỗi một ý niệm đều vì xã hội, vì tất cả chúng sinh, tâm lượng như thế là lớn lao. Mỗi một ý niệm đều chỉ vì tự thân mình, vì gia đình của riêng mình, vì đoàn thể của riêng mình, vì đạo trường nhỏ nhoi của riêng mình, công đức như vậy hết sức nhỏ nhoi. Đó chính là ý nghĩa lời Phật dạy: “Y báo tùy nơi chánh báo mà thay đổi.”

Chánh báo là gì? Chánh báo là tâm thức. Hết thấy muôn pháp đều do tâm hiển lộ, do thức biến chuyển. Cho nên tâm có thể thay đổi cảnh giới bên ngoài, thay đổi muôn pháp.

Học Phật là từ đâu mà học? Là học từ tâm Phật, tâm Bồ Tát, học từ chỗ tri kiến của Phật, Bồ Tát, học từ công hạnh, việc làm của Phật, Bồ Tát. Trong đó, điều quan trọng thiết yếu nhất là tâm nguyện. Tâm Phật, Bồ Tát là tâm thế nào? Nguyện của Phật, Bồ Tát là những nguyện gì? [Thấu hiểu được những điều] đó là căn bản. Căn bản đã chính xác thì không gì khác là không chính xác.

Cảm ứng thiên là bản văn làm ra từ chỗ lập tâm phát nguyện của bậc thánh hiền, đi thẳng vào thực tế đời sống ứng xử, đối đãi với con người, tiếp xúc với muôn vật. Bậc cổ đức dạy rằng, công dụng của bản văn này có thể làm thang bậc đi lên vượt thoát phàm phu, nhập vào cảnh giới bậc thánh, là then chốt cốt yếu giúp chuyển họa thành phúc.

Tại Trung quốc, trải qua các triều đại trong quá khứ đều có rất nhiều người y theo bản văn này tu tập, đều cảm ứng được quả báo hết sức thù thắng. *Cảm ứng thiên vị biên* (trong sách này sẽ gọi tắt là *Vị biên*) dẫn ra rất nhiều những chuyện như vậy. Chúng ta hôm nay nhắc lại, đều đã là chuyện xưa. Những chuyện ngày xưa như vâng làm theo Cảm ứng thiên được quả báo tốt lành, tạo nghiệp xấu ác nhận lãnh quả báo xấu ác, được thu thập vào trong sách ấy, có thể nói là hết sức phong phú, chúng ta đều đã xem qua.

Nhưng trong thực tế, việc thu thập chuyện xưa như vậy cũng hết sức hạn chế, trong khi những sự tích cảm ứng thì nhiều vô kể. Chúng ta chỉ cần lưu tâm quan sát một chút là thấy ngay những điều đó trong mọi hoàn cảnh quanh ta. Chúng ta sao có thể không tin nhận? Sao có thể không vâng làm theo?

Đại sư Ấn Quang chọn bản văn này làm cơ sở tu tập pháp môn Tịnh độ là rất có ý nghĩa. Người nào có thể thực sự làm theo lời dạy trong Cảm ứng thiên thì khi niệm Phật cầu sinh Tịnh độ nhất định nắm chắc kết quả. Bằng như mọi việc làm đều trái ngược với lời dạy trong Cảm ứng thiên thì dù có niệm Phật cũng không thể vãng sinh.

Cho nên, Tổ Ấn Quang một đời hết sức đề cao bản văn này, đó chính là trí tuệ cao minh, là tâm đại từ đại bi của ngài. Chúng ta cần phải biết được điều đó, tôn trọng điều đó, phải cảm niệm ân đức của ngài, y theo lời dạy mà thực hành, đó mới thật là báo đáp.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ ba

(Giảng ngày 22 tháng 5 năm 1999 tại Tỉnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 4, số lưu trữ: 19-012-0004)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Trong xã hội Trung Quốc xưa nay, Thái Thượng Cảm ứng thiên là bản văn luôn được mọi người hết sức tôn trọng. Rất nhiều người y theo phương pháp trong bản văn này tu tập, sự cảm ứng đạt được không thể nghĩ bàn. Sách Vị biên đã sưu tập rất nhiều những chuyện tích cảm ứng như vậy, hiển bày hết sức rõ ràng những công năng hiệu quả của sự tu tập. Người xưa khuyên dạy rằng, tâm địa con người cốt yếu phải chân thật tử tế.

Có một lần tôi đến Úc châu, nhưng thời gian chỉ được bốn ngày. Dù thế, các vị đồng học ở đó cũng không muốn bỏ qua cơ hội nên yêu cầu tôi trong bốn ngày ấy đem đại ý sách Liễu Phàm tứ huấn giới thiệu với mọi người.

Về ý nghĩa cảm ứng, phần mở đầu đã nói rất rõ qua việc trích dẫn Kinh Dịch: “Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương.” (Nhà nào thường làm việc thiện, ắt sẽ được nhiều điều tốt đẹp. Nhà nào thường làm việc ác, ắt sẽ gặp nhiều tai ương.) Giữ tâm chân thật tốt đẹp nhất định ngày sau được hưởng phúc. Tâm ý khắc nghiệt khinh bạc thì cho dù trước mắt hoàn cảnh hết sức tốt đẹp thịnh vượng, không bao lâu ắt cũng phải suy thoái. Thực tế cũng như lý luận này, từ xưa đến nay, từ gần đến xa, chỉ cần lưu tâm quan sát thì ai ai cũng thấy được, mà còn thấy hết sức rõ ràng. Cho nên, dù là cá nhân hay gia đình, đoàn thể hay quốc gia, cần phải hiểu rõ rằng sự hưng vượng là hoàn toàn do giữ tâm tốt đẹp chân thật, dứt ác tu thiện. Vì thế,

người xưa nói rằng, nếu ai thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa đó thì nên đem bản văn Cảm ứng thiên này truyền bá lưu hành rộng khắp.

Chúng ta nên học làm theo Tổ Ấn Quang. Trong suốt một đời ngài đã mang hết tâm ý, sức lực lo việc truyền bá lưu hành Cảm ứng thiên, cùng với các sách Liễu Phàm tứ huấn và An Sĩ toàn thư. Ba bộ sách này ngài đã in ấn lưu hành với số lượng vượt xa hơn so với kinh luận trong Phật pháp. Ngài làm như thế là có dụng ý gì? Thật không gì khác hơn là muốn cứu vãn kiếp nạn hiện nay của thế gian này.

Kiếp nạn này thật hết sức nghiêm trọng, chúng ta cần phải nhận biết cho thật rõ ràng. Kiếp nạn do đâu mà thành? Đều do tâm địa, hành vi của con người mà thành. Do tâm địa, hành vi bất thiện nên tạo thành kiếp nạn, đúng như lời Phật dạy: “Y báo tùy trước chánh báo chuyển.” (Y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi.) Y báo là hoàn cảnh sống quanh ta. Chánh báo là tâm địa, hành vi của con người. Tâm hiền thiện thì hoàn cảnh sống tự nhiên cũng được tốt lành. Tâm bất thiện thì hoàn cảnh cũng chuyển thành xấu ác, kém cõi.

Cho nên, bản văn Cảm ứng thiên này nhất thiết phải đọc thật kỹ, suy ngẫm thật sâu xa, gắng sức vâng làm theo. Ngay trong đời sống hằng ngày, mỗi khi khởi tâm động niệm, nói năng hành động, đều phải suy xét xem có phù hợp với lời dạy trong Cảm ứng thiên hay không. Nếu là phù hợp thì đó là điều có thể nghĩ, có thể nói, có thể làm. Nếu không phù hợp thì nhất định là không thể. Trước hết phải đọc cho thật kỹ và thường xuyên suy ngẫm về nghĩa lý trong sách. Đọc kỹ, nghĩ sâu, gắng sức vâng làm, thì tương lai của quý vị sẽ vô cùng xán lạn.

Con đường học Phật của tôi, đến năm 26 tuổi mới được tiếp xúc với Phật pháp. Rất nhiều vị đồng tu đều biết rõ, bản thân tôi không có phước báo, cũng không có thọ mạng lâu

dài. Đã có nhiều người xem tướng số, hầu hết đều đoán rằng tôi sống không qua tuổi 45. Tôi tin điều đó, vì trong gia tộc nhà tôi đa số đều sống không quá 45 tuổi.

Không có phước báo, hẳn vì trong đời quá khứ không tu phước. Cũng may là tuy tôi kém cỏi nhưng vẫn có được một chút căn lành, vẫn có được một chút trí tuệ sáng suốt để có thể tiếp nhận pháp lành. Năm ấy, lão cư sĩ Chu Kính Trụ mang hai quyển sách Liễu Phàm tứ huấn và Cảm ứng thiên đưa cho tôi xem. Tôi đọc qua rồi cảm nhận sâu sắc, xúc động trong lòng, tự biết được những thói hư tật xấu của mình, liền tự sửa lỗi, tự làm trong sạch tâm ý, học theo các hạnh nhẫn nhục, nhún nhường. Hiện nay tôi có thêm được chút tuổi thọ, thêm chút phước báo, đều không phải do nơi đời trước, chính là nhờ sự tu tập trong đời này, nên phải nói thật ra là nhờ sức giáo huấn khuyến răn của Tổ Ấn Quang.

Ba quyển sách Liễu Phàm tứ huấn, An Sĩ toàn thư và Cảm ứng thiên tôi đều đã giảng qua rất nhiều lần. Có lần, các vị đồng tu thỉnh tôi giảng lại. Tôi nói, tốt lắm, hiện nay là lúc rất thích hợp. Mọi người bây giờ học Phật, công phu tu tập không hiệu quả, niệm Phật không đạt nhất tâm, tham thiền không vào cảnh định, nghiên cứu Giáo pháp không hiểu thấu suốt, nguyên nhân do đâu? Cần phải tìm ra nguyên nhân ấy, dứt trừ cho được, thì dù tu tập pháp môn nào cũng đều sẽ đạt kết quả. Đặc biệt là trong thế gian hiện nay, mỗi một khu vực trên khắp thế giới này đều thường xảy ra tai nạn, mỗi năm một nhiều hơn, mỗi lần một nghiêm trọng hơn. Chúng ta cần phải lưu tâm tỉnh giác.

Tháng trước, có một đồng tu ở Úc châu mang cho tôi ba quyển sách khổ lớn, nói về những lời tiên tri thời cổ của phương Tây. Tôi bỏ ra hai tuần đọc qua hết, thực sự thấu hiểu rất rõ ràng. Trước đây tôi cũng từng xem qua một số bản, nhưng chỉ là các bản trích dẫn, không hoàn chỉnh, nên xem qua không hiểu rõ được. Cũng có thể do bản thân tôi

chưa đủ công phu tu tập nên không hiểu. Nay được xem toàn văn nguyên bản nên tôi hiểu ra.

Ông Nostradamus (Nặc-tra Đan-mã-tư), người phương Tây, là một nhà tiên tri lớn được cả thế giới biết tiếng. Trong thực tế, nếu so sánh với nội dung sách Liễu Phàm tứ huấn thì ông này cũng giống như nhân vật Khổng tiên sinh. Đối với những thay đổi trong tương lai của xã hội, ổn định hay rối loạn, ông đoán trước được hết sức chính xác, chỉ là không hề có biện pháp hóa giải. Trong sách Liễu Phàm tứ huấn, Khổng tiên sinh cũng đoán vận mệnh tương lai của Viên Liễu Phàm cực kỳ chính xác, nhưng chẳng đưa ra được biện pháp gì để thay đổi. Tiên sinh Liễu Phàm thật hết sức may mắn mới gặp được thiên sư Vân Cốc, dạy cho ông biết rằng mạng số do chính mình tạo ra, nên đương nhiên là tự mình có thể sửa đổi. Đó gọi là chuyển đổi số mạng. Và ông đã chuyển đổi thành công.

Tại Trung Quốc, trải qua các triều đại, những người giống như tiên sinh Liễu Phàm nhiều vô kể. Khi quý vị thấu hiểu được ý nghĩa, thấu hiểu được phương pháp, quý vị cũng có thể chuyển đổi số mạng, tạo ra vận mạng của chính mình, tương lai hoàn toàn xán lạn.

Thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa này là khó, chẳng phải việc dễ dàng, mà thấu triệt phương pháp [chuyển đổi số mạng] cũng không dễ dàng. Cho nên, nhất định phải hướng thượng nỗ lực học tập.

Ý nghĩa [chuyển đổi số mạng] là cực kỳ sâu xa. Chúng ta tại Singapore này có cơ hội dành nhiều thời gian giảng kỹ các bộ kinh lớn, qua đó đã giảng rõ với quý vị ý nghĩa này rồi. Nhưng nghe qua một lần, hai lần, ba lần, quý vị liệu có thực sự thấu hiểu rõ ràng chẳng? Cũng chưa chắc. Nếu nghe qua một lần, hai lần, ba lần... có khi quý vị còn chưa gây dựng được lòng tin vững chắc, huống hồ là thấu hiểu rõ ràng?

Thật may là kinh Hoa Nghiêm có nội dung rất dài, theo tiến độ giảng giải hiện nay, tôi dự tính phải giảng đến 15 năm. Nếu có đủ nhân duyên làm được như vậy, trong 15 năm đến đây huân tu, tôi tin rằng sẽ có rất nhiều người được khai ngộ. Nếu không có thời gian dài như thế thì không làm được. Nếu không thể đến đây trực tiếp nghe giảng kinh, thì bắt buộc dĩ mới phải dùng đến phương cách kém hơn là nghe qua băng ghi âm, xem băng ghi hình, hoặc xem qua mạng Internet. Đó đều là những phương thức kém hơn, bắt buộc dĩ phải dùng đến. Ví như mỗi ngày đều có thể đến đây huân tập không gián đoạn, chỉ mong gây dựng được lòng tin vững chắc, cũng phải mất đến năm ba năm công phu mới có thể đạt được.

Con người ngày nay so với thời xưa không giống nhau. Người xưa tâm an định lại hết sức chân thật, tử tế. Người thời nay tâm tánh khác nghiệt, khinh bạc, xốc nổi, nóng nảy, nếu không trải qua năm ba năm ắt không thể gây dựng được lòng tin vững chắc. Lại phải đến tám năm, mười năm mới thực sự hiểu ra, mới thực sự khế nhập [được nghĩa lý]. Bản thân tôi là một trường hợp có thể lấy làm ví dụ. Bình sinh tôi luôn giữ tâm ý bình tĩnh, điều này so với nhiều người có thể xem là ưu điểm. Tôi không có lòng tham muốn, đối với người khác không tranh giành, trong đời sống cũng không mong cầu gì, do đó tâm ý so ra có phần điềm tĩnh. Những điều này đối với sự tu học hết sức hữu ích.

Nếu trong lòng quý vị không được bình tĩnh, lại xốc nổi, nóng nảy, rất nhiều tham dục, muốn tranh giành danh lợi, mưu toan chạy theo năm món dục trong sáu trần cảnh, như vậy là chướng ngại rất lớn cho sự tu tập. Những điều như thế chỉ tạo thêm nghiệp tội, cho nên công phu tu tập của quý vị không đạt kết quả. Ý nghĩa chính là ở chỗ này.

Mỗi người tu hành là một người được hưởng phước lành. Người trong một nhà cùng tu hành, cả nhà được hưởng phước lành. Người trong một địa phương cùng nhau tu hành, cả địa

phương ấy được tiêu trừ hết thủy tai nạn. Vùng đất Singapore này cũng không lớn lắm. Tôi ở đây giảng kinh trước sau đã được 12 năm. Vì sao các địa phương khác cũng dành thời gian tu tập mười mấy năm như vậy lại không thấy hiệu quả, còn ở đây chúng ta đã thấy được đôi chút hiệu quả? Nguyên nhân là nhờ nền giáo dục ở Singapore không giống như giáo dục ở các nơi khác. Người dân ở đây hết sức chân thật, tuân thủ luật pháp, sống có khuôn phép. Cho nên, sau khi được nghe pháp Phật, họ thực sự suy ngẫm, hiểu được rồi thực hành theo, qua đó nhận biết được việc thực hành như vậy là tốt đẹp, lại càng nỗ lực thực hành. Khi đã có nhiều người thực hành pháp Phật, liền hình thành phong khí tốt đẹp của cả địa phương. Một quốc gia hết sức nhỏ bé, đa phần thành thị, lại có thể được mọi người trên khắp thế giới tôn trọng, kính nể, tất nhiên phải có nguyên do. Có thể thấy được, nguyên do đó chính là ở nơi giáo dục.

Có người bảo tôi, tiên sinh Lý Quang Diệu từng nói rằng ông ấy được giáo dục bằng Anh ngữ, nếu như ông ấy được giáo dục bằng Hoa ngữ thì nền chính trị Singapore hiện nay hẳn đã tốt đẹp hơn gấp nhiều lần. [Có thể nói được như thế quả] là trí tuệ chân thật, quả là người từng trải.

Nền giáo dục Hoa ngữ dạy người ta những gì? Chúng ta cần phải hiểu rõ, tôn chỉ giáo dục ở Trung quốc từ thời Tam đại, gồm ba triều đại Hạ, Thương, Chu, cho đến những năm cuối triều Thanh vẫn không hề thay đổi. Tôn chỉ ấy chỉ gồm ba điều. Thứ nhất, dạy về quan hệ giữa người với người, đạo làm người phải như thế nào. Thứ hai, dạy về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, môi trường. Thứ ba, dạy về mối quan hệ giữa con người với trời đất, quỷ thần siêu nhiên. Người học nếu có thể thông đạt rõ ràng được mối quan hệ này thì trở thành thánh nhân.

Giáo dục của nhà Phật cũng có ba điều. Bất kể là Đại thừa hay Tiểu thừa, bất kể là thuộc tông phái nào, việc giáo

dục vẫn phải theo ba tôn chỉ. Thứ nhất là dứt ác, làm thiện. Xét trong Phật pháp của Ngũ thừa thì đây là pháp dành cho hàng trời người, giúp không bị đọa vào ba đường ác. Thứ hai là chuyển mê thành ngộ, giúp vượt thoát sáu đường luân hồi, vượt thoát ra ngoài ba cõi, thành A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ Tát, Phật. Thứ ba là chuyển phàm thành thánh, vượt thoát cả mười pháp giới, như trong kinh Hoa Nghiêm giảng là Pháp thân Đại sĩ.

Nếu chúng ta không nắm chắc được những điểm cốt yếu như trên của sự học, vậy thì học cái gì?

[Hãy lấy một ví dụ, chúng ta] phải thực sự sáng suốt rõ ràng hiểu được ý nghĩa tri ân [thì mới có thể] báo ân. Người thế gian không hiểu được thế nào là ân, vậy thì báo ân gì? Trong Phật pháp Đại thừa, tri ân và báo ân là pháp tu tập của hàng Bồ Tát Nhị địa. Quý vị thử nghĩ xem, địa vị tu chúng như thế đã cao siêu đến đâu? Bồ Tát Nhị địa tổng cộng tu học tám khoa mục, tri ân báo ân là một trong số đó. Mỗi một ý niệm đều không quên việc hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự bậc sư trưởng. Hai điều ấy là căn bản, tiếp theo mới từ đó mà phát triển lớn rộng, ý nghĩa sáng tỏ hơn, [trở thành] hiếu thuận hết thảy chúng sinh, phụng sự hết thảy chúng sinh.

Trong kinh Phạm Võng, còn gọi là Giới kinh, dạy rằng: “Hết thảy nam giới đều [từng] là cha ta; hết thảy nữ giới đều [từng] là mẹ ta.” Đó là đem ý nghĩa báo ân phát huy đến mức cùng cực.

Ngày nay tôi thường tiếp xúc với rất nhiều người khác biệt tôn giáo, khác biệt chủng tộc, tôi đối với họ vẫn luôn thương yêu chân thành, đem lòng vô tư bố thí, cúng dường vô điều kiện. Có nhiều người thấy vậy lấy làm lạ, hỏi tôi: “Pháp sư, vì sao ông lại làm như thế?” Tôi nói, đó là tôi vận dụng lời dạy của kinh Hoa Nghiêm trong thực tế. Chúng ta đã hiểu rõ ý nghĩa hết thảy chúng sinh trong hư không pháp giới đều

là pháp thân thanh tịnh của chính mình, sao có thể không thương yêu bảo vệ, sao có thể không quan tâm chăm sóc, sao có thể không cúng dường, nuôi dưỡng?

Nếu mọi người hiểu rõ được ý nghĩa này, mọi người đều thực hiện theo phương pháp này, thì dù thiên tai hay tai họa do con người cũng đều không còn nữa. Đó gọi là pháp Phật. Pháp Phật ở giữa thế gian, nhưng có mấy người thực sự thấu hiểu được pháp Phật?

Chúng ta đã học được những lời khuyên dạy này, nhất định phải đưa vào trong đời sống hằng ngày, phải chuyển biến thành suy nghĩ, chuyển biến thành hành vi, như vậy mới có được lợi ích chân thật.

Cho nên, bản văn Cảm ứng thiên này nhất định phải học qua, nhất định phải nỗ lực tu tập làm theo. Sách Vị biên sưu tập những chuyện tích và kết quả thực hành, những nhân duyên chuyện cũ hết sức phong phú, không thể mang ra giới thiệu từng chuyện, từng chuyện một, vì sẽ mất rất nhiều thời gian. Ở đây tôi chỉ muốn nhắc nhở các vị đồng tu, phải hết sức nỗ lực tụng đọc, gìn giữ làm theo Cảm ứng thiên, như vậy mới thực sự là tự cứu lấy mình.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi. Như vậy là vẫn chưa giảng phân chánh văn, ngày mai chúng ta sẽ giảng đến.

Bài giảng thứ tư

(Giảng ngày 23 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 5, số lưu trữ: 19-012-0005)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Ý nghĩa cảm ứng hết sức sâu xa, chuyện tích cảm ứng vô cùng rộng khắp, người xưa khuyên bảo khuyến khích đã nhiều, thương yêu bảo bọc hết mức. Sách xưa dạy rằng, lòng tin sâu vững là nhân tố thành tựu cao trở nhất trong tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, nhất là với các pháp lành. Dù là kẻ mong cầu hạnh phúc mỹ mãn ngay trong đời này, hoặc là người học Phật phát nguyện vãng sinh Tịnh độ, thân cận Phật A-di-đà, tất cả đều do nơi lòng tin sâu vững.

Đặc biệt, phải luôn luôn tỉnh giác, kinh Phật thường dạy: “Thế gian vô thường, cõi này nguy khốn mong manh”, mạng sống con người hết sức ngắn ngủi, một hơi thở dừng đã sang đời khác. Cho nên, một niệm phát khởi niềm tin là một niệm có căn lành. Mỗi niệm đều giữ được niềm tin sâu vững thì mỗi niệm đều có căn lành tăng trưởng. Mọi người phải kịp thời nỗ lực, nhất định không được lãn lười chờ đợi. Ví như cứ nghĩ rằng [hãy đợi đấy] còn có ngày mai, còn có năm sau... thì người như vậy chỉ hoang phí thời gian, luống qua một đời chẳng làm được gì, đến lúc lìa đời hối tiếc không kịp nữa.

Cho nên, điều thiết yếu là phải gây dựng lòng tin sâu vững, phải tinh tấn chuyên cần, nỗ lực. Các bậc đại đức, thầy tổ trong Phật giáo, bất kể là tông phái nào, dù là Hiển giáo hay Mật giáo, cũng đều dạy chúng ta phải bắt đầu tu tập từ căn bản. Điều gì là căn bản? Tâm là căn bản.

Trong phép [ứng xử] ở thế gian, Quán Trọng ngày xưa từng nói: “Vui vẻ tiếp đón người khác thì tình thân như anh

em.” Lời này thật có ý nghĩa. Đem lòng giận tức mà tiếp đón người ắt phải xung đột tàn hại lẫn nhau.

Cho nên, trong nhà Phật dạy chúng ta phải biết tươi cười khi tiếp xúc với người khác. Quý vị thử xem qua trong [đa số] những nơi chùa chiền [ở Trung quốc] thì kiến trúc đầu tiên là điện Thiên Vương. Trong điện ấy thờ Bồ Tát Di-lặc. Tượng Bồ Tát Di-lặc chính là tạc theo Hòa thượng Bồ Đai. Điều này [có ý nghĩa] dạy chúng ta phải tu dưỡng tâm ý. Tâm ý phải rộng lượng, bao dung, khoan thứ, phải thấu hiểu việc đem lòng hoan hỷ đối với tất cả chúng sinh, đối với hết thảy mọi người. Đó là điều trước tiên phải học trong Phật pháp.

Sự thành tựu của mỗi người chính là do nơi đức hạnh. Đức hạnh là học vấn chân thật, là sự vận dụng trí tuệ chân thật vào thực tế. Khổng tử chỉ là một người thường dân như đa số mọi người, không có địa vị, cũng không giàu có, làm sao có thể đạt được sự thành tựu đặc biệt cao trỗi như vậy? Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tuy xuất thân từ dòng dõi đế vương, nhưng ngài đã buông bỏ hết, địa vị, tiền tài đều buông bỏ hết, chỉ sống cuộc đời như một người dân bình thường nhất. Vậy mà sự thành tựu của ngài thế nào? Trong thực tế, đó là một tấm lòng thương yêu bình đẳng, thanh tịnh, thương yêu bảo bọc hết thảy chúng sinh.

Chúng ta trải qua quá trình tu học gần 50 năm, tổng kết những lời dạy của Phật, Bồ Tát, từ đó đưa ra một đường hướng tu tập. Chúng ta mỗi lúc khởi tâm động niệm, nói năng hành động, đều không sai lệch ra ngoài đường hướng tu tập đó. Vâng làm theo đúng lời Phật dạy, tự nhiên sẽ có sự thành tựu. Như bản thân tôi, một đời tu học chưa từng có chút dối gian ẩn khuất, tất cả đều phụng hiến cho mọi người.

Trong việc tu tâm, trước hết phải tu tâm chân thành, đừng sợ người khác đối trá với mình. Phải một lòng đem tâm chân thành đối đãi với người. Cần phải hiểu rằng, người kia

đem lòng gian dối đối đãi với ta cũng là lẽ đương nhiên. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với chân tướng sự thật chưa thấu hiểu, không biết rằng hết thảy chúng sinh trong hư không pháp giới đều cùng một duyên khởi, cũng không thấu triệt được toàn thể hư không pháp giới đều từ một niệm nơi tự tánh biến hiện ra. Cho nên, người như thế nếu đem tâm không thành thật đối đãi với người khác, tiếp xúc với muôn vật, cũng là lẽ đương nhiên.

Chư Phật, Bồ Tát sáng suốt rõ ràng. Chúng ta tiếp nhận pháp Phật, qua gần 50 năm huân tu đào luyện, chúng ta cũng phải sáng suốt rõ ràng. Đã hiểu biết sáng suốt rõ ràng rồi, lại đem tâm dối trá đối đãi với người khác thì đó là tội lỗi. Kẻ ngu muội thì không sao, nhưng với người đã sáng suốt hiểu rõ thì không thể được.

Hãy tu dưỡng tâm chân thành, thanh tịnh của chính mình. Tâm thanh tịnh là buông xả hết thảy vướng mắc, dứt bỏ thị phi nhân ngã. Những tâm niệm như thế đều dứt bật, không còn sinh khởi trở lại trong tâm. Được như vậy thì tâm quý vị sẽ được thanh tịnh.

Hãy tu dưỡng tâm bình đẳng của chính mình. Đó là lia bỏ hết thảy vọng tưởng phân biệt, lia bỏ hết thảy thị phi, cao thấp... trong tâm liền tự nhiên bình đẳng.

Tâm thanh tịnh bình đẳng chính là tâm chân thành, cũng chính là tâm giác ngộ. Dùng tâm ấy mà nhìn tất cả chúng sinh, quán sát hết thảy muôn vật, thì lòng thương yêu tự nhiên trôi chảy hiện ra. Cho nên, ngay trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ cũng đã vì chúng ta mà nêu đường hướng tu hành, gồm trong 5 chữ: “thanh tịnh bình đẳng giác”. Pháp môn Tịnh độ từ nơi thanh tịnh, bình đẳng mà khởi sự tu tập. Thanh tịnh bình đẳng là giác ngộ, giác ngộ là chân thành, giác ngộ cũng là từ bi. Đó là tu dưỡng tâm.

Trong từng giây phút đều quan tâm lo nghĩ đến tất cả chúng sinh, nhất là những chúng sinh đang gặp khổ nạn. Phạm vi khổ nạn thì rất sâu rộng. Trong xã hội ngày nay, những người có địa vị, giàu có, cũng vẫn chịu khổ nạn. Điều này người thế gian thường vô tâm không nhận biết. Những người ấy khổ nạn ở chỗ nào? Ấy là sau khi chết phải đọa vào ba đường ác. Như vậy chẳng khổ được sao, không gặp nạn được sao? Những người ấy si mê năm món dục trong sáu trần cảnh, không thể tự mình giác ngộ. Họ học Phật, nhưng trong thực tế là đến với Phật pháp để tiêu khiển, đùa cợt với pháp Phật, thật không có chút hiểu biết gì về pháp Phật. Họ không có duyên phần được nghe kinh điển, nghiên cứu giáo lý. Duyên phần của họ là mê đắm trong sự hoan lạc của thế gian. Người đời nhìn thấy cho rằng cuộc sống của họ rất hạnh phúc nên ít nhiều khao khát ngưỡng mộ, đều là sai lầm. Sự hoan lạc có thể kéo dài được bao lâu? Một khi qua rồi thì phải lưu lạc vào trong ba đường ác. Điều này chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy rõ ràng, biết là khổ nạn của chúng sinh.

Cho nên, chúng sinh khổ nạn không thấy biết được. Đối với sự khổ đói cơm rách áo ngay trước mắt thì hết sức rõ ràng, ai cũng thấy biết. Nhưng với sự khổ của những kẻ giàu sang phú quý không biết học Phật, không hiểu việc tu tâm, trong chớp mắt phải đọa vào ba đường ác thì không thấy được, nên mọi người chúng ta thường bỏ qua không lưu tâm đến.

Có rất nhiều người hiện tại nghèo khó, hèn kém, nhưng từ sớm đến tối chỉ biết niệm Phật. Hãy mở to mắt ra mà xem, họ tu tập như vậy qua mấy năm nữa thì vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, thành Phật, thành Bồ Tát, không chút khổ nạn. Có thể nói là người đời điên đảo, chỉ thấy được chuyện trước mắt, không thấy được sâu xa lâu dài. Ví như chúng ta không được học Phật, không trải qua nhiều năm tu dưỡng thì cũng không thể biết, đâu nghĩ đến có những việc như thế?

Cho nên, các bậc thánh hiền trong thế gian hay xuất thế gian, chư Phật, Bồ Tát, thầy đều đồng nhất một tâm từ bi. Nhà Phật thường dạy: “Từ bi vi bản, phương tiện vi môn” (Từ bi là căn bản, phương tiện là cửa vào), chính là nói việc mang tâm từ bi này, dùng phương tiện thiện xảo đưa vào đời sống, đưa vào thực tế xử sự, đối đãi với con người, tiếp xúc với muôn vật, nhằm chuyển hóa người khác.

Dùng việc làm của chính mình để chuyển hóa người khác thì phải dựa trên các phẩm tính chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, tâm từ bi. Người như vậy thành tựu sự nghiệp của bậc thánh hiền, vượt thoát cõi phàm, nhập vào cõi thánh. Cho nên, vị ấy thờ cha mẹ có thể tận hiếu, tiếp xúc muôn vật có thể giữ được lòng nhân; nhân đức với mọi người, thương yêu muôn vật; gặp việc lành liền sinh tâm hoan hỷ, thành tựu điều tốt đẹp cho người khác; gặp việc xấu ác có thể nhẫn chịu. Quý vị quan sát kỹ sẽ thấy người như thế chỉ một niệm chân thành, một lòng hòa khí. Cho nên, phước đức của những người như thế lớn lao không thể suy lường.

Nhìn nơi đức Thế Tôn, Khổng tử, quý vị có thể thấy được những bậc thánh như vậy. Khổng tử suốt một đời, trong việc xử thế, đối đãi với người khác luôn giữ theo một mực ôn hòa, lương thiện, cung kính, khiêm ước, nhún nhường. Chúng ta đọc sách, tu hành, nên biết chính đức Thế Tôn và Khổng tử là những khuôn mẫu lý tưởng để ta noi theo.

Phật pháp không phải tôn giáo. Phật pháp là đạo dạy người. Nói cách khác, đức Phật Thích-ca và Khổng tử đều là những khuôn mẫu tốt nhất để ta noi theo. Hai bậc thánh ấy, nói theo ngôn ngữ hiện đại thì chính là những người làm công tác giáo dục xã hội, được người đời tôn xưng là các nhà hoạt động giáo dục xã hội. Chúng ta là đệ tử của các bậc thánh như thế, phải noi gương các ngài mà học tập, bắt chước theo việc làm của các ngài.

Đại sư Ấn Quang đặc biệt giới thiệu sách này, giúp chúng ta có được một điểm khởi đầu, chính là điều mà trong Phật pháp gọi là phương tiện khéo léo, là phương tiện trước nhất.

Chúng ta hãy xem qua những câu đầu tiên trong Cảm ứng thiên:

*Họa, phước không cửa vào,
Đều do người tự chuốc.
Việc báo ứng thiện, ác,
Như bóng luôn theo hình.*

*(Họa phúc vô môn,
Duy nhân tự chiêu.
Thiện ác chi báo,
Như ảnh tùy hình.)*

Bốn câu này là cốt yếu tổng quát của Cảm ứng thiên. Trong thực tế, toàn bộ bản văn đều nhằm giảng giải, làm rõ ý nghĩa của bốn câu này. Trong đó, hai câu trước là chủ yếu, hai câu sau giúp rõ ý hơn.

Hai câu chủ yếu này, nếu quý vị tham học được thấu triệt thì có thể tránh điều tai họa, chiêu cảm điều lành, thành bậc thánh hiền, thành Phật thành Tổ.

Họa phước từ đâu mà đến? Chính do ta tạo ra, chính ta tự làm tự chịu. Đó là nguyên lý căn bản của cảm ứng. Pháp Phật dạy rằng: “Phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc” (Trừ si mê mở ra giác ngộ, lìa khổ não ắt được an vui), chẳng phải cũng giống như hai câu đang bàn ở đây đó sao? Mê và ngộ là tác nhân chiêu cảm, khổ với vui là đối tượng được chiêu cảm; trí tuệ giác ngộ với an vui là phước, si mê với khổ não là họa. Đây là phần tôn chỉ chủ yếu, nêu khái quát về sự tu dưỡng tâm địa của bậc thánh hiền.

Nếu như chúng ta muốn cầu phước, tránh họa, liệu có được chăng? Việc cầu xin Phật, Bồ Tát hay các vị thần thánh

bảo vệ, giúp đỡ, hoặc xóa bỏ, miễn tội cho mình đều là mê tín, đều không phù hợp với nguyên lý cảm ứng. Nếu tham học thấu triệt được hai câu vừa nêu, quý vị sẽ chẳng bao giờ cầu khẩn thần thánh bảo vệ, giúp đỡ nữa. Quý vị hiểu ra được điều gì? Hiểu ra rằng việc đó là mê tín.

“Họa, phước không của vào, đều do người tự chuốc.” Điều do chính mình tạo ra cả. Tự mình tu thiện, tự mình quay đầu hướng thiện thì nhận được phước lành. Tự mình làm ác, không thể quay đầu hướng thiện thì phải chịu tai họa. Người khác không liên can đến. Chúng ta phải thấu rõ được lý lẽ này. Đó là chân lý.

Cho nên, trong kinh điển Đại thừa đức Phật thường dạy: “Phật không cứu độ chúng sinh.” Đó là lời rất chân thật. Chúng sinh làm sao có thể cứu độ? Chúng sinh tự mình giác ngộ, tự mình độ thoát. Quý vị tự mình hiểu ra pháp Phật, tự mình tu tập, tự mình giải thoát. Lời Phật dạy là hết sức chân thật.

Tự mình hiểu ra, tự mình tu tập, tự mình giải thoát, như thế chẳng phải là “đều do người tự chuốc” đó sao? Việc đọa vào ba đường ác, đọa vào địa ngục, đều không do người khác can thiệp vào, chỉ do tự mình tạo nghiệp xấu ác, tự chuốc lấy quả báo xấu ác, sao có thể trách người?

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát đối với chúng ta, tuy hết sức từ bi thương xót, cũng không thể ban cho ta chút phước lành nào, cũng không thể thay ta chịu tội báo, không thể miễn trừ tội lỗi cho ta. Thực sự là không thể làm được. Ví như Phật, Bồ Tát dạy [rằng có thể làm được] như thế, hẳn chúng ta sẽ không tin tưởng các ngài.

Như vậy, chư Phật, Bồ Tát dạy [thế nào]? Ngày nay được hưởng phước lành, phước ấy từ đâu mà đến? Ngày nay chịu tội báo, tội ấy từ đâu mà đến? [Thực tế,] các ngài đem chân tướng sự thật ấy giải thích sáng tỏ, đem ý nghĩa ấy giảng dạy

hết sức rõ ràng cho chúng ta, giúp ta nhận hiểu được sáng suốt, không còn tiếp tục tạo nghiệp xấu ác, tai họa liền tránh xa. Chúng ta nỗ lực làm việc lành, phước báo liền đến ngay trong hiện tại.

Đó là lời khuyên răn chân thật của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta nghe qua rồi, xét thấy rất hợp tình hợp lý, hợp với chánh pháp, liền vui mừng tiếp nhận, tự mình nỗ lực tu tập. Đối với mỗi người đã như vậy, với mỗi gia đình cũng là như vậy, cho đến toàn xã hội, quốc gia hay cả thế giới cũng đều như vậy. Hy vọng mọi người tự mình trân trọng [giáo pháp này]. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ năm

(Giảng ngày 24 tháng 5 năm 1999 tại Tỉnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 6, số lưu trữ: 19-012-0006)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Ngày hôm qua chúng ta đã giảng đến câu “Họa phúc vô môn, duy nhân tự chiêu” (Họa, phúc không của vào, đều do người tự chuốc). Câu này nói rõ nguyên tắc cảm ứng tương giao trong đạo lý. Câu văn tuy đơn giản nhưng ý nghĩa hết sức sâu sắc.

Nếu nhìn theo khoa học hiện đại thì đó là sự cảm ứng của tâm điện. Tâm là nói việc có thật, điện là nêu việc thí dụ. Nêu thí dụ thì nói chung không thể hoàn toàn chính xác, chỉ có thể ở mức tương tự, gần giống mà thôi. Vì trong các hiện tượng vật lý ở thế gian, dường như chỉ có dòng điện là truyền đi với tốc độ nhanh nhất, tương đương với tốc độ ánh sáng. Sự cảm ứng tức thời của tâm, nếu so với tốc độ ánh sáng hay tốc độ dòng điện, cũng không thể biết được là nhanh hơn bao nhiêu lần, không thể so sánh chính xác. Nhưng tốc độ của sóng điện truyền đi mỗi giây là 300.000 km, còn tốc độ của ý niệm trong tâm thì vừa sinh khởi đã biến hiện cùng khắp pháp giới hư không. Điều này trong lúc giảng giải tôi đã nhiều lần nói cùng quý vị. Đó là nguyên lý của sự cảm ứng.

Nội dung sách Vị biên hết sức phong phú, nêu ra nhiều chuyện tích xưa với công năng, hiệu quả tu tập [theo Cảm ứng thiên] để chứng minh. Nhưng thật ra những trường hợp nêu ra như vậy đều không nói hết được. Chỉ cần chúng ta lặng lẽ quan sát cuộc sống ngay quanh mình là thể nghiệm được ngay hiện tượng cảm ứng này một cách đúng thật. Người phương Tây gọi đó là lý lẽ thực tế.

Sách Vị biên, trong đoạn thứ năm có nêu một câu của Đại sư Huệ Năng vào đời Đường, tổ thứ sáu Thiên tông Trung Hoa. Trong Pháp Bảo Đàn kinh, Đại sư dạy rằng: “Hết thủy ruộng phước không là tự tâm.” Đây là lời dạy khái quát. Dựa theo đó mà giảng rộng ra thì cũng chính là ý nghĩa “họa phước không của vào, đều do người tự chuốc”.

Nói tự tâm là chỉ mọi ý niệm sinh khởi trong tâm. Trong tâm vừa khởi sinh ý niệm liền tức thời chiêu cảm những việc lành hay dữ, họa hay phước. Quả báo nhỏ là những việc lành, dữ. Quả báo lớn là những tai họa hay phước báo. Trong kinh điển, đức Phật dạy rằng: “Cát hung họa phúc giai do tâm tạo.” (Việc lành dữ, họa phước đều do tâm tạo ra.) Lại dạy rằng, những việc tội phước, những quả báo khổ não hoặc an vui, đều do nghiệp tạo bởi thân, khẩu, ý chiêu cảm mà có.

Người thế gian không hiểu được ý nghĩa này. Nếu ai thấu rõ được ý nghĩa này mới có thể tự mình nỗ lực tu tập hướng thiện. Nếu không hiểu được, chỉ biết chạy theo những phiền não, vọng tưởng mà tạo nghiệp, nhất định sẽ chiêu cảm những việc xấu ác, tai họa.

Cho nên, nếu chúng ta muốn tiêu trừ thiên tai hay hiểm họa do con người tạo ra ở thế gian này, liệu có được không? Câu trả lời chắc chắn là được. Phải dùng phương pháp nào? Chính là giáo dục. Có lần tôi đang ở Australia, ông Cục trưởng Cục Đa văn hóa Queensland đến gặp tôi, bàn về việc hòa hợp các chủng tộc, hòa hợp các tôn giáo. Làm sao để mọi người có thể buông bỏ những thành kiến tự thân, tôn trọng giúp đỡ lẫn nhau, cùng chung sống hòa hợp trong thực tế? Ông Cục trưởng là người chịu trách nhiệm các vấn đề này tại Australia. Tôi chỉ nói với ông ấy một điều duy nhất, đó là giáo dục.

Các bậc thánh hiền Trung quốc từ xa xưa đã dạy chúng ta rằng: “Trong việc dựng nước trị dân, trước hết là giáo dục.”

Chúng ta lập ra một chính quyền, xây dựng một đất nước, cai trị người dân, phải dùng phương pháp gì? Trước hết là giáo dục. Ngày nay, nếu muốn đạt đến một xã hội hòa hợp, một thế giới hòa bình, trừ việc giáo dục ra thì không còn bất kỳ biện pháp nào khác.

Vậy nội dung của một nền giáo dục như thế là gì? Chính là ý nghĩa cảm ứng [chúng ta đang bàn]. Nếu đối với ý nghĩa này đã hiểu rõ ràng, đối với chân tướng sự thật này đã nhận biết sáng tỏ, thì mỗi lúc khởi tâm động niệm liền tự nhiên có sự kiểm chế, soát xét lại, từ đó biết nỗ lực làm việc thiện.

Vậy tiêu chuẩn thế nào là việc thiện? Đó là mười nghiệp lành (thập thiện nghiệp). Nếu ai ai cũng làm theo mười nghiệp lành, thì thiên tai hay hiểm họa do con người tạo ra đều không còn nữa, cũng không thể phát sinh.

Trong kinh điển đức Phật dạy rằng, nếu như mọi vọng tưởng, ý niệm của chúng ta đều chạy theo, đều bám chấp nơi sân hận, tật đố, tà dâm, thì địa ngục sẽ hiện ra ngay trước mắt. Địa ngục như thế từ đâu đến, chúng ta phải nhận hiểu rõ.

Nếu mỗi ý niệm đều là keo kiệt, tham lam, ham muốn không chán, những gì hiện có không thể bỏ ra bố thí, đó chính là tạo nghiệp ngạ quỷ. Cảnh giới của quỷ trong sáu đường liền hiện ra trước mắt.

Thế nào gọi là ngu si? Đối với tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, không có khả năng phân biệt giữa chân thật và giả dối, giữa chánh với tà, giữa đúng với sai, thậm chí cũng không phân biệt được thiện ác, lợi hại, hết thấy đều thấy biết điên đảo trái ngược, như vậy là ngu si. Ngu si là nghiệp của loài súc sinh. Nếu mỗi ý niệm đều ngu si, [cảnh giới súc sinh liền hiện ra trước mắt.]

Cho nên, tham lam, sân hận và si mê là các nghiệp dẫn

đến ba đường ác. Ngày nay, chúng ta hãy bình tĩnh quan sát quảng đại quần chúng trong xã hội này, xem ai là người không có tham sân si? Chẳng những là có, mà tham sân si ấy còn không ngừng phát triển, phát triển với tốc độ thật đáng sợ! Khi những ý niệm, hành vi tham lam, sân hận, si mê đều phát triển, thì ba đường ác liền hình thành hết sức nhanh chóng. Chúng ta đâu cần phải đọa vào ba đường ác trong sáu nẻo luân hồi, chỉ sợ rằng chính xã hội hiện nay của chúng ta đây rồi sẽ biến thành những cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Quý vị nói xem, như thế có đáng sợ hay chẳng?

Ngày nay cũng có một số người thấy biết sáng tỏ, các bậc chí sĩ nhân đức, mong muốn cứu vớt xã hội này. [Trong số đó,] Đại sư Ấn Quang vì chúng ta dẫn dắt, vì chúng ta chỉ bày, dạy dỗ, kêu gọi chúng ta cứu vãn đại nạn khẩn cấp này. Vận dụng đạo lý của Nho gia không kịp nữa, cho đến đạo lý lớn lao của nhà Phật cũng không còn kịp nữa. Vì thế ngài mới đề cao các bản văn Liễu Phàm tứ huấn, Cảm ứng thiên, Văn Xương Đế quân Âm chất văn, nhằm cứu khổ cứu nạn.

Trong tất cả ác nghiệp, hai nghiệp giết hại và dâm dục là nặng nhất. Cho nên, An Sĩ toàn thư đối với hai nghiệp ác này đặc biệt dành riêng mỗi loại trọn một quyển để giảng giải thật rõ, cảnh tỉnh chúng ta phải chú ý. Hai nghiệp ác này là tội lỗi nặng nề căn bản nhất, cũng là cội nguồn của mọi điều hung hiểm, tai họa. mười nghiệp lành có thể cứu vãn được kiếp nạn này.

Niệm Phật là pháp lành cao trời nhất. Cho nên phần cuối An Sĩ toàn thư là sách Tây quy trực chỉ, khuyên chúng ta niệm Phật cầu sinh về thế giới Cực Lạc.

Các nghiệp ác dẫn đến ba đường ác, chúng ta đã thấu hiểu rõ ràng. Bây giờ nói đến ba đường lành. Cảnh giới a-tu-la nằm trong ba đường lành, [những chúng sinh] tuy làm việc thiện, tâm hạnh tương ứng với mười nghiệp lành, nhưng tập

khí ngạo mạn quá nặng, tánh tình quá nóng nảy, tâm háo thắng quá mạnh, nên rơi vào cảnh giới a-tu-la.

Những ai có thể kiên trì giữ theo năm giới, tạo mười nghiệp lành, khởi tâm động niệm, ứng xử đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật đều không ra ngoài đường hướng nguyên tắc này, thì được sinh vào cõi người.

Nếu có thể dựa theo mười nghiệp lành mà ngày càng nâng cao hơn nữa, đến mức cực kỳ trọn vẹn đầy đủ, thì đó là con đường sinh vào cõi trời.

Có thể thấy rằng, trong sự giáo dục của Phật giáo thì mục tiêu trước hết là dạy người dứt ác tu thiện. Mục đích là bảo đảm chắc chắn cho chúng ta đời sau không đọa vào các đường ác, có thể được hưởng phước báo ở hai cõi trời người, chỉ có điều là chưa thể vượt thoát ra khỏi ba cõi, sáu đường luân hồi.

Những người thông minh sáng suốt hơn nữa, thấy biết được ba đường lành cũng không phải biện pháp giải thoát rốt ráo, không giải quyết được tận gốc rễ [luân hồi], nên tiếp tục hướng thượng tu tập, vượt thoát ra ngoài ba cõi, như là các bậc A-la-hán. Bậc A-la-hán thấu hiểu được ý nghĩa chân thật của nhân ngã, như trong kinh Kim Cang có dạy: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bào ảnh” (Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng ảo, bọt nước), cho nên các ngài buông xả mọi sự bám chấp vào bản ngã. Trong Phật pháp thường dạy đó là vô ngã. Bám chấp vào bản ngã liền có đủ sáu đường luân hồi, đạt đến vô ngã thì sáu đường luân hồi đều không còn nữa. Vượt thoát sáu đường luân hồi, đó là chúng đắc quả A-la-hán.

Nếu có người thấu hiểu được hết thảy mọi hiện tượng trong vũ trụ này đều do duyên khởi, thấy được bản chất đều là không, thì những hiện tượng ấy từ đâu mà có? Sáu đường luân hồi từ đâu mà có? Mười pháp giới từ đâu mà có? Hết

thấy hiện tượng như thế đều đồng một duyên khởi. Sáng tỏ được ý nghĩa này rồi liền buông xả được những bám chấp cực kỳ vi tế, biết rõ rằng bám chấp là sai lầm. Đạt được cảnh giới ấy là cao trội hơn bậc A-la-hán, chứng được quả Phật Bích-chi.

Nếu có người hiểu rõ được ý nghĩa vô ngã như trên, lại có thể phát tâm cứu giúp hết thảy chúng sinh, dạy dỗ, dắt dẫn hết thảy chúng sinh, học và làm theo sáu pháp ba-la-mật, đó chính là hạnh nguyện Bồ Tát.

Nếu khởi tâm từ bi, chân thành, bình đẳng, dùng việc làm của chính bản thân mình để giáo hóa người khác, đó chính là hạnh nguyện, là việc làm của chư Phật.

Những lời như trên đều là giảng về chánh báo. Phật từ thân người tu tập mà thành, Bồ Tát cũng từ thân người tu tập mà thành, chỉ cần quý vị một niệm quay về tự tâm liền vượt thoát cõi phàm, nhập vào cõi thánh. Vì sao chúng ta không chịu nỗ lực? Vì sao không chịu hướng thượng học theo? Học làm theo Phật, Bồ Tát thì hết sức tốt lành, hết sức lợi lạc, được phước báo không giới hạn.

Cho nên, những điều lành dữ, tai họa hay phước báo đều “không cửa vào”, chính là không có sự nhất định, không có pháp cố định, hết thảy đều [biến chuyển] do nơi một niệm trong lòng người. Người phàm chỉ biết được một ý niệm là hiền thiện hay xấu ác, không thấu hiểu được rằng trong chỗ thiện hay ác đó còn có rất nhiều khác biệt. Chính trong pháp Phật giảng giải cho chúng ta ý nghĩa này hết sức thấu triệt, hết sức sáng tỏ. Một khi ta chuyển biến được chánh báo thì y báo liền theo đó cũng được chuyển biến. Y báo là quốc độ, là môi trường sống quanh ta, [còn chánh báo là tâm thức, là ý niệm, hành vi của mỗi chúng ta].

Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm có giảng về thế giới Hoa Tạng, là quốc độ, môi trường sống của đức Phật Tỳ-lô-giá-

na. Lại thấy có thế giới Cực Lạc, là quốc độ, môi trường sống của đức Phật A-di-đà, như nói có lầu thơ, cây báu, trang nghiêm thanh tịnh... Những điều ấy từ đâu mà có? Thấy đều từ nơi sự giáo hóa chúng sinh bằng tâm chân thành, từ bi, bình đẳng, chiêu cảm mà biến hiện ra.

Chúng ta ngày nay sống trên trái đất này, trái đất là quốc độ, là môi trường sống của chúng ta. Mọi người đều đã thấy, đã nghe, nhiều người nói rằng trái đất này đã lâm bệnh rồi, mà là bệnh cực kỳ nghiêm trọng. Nơi nơi đều xảy ra thiên tai, hiểm họa. Những thiên tai, hiểm họa ấy từ đâu mà ra? Đều từ tâm niệm tham lam, sân hận, si mê biến hiện ra.

Tâm tham lam [của con người] quá nặng, tâm tham ấy là nước, nên tai họa lũ lụt hiện ra trước mắt. Tâm sân hận [của con người] quá nặng, tai họa lửa thiêu liên hiện ra trước mắt. Tâm ngu si [chiêu cảm] tai họa gió bão. Tâm không bình đẳng [chiêu cảm] động đất. Trạng thái tâm của đại đa số quần chúng trong xã hội chúng ta hiện nay thế nào mà chiêu cảm những thiên tai, hiểm họa như thế?

Thiên tai, hiểm họa có thể tiêu trừ, có thể hóa giải. Tôi thường nói rằng, khoa học kỹ thuật không làm được điều đó. Các biện pháp chính trị, vũ lực, quân sự hay kinh tế cũng không làm được. Tất cả đều do nơi tâm địa con người. Chuyển biến tâm địa con người thì duy nhất chỉ có thể nhờ vào nền giáo dục của thánh hiền. Nền giáo dục của thánh hiền là một nền giáo dục bình đẳng.

Tôi từng tiếp xúc với rất nhiều vị lãnh đạo các tôn giáo trên thế giới, cùng với các vị ấy bàn luận. Hiện nay các vị ấy đều ý thức được rằng kiếp nạn của thế giới này rất đáng sợ. Vì thế, họ đều mong muốn tôi đưa ra phương cách làm thế nào để có hòa bình, có sự hòa hợp chung sống, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau. Nhận thức được như vậy là rất tốt. Trong Phật pháp gọi đó là sự giác ngộ ban đầu, tối sơ giác ngộ, đó là hiện

tượng tốt. Nguyên vọng như thế của chúng ta, nếu muốn thành hiện thực phải nhờ đến giáo dục. Tôi giải thích với các vị ấy rằng, tôn giáo hiện nay chẳng có biện pháp gì để giải quyết vấn đề, đó là vì chúng ta chỉ có “tôn” (lòng tôn kính, tín ngưỡng) mà không có “giáo” (sự giáo dục), mọi người thử nghĩ xem, có đúng vậy chăng?

Điều này tôi đã nói trong Hội nghị Tôn giáo Thế giới về Hòa bình tại Sydney (Australia). Chúng ta đã có “tôn”, cần xem trọng giáo dục. Trong chữ “tôn giáo” thì giáo là giáo dục. Phải làm thế nào giáo dục tín đồ của chúng ta phát phát triển tình thương yêu rộng lớn bình đẳng. Trong Thiên Chúa giáo cũng như Cơ Đốc giáo đều nói rằng: “Thượng đế thương yêu người đời.” Chúng ta suy ngẫm câu nói ấy xem, Thượng đế thương yêu người đời, hoàn toàn không phải chỉ thương yêu tín đồ tôn giáo của mình. Người tín ngưỡng Thượng đế được ngài thương yêu, kẻ không tín ngưỡng cũng được ngài thương yêu. Bởi vì đó là con người, mà Thượng đế thương yêu người đời, hoàn toàn không có phân biệt trong sự thương yêu đó.

Nhà Phật dạy tâm từ bi chân thật bình đẳng, thương yêu bảo bọc hết thảy chúng sinh, đem lòng thương yêu chân thành, vô tư bố thí, vì hết thảy chúng sinh phụng sự vô điều kiện. Như vậy thì vấn đề nêu ra đã được giải quyết. Nếu kèm theo điều kiện thì không thể giải quyết được vấn đề. Phải phụng sự hết thảy chúng sinh hoàn toàn vô điều kiện.

Chúng ta sau khi học hỏi phải mang ra thực hành. Học mà không hành thì nào có ích lợi gì? Như vậy thì vẫn chiêu cảm tai nạn đến với mình thôi. Học hỏi xong, phải tức thời vận dụng vào thực tế, phải mang ra thực hành.

Ngày nay, khi viếng thăm những người khác tôn giáo, khác chủng tộc, tôi đều lấy tâm thương yêu chân thành, vô tư cúng dường, nhiệt tình giúp đỡ họ. Và tôi đã nhận lại được sự đáp ứng tương tự, chứng minh cho những lời dạy của Phật,

Bồ Tát, chứng minh cho lời nói của Thái Thượng, đúng là “đều do người tự chuốc”. Tôi chiêu cảm được rất nhiều người đối với tôi hết sức nhiệt tình thương yêu.

Từ một điểm nhỏ này, chúng ta có thể suy xét sâu rộng ra để nhận hiểu rằng, sự bình an ổn định của xã hội, hòa bình của thế giới, quả thật có hy vọng đạt được, dựa vào nhiệt tâm giáo dục của các nhà tôn giáo trên thế giới, phát huy tình thương yêu rộng khắp. Như vậy mới có thể giải quyết tai họa hiện nay. Ý nghĩa này chúng ta cần thể hội thật sâu sắc.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ sáu

(Giảng ngày 25 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 7, số lưu trữ: 19-012-0007)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đã giảng đến hai câu đầu tiên của Cảm ứng thiên:

*“Họa phước vô môn,
Duy nhân tự chiêu.”
(Họa, phước không cửa vào,
Đều do người tự chuốc.)*

Trong sách Vị biên nêu ra những câu chuyện tu tập theo Cảm ứng thiên với công năng hiệu quả rõ ràng, số lượng nhiều không kể xiết. Mỗi chuyện trong đó đều nên đọc kỹ, nghĩ sâu. Ở đây thời gian hạn chế, tôi không thể dẫn ra từng chuyện để giới thiệu, chỉ có thể chọn lựa một số chuyện rồi nêu ra những điểm quan trọng nhất để giảng giải rõ ràng với mọi người.

Trong kinh điển Đại thừa, đức Phật thường dạy rằng: “Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sinh.” (Hết thảy các pháp sinh từ tâm tướng.) Đó là chỗ thấy biết của chư Phật. Nói “duy nhân tự chiêu” (đều do người tự chuốc) cũng là cùng một ý như thế.

Bậc cổ đức dạy rằng, người phàm phu có quá nhiều vọng tưởng. Trong số đó có thể phân chia làm ba loại, là những vọng tưởng [hướng về] quá khứ, hiện tại và tương lai.

Khi ta thường nghĩ về những điều vinh nhục trong quá khứ, nghĩ về những chuyện ân oán đã tạo ra với người khác,

những chuyện buồn vui, tan hợp... Những suy nghĩ như thế đều thuộc loại vọng tưởng hướng về quá khứ. Đặc biệt là người lớn tuổi, hầu hết đều nghĩ tưởng đến những chuyện cũ từ thời trai trẻ. Mỗi năm tháng qua đi là mỗi năm tháng tâm tư thêm nặng nề phức tạp, mãi mãi chồng chất thêm. Chuyện cũ như thế đều là vọng tưởng quá khứ.

Lại có những suy tưởng ngay trước mắt, suy tính sự việc nên làm hoặc không nên làm, thường là do dự không quyết định. Những suy tính này thuộc loại vọng tưởng trong hiện tại.

Loại thứ ba là những suy tưởng hướng về tương lai, nghĩ đến những sự việc tương lai, trong thực tế chưa thể biết chắc được. Trong đó rất nhiều chuyện không có khả năng xảy ra nhưng ta vẫn suy tưởng đến, vẫn nghĩ ra được. Đó là những chuyện về tiền bạc, hoặc về địa vị, hoặc về quyền thế. Hết thấy những suy tưởng như thế đều thuộc loại vọng tưởng hướng về tương lai.

Ba loại vọng tưởng này, số nhiều không đo đếm được, không có giới hạn. Chúng tiếp nối theo nhau trong từng giây phút, không hề gián đoạn, cứ hết điều này liền tiếp đến điều khác.

Chúng ta không thể xem thường những vọng tưởng này mà cho là không có gì quan trọng, khẩn yếu. Nghĩ như thế là sai lầm. Mỗi một vọng tưởng đều là nhân tạo nghiệp. Nghiệp nhân ấy gặp duyên thích hợp thì quả báo hiện tiền. Ý niệm hiền thiện thì gặp quả báo lành, ý niệm xấu ác nhất định phải gặp quả báo xấu ác. Quả báo thiện ác như thế không mảy may sai lệch. Đây chính là nguồn gốc phát sinh mọi điều lành, dữ, họa, phúc, như trong bài văn Cảm ứng thiên này giảng giải. Các bậc thánh hiền thế gian hay xuất thế gian thường dạy ta như thế, phải thường ghi nhớ, phải thường suy xét kỹ, phải thường nỗ lực làm theo.

Trong Vị biên có một câu chuyện xưa mà sách Liễu Phàm tứ huấn cũng chép lại. Vào đời Tống, có người tên Vệ Trọng Đạt. Chuyện của ông này lưu truyền rất rộng, không chỉ bởi đương thời nhiều người biết đến, mà còn vì được ghi chép lại nên người đời sau cũng biết đến rất nhiều.

Vệ Trọng Đạt khi đang làm việc ở Viện Hàn Lâm, một hôm bị vua Diêm La bắt đi. Chuyện như thế, người thời nay nghe qua giống như thần thoại, thật khó làm cho người ta tin. Nhưng chuyện như thế quả là có thật.

Khi tôi còn nhỏ cũng gặp một việc tương tự, tôi còn nhớ rất rõ. Quê tôi là một thị trấn nhỏ, vốn là một thành cổ được xây dựng từ đời Hán, đến nay đã trải qua lịch sử hai ngàn năm. Thuở nhỏ tôi có một thời gian ngắn sống ở thôn quê, cách thành 12,5 km. Hồi ấy về thành phải đi bộ, mất khoảng vài giờ, cũng không xa lắm. Tôi ở nhà bà ngoại, cách đó khoảng vài căn nhà có một người lâm bệnh, bệnh nặng lắm.

Khi bệnh trở nên nguy kịch, người ấy bỗng nói rằng: “Thành hoàng bắt tôi đi làm sai dịch.”

Người nhà hỏi: “Làm chuyện gì?”

Đáp: “Gánh đồ đạc.”

Người nhà lại hỏi: “Gánh đồ đạc gì?”

Người ấy nói: “Thành hoàng muốn dời nhà, bắt rất nhiều người để gánh đồ, nay muốn bắt tôi.”

Người nhà lại hỏi: “Bây giờ phải làm sao?”

Người ấy đáp: “Mọi người có thể vì tôi đốt tiền giấy, tôi thuê người khác làm, được vậy tôi khỏi đi.”

Người nhà nghe lời liền đốt rất nhiều ngựa giấy, hình nhân giấy, tiền giấy. Sau đó, người ấy thuê mướn người làm được rồi liền khỏi bệnh, tỉnh lại.

Hồi đó, tôi với mọi người nghe chuyện đều lấy làm quái lạ về việc Thành hoàng muốn dời nhà. Sau đó ba ngày, miếu Thành hoàng bị quân đội chiếm đóng, lấy làm doanh phòng, tượng thần trong miếu bị phá hủy. Bấy giờ mọi người mới hiểu ra. Miếu Thành hoàng bị quân đội chiếm là chuyện về sau, mà ba ngày trước Thành hoàng đã dọn nhà, đã bỏ đi mất rồi. Đó là chuyện thật chính tôi được tai nghe mắt thấy. Cho nên nói rằng: “Ngẩng đầu ba thước có thần minh.” Cho dù quý vị có tin hay không, sự thật vẫn là như vậy.

Người thời nay không đọc sách thánh hiền, không tin những lời khuyên dạy trung thực. Bản thân tôi chính mắt được nhìn thấy rất nhiều chuyện. Cho nên, đối với những điều người xưa ghi chép lại trong sách tôi đều tin tưởng sâu xa, không chút hoài nghi. Những tiểu thuyết thần thoại thuộc loại như Liêu trai chí dị, Duyệt vi thảo đường bút ký, Tử bát ngữ... tuyệt đại đa số đều là sự thật, không phải hoàn toàn bịa đặt không chứng cứ, cũng không phải ngụ ngôn ẩn dụ.

[Trở lại chuyện] Vệ Trọng Đạt bị vua Diêm La bắt đi rồi, có vị Phán quan điều tra những việc lành dữ mà ông đã làm trong đời. Kết quả, những việc xấu ác ông ta đã làm, được ghi chép chất lại cao như quả núi, còn việc thiện chỉ thấy một quyển duy nhất. Nói cách khác, ông ta chỉ làm được mỗi một việc thiện. Vệ Trọng Đạt nhìn thấy tình hình như thế rồi, liền đối trước Phán quan phân trần: “Tôi còn chưa đến bốn mươi tuổi, sao có thể làm quá nhiều việc ác như thế?”

Phán quan giải thích: “Những sự việc xấu ác này là xét từ tâm niệm của ông. Mỗi khi ông khởi một ý niệm xấu ác, âm tà địa phủ lập tức ghi nhận lưu giữ, hoàn toàn không đợi đến lúc ông thực sự làm. Nếu thực sự đã làm thì tội lỗi càng thêm sâu nặng hơn nữa. Chỉ vừa khởi lên một ý niệm [thiện hay ác] là đã có ngay sự ghi nhận lưu giữ.”

Trọng Đạt liền hỏi: “Vậy tôi có một việc thiện đó là gì?”

Ngay khi ấy, vừa so hai bên thiện ác, thấy việc ác quá nhiều, vua Diêm La hết sức tức giận, quát bảo: “Mang cân đến đây xem.”

Khi cân qua một lượt, những điều xấu ác hóa ra lại nhẹ hơn, trong khi một quyển ghi việc thiện lại rất nặng. Vua Diêm La thấy vậy đổi giận làm vui. Trọng Đạt liền thưa hỏi lại: “Việc thiện đó của tôi, rốt lại là việc gì vậy?”

Vua đáp: “Lúc hoàng đế muốn xây dựng một công trình không thực sự cần thiết, tốn hao nhiều tiền bạc, công sức của dân, ông có dâng số khuyên can hoàng đế đừng làm. Tấm lòng của ông chân thành thương dân mới tấu trình như thế.”

Trọng Đạt nói: “Nhưng hoàng đế có nghe lời tôi đâu?”

Vua đáp: “Nếu hoàng đế chịu nghe, phước báo của ông còn lớn hơn thế nữa. Tuy không được nghe theo, nhưng lòng ông chân thành, khởi được một niệm hiền thiện lớn như vậy, đã giúp ông vượt hơn tất cả những việc xấu ác kia.”

Câu chuyện về công tích thiện ác này giúp chúng ta phản tỉnh rất nhiều. Sau đó Diêm vương [trước khi thả Trọng Đạt về lại dương gian] còn bảo: “Ông vì có quá nhiều việc xấu ác nên con đường tiến thân sẽ bị chướng ngại. Theo mạng số từ trước của ông, vốn có thể làm đến chức Tể tướng, nhưng nay thì không thể được rồi.”

Về sau, Trọng Đạt làm quan đến chức Thượng thư bộ Lại, tương đương với hiện nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Làm đến chức ấy, [so với Tể tướng] là bị giáng thấp một bậc.

Cho nên, đối với việc tạo nghiệp thiện ác, tôi thường giảng về cả ba nghiệp. Chúng ta từ sáng đến tối, cả thân, miệng, ý đều tạo nghiệp. Thân hành động, miệng nói năng, ý khởi niệm, nếu tương ứng với mười nghiệp lành thì đó là thiện, ngược lại với mười nghiệp lành thì đó là ác. Đó là tiêu chuẩn tổng quát nhất, xét vào từng việc chi ly nhỏ nhặt thì không thể nói hết.

Trong Phật pháp có giới luật và oai nghi, nói thật ra thì hiện nay chẳng thấy ai làm được. Vào đời Minh, Đại sư Liên Trì, Đại sư Ngẫu Ích phải hết sức đề cao sách Sa-di luật nghi, cho thấy khi ấy tiêu chuẩn về điều thiện cũng đã bị hạ thấp đến cùng rồi. Nếu chúng ta có thể làm theo được mười điều giới, hai mươi bốn oai nghi trong sách Sa-di luật nghi, thì có thể xem là đệ tử chân chánh của Phật. Thế nhưng cho đến ngày nay, khi mức sống vật chất bình quân tăng cao, thì quan niệm đạo đức lại rơi xuống thấp, cả mười điều giới, hai mươi bốn oai nghi đều chẳng ai làm theo được.

Quý vị ở đây đều biết Pháp sư Hoàng Nhất. Ngài suốt một đời cung kính giữ theo năm giới, mười nghiệp lành, nhưng đối với người khác luôn tự xưng mình chỉ là cư sĩ xuất gia. Ngài là người đức hạnh, suốt một đời làm người ngay thẳng chính trực, có thể đạt đến chỗ danh xưng phù hợp với thực tiễn. Gọi là tỳ-kheo chỉ là tỳ-kheo giả, không phải chân thật, vì thật không làm nổi. Cho nên nói là cư sĩ xuất gia thì có thể làm được. Người thọ trì năm giới, mười nghiệp lành, có thể gọi tên như thế là đúng thật.

Thật ra, không phải Đại sư Hoàng Nhất là người đầu tiên dùng danh xưng cư sĩ xuất gia. Tôi xem trong sách thấy người sử dụng danh xưng này trước tiên là ngài Thành Thời, đệ tử của Đại sư Ngẫu Ích.

Đại sư Ngẫu Ích tu hành hết sức chân thật. Sau khi thọ đủ Tam đàn Đại giới (gồm Sơ đàn thọ giới sa-di, Nhị đàn thọ giới tỳ-kheo, Tam đàn thọ giới xuất gia Bồ Tát), ngài liền xin xả giới tỳ-kheo. Vì sao ngài xả giới tỳ-kheo? Vì thấy chính xác là không giữ làm theo nổi.

Hơn nữa, việc truyền thừa giới tỳ-kheo nếu không đúng pháp thì không thể đắc giới. Đại sư Ngẫu Ích nói rằng, ở Trung quốc từ sau triều Nam Tống đã không có tỳ-kheo, vậy đến cuối đời Minh làm gì còn ai có khả năng đắc giới tỳ-kheo?

Chỉ là có danh xưng mà không đúng thật. Cho nên sau khi thọ giới rồi, ngài xin xả giới tỳ-kheo, trọn một đời chỉ cung kính giữ theo giới sa-di, giới Bồ Tát. Vì thế, ngài thường tự nhận mình chỉ là sa-di giữ giới Bồ Tát, vì danh xưng như vậy có thể làm đúng được.

Bậc thầy đã nhận chỉ là sa-di, đệ tử làm sao dám xưng sa-di? Cho nên đệ tử của ngài là Thành Thời mới tự xưng là cư sĩ xuất gia. Tôi xem trong sách thấy ngài Thành Thời là một, đến gần đây mới có thêm Đại sư Hoàng Nhất, đó là hai người sử dụng danh xưng này, quả thật phù hợp với thực tế.

Chúng ta tu hành trong thời đại này, nếu có thể chân chánh giữ theo được năm giới với mười nghiệp lành, chân thành niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, nhất định sẽ được vãng sinh.

Thế nhưng, người muốn sinh về Tịnh độ rất nhiều, vì sao không được vãng sinh? Không được vãng sinh, đương nhiên là do có chướng ngại. Chướng ngại là gì? Là không buông xả các duyên trần tục. Điều này hết sức trọng yếu. Nếu là người chân chánh cầu được vãng sinh, phải buông xả tất cả, quyết định không vướng nhiễm.

Chúng ta sống giữa thế gian này, nếu tự mình có duyên phận, có thể vì xã hội, vì mọi người làm được chút việc tốt nào, phải hết sức mà làm để rộng kết duyên lành. Trong Phật pháp thì rộng kết nhân duyên với Chánh pháp.

Quý vị hãy noi gương Lão Hòa thượng Hư Vân trong thời cận đại này, mọi người ở đây đều biết rất rõ. Ngài dùng những mối nhân duyên với Chánh pháp, dùng sức ảnh hưởng của mình, đi đến đâu đều xây dựng đạo tràng, tự viện, giúp cho những người trẻ tuổi có nơi xuất gia tu hành. Đạo tràng xây dựng vừa xong ngài liền giao phó, không bao giờ theo dõi chất vấn đến nữa. Như thế là bậc tu hành đại phước báo, chúng ta phải học hỏi làm theo.

Sức ảnh hưởng của chúng ta không thể so sánh với Lão Hòa thượng, vì yếu ớt lắm, nhưng có thể khuyến khích nhiều vị đồng tu có năng lực, cùng phát tâm xây dựng những đạo tràng nhỏ. Như Tịnh Tông Học Hội thì hiện nay trên toàn thế giới có khoảng năm, sáu mươi chỗ. Mỗi một Tịnh Tông Học Hội đều hoạt động độc lập. Chúng ta dùng sức ảnh hưởng của mình thúc đẩy việc hình thành như thế. Thành tựu rồi, có nên theo dõi chất vấn [hoạt động của họ] hay không? Không nên. Nếu chúng ta vẫn còn theo dõi chất vấn, đó là còn ràng buộc vướng mắc, không thể vãng sinh. Phải hoàn toàn buông xả hết, từ thân tâm mình cho đến toàn thế giới, một chút bụi trần cũng không vướng nhiễm, như thế thì chuyện vãng sinh có thể nắm chắc trong tay. Điều này hết sức trọng yếu.

Cho nên, có thể vãng sinh hay không đều do chính mình, không do ngoại cảnh, dù là danh lợi hay năm món dục, sáu trần cảnh, đều không thể làm ta vướng nhiễm.

Trong kinh Phật dạy rất rõ: “Tài sắc danh thực thù, địa ngục ngũ điều căn.” (Tiền bạc, sắc đẹp, danh vọng, tham ăn, mê ngủ là năm điều căn bản dẫn đến địa ngục.) Chỉ vướng một trong năm điều này thôi đã không thoát khỏi địa ngục, làm sao có thể vãng sinh? Việc này phải hết sức ghi nhớ, không thể để vướng vào tham muốn.

Cho nên, suốt đời chỉ nên tùy duyên mà không chạy đuổi theo duyên. Tùy duyên thì hoan hỷ, chuyện xảy đến thế nào cũng tốt, mỗi ngày chỉ cần ăn vừa no, mặc vừa ấm, một lòng hướng theo đạo pháp. Suốt một đời tôi cũng chỉ làm đến vậy thôi. Chỉ lo giảng kinh, thuyết pháp, hoằng pháp lợi sinh, ngoài ra mọi việc khác đều không hỏi tới. Cả đời tôi không riêng có đạo trường, tự viện, không có đồ chúng. Trong quá khứ, những người xuất gia là do [Hàn] Quán trưởng thu nhận, không phải tôi thu nhận. Quý vị xem việc đặt pháp danh, cũng đều do Quán trưởng đặt, không phải tôi.

Hy vọng mọi người đều tu học cho thật tốt. Tôi nay đã già rồi, theo người xưa nói là đã đến lúc nên chết đi: “Thất thập tam, bát thập tứ, Diêm vương bất tỉnh tự kỷ khứ.” (Bảy mươi ba, tám mươi tư, Diêm vương không gọi cũng tự mình đi.) Như vậy thì còn lưu luyến gì nữa chứ? Một đời tôi không cai quản người khác, không cai quản công việc, không cai quản tiền bạc. Nay đã già rồi, nếu quay lại cai quản thì thật là sai lầm lớn, không còn gì có thể sai lầm hơn nữa. Cho nên, từ thân tâm cho đến thế giới, hết thả đều buông xả, còn sống một ngày là một ngày vì chư Phật, Bồ Tát mà làm việc.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ bảy

(Giảng ngày 26 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 8, số lưu trữ: 19-012-0008)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời quý vị xem hai câu tiếp theo trong Cảm ứng thiên:

*Thiện ác chi báo,
Như ảnh tùy hình.
(Việc báo ứng thiện, ác,
Như bóng luôn theo hình.)*

Bốn câu mở đầu là cương lĩnh tổng quát của toàn bản văn. Phần còn lại của bản văn đều nhằm giảng rõ bốn câu này.

Hai câu đầu tiên nói tổng quát: “Họa phúc vô môn, duy nhân tự chiêu.” (Họa, phước không cửa vào, đều do người tự chuốc.) Đó là nói về nguyên lý cảm ứng. Tiếp theo là hai câu: “Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình.” (Việc báo ứng thiện ác, như bóng luôn theo hình.) Đó là nói rõ lẽ chân thật của sự báo ứng.

Trong bốn câu này có đủ cả lý lẽ và sự tướng. Y báo và chánh báo đều trang nghiêm tốt đẹp trong khắp pháp giới hư không, đó là quả báo cảm ứng lớn lao. Hiện trạng của mỗi một thế giới, mỗi một xã hội, đó là hình thức nhân quả báo ứng nhỏ hơn. Cho đến trường hợp của mỗi một cá nhân, mỗi một gia đình, thì đó là nghiệp nhân quả báo ở phạm vi nhỏ nhất. Cho nên, đức Phật thuyết dạy hết thảy Kinh điển đều không ra ngoài nguyên lý đó. Như kinh Hoa Nghiêm giảng về “ngũ chu nhân quả”, kinh Pháp Hoa giảng về “nhất thừa nhân quả”...

Do đó mà biết rằng, dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, hết thảy đều giảng rõ về nhân duyên quả báo. Vì thế, nhà Phật thường nói: “Vạn pháp giai không, nhân quả bất không.” (Muôn pháp đều là không, nhưng nhân quả thật có.)

Ngày hôm qua chúng ta đã đọc chuyện Vệ Trọng Đạt đời Tống. Trong thực tế, đưa ra câu chuyện này chỉ như một ví dụ mà thôi, vì mỗi một cá nhân, mỗi một chúng sinh, có ai không giống như vậy? Chúng ta một đời tạo tác vô số nghiệp tội, nhất là làm người trong thời hiện đại này. Người thời xưa cũng tạo nghiệp, nhưng thử lấy chuyện Vệ Trọng Đạt ra mà xét, tuy ông ta tạo nghiệp ác rất nhiều, nhưng so với chúng ta thời nay thì nghiệp ác của ông như vậy là ít. Những nghiệp ác người thời nay tạo ra, nếu so với nghiệp ác của Trọng Đạt, chỉ ít nhất cũng phải nhiều gấp trăm lần, ngàn lần hoặc hơn thế nữa. Nguyên nhân là vì sao?

Người xưa từ thuở nhỏ đã được tiếp nhận nền giáo dục của thánh hiền. Cho nên hết thảy những nghiệp ác mà Vệ Trọng Đạt đã tạo đều chỉ là những ý niệm, những suy nghĩ xấu ác, chưa hề biến thành hành động. Đã có ý niệm xấu ác nhưng không dám thực hiện hành động xấu. Do đâu mà không dám? Là do có sự răn dạy của thánh hiền. Người thời nay không chỉ có ý niệm xấu ác, mà họ dám làm tất cả. Nghiệp ác lớn nhất là bất hiếu với cha mẹ, khinh chê Tam bảo [họ cũng làm]. Chúng ta thử nghĩ xem, tự mình có dám làm những tội như vậy hay không? Chúng ta cả đời khởi tâm động niệm, nói năng hành động, luôn tự mình suy xét có hổ thẹn với cha mẹ hay không, có hổ thẹn với Tam bảo hay không? Những tội như vậy còn không dám làm, huống chi là các tội [động trời] kia!

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Tiên nhân bất thiện.” (Do người trước không khéo dạy.) Nói cách khác, [khi một người phạm tội,] không thể hoàn toàn trách cứ người ấy, [vì còn phải xét đến yếu tố giáo dục của những người đi trước]. Đó là tấm lòng

của người quân tử nhân hậu, có thể khoan thứ cho hết thảy những kẻ phạm tội. Nhưng quý thần không khoan thứ như thế. Chư Phật, Bồ Tát có thể khoan dung tha thứ, nhưng quý thần không khoan dung tha thứ. Mọi việc thiện ác rốt cùng đều có quả báo, chỉ là đến sớm hoặc muộn mà thôi.

Đối với việc nhận lãnh quả báo, lý lẽ rất sâu xa, sự tướng vô cùng phức tạp. Chúng ta không thể chỉ nhìn vào những việc trước mắt. Đối với việc trước mắt, cần phải có trí tuệ chân thật mới thấy ra được [nhân quả trong đó]. Phàm phu làm sao có khả năng thấy được [nhân quả] trước mắt? Khi có người cố tình tạo nghiệp, quý vị phải thấy cho đến kết quả cuối cùng của họ thì mới thực sự hiểu rõ được ý nghĩa quả báo “như bóng luôn theo hình”.

Đạo Phật dạy rằng có ba loại quả báo. Thứ nhất là hiện báo. Tất cả quả báo đều có nhân, có duyên, hợp thành nhân duyên quả báo. Nhân là những điều đã làm trong quá khứ, duyên là những điều kiện, cơ hội đang gặp hiện nay, khiến cho những chủng tử nghiệp từ trong tạng thức (a-lại-da thức) được lôi kéo hiện ra, biến hóa thành quả báo hiện tiền. Quả báo thiện, nhất định là do có chủng tử thiện. Chủng tử ấy là nhân, đã gặp được duyên lành. Duyên có hai loại, đều gọi là tăng thượng duyên. Một là tăng thượng duyên có hoàn cảnh thuận lợi, hai là tăng thượng duyên có hoàn cảnh trái nghịch. Cả hai loại tăng thượng duyên thuận và nghịch đều có quả báo tốt đẹp, đó là vì sao? Vì có nhân tốt, trong tạng thức có chủng tử thiện, ấy là nhân thiện.

Nếu như trong tạng thức chứa chủng tử xấu ác, ấy là nhân xấu ác, dù gặp duyên lành cũng biến hiện thành sự việc xấu ác, liền có quả báo xấu ác hiện ra.

Sự thật [nhân quả báo ứng là] như thế, chúng ta chỉ cần lặng lẽ quan sát sơ qua là đã có thể thấy được ngay, rất rõ ràng, minh bạch.

Những gì trong đời tôi đã gặp, các vị đồng tu theo tôi nhiều năm đều biết rõ. Trong những việc ấy, có đủ cả duyên lành và nghịch duyên không tốt. Duyên lành là tôi gặp được nhiều bậc minh sư, như Tiên sinh Phương Đông Mỹ tiếp nhận, dẫn dắt tôi vào cửa Phật, Đại sư Chương Gia giúp tôi có được nền tảng, căn cơ vững chắc, Lão cư sĩ Lý Bình Nam giúp tôi thành tựu [sự nghiệp học Phật]. Đó đều là những nhân lành, duyên lành.

Về sau, trong quá trình hoằng pháp, đạo trường nơi tôi xuất gia lại không dung chứa, tôi bị trục xuất phải ra đi, đó là nghịch duyên không tốt. Quý vị thử nghĩ xem, rồi sau quả báo tốt hay không tốt? Quả báo rất tốt. Nếu tôi không bị trục xuất phải ra đi lúc đó, cuộc đời này của tôi hẳn đã không thành tựu. Vì sao vậy? Sự thành tựu của tôi phải nhờ trải qua trăm ngàn rèn luyện trên bục giảng. Dù đạo tràng xưa đối với tôi tốt hơn, cũng không cho phép tôi giảng kinh, tôi không có cơ hội lên bục giảng. Cho nên, nghịch duyên không tốt ấy về sau lại thành quả báo tốt đẹp.

Sau đó tôi gặp Hàn Quán trưởng. Suốt một đời bà, trong 30 năm qua luôn giúp đỡ tôi, thành tựu mọi việc cho tôi, tạo cho tôi cơ hội giảng giải kinh điển. Việc quản lý đạo trường bà ấy hoàn toàn nắm hết. Có rất nhiều người, xuất gia cũng như tại gia, đến nói với tôi rằng: “Hàn Quán trưởng đoạt quyền.” Tôi cười nói, có người cai quản mọi việc, chẳng phải như thế càng tốt hay sao? Tôi không lo gì việc ấy. Cho nên, có những người thấy vậy cho là nghịch duyên, [tiếc cho tôi] sao lại gặp phải một người như vậy?

Trong trường hợp của tôi, đối với tôi thì đó là duyên lành, bà ấy giúp thành tựu cho tôi. Bà ấy việc gì cũng muốn, tôi việc gì cũng giao cho bà, bao nhiêu tham sân si của tôi đều dứt sạch. Cho nên, nhân lành dù gặp duyên xấu, quả báo vẫn là tốt đẹp. Tôi có được thành tựu ngày hôm nay, dù người khác nói rằng bà ấy không tốt, tôi vẫn cảm tạ đại ân đại đức

của bà. Đó là chỗ mà phàm phu thế gian không thể thấy biết được. Đối với nghiệp nhân quả báo, chỉ người có trí tuệ chân chánh mới thấy biết rõ ràng, mới thấu suốt được.

Điều quan trọng, thiết yếu nhất là sự tu dưỡng tâm. Tâm là nhân, hoàn cảnh bên ngoài là duyên. Cho nên, gieo cấy được hạt giống tâm tốt đẹp, đó là nhân tốt, dù gặp nghịch duyên xấu ác, về sau kết quả vẫn là tốt đẹp. Gieo nhân lành được quả lành, gieo nhân xấu nhất định gặp quả báo xấu. Ý nghĩa đó trong bản văn này trình bày hết sức rõ ràng, hết sức sáng tỏ. Vì thế, trong các loại quả báo có hiện báo, đó là khi nhân mạnh mẽ, duyên thù thắng, [ngay lập tức tạo thành quả báo].

Loại quả báo thứ hai gọi là sinh báo. Sinh báo là ngay trong đời này chưa thấy quả báo, đời sang đời sau mới có. Trong thế gian này chúng ta thấy được rất nhiều trường hợp như thế, có những quả báo lành, hoặc quả báo xấu ác, dường như không do nhân tạo ra ngay trong đời này. Có người hiền thiện, tốt bụng, nhưng lại gặp quả báo không tốt, phải sống đời nghèo hèn khốn khó. Lại có người rõ ràng xấu ác, lại được phát tài, cực kỳ giàu sang phú quý. Qua đó chúng ta biết rằng, nhân lành giàu sang phú quý của người ấy là gieo trồng từ đời trước, đến đời này quả ấy thành thực nên được hưởng, còn những nghiệp ác người ấy tạo trong đời này, đến đời sau sẽ nhận quả báo. [Đó gọi là nhân] quả báo [ứng] tương quan trong cả ba đời: [quá khứ, hiện tại và tương lai.]

Loại quả báo thứ ba gọi là hậu báo. [Đối với loại quả báo này,] kể từ đời thứ ba về sau đó, không nhất định thời điểm nào, có khi là cách xa rất nhiều đời, lúc nhân duyên hội đủ, quả báo liền xuất hiện.

Thấu hiểu rõ ràng được những ý nghĩa này, mỗi khi khởi tâm động niệm đều phải tốt đẹp thành thật, tâm địa phải hiền hậu tử tế. Người tâm địa thuần hậu thì nhất định hưởng phước sâu dày. Người tâm địa khắt khe khinh bạc thì nhất

định sẽ gặp tai họa hung hiểm. Ý nghĩa như thế, sự thật như thế, tất cả chúng ta đều phải thấu hiểu rõ ràng.

Có một đoạn chú giải nói rằng: “Tạo tác các việc thiện ác, báo ứng như bóng theo hình.” Đó là dùng hình ảnh thí dụ để minh họa. Hình ở đây là thân thể chúng ta, ở nơi có ánh nắng chiếu liền xuất hiện bóng đen bên dưới. Bóng ấy nhất định luôn đi theo thân hình của ta, không thể rời khỏi. Thí dụ này nói rõ lẽ báo ứng cũng tương tự như thế.

Cho nên, muôn ngàn lần không được hiểu sai, thấy kẻ làm việc ác không chịu quả báo rồi do đó mất đi lòng tin. Người xưa giảng rằng, kẻ làm việc ác mà hiện tại không thấy chịu quả báo xấu ác, đó là phước báo từ đời trước còn chưa hưởng trọn. Ngày nay được hưởng đó, chính là phước báo từ đời trước. Một khi phước báo đời trước đã hết, nghiệp tội xấu ác tràn đầy, quả báo liền xuất hiện.

Cùng một ý nghĩa tương tự như thế, người có tâm thiện, làm nhiều việc thiện, nhưng không thấy được hưởng phước báo ngay trước mắt. Thậm chí có khi quan sát bản thân người ấy, gia đình người ấy, còn thấy gặp rất nhiều tai họa hung hiểm. Nhiều người thấy vậy không còn tin vào luật nhân quả. Những người ấy không hiểu được rằng, ngày nay phải chịu nhiều hung tai hiểm họa, chính là do nghiệp ác đã tạo trong đời quá khứ vẫn còn lưu lại. Đợi khi nhận chịu xong những dư báo xấu ác ấy thì phước báo liền đến. Đó là lúc quả thiện được thành tựu trọn vẹn.

Tâm hiền thiện, hạnh nguyện tốt lành, cho dù ở trong nghịch cảnh nào, gặp phải nghịch duyên nào, cũng quyết không suy giảm, thối thất. Phải giữ lòng tin kiên định, hạnh nguyện tốt đẹp không thối chuyển. Người như vậy đích thực có phước báo.

Ngày trước khi tôi còn cầu học ở Đài Trung, Lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy tôi đọc sách Ngũ chủng di quy của Trần

Hoàng Muu biên soạn. Trong sách có thiên Tâm tướng, thầy đặc biệt chú trọng, bảo tôi nên đọc lại nhiều lần, đọc kỹ nghĩ sâu, nỗ lực làm theo, sửa chữa lỗi lầm.

Người tu hành chân chánh, mỗi ngày đều phải tự kiểm điểm những lỗi lầm của bản thân mình, mỗi ngày đều nhận ra được những sai lầm khiếm khuyết. Như thế nhà Phật gọi là khai ngộ. Người khai ngộ rồi, mỗi ngày đều tự sửa chữa sai lầm khiếm khuyết của bản thân, đó gọi là tu hành chân chánh, là công phu chân thật, phước báo về sau nhiều không thể suy lường.

Việc sửa lỗi nhất định phải bắt đầu từ trong tâm. Tâm là gốc rễ, là cội nguồn sinh ra họa, phước. Một niệm hiền thiện trong tâm thì đó là cội nguồn của phước báo; một niệm xấu ác trong tâm thì đó là cội nguồn của tai họa. Cho nên, họa, phước không cửa vào, đều do người tự chuốc.

Thời xưa, ở nhà có cha mẹ dạy dỗ, đến trường có thầy giáo dưỡng. Chúng sinh ngày nay, thực tế mà nói thật vô cùng bất hạnh, chẳng được ai dạy dỗ. Như lớp người cùng tuổi với tôi còn có được chút duyên may, nên lúc nhỏ được cha mẹ dạy dỗ, khi đi học được thầy dạy dỗ, cũng còn một chút duyên may. Khi đến Đài Loan, vẫn còn chút duyên thầy trò, được sự dạy dỗ, quả thật là muôn phần may mắn. Đó là chuyện mà trong Phật pháp thường nói: “Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.” (Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được.)

Các bậc thầy mà tôi thân cận, cũng có rất nhiều người khác thân cận. Học trò của Tiên sinh Phương Đông Mỹ rất đông, học trò của Đại sư Chương Gia cũng rất đông, học trò của Lão cư sĩ Lý Bình Nam cũng rất đông, nhưng sự thành tựu vì sao chẳng giống nhau?

Tôi từng nói qua với quý vị nguyên nhân này rồi. Đó là lòng hiếu học. Quý vị hiếu học, gặp được những bậc thiện tri thức như vậy liền có sự thành tựu. Tự thân quý vị không

ham học hỏi, dù có gặp cũng bằng như không. Tự mình ham học hỏi là nhân, gặp được bậc đại thiện tri thức là duyên, ấy là duyên lành. Cho nên, điều quan trọng thiết yếu nhất vẫn là nhân đã tạo của chính mình. Tự mình không có nhân sâu dày [trong đời này], thì các nhân ấy chính là trong quá khứ nhiều đời nhiều kiếp đã từng tích lũy, đã từng tu tập mà thành, không phải chỉ trong một đời.

Cho nên, chúng ta nhìn thấy các bậc minh sư có rất nhiều học trò, nhưng số người thực sự thành tựu không nhiều, ý nghĩa là ở chỗ này. Thuận duyên giống nhau nhưng nhân đã tạo không giống nhau, quả báo cũng không giống nhau. Chúng ta hiểu rõ được ý nghĩa này, thấy biết được sự thật này, thì tự biết bản thân mình nên tu học như thế nào.

Ngày nay quý vị đều thấy rõ thế giới này có nhiều tai nạn. Không cần đến những lời tiên tri dự báo từ xưa của phương Đông hay phương Tây, tự chúng ta cũng có thể thấy được. Từ đâu mà thấy được? Từ nơi lòng người. Cổ thư Trung quốc nói rất nhiều về điều này. Lòng người tốt đẹp, tử tế, chân thật thì xã hội bình yên ổn định, người dân được hưởng phúc lành. Nếu lòng người đầy ngờ vực, nghi kỵ, đầy tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, thị phi, nhân ngã... thì xã hội không bình yên ổn định, thế giới ấy không được thái bình.

Trong thực tế, nếu muốn cứu vãn kiếp nạn này thì [việc lưu hành] hai quyển sách Liễu Phàm tứ huấn và Cảm ứng thiên rất hiệu quả. Chúng ta mỗi ngày tụng đọc, vâng làm theo đúng lời dạy trong sách, chân thành niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, như vậy chắc chắn có thể thành Phật. Cho nên, khi các vị đồng môn yêu cầu tôi giảng hai quyển sách này, tôi hết sức hoan hỷ. Trong thời điểm hiện nay mà giảng hai quyển sách này là cực kỳ thích hợp. Trong nhà Phật có nói đến các yếu tố kế cơ và kế lý, đây thật là hết sức kế hợp thời cơ.

Hôm nay thời gian đã hết. Chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ tám

(Giảng ngày 27 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 9, số lưu trữ: 19-012-0009)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Chúng ta đã đọc qua bốn câu đầu tiên, là cương lĩnh tổng quát của Cảm ứng thiên. Đúng như Tư Mã Quang từng nói: “Để tiền bạc cho con cháu, con cháu chưa chắc đã giữ được. Để sách vở cho con cháu, con cháu chưa chắc đã đọc. Tốt nhất là tích lũy công đức, thì con cháu đời sau nhất định có quả báo tốt đẹp.” Phải là người thấu hiểu rõ ràng đạo lý cảm ứng thì mới nói ra được như thế.

Đức Phật dạy rằng, các mối quan hệ giữa cha con, anh em, cho đến giữa người với người, đều không ra ngoài bốn loại duyên nghiệp: báo ân, báo oán, đòi nợ và trả nợ. Nếu không rơi vào một trong bốn loại duyên nghiệp này, thì dù có gặp nhau cũng không quen biết, vẫn là người xa lạ. Trong đời này, nếu bản thân ta phát sinh quan hệ với người khác, nhất định là trong quá khứ đã từng có một trong bốn loại duyên nghiệp như trên với người ấy. Mối duyên nghiệp ấy có khi là thiện, có khi là ác, nếu chúng ta hiểu được rõ ràng sáng tỏ thì nhất định sẽ tự biết bỏ ác làm lành.

Có nợ người khác nhất định phải trả. Người khác lừa gạt, xâm phạm, cướp đoạt của ta, nên nghĩ rằng đó là ta trả nợ cho họ. Nghĩ như vậy thì lòng ta sẽ hết sức thanh thản, hết sức tự tại. Họ lừa gạt ta, trộm cắp, cướp đoạt của ta, vì sao không lừa gạt người khác, không cướp đoạt người khác? Vì những người khác trong quá khứ không có duyên nghiệp với họ. Nói cách khác, trong quá khứ ta đã từng trộm cắp, cướp đoạt của người, nay có nhân duyên gặp lại nhau, người ấy

cũng dùng đúng những phương pháp ấy để lấy lại, nên đích thực là ta đang trả nợ.

Vì vậy, chúng ta phải mừng vui hoan hỷ kết duyên lành với tất cả chúng sinh, không kết duyên xấu ác. Ví như gặp phải duyên xấu ác cũng quyết buông xả, không giữ mãi trong lòng.

Người xưa nói: “Nhân giả vô địch.” (Người có lòng nhân không ai thắng nổi.) Một người nhân từ, có tâm thương yêu, có tâm từ bi, thì trọn đời nhất định không có kẻ thù oán đối nghịch. Điều này phải hiểu thế nào? Kẻ thù oán đối nghịch đương nhiên là có, nhưng trong lòng người ấy thực sự không có. Tâm người ấy từ bi thanh tịnh, dù gặp kẻ oán thù đối nghịch cũng đem lòng chân thành thương yêu bảo bọc, thấy người gặp lúc khốn khổ nguy nan, nhất định sẽ nhiệt tình giúp đỡ, hoàn toàn không ghét bỏ. Người như thế, phước báo ngày sau rất lớn.

Ví như đời trước chúng ta không hề tu phước, phước báo hết sức mỏng manh, nhưng nếu đời này có thể tin vào ý nghĩa cảm ứng, y theo lời dạy mà làm, một lòng hướng thượng, hết sức nỗ lực, thì ngay trong đời này sẽ được phước báo.

Cuộc đời tôi, các vị đồng tu đều biết rõ. Có lẽ kiếp trước tôi từng tu tuệ nhưng không tu phước, nên kiếp này có được chút trí tuệ mà không phước báo. Đời sống vật chất hết sức khó khăn, phải trải qua rất nhiều ngày khốn khổ. Những điều người khác e rằng không chịu đựng nổi, nhưng tôi đã từng trải qua tất cả. Tuy nhiên, tuổi tác ngày càng cao thì phước báo cũng ngày càng tăng thêm. Như vậy, hẳn không phải do đời trước có tu, mà chính nhờ sự tu tập ngay trong đời này. Những điều tôi nói, tất cả quý vị đều đã tận mắt chứng kiến. Những năm tuổi già, tôi làm bất kỳ việc gì cũng hết sức như ý, hoàn toàn không ràng buộc.

Trong nhà Phật nói về ba chuyển pháp luân [là thị chuyển (chỉ rõ), khuyến chuyển (khuyên bảo) và chứng chuyển

(chứng minh)]. Trường hợp của tôi là vì mọi người mà chúng chuyển, nghĩa là vì mọi người mà chúng minh [sự thật nhân quả báo ứng hiện tiền].

Chỉ cần chúng ta thật lòng bỏ ác làm lành, đối với tất cả chúng sinh đều thương yêu chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, không phân biệt kẻ oán người thân, hết thấy đều bình đẳng, thì cho dù không cầu phước báo, phước báo cũng tự đến, không cầu tuổi thọ, tuổi thọ cũng tự nhiên kéo dài.

Những điều như vậy tôi có mong cầu chăng? Không, tôi hoàn toàn không nghĩ đến việc sống lâu nơi thế gian này, hết thấy đều vâng theo sự khuyên dạy của chư Phật, Bồ Tát, chỉ tùy duyên mà sống qua ngày. Ngạn ngữ nhà Phật có câu: “Một ngày làm hòa thượng, một ngày lo động chuông.” Mỗi ngày còn sống ở thế gian này đều vì Phật pháp, đều làm việc tốt vì chúng sinh.

Tôi thật không mong cầu phước báo, không mong cầu danh tiếng địa vị, cũng không mong cầu sống lâu. Hết thấy đều không mong cầu. Những ngày sống [không mong cầu] như thế, sao có thể không tự do tự tại? Một số người tốt bụng, đối với đời sống của tôi hết sức quan tâm lo lắng, thường đến thăm hỏi, tôi đều tùy duyên giải tỏa hết. Cho nên, chúng ta nhất thiết phải thấu hiểu sâu xa rõ ràng về lý lẽ cũng như thực tế của sự báo ứng.

Dưới đây là đoạn thứ ba trong bản văn. Tuy là tiểu đoạn thứ ba, nhưng phân chia trong toàn bản văn thì thuộc phân đoạn thứ nhì. Ý nghĩa của phân đoạn thứ nhì này là nói về việc thiên thần giám sát thế gian. Câu đầu tiên trong đoạn là nói khái quát [ý nghĩa cả đoạn]:

“Thị dĩ thiên địa hữu ty quá chi thân, y nhân sở phạm khinh trọng dĩ đoạt nhân toán.” (Cho nên, trong trời đất có thần chủ trì việc xét lỗi, tùy theo chỗ phạm lỗi nặng nhẹ của người mà định phần tính toán.)

Ở đây nói “trong trời đất”, đó là có thiên thần, quỷ thần. Trong những thiên thần, quỷ thần đó, có một nhóm các vị chuyên làm công việc điều tra [tội lỗi của người]. Nói đến “thần chủ trì việc xét lỗi” chính là chỉ các vị làm công việc giám sát. Các vị này thường ở thế gian quan sát [việc làm của con người].

Chúng ta nên biết, trong kinh Phật có nói thiên thần và quỷ thần đều có đủ năm loại thần thông. Thần thông của họ do phước báo mà có. Trừ ra Lậu tận thông họ không có được, còn các loại Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Thần túc thông họ đều có đủ. Sức thần thông của các vị địa thần kém hơn thiên thần, và đương nhiên các vị thiên thần cũng kém hơn các bậc tu hành chứng quả. Nhưng đối với người thế gian mà nói, năng lực của các vị ấy như thế là quá đủ [để giám sát], mỗi khi chúng ta khởi tâm động niệm, các vị ấy đều biết rõ, đều có ghi chép lưu giữ, đến sau khi chết ta nhất định phải chịu sự phán xét.

Về chuyện phán xét, ở phần sau của bản văn chúng ta sẽ giảng đến rất nhiều. Những gì chúng ta tạo tác, không chỉ là hành vi, mặc dù hành vi là rất quan trọng, mà chỉ cần khởi tâm động niệm thì hết thảy đều là tạo tác. Cho nên, thấu hiểu rõ ràng được sự thật này, chúng ta phải khởi tâm e sợ. Tâm e sợ đó là biết khiếp sợ đối với quả báo xấu ác. Quý vị khởi một niệm ác, làm một việc ác, tương lai nhất định không thể trốn chạy khỏi quả báo xấu ác. Cho nên nói rằng: “Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu.” (Lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt.) Ý nghĩa và sự thật như thế, thời nay rất ít người biết đến.

Đối với những người không có căn lành, không có phước đức, khi ta giảng nói với họ điều này, họ đều cho là mê tín, cho đó là chuyện thần thoại. Họ không thể tin theo, không thể tiếp nhận. Đến khi quả báo hiện ra trước mắt, hối hận không còn kịp nữa.

Những người ấy không thể tin theo là do có lòng nghi. Tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn và nghi ngờ, thủy đều là những phiền não rất nặng nề, gây chướng ngại cho trí tuệ [giải thoát], xui khiến chúng ta tạo tác vô số nghiệp tội.

Trong kinh Phật cũng có nói việc thiên thần giám sát, như kinh Hoa Nghiêm nói rằng, khi một người sinh ra đều có hai vị quỷ thần đi theo, suốt đời không xa lìa. Hai vị thần ấy ở trên hai vai người, tự người ấy không thấy được, người khác cũng không thấy được. Một vị gọi là Đồng Sinh, một vị gọi là Đồng Danh. [Kinh Phật gọi đây là] hai vị thiên nhân, cũng có thể xem là thiên thần. Các vị ấy suốt đời giám sát chúng ta, ngày đêm đều không xa rời, nhưng chúng ta không nhìn thấy được.

Hai vị thần ấy, trong kinh Phật còn có tên gọi khác là Thiện, Ác Đồng tử. Một vị xem xét những việc thiện suốt đời ta, còn vị kia xem xét các việc xấu ác. Chúng ta tránh đâu cho khỏi? Không cách gì tránh khỏi.

Đó là lời Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm. Các kinh Đại thừa nói đến hai vị Thiện, Ác Đồng tử, cũng chính là hai vị Đồng Sinh và Đồng Danh trong kinh Hoa Nghiêm.

Chúng ta học Phật nhưng tin Phật là rất khó. Tôi cũng từng kể với quý vị rồi. Tôi xuất gia được 2 năm mới thọ giới. Sau khi thọ giới, đến Đài Trung gặp lại Lão sư Lý Bình Nam. Lão sư vừa gặp lại liền chỉ vào tôi mà nói ngay: “Ông cần phải tin Phật.” Lúc đó tôi ngây người đứng sững. Tôi học Phật được 7 năm rồi mới xuất gia, xuất gia rồi thì dạy ở Phật học viện, giảng giải Kinh điển. Ngày tôi xuất gia cũng là ngày bắt đầu giảng kinh, dạy học, nên đến lúc ấy đã giảng kinh được 2 năm rồi. Vậy mà Lý lão sư vừa thấy mặt đã chỉ vào tôi, bảo tôi phải tin Phật!

Sau đó Lão sư giải thích với tôi, có rất nhiều người xuất

gia cho đến lúc già chết, bảy, tám mươi tuổi mà vẫn không tin Phật. Khi ấy tôi mới hiểu ra được.

Thế nào gọi là tin Phật? Những lời Phật dạy, quý vị phải thấu hiểu được, phải vâng làm theo, đó gọi là tin Phật. Nếu không thấu hiểu rõ ràng được ý nghĩa, không làm theo được, đó là không tin Phật. Qua đó chúng ta mới hiểu rõ được, có biết bao người suốt đời mặc bộ y phục [xuất gia] này, sống trong chùa chiền nhưng vẫn không tin Phật, không thực sự vâng làm theo lời Phật dạy. Người xuất gia đã vậy, người tại gia cũng vậy. Cho nên, trong niềm tin nhất thiết phải có tâm nguyện, phải có thực hành. Nếu không có tâm nguyện, không có thực hành thì không gọi là tin. Trong niềm tin nhất định phải có trọn đủ “giải” (sự hiểu biết), “hành” (sự thực hành) và “chứng” (sự chứng nghiệm), hợp thành “tín, giải, hành, chứng”.

Giải là đối với những phương pháp, lý luận, cảnh giới mà Phật đã thuyết dạy đều phải thông đạt, hiểu biết rõ ràng.

Hành là phải mang những điều hiểu biết trong Phật pháp áp dụng vào thực tiễn tu tập.

Chúng có nghĩa là chứng nghiệm, kế hợp, thâm nhập giáo pháp.

[Có đủ những yếu tố đó thì] quý vị mới có thể tự mình thực sự tiếp nhận, được lợi ích từ pháp Phật. Trong Phật pháp gọi là được lợi ích chân thật.

Cho nên, đức Thế Tôn trong kinh Kim Cang nói rằng, những lời Phật dạy là “chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cuống ngữ, bất dị ngữ”. Chân, nhất định không thể là giả tạo. Thật, nhất định không thể là hư dối. Như, nhất định là tương ứng, phù hợp với sự thật, không thêm không bớt. Bất cuống, nhất định là không lừa dối, gạt gẫm chúng sinh. Bất dị, nhất định không mơ hồ, khó xác định, không thể hiểu theo nhiều

nghĩa, hoặc tợ hồ như đúng mà lại sai. Phật không nói những lời như vậy. Lời Phật dạy hết sức rõ ràng dứt khoát, khẳng định ý nghĩa chân thật.

Đức Phật dạy rằng, mỗi người đều có hai vị thiên nhân là Thiện, Ác Đồng tử, ngày đêm theo sát cho đến cuối đời, không một giây phút nào rời xa. Mỗi khi khởi tâm động niệm, nói năng hành động, nếu chúng ta luôn nghĩ đến hai vị Thiện, Ác Đồng tử đang ở bên cạnh ta, thì hết thảy mọi ý tưởng, nói năng, hành động của ta, sao có thể không cẩn thận? Lời Phật dạy như thế nhất định không giả dối, không lừa gạt chúng ta.

Chúng sinh từ vô thủy đến nay, tập khí phiền não tích chứa hết sức sâu nặng. Thời xưa có cha mẹ dạy dỗ, có thầy dạy dỗ, có bạn bè khuyên bảo, cho nên hoàn cảnh tu tập hết sức tốt đẹp, con người ít tạo nghiệp ác, làm việc thiện nhiều hơn. Hoàn cảnh trong hiện tại không còn như vậy. Nền văn hóa xưa, những truyền thống ngày xưa, người thời nay không ưa chuộng, không tin nhận, cho nên cha mẹ không dạy dỗ con cái, thầy cô giáo cũng không quan tâm đến việc ấy. Vì vậy, chúng ta suốt đời buông xuôi theo phiền não, buông xuôi theo tập khí, tạo tác vô số nghiệp tội, làm sao không đọa lạc? Làm sao không bị quỷ thần trừng phạt? Mỗi người đã như vậy, toàn gia đình cũng như vậy, cho đến cả thế giới này cũng vậy.

Hiện nay, quý vị thấy một số nhà xuất bản phát hành các sách về tiên tri rất nhiều. Tôi ít khi đến các nhà sách, nhưng có nhiều vị đồng tu mua những sách ấy mang đến cho tôi xem. Hiện nay tôi cũng không cần xem nữa. Các sách ấy nói năm 1999 - 2000 là tận thế, vì người đời làm quá nhiều việc ác, Thượng đế nổi giận phải trừng phạt họ.

Những lời này cũng phù hợp với ý nghĩa cảm ứng. Vì sao người thế gian hết thảy đều làm việc ác? Vì không có ai dạy dỗ. Vì sao không có ai dạy dỗ? Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, vì sao không ra đời dạy dỗ chúng ta? Đó là vì người thế gian

hiện nay không chịu tiếp nhận. Cho nên mới có đại kiếp nạn này.

Hôm qua có một cư sĩ đến gặp tôi, hỏi rằng kiếp nạn này có thể tránh được chăng? Tôi nói thật lòng, rất khó tránh được. Về mặt lý luận, phương pháp để tránh khỏi thì nhất định là có, chỉ có điều không cách gì áp dụng được vào thực tế. Ai là người có thể tự mình sửa lỗi, làm lại cuộc đời? Ai là người có thể buông xả lợi ích tự thân, vì xã hội, vì chúng sinh phụng sự? Nếu mọi người không buông bỏ được lợi ích riêng tư, vẫn theo nếp cũ mà làm những việc hại người hại mình, thì kiếp nạn này quả thật không cách gì tránh được.

Cho nên, phải thấu hiểu rõ ràng sự thật là “trong trời đất có thần chủ trì việc xét lỗi”. Ở đây tôi chỉ giới thiệu hai vị thần trong kinh Hoa Nghiêm nói đến là Đồng Sinh và Đồng Danh. Ngoài hai vị này, trong trời đất còn có vô số quỷ thần giám sát thế gian, ghi chép những việc thiện ác của người đời, các tôn giáo đều có nói đến, đều có ghi chép. Chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng hành động, làm sao che giấu được? Cho nên, chúng ta nhất định phải tự mình thấu hiểu, tự mình khắc phục những phiền não của mình, khắc phục những tập khí xấu ác của mình, sửa chữa lỗi lầm, tự hoàn thiện bản thân mình, nỗ lực tu thiện.

Chúng ta không mong cầu quả báo ngay trong đời này, cầu cho đời sau. Đời sau sẽ được phước báo lớn lao, nhất định lại càng hướng thượng vươn lên. Mục tiêu vươn lên của chúng ta đều là hướng về thế giới Cực Lạc. Quý vị phải thường suy ngẫm việc mình tu dưỡng tâm địa như thế nào, nói năng như thế nào, ứng xử với người khác, tiếp xúc với muôn vật như thế nào, liệu có đủ tư cách để đến thế giới Cực Lạc hay chăng? Suy ngẫm như vậy rồi thì tự nhiên biết được việc chúng ta niệm Phật cầu vãng sinh có nắm chắc kết quả hay không.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ chín

(Giảng ngày 28 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 10, số lưu trữ: 19-012-0010)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đã giảng đến câu: “Trong trời đất có thần chủ trì việc xét lỗi, tùy theo chỗ phạm lỗi nặng nhẹ của người mà định phân tính toán.”

Đó là sự thật, tuyệt đối không chỉ là phương tiện do chư Phật, Bồ Tát hay các vị hiền thánh xưa bày đặt ra để khuyên răn người đời bỏ ác làm lành. Nếu chúng ta nhìn nhận việc này như thế thì thật sai lầm, vì không biết rằng những gì các bậc hiền thánh nói ra đều là chân thật, nhất định không có sự lừa dối.

Việc khuyên răn, chỉ bày cho người đời có rất nhiều phương pháp, cách thức, nhất định các ngài không thể dùng đến phương pháp lừa dối, không chân thật. Vì nếu người đời chỉ một lần phát hiện sự lừa dối, thì về sau dù nói bất cứ điều gì họ cũng sẽ không tin. Trên thế giới có nhiều quốc gia, chẳng hạn như nước Mỹ, nước Úc... cũng giống như vậy. Nếu quý vị đối với các cơ quan chính phủ có một lần gian dối, họ đều đưa vào hồ sơ lưu trữ, sau này dù quý vị nói bất cứ điều gì họ cũng đều không tin. Pháp thế gian mà còn như vậy, huống chi chư Phật, Bồ Tát là các bậc đại thánh, đại hiền? Lời dạy của các ngài, chúng ta phải tin nhận và nghiêm túc thực hành.

Dù vậy, chư Phật, Bồ Tát cũng từng dạy rằng, trong trời đất tuy có các vị thần giám sát việc thiện ác của người, nhưng một khi ta có sự chuyển đổi tâm ý thì tình huống sẽ thay đổi. Các bậc thánh trong thế gian dạy rằng: “Khắc niệm tác

thánh.” (Chế ngự được ý niệm là bậc thánh.) Ý niệm ở đây chỉ cho các vọng niệm. Chế ngự được vọng niệm thì quý vị trở thành bậc thánh, mà thần minh trong trời đất đối với các bậc thánh hiền đều rất tôn kính, luôn theo bảo hộ. Cho nên lúc này tình huống sẽ hoàn toàn khác trước. Cho đến cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát thì lại càng cao hơn thế nữa.

Vì vậy, trong phần chú giải có một đoạn dẫn kinh Hoa Nghiêm, theo sau là lời giải thích của các bậc tổ sư, đại đức, dạy ta rằng trong công phu tự khắc phục mình cần phải khởi đầu từ chỗ khó khắc phục nhất. Khắc phục chính mình là tự sửa lỗi lầm, hoàn thiện bản thân. Chúng ta cần phải tự xét lại mình, xem trong đời sống thường ngày có những thói hư tật xấu nào là lớn nhất, quan trọng nhất. Phải từ nơi thói hư tật xấu lớn nhất đó mà bắt đầu tu sửa. Với thói hư tật xấu lớn nhất, khó sửa chữa nhất mà ta khắc phục được rồi, thì những thói hư tật xấu nhỏ nhất hơn đều sẽ dễ dàng.

Đặc biệt trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta đã thấy lan truyền rất nhiều lời tiên tri trong truyền thuyết xa xưa, dễ dàng tìm thấy ở khắp nơi. Đa số trong đó đều tập trung dự báo vào các năm 1999, 2000 và 2001, nói rằng trong ba năm đó thế giới sẽ phát sinh tai nạn rất lớn.

Tai nạn từ đâu sinh ra? Là từ nghiệp ác của chúng sinh chiêu cảm mà sinh ra. Đó là nguyên lý cảm ứng. Những gì truyền thuyết nói chưa hẳn đã đúng. Nhưng khi quan sát kỹ đạo đức xã hội cũng như lòng người, ta sẽ thấy lòng người hiện nay đi ngược lẽ thường, phản bác, chống lại hết thảy các pháp lành, mừng vui hoan hỷ tiếp nhận các pháp xấu ác. Muồi nghiệp lành thì người người nghe đến đều lắc đầu. Tạo muồi nghiệp xấu ác thì ai nấy đều đồng thuận. Quý vị nói xem, như vậy còn có phương pháp gì [cứu vãn được] nữa? Tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, lừa dối người khác, mỗi một ý niệm đều chỉ nghĩ đến việc không chế hết thảy mọi

người, mọi việc; chỉ nghĩ đến việc chiếm hữu hết thầy muôn người, muôn vật, toàn ra sức làm những việc hại người để mong lợi mình.

Nhưng thật ra tôi đã giảng về điều này rất nhiều lần, việc có hại cho người khác nhất định không thể có lợi cho mình. Những kẻ ấy do nhận thức sai lầm, cho rằng gây hại người khác có thể làm lợi cho mình. Nhưng hại người chính là hại mình. Trong hiện tại được chút lợi ích rất nhỏ nhoi, mà sau khi chết nhất định phải đọa vào ba đường ác, chịu nhiều khổ não. Thấu hiểu rõ ràng được ý nghĩa này, nhận biết được sự thật này, thì một chút khổ nhọc trước mắt nào có đáng gì! Đời sau sẽ được phước báo trong hai cõi trời, người. Thù thắng hơn nữa là niệm Phật được vãng sinh làm Phật, làm Tổ. Đó mới là lợi ích chân thật hết sức lớn lao.

Quý vị muốn được lợi ích chân thật thì phải tu tập sửa chữa những thói hư tật xấu của mình, không thể không sửa, nhất định phải sửa.

Hết thầy chúng sinh cùng với chư Phật, Bồ Tát có điểm khác biệt là: tâm Phật chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Cho nên, tâm Phật, Bồ Tát với tâm phàm phu hoàn toàn trái ngược nhau. Tâm phàm phu thì hư ngụy, giả dối, nhiễm ô, phân biệt cao thấp, luôn nghĩ đến lợi ích riêng tư. Thực sự muốn sửa lỗi thì phải từ trong tâm mà sửa, nếu có thể chân chính đạt được tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, thì nghiệp chướng từ vô số kiếp đều được tiêu trừ. Như trong kinh điển Đại thừa thường nói: “Tâm bao thái hư, lượng chu sa giới.” (Tâm lớn như hư không, bao trùm hết thầy các thế giới.)

Chúng ta đều từng nghe qua lời Phật dạy: “Từ bi vi bản, phương tiện vi môn.” (Từ bi là căn bản, phương tiện là cửa vào.) Từ bi là tâm thương yêu chân thành. Tình thương yêu thanh tịnh, bình đẳng gọi là từ bi. Tâm thương yêu như thế

lớn rộng bao trùm hư không, biến hiện cùng khắp pháp giới. Chúng ta thấy trong tôn giáo khác thường nói: “Thượng đế thương yêu người đời.” Do đó có thể biết rằng, cùng khắp pháp giới trong hư không chỉ có một điều thực sự bao quát, đó là tâm thương yêu. Có thể thương yêu hết thảy chúng sinh trong cùng khắp pháp giới giữa hư không, đó là thực sự thương yêu chính mình.

Đối với ý nghĩa, sự thật về nghiệp nhân quả báo, trong kinh điển đã giảng giải hết sức rõ ràng, sáng tỏ. Chúng ta tu học được [đến mức như vừa giảng trên], quý vị thử nghĩ xem, các vị “thần xét lỗi trong trời đất” còn có thể ghi chép lỗi lầm của ta, định đoạt [số mạng] của ta được chăng? Hoàn toàn không thể được. Vì chúng ta đã vượt qua phạm vi quyền hạn của họ. Nhưng chỉ cần quý vị sinh khởi vọng tâm, còn giữ vọng tưởng phân biệt bám chấp, thì mỗi một ý tưởng hay việc làm mờ ám đều nằm trong phạm vi quyền hạn trách phạt của các vị quý thần trong trời đất, không cách gì vượt qua quyền hạn ấy. Quý vị phải thấu hiểu rõ ràng điều đó.

Trong phần chú giải có câu chuyện về tiên sinh Vương Dụng Dư, nêu được một điển hình kết quả tu tập có ý nghĩa rất hay, rất tốt đẹp, đáng để chúng ta lưu tâm cảnh tỉnh. Câu chuyện này là sự thật, không phải giả dối, chứng minh rõ ràng điều mà người đời thường nói: “Nhất ẩm nhất trác mạc phi tiên định.” (Mỗi một miếng cơm ngậm nước đều đã định trước.) Vậy ai là người định trước? Chính là bản thân ta. Dứt ác tu thiện, tích lũy công đức thì được quả báo tốt đẹp. Tiên sinh Vương Dụng Dư ba đời tu tích phước đức, từ ông nội đến cha, rồi đến đời của ông ấy, suốt đời chưa từng lừa dối bất cứ ai. Trong việc ứng xử với người, tiếp xúc muôn vật, đều giữ tâm chân chính tốt đẹp, có thể từ bỏ lợi ích riêng tư để làm lợi cho người khác, vui vẻ giúp đỡ mọi người, hết lòng hiếu thuận với cha mẹ, hòa kính anh chị em, cho nên chiêu cảm được những điều hết sức rõ ràng trong chuyện tích của ông.

Thời xưa thi cử là đường công danh, phải tham gia kỳ thi tuyển của cả nước. Chúng ta từng nghe nhiều người kể lại, việc tham gia thi cử như thế có được trúng tuyển hay không, một phần là do âm đức. Âm đức tích lũy của mỗi người, một phần là do ông bà tổ tông nhiều đời tích lũy, cho đến đời người ấy thì được phát lộ, hiển đạt. Cho nên, mọi chuyện lành dữ, họa phúc đều do sự tu sửa tốt xấu mà thành, cần phải hiểu rõ như vậy. Tâm còn chưa sáng tỏ, chưa thấy được tự tánh, thì hết thấy [công đức] đều nhờ sự tu sửa mà đạt được, chúng ta phải đặc biệt lưu ý điểm này.

Nói về người xuất gia, hôm trước tôi nghe Pháp sư Tường Vân ngã bệnh, mà bệnh hết sức đột ngột, hiện nay đang nằm trong bệnh viện, hoàn toàn bất tỉnh, không biết gì nữa. Vì sao người xuất gia đến lúc ra đi lại không bằng người tại gia? Tôi ở đây từng thấy người tại gia niệm Phật vãng sinh, hiện điềm lành hiếm có. Năm ngoái, ông Hội trưởng Hội Quán Âm Cứu Khổ là Lâm Y Sanh vãng sinh, tôi có đến viếng. Tôi cùng rất nhiều vị đồng học đến hỗ trợ ông, trợ niệm cho ông. Lúc ông ấy sắp ra đi, thần trí sáng suốt, nói với mọi người: “Tôi không nhìn thấy quý vị nữa, chỉ thấy một đạo hào quang.” Ông nói vậy rồi ra đi.

Những chuyện nhìn thấy Phật, Bồ Tát tiếp dẫn người vãng sinh, chúng ta được nghe rất nhiều. Thậm chí rất nhiều người đọc kinh, niệm Phật có được những sự cảm ứng không thể nghĩ bàn. Những sự cảm ứng như vậy, chúng ta biết rõ nhưng không nói ra. Chỉ cần đem tâm chân thành tu tập, dứt ác tu thiện, tự sửa lỗi mình, hoàn thiện bản thân, chân thành niệm Phật cầu sinh Tịnh độ thì nhất định sẽ được vãng sinh.

Ở cuối đoạn văn [chú giải] trên nêu một câu chuyện nhỏ. Vào đời Tống có An Thiên sư ở chùa Quang Hiếu, trong khi nhập định nhìn thấy hai vị tăng trò chuyện cùng nhau. Ban đầu, lúc họ trò chuyện có thiên thần hiện đến chung quanh ủng hộ. Nhưng rồi không lâu sau, các thiên thần bỏ đi. Sau

đó, một đám ác quỷ hiện đến vây quanh họ, nhỏ nước bọt vào họ rồi mắng nhiếc. Do nguyên nhân gì vậy? Đó là vì hai người xuất gia ấy trước hết nói chuyện Phật pháp, nên thiên thần hiện đến ủng hộ. Sau đó, họ mang chuyện gia đình ra nói, thiên thần liền bỏ đi. Sau nữa họ nói chuyện gì? Là những chuyện danh vọng, lợi dưỡng, nên ác quỷ liền kéo đến.

Quý vị nên hiểu rõ điều này mỗi khi khởi tâm động niệm. Một niệm chân chánh hiền thiện liền được chư Phật hộ niệm, hàng trời, rồng đều ủng hộ. Một niệm xấu ác vừa khởi sinh, lập tức yêu ma quỷ quái liền kéo đến. Cho nên, bàn luận chuyện thế gian đều bị quỷ thần khiển trách. Nghĩ đến danh vọng, lợi dưỡng là tạo ra nghiệp tội.

Chúng ta quan sát những nghiệp thân, khẩu, ý mà người đời hiện nay tạo tác, nói thật ra thì so với người xuất gia chỉ có hơn chứ không thua kém. Người đời còn thảo luận Phật pháp, [người xuất gia] ngày nay gặp mặt chỉ toàn nói chuyện danh vọng, lợi dưỡng, mấy ai còn thảo luận Phật pháp? Cho nên chúng ta cần hiểu rõ, thế gian ngày nay đạo pháp suy yếu, yêu ma lớn mạnh, việc hoằng pháp lợi sinh làm sao không gặp chướng ngại? Điều quan trọng là chúng ta phải giữ tâm chân chính, làm việc chân chính, còn sống được một ngày là một ngày chỉ làm việc tốt đẹp. Trong các việc tốt đẹp thì thù thắng nhất chính là hoằng pháp lợi sinh.

Cho nên, có người đến hỏi tôi làm sao xây dựng đạo tràng? [Tôi nói,] xây dựng đạo tràng không khó, chỉ khó là nơi ấy liệu rồi có đạo hay không? Thế nào là có đạo? Nhất định phải có giảng kinh. Mỗi ngày đều phải giảng kinh, mỗi ngày đều phải niệm Phật. Ba ngày không giảng kinh, ba ngày không niệm Phật thì nhiều luồng ý kiến [khác biệt] nổi lên, mọi người đều suy bậy nghĩ bạ, mỗi người đều có sự phân biệt, mỗi người đều có sự bám chấp. Như thế không phải đạo tràng. Quý vị cần hiểu rõ ý nghĩa này.

Nhân tài có khả năng hoàng pháp cần được tích cực bồi dưỡng. Nhân tài như thế từ đâu bồi dưỡng mà thành? Từ trên bục giảng kinh rèn luyện mà thành. Nếu quý vị không thể mỗi ngày đều lên bục giảng kinh, thì làm sao giảng cho hay được? Nếu muốn giảng một bộ kinh cho hay, cho thấu triệt, thì mỗi ngày đều phải lên giảng đường luyện tập. Phải hết sức thành khẩn, hết sức cung kính tiếp nhận mọi sự phê bình, chỉ dạy của đại chúng, một lòng hướng thượng sửa chữa lỗi lầm, hoàn thiện bản thân, như vậy thì tự mình mới có sự tiến bộ. Thực sự muốn giảng được hay, không chỉ là phải nắm vững phương pháp, khuôn mẫu, kỹ năng khéo léo, mà còn phải thực sự có tâm đạo, mỗi câu mỗi chữ đều từ trong tâm tánh lưu xuất, hiển lộ, như thế mới là chân thật.

Đó đều là do công phu tu tập chân chính của tự thân mà có được. Nếu không có công phu tu tập chân chính, dù có đủ những kỹ năng khéo léo cũng không thể đạt được hiệu quả. Nhất định phải dùng việc làm của tự thân để giáo hóa người khác. Tự mình có công phu tu tập mới có thể giúp đỡ, hỗ trợ người khác, mới có thể làm sinh khởi tác dụng cảm ứng giao hòa trong đạo pháp.

Một câu trong Cảm ứng thiên [hôm nay bàn đến] đã cảnh tỉnh chúng ta, khích lệ chúng ta, giúp chúng ta biết được đúng thật như người đời thường nói: “Ngẩng đầu ba thước có thần minh.” Nhất định đây không phải lời nói dối, nhất định không phải sự lừa gạt. Chúng ta cần phải có sự cảnh tỉnh, kiêng sợ [việc ác], một lòng hướng thượng nỗ lực tu học, hy vọng vươn cao khỏi cảnh giới của mình, vượt ra ngoài phạm vi quyền hạn của quý thân. Đó là sự thành công đích thực.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ mười

(Giảng ngày 29 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 11, số lưu trữ: 19-012-0011)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Mời quý vị xem phần chính văn Cảm ứng thiên. Câu thứ tư bắt đầu là: “Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn.” (Tính toán giảm thì nghèo khó hao tổn, gặp nhiều buồn lo hoạn nạn.) Đó là một câu mở đầu, nêu lên một vấn đề. Từ đây đến câu thứ 9 “toán tận tắc tử” (Tính toán giảm hết thì phải chết) đều là giảng rõ chi tiết về vấn đề này.

Những gì gọi là “toán”? Toán là tính toán, phán định, như ta thường nói là thêm bớt, bù trừ. Vận mạng tất nhiên là có. Do nghiệp đã tạo từ đời trước chiêu cảm mà có quả báo. Ví như trong đời này không làm được việc thiện rất lớn lao, hoặc không tạo nghiệp quá xấu ác, thì nói chung là vận mạng trong đời sẽ diễn ra chính xác như đã định trước. Điều này có một số người giải thích thành thuyết định mạng. Ngạn ngữ thì nói rằng: “Nhất sinh giai thị mạng, bán điểm bất do nhân.” (Việc trong một đời đều do vận mạng, chẳng có gì do người định đoạt.) Như thế đều là nói trong trường hợp không làm được việc thiện lớn lao, cũng không tạo nghiệp quá xấu ác.

Nhưng nếu người phát tâm làm việc thiện, phước báo trong “định mạng” của người ấy sẽ tăng thêm. Nếu làm việc xấu ác, phước báo đã có từ đời trước sẽ bị giảm bớt. Cho nên, mỗi ngày đều có sự thêm bớt, bù trừ. Mỗi ngày khi chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng hành động, [tùy theo thiện ác mà] đều có sự thêm bớt, bù trừ. Mức độ thêm bớt, bù trừ như thế thường không lớn, nên vận mạng một người vẫn có thể được người khác tính toán, đoán được phần nào chính xác.

Vận mạng mỗi người là như thế, của cả một gia đình cũng thế, cho đến của một đoàn thể, một quốc gia hay cả thế giới cũng đều như thế, không ra ngoài lẽ ấy. Quý vị thấy trên thế giới có rất nhiều nhà tiên tri, dự báo, nói về những điều lành dữ, họa phúc của thế giới này. Cho nên nói chung, hết thảy đều có định số.

Định số của mỗi người không phải do Phật, Bồ Tát định sẵn, cũng không do thân mình định sẵn. Vậy ai là người định sẵn? Vận mạng của mỗi người chính là do tự thân người ấy tạo thành. Vận mạng của mỗi gia đình chính là do cả gia đình tạo thành, là cộng nghiệp của mọi người trong gia đình ấy. Vận mạng của thế giới là cộng nghiệp của tất cả mọi người trong thế giới ấy. Cứ xem một người làm những việc gì thì biết được quả báo của người ấy thế nào. Gieo nhân lành ắt được quả lành, gieo nhân ác nhất định chiêu cảm quả báo xấu. Đó là lẽ chân thật. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện giữa thế gian, chỉ thuần làm việc thiện, không có việc ác, đó cũng là không ra ngoài lẽ nhân quả chân thật.

Quý vị thấy người xưa giảng kinh Pháp Hoa có “nhất thừa nhân quả”, kinh Hoa Nghiêm có “ngũ chu nhân quả”, hết thảy đều không xa lìa định luật nhân quả. Cho nên trong Phật pháp nói rằng: “Vạn pháp giai không, nhân quả bất không.” (Muôn pháp đều là không, nhưng nhân quả thật có.)

Vì sao nhân quả là thật có? Vì sự chuyển biến của nhân quả là thật có. Nhân rồi biến thành quả, quả lại biến thành nhân [của quả] theo sau nữa. Nhân quả cứ thế mãi mãi xoay vần, mãi mãi lưu chuyển, cho nên nói nhân quả là thật có. Nghiệp nhân, quả báo như thế, những việc lành dữ, họa phúc mãi mãi xoay vần. Đó là sự tương tục thật có, là ý nghĩa quan trọng, là chân tướng sự thật.

Cho nên đức Phật dạy chúng ta phải lìa hình tướng. Hình tướng của thế gian không được bám chấp, cho đến hình tướng

trong Phật pháp cũng không vướng chấp. Trong kinh Kim Cang nói rất hay: “Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp.” (Pháp còn phải buông xả, huống chi những điều không phải pháp.) Pháp ở đây là Phật pháp, Phật pháp mà còn phải buông xả. Đó là vì Phật pháp cũng do nhân duyên sinh ra. Các pháp do nhân duyên sinh ra đều không có tự tánh, ngay nơi tự thể như thế đã là không, rốt cùng đều không thể nắm bắt. Dù là pháp thế gian hay Phật pháp cũng không ra ngoài lẽ ấy. Cho nên, hết thấy đều không được bám chấp. Phân biệt, bám chấp đều là sai lầm. Nếu đạt được đến [cảnh giới] không phân biệt, không bám chấp, thì pháp thế gian với Phật pháp đều không sai khác.

Những ý nghĩa này, trong kinh điển Đại thừa có giảng rất nhiều. Chúng ta cần chú tâm nhận hiểu. Hết thấy hiện tượng đều phải chú tâm quan sát kỹ thì mới có thể thực sự được phần lợi ích, phá trừ si mê, mở ra giác ngộ, xa lìa khổ não, đạt đến an vui.

Chúng ta quan sát hoàn cảnh khái quát hiện nay, đời sống của cả thế giới này đều đang loạn động. Đáng sợ nhất là sự tạo nghiệp của chúng sinh. Nghiệp ác quá nhiều thì quả báo sẽ hiện ra ngay trước mắt.

Người xưa nói, người làm việc ác không gặp quả báo xấu trong hiện tại, không phải do không quả báo, chỉ là chưa đến lúc. Những sự thật như vậy trong quá khứ, lịch sử đều có ghi lại. Toàn bộ lịch sử đều là ghi chép những chuyện nhân duyên quả báo. Những hiện tượng [nhân quả] như vậy hiện nay cũng hiển hiện trước mắt chúng ta. Cứ xem tư tưởng, lời nói, việc làm của một người như thế nào, thì quả báo tương lai của người ấy là thiện hay ác, lành hay dữ, họa hay phúc, chẳng phải đã hết sức sáng tỏ, rõ ràng rồi sao?

Những người trong quá khứ tu phước, đời này lại không biết tiếp tục tu phước, chỉ chuyên làm việc xấu ác thì phước báo dần dần giảm đi, đó gọi là “toán giảm”.

“Bần” là nghèo khó, tiền bạc mất mát. “Hao” là hao tổn, đến mức nghiêm trọng nhất thì cửa nhà tan nát, nhân mạng tiêu vong, cho đến đất nước diệt vong.

“Đa phùng ưu hoạn” là gặp nhiều buồn lo hoạn nạn, chính là đời sống của chúng ta ngày nay trong thế giới này.

Hai câu này chính xác là mô tả rõ ràng đời sống của ta hiện nay. Chúng ta trong đời quá khứ cũng xem là có tu tích một phần phước báo, đời nay làm việc ác, quả báo xấu chưa đến, vẫn còn phước báo ngày trước lưu lại được hưởng. Như vậy thì phước báo ngày trước tu tích cũng không ít. Do đó có thể biết được, nếu như chúng ta đời này không làm việc ác, nỗ lực làm lành, thì phước báo tạo được trong đời này nhất định sẽ còn hơn xa phước báo đang được hưởng.

Ý nghĩa này, nếu không phải người thực sự trải nghiệm thấu đáo thì dù quý vị có vì họ giảng nói họ cũng không tin. Vì sao không tin? Vì mê muội, hết sức mê muội. Sự mê muội đó không phải không có nguyên nhân. Đó là vì những gì họ nhìn thấy hoặc tiếp xúc hiện nay, xem ra không giống với lời dạy của người xưa. [Đối với họ,] lời dạy của người xưa giống như một kiểu lý tưởng, chẳng phải sự thật. Họ nhìn thấy sự thật không phải như vậy. Họ tin vào sự thật mà họ nhìn thấy.

Thật ra, cái nhìn của họ là sai lầm. Chúng ta có thể khẳng định họ sai lầm. Vì sao có thể khẳng định như vậy? Tâm thức người xưa tĩnh lặng, người thời nay thì nông nổi, nóng nảy nên tâm thức loạn động. Cũng tương tự như nước, khi mặt nước yên tĩnh thì phản chiếu rõ ràng như gương soi, mọi hình ảnh phản chiếu đều rõ ràng. Mặt nước nếu gợn sóng nhấp nhô thì mọi hình ảnh phản chiếu không còn rõ ràng được nữa. Từ ý nghĩa đó quý vị có thể suy ngẫm kỹ hơn để thấy, khi tâm thức thanh tịnh thì nhìn việc gì cũng thấy được rõ ràng. Tâm thức nông nổi, loạn động thì nhìn việc gì cũng thấy sai lầm.

Cho nên, chúng ta tin tưởng vào lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, của các bậc hiền thánh xưa là dựa vào đâu? Là vì tâm các ngài đều thanh tịnh, không nhiễm ô như tâm chúng ta. Suy nghĩ trong lòng ta hiện nay như gió to sóng lớn, điều này mỗi người phải tự thấy rõ. Tâm thức chúng ta bị nhiễm ô nghiêm trọng, từ sáng đến tối toàn chạy theo những điều thị phi, nhân ngã. Tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, mỗi ngày đều tăng trưởng. Như vậy thì đối với nhân sinh, vũ trụ, ta làm sao có khả năng nhìn thấy rõ ràng? Chúng ta làm việc đều chạy theo những vọng tưởng, bám chấp của bản thân mình, lẽ nào lại không tạo ra nghiệp ác?

Ngày nay học Phật nếu muốn thành tựu, nếu muốn có chút lợi lạc, nhất định phải buông bỏ những thành kiến của tự thân, phải thừa nhận những thành kiến của riêng mình là sai lầm, phải gấp gấp quay đầu, hối cải lỗi lầm, hướng về giác ngộ, y theo lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát mà tu học, từ chỗ căn bản mà bắt đầu.

Trong Quán Kinh giảng về Tam phước, dạy chúng ta bắt đầu làm từ việc “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự bậc sư trưởng, giữ tâm từ không giết hại, tu mười nghiệp lành”. Hỏi thế nào là hiếu, thế nào là dưỡng, chẳng ai biết cả! Lại hỏi thế nào là phụng sự, cũng chẳng ai biết cả! Hiện nay nhiều người nhìn vào mấy chữ này đều tự cho mình là hoàn hảo, rằng mình đã làm được, điều đó cũng chẳng có gì lạ. Những người ấy tự mình đều làm được, hết thầy đều làm rất tốt, đều làm rất trọn vẹn, vậy thì họ đã thành Phật, thành Bồ Tát rồi!

Ngày nay, ở thế gian này, có những người tự xưng là Phật này Phật kia tái sinh, là Bồ Tát này Bồ Tát nọ tái sinh, điều đó cũng không trách họ. Tự thân họ cho rằng mình đã thành Phật rồi. Trong kinh điển đức Phật dạy rằng, chư thiên ở cõi trời Tứ thiên, Tứ không tự cho rằng họ đã thành Phật, thành Bồ Tát. Hiện tại không cần phải lên đến cõi trời Tứ không,

ngay tại đây những người ấy cũng đều thành Phật, thành Bồ Tát cả rồi! Thật là một sự nhận hiểu sai lầm!

Chữ hiểu, chữ dưỡng đều mang ý nghĩa sâu rộng, sâu rộng đến mức không có giới hạn, chúng ta liệu đã hiểu được bao nhiêu? Bồ Tát ở địa vị Đẳng Giác vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa dứt hết, nên các ngài đối với hai chữ hiểu dưỡng vẫn còn một phần khiếm khuyết, chưa được trọn vẹn. Ý nghĩa như vậy mấy ai hiểu được? Chỉ khi chứng đắc quả Phật Như Lai thì việc hiểu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng mới thực sự trọn vẹn. Do đó có thể biết rằng, nếu thực sự đem hết sức mình hiểu dưỡng, phụng sự thì người như thế đã đạt đến quả vị của bậc thánh nhân, mức thấp nhất cũng là địa vị Bồ Tát Sơ tín theo Viên giáo.

Theo tiêu chuẩn này mà nói, khi 88 phẩm kiến hoặc trong ba cõi chưa dứt trừ hết, thì đối với ý nghĩa hiểu dưỡng, phụng sự như Phật dạy quý vị chưa làm được gì cả. Quý vị có hiểu dưỡng, phụng sự, cũng chỉ là theo pháp thế gian, là việc nằm trong sáu đường luân hồi. Dứt trừ được hết 88 phẩm kiến hoặc, sự hiểu dưỡng, phụng sự của quý vị mới đúng theo tiêu chuẩn Phật dạy, mà là tiêu chuẩn thấp nhất. Quý vị có thể làm được vậy chăng?

Nếu như niệm Phật cầu vãng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc, thực sự được vãng sinh rồi, thì sự hiểu dưỡng, phụng sự của quý vị có thể nói đã đạt được một nửa. Đó là theo tiêu chuẩn Phật dạy. Thế nhưng quý vị niệm Phật, nhất tâm cầu sinh Tịnh độ, liệu có thực sự được sinh về Tịnh độ hay không? Nếu thực sự vãng sinh thì được. Nếu có niệm Phật nhưng không vãng sinh thì [chuyện hiểu dưỡng, phụng sự xem như] không được.

Vì sao [niệm Phật] không được vãng sinh? Quý vị phải suy ngẫm, nhất định phải dứt trừ hết những nguyên nhân khiến mình không được vãng sinh. Đại sư Trí Giả dạy ta

phương pháp [làm được điều đó]. Chúng ta phải suy đi nghĩ lại cho thật kỹ lưỡng. Chư Phật, Bồ Tát thực sự có lòng từ bi rộng lớn vô biên, dùng phương pháp “Ngũ đình tâm quán” (Năm phép quán định tâm) giúp ta hỗ trợ việc tu tập, giúp ta phá trừ thị phi, nhân ngã, phá trừ những phiền não như tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn.

Chư Phật quả thật có phương pháp hay, chỉ có điều chúng ta lại không chịu làm. Nếu y theo phương pháp Phật dạy mà làm, ắt phải có hiệu quả, cho dù chưa dứt trừ hết phiền não ba độc [tham, sân, si], nhất định cũng hàng phục được, nghĩa là làm cho chúng giảm nhẹ đi. Phiền não giảm nhẹ thì trí tuệ tăng trưởng. Nếu quý vị không chịu một lòng hướng thượng nỗ lực tu học thì còn có phương pháp nào khác nữa?

Chúng ta vãng sinh phải đạt đến mức nào? Mức thấp nhất là Phẩm vị thứ năm [theo tông Thiên Thai, tức Chánh hành Lục độ]. Đại sư Trí Giả vì chúng ta thị hiện, khi ngài vãng sinh, các đệ tử thưa hỏi ngài vãng sinh phẩm vị thế nào, ngài đáp là vãng sinh Phẩm vị thứ năm. Phẩm vị thứ năm là sinh về nơi vẫn còn hai bậc phàm, thánh. Nói thật ra, Ngũ đình tâm quán hay Phẩm vị thứ năm [theo tông Thiên Thai], hết thấy chúng sinh đều có thể làm được. Đại sư Trí Giả dạy chúng ta phương pháp ấy, tự thân ngài lại nêu gương thực hiện và thành tựu phương pháp ấy, quả thật là lòng từ bi rộng lớn vô biên.

Chúng ta hãy bình tĩnh quan sát thế giới này, quan sát hoàn cảnh cuộc sống của chính mình, chúng ta ngày nay đúng thật là “gặp nhiều buồn lo hoạn nạn”. Người sống trong thế giới ngày nay, mấy ai có được cảm giác thân tâm an toàn? Sống trong thế giới không thấy an toàn, thật đáng thương, thật đau khổ biết bao. Đó là sự bất hạnh của chúng ta khi sinh vào thế giới loạn lạc này.

Trong thế giới đại loạn, chúng ta có thể đạt được sự an ổn

thân tâm hay không? Câu trả lời là được. Nhưng chỉ trong Phật pháp, trong sự giáo dục của thánh hiền, chúng ta mới có thể đạt được điều đó. Cần phải thấu hiểu sự thật này. Phải tự biết mình từ đâu đến, sẽ đi về đâu; phải biết được mọi thứ nghiệp nhân quả báo khác nhau trong thế gian này, thì trong tâm ta mới được an ổn. Đó gọi là “lý đắc tâm an” (thông đạt lý lẽ thì tâm an ổn). Nhận hiểu rõ ràng thấu đáo được ý nghĩa chân lý thì tâm an ổn. Nếu ý nghĩa ấy, sự thật ấy quý vị không thấu hiểu rõ ràng, thì tâm quý vị làm sao có thể an?

Những điều này chúng ta nhất định phải biết, nhất định phải hiểu rõ, nhất định phải học hỏi.

Quý vị muốn nhận biết, muốn hiểu rõ ràng, nhưng không chịu học tập thì làm sao đạt được? Học rồi phải rèn tập. Rèn tập là ôn luyện và thực sự bắt tay thực hành. Có như vậy quý vị mới thực sự thể hội được.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 11

(Giảng ngày 30 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 12, số lưu trữ: 19-012-0012)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đã giảng đến câu “Trong trời đất có thần chủ trì việc xét lỗi, tùy theo chỗ phạm lỗi nặng nhẹ của người mà định phần tính toán.” Tiếp theo bên dưới câu này giảng rõ với ta sáu việc, trình bày trong sáu câu, mỗi câu một việc.

“Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn.” (Tính toán giảm thì nghèo khó hao tổn, gặp nhiều buồn lo hoạn nạn.) Hai việc trong câu này, hôm qua đã giảng. Hôm nay ta xem xét đến việc thứ ba: “Nhân giai ố chi.” (Người người đều ghét bỏ.)

Chữ “ố” hay “yếm ố”, nghĩa là chán ghét. Nói cách khác, người làm việc xấu ác thì những bậc hiền nhân quân tử nhất định sẽ lánh xa, không gần gũi.

Trong Ngọc Xu [Bảo] Kinh của Đạo giáo có nhiều câu nói về điều này, chẳng hạn như nói rằng, nếu một người không tu tập nghiệp lành, nhất định có quỷ thần đến bắt ép quấy nhiễu, làm cho tinh thần họ điên đảo, tâm trí không sáng suốt. Bất kể họ có địa vị xã hội cao quý đến đâu, giàu sang phú quý cỡ nào, chỉ cần lạng lẽ quan sát họ, ta sẽ thấy ngay là họ không được bình thường như người khác. Thời cổ đại có những bậc đế vương đến hồi mặt vận, những ông vua sắp mất nước, chúng ta thấy ghi chép rất nhiều trong lịch sử. Những bậc vua chúa trong hoàn cảnh ấy đều có tâm bất thiện, hành vi bất lương. Các vị thiện thân, sao chiếu mệnh lành đều lìa xa họ, ác quỷ, ác thần lại thường tìm đến. Đó là vì hành vi

của họ bị người thế gian ghét bỏ. Những điều như thế đều là sự thật, nhất định không nên xem là mê tín.

Ngày nay, tuy khoa học kỹ thuật trên thế giới đã tương đối phát triển, nhưng sự hiểu biết về những việc quỷ thần trong trời đất vẫn còn hết sức mơ hồ không khác trước đây. Chúng ta vẫn phải đợi khi nào khoa học kỹ thuật tiếp tục phát triển hơn nữa mới có thể phát hiện được những sự thật về cảnh giới quỷ thần. Khi đó mới thay đổi được cách nhìn của chúng ta, thay đổi được hành vi của ta. Trước khi khoa học kỹ thuật tiến bộ đến mức ấy, chúng ta phải dựa vào Thánh ngôn lượng, tin tưởng lời dạy của chư Phật, Bồ Tát.

Các bậc đại thánh đại hiền không bao giờ lừa dối chúng ta. Các ngài giáo hóa chúng sinh, quả thật có trí tuệ, có phương tiện khéo léo, đâu lẽ nào lại lừa dối chúng sinh? Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong suốt một đời thuyết pháp giảng kinh, nếu có bất kỳ chúng sinh nào phát hiện một câu trong đó là giả dối lừa người, thì những gì ngài thuyết dạy 49 năm có thể bị xóa bỏ hoàn toàn, không ai tin cậy vào Phật nữa. Thời xưa, những bậc hiền nhân quân tử thế gian mà còn gìn giữ được suốt đời không nói dối, hướng chi chư Phật, Bồ Tát là những bậc đại thánh, đại hiền?

Chúng ta nhất thiết phải ghi nhớ, nhất định phải thấu suốt điều này. Có thể tin tưởng vào lời dạy của các bậc thánh hiền, đó chính là phước báo của chúng ta. Có thể y theo đó vắng làm, chúng ta nhất định sẽ được những lợi ích lớn lao tốt đẹp.

Trong ý nghĩa đó, các bậc cổ đức dạy ta khi gặp phải người ôm lòng thù hận, chèn ép lấn lướt thì phải làm thế nào? Người hiểu rõ lý lẽ thì biết là nên nhẫn nhịn. Chúng ta cứ lấy tâm hiền thiện đối đãi với người ấy, chắc chắn thiên thần sẽ bảo vệ, giúp đỡ ta. Ý nghĩa này rất sâu xa. Người không thấu hiểu sẽ không chịu làm theo. Họ sẽ muốn chống

đổi, đánh lại. Người đời thường nói: “Bệnh kẻ yếu thế.” Cho nên, người ở tình thế yếu kém hơn luôn dễ dàng được số đông cảm thông đồng tình. Lẽ trời cũng giống như vậy. Người giữ tâm hiền lương, không tính toán bon chen, cho dù bị kẻ khác chèn ép, hạ nhục, bức hại, đều nhẫn chịu được, lại đem lòng hiền thiện đối xử với người.

Nhưng nếu bị người bức hại đến chết thì sao? Đó là phần phước của ta, bị hại chết như thế được sinh về cõi trời, không phải ở trong cõi người chịu tội báo. Ngay lúc vừa chết liền được thiên thần hiện đến đón về trời, như thế có gì không tốt? Nhưng đối với kẻ chèn ép, bức hại người khác, lẽ trời rồi sẽ trừng phạt họ.

Người xưa thường nói: “Thiên tâm nhân thuật.” (Lòng trời đầy nhân ái.) Đó là nói về các vị thiên thần, có tôn giáo gọi là Thượng đế. Các vị thiện thần theo lẽ trời đều có tâm thương yêu, tuyệt đối không trừng phạt người hối lỗi. Người đã phạm lỗi phải biết ăn năn sửa lỗi. Người ăn năn sửa lỗi rồi liền được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, được quý thân trong trời đất khoan dung tha thứ, không tìm đến quấy nhiễu người ấy nữa. Cho nên, những việc sai lầm trong quá khứ không quan trọng. “Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá? Quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên.” (Người chưa thành bậc thánh hiền, sao có thể không phạm lỗi? Nhưng phạm lỗi biết sửa thì không gì tốt hơn.)

Trong pháp thế gian cũng như Phật pháp, bàn về sự tu hành thì không gì khác hơn sửa lỗi. Chúng ta mỗi ngày đều tự xét mình, tự kiểm bản thân, biết lỗi liền tự sửa, tự biết được sai trái khiếm khuyết của mình. Tôi vẫn thường nói từ rất nhiều năm qua, người biết được sai trái khiếm khuyết của mình là đã mở ra con đường giác ngộ. Sửa chữa những sai trái khiếm khuyết ấy gọi là tu hành. Phải luôn nhiệt thành tu sửa, lặng lẽ tu sửa, quý vị mới được chư Phật hộ niệm, được hàng trời, rồng, thiện thần theo ủng hộ, sau đó mới thực

sự [đạt được đến chỗ] như Đại sư Chương Gia ngày xưa từng dạy: “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng.” (Trong cửa Phật có cầu liền có ứng.) Đó là sự cảm ứng giao hòa trong đạo, quý vị có thể tự chứng nghiệm.

Bất kể là chúng ta có trí tuệ thiên phú, sinh ra tự biết, hoặc đầu óc ngu si, nhờ nỗ lực cầu học rồi mới biết, sự thành tựu cũng không khác nhau. Cho nên chúng ta phải tự mình phát khởi sự phấn chấn, phải hết sức nỗ lực.

Người đời thường nói: “Công đạo tại nhân tâm” (Lẽ công bằng ở ngay trong lòng người), nên đối với những người làm việc xấu ác, chúng ta đâu cần phải so đo tính toán nhiều? Vì thế, không chỉ là phải giữ tâm từ bi, tâm thương yêu mãi mãi, mà còn phải làm cho các tâm ấy không ngừng tăng trưởng.

Giáo lý căn bản trong Phật pháp dạy ta phải dứt trừ tham lam, sân hận và si mê. Tham, sân, si là ba thứ phiền não độc hại. Kiêu mạn cũng là phiền não quan trọng, vừa sinh ra đã sẵn có. Phần trước đã giảng với quý vị các loại phiền não vừa sinh ra đã sẵn có là ngu si, kiêu mạn, tham lam, ái luyến. Nếu không dứt trừ các phiền não này, nhất định không thể thoát ra ngoài ba cõi. Nếu không dứt trừ, việc niệm Phật cầu vãng sinh sẽ bị chướng ngại vô cùng nghiêm trọng. Điều đó chúng ta nhất thiết phải hiểu rõ, nhất thiết phải cảnh giác.

Đời người ngắn ngủi, liệu sẽ qua được bao mùa mưa nắng, vì sao không làm người tốt? Mấy năm nay, chúng ta khởi xướng cuộc vận động bốn điều tốt: giữ lòng tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt. Được vậy nhất định sẽ có phước báo. Mọi điều lành dữ, họa phước đều là báo ứng những việc do chính ta làm, không phải do người khác mang đến. Lẽ quyết định là tự làm tự chịu. Làm việc ác ắt phải chịu tai ương họa hại, làm điều thiện nhất định sẽ được quả lành, được lợi lạc. Các vị thánh nhân của thế gian, xuất thế gian đều đã phân tích quá nhiều về việc này.

Đừng thấy người làm ác [mà ngờ vực sao] dường như họ được phước báo. Ngày nay họ [có điều kiện] sống rất tốt, nên biết đó là trong quá khứ họ đã từng tích tạo phước đức lớn. Làm việc ác thì nhất định phải bị giảm thiểu phước báo, tuổi thọ. Nhưng dù bị giảm thiểu, phước báo, tuổi thọ của kẻ ấy vẫn chưa hết, nên ngày nay ta thấy họ còn được hưởng phước. Nếu người ấy không làm việc ác, phước báo của họ sẽ còn lớn hơn, tuổi thọ còn dài hơn. Chúng ta không có thiên nhãn, không có túc mạng thông, không thể biết được quá khứ của người ấy.

Người làm việc thiện nhưng hiện tại đời sống hết sức nghèo khó, dường như không được chút quả báo tốt đẹp gì, nguyên nhân vì sao? Vì trong quá khứ tạo ác quá nhiều, nên đời này phải chịu quả báo khổ nhọc. Nhờ làm việc thiện, quả báo khổ nhọc của người ấy có giảm đi phần nào. Sự thêm bớt, bù trừ như thế, mắt phàm không nhìn thấy, nhưng nếu quý vị lưu tâm suy xét kỹ thì có thể thấy biết được.

Câu tiếp theo là “Hình họa tùy chi.” (Tai họa, hình phạt liền theo sau.)

Câu trước nói “người người đều ghét bỏ”, đó là báo ứng còn nhẹ. Cho đến mức “tai họa, hình phạt liền theo sau” thì báo ứng đã nặng nề.

Hình là hình phạt. Kẻ phạm vào luật pháp của quốc gia, liền bị hình phạt chế tài. Họa là những tai nạn lớn, sự việc rất xấu. Tùy là theo sát, không xa lìa.

Thái Hư Chân nhân dạy rằng, người khác đem tâm xấu ác đối xử với ta, khiến ta phải chịu tai nạn, đau khổ, ta cứ nhận lấy, lại đem lòng hiền thiện đối xử với họ, làm việc tốt lành cho họ, thì phước đức thường sinh. Đó là cơ duyên tốt nhất để ta tu tập, bồi đắp phước đức.

Nên biết rằng con người gặp nhau đều do duyên phần. Duyên có thiện, có ác. Trước đây tôi giảng kinh ở giảng đường

Quang Minh tại Hương Cảng, được khoảng vài tháng. Giảng đường ấy do Lão hòa thượng Thọ Dã xây dựng. Lão hòa thượng năm nay chắc đã 90 tuổi, hiện ở tại New York. Tại giảng đường có treo một cặp câu đối, tôi còn nhớ rất rõ như sau:

“Phu thê thị duyên, hữu thiện duyên, hữu ác duyên, oan oan tương báo. Nhi nữ thị trái, hữu thảo trái, hữu hoàn trái, vô trái bất lai.”

(Vợ chồng là duyên, duyên tốt, duyên xấu, có oán tìm nhau. Con cái là nợ, nợ đòi, nợ trả, không nợ không đến.)

Cặp câu đối này mô tả rõ ràng một cách khái quát nhất những hoàn cảnh gặp gỡ trong đời người. Con người gặp nhau không ngoài bốn trường hợp: có ơn, có oán, đòi nợ, trả nợ. Chúng ta thấu hiểu được ý nghĩa này, nhận biết được sự thật này, thì khi gặp gỡ bất cứ ai chúng ta cũng nhận biết được rõ ràng sáng tỏ đó là quan hệ thuộc loại nào. Nếu là có ơn với người, mong sao ơn càng sâu nặng. Nếu là có oán, cầu cho oán được hóa giải. Đó là trí tuệ, là lợi ích chân thật. Thiếu nợ người thì vui vẻ hoàn trả; người khác nợ mình thì quên hết đi, không quan tâm, bớt được nhiều lo phiền. Thường giữ tâm như thế là giữ lòng tốt; thường làm được như thế là làm việc tốt.

Do đó có thể biết rằng, phước lành do chính mình tu, chính mình được lợi lạc. Tai họa hay phước báo đều do chính mình tạo ra, thế mà nhiều người lại không chịu chấp nhận ý nghĩa này, không chịu chấp nhận sự thật này. Người có ơn với mình, vừa thấy chút việc con con không vừa ý liền quên ơn phụ nghĩa. Người có oán với mình thì ôm ấp mãi trong lòng, toàn nghĩ chuyện trả thù. Nợ người khác không trả, người khác nợ mình thì tìm đủ mọi phương cách thúc ép [đòi cho bằng được]. Đó là tạo nghiệp ác. Nghiệp ác như thế nhất định phải đổ vào ba đường dữ. Nợ nần thù oán với nhau như thế,

đòi đòi kiếp kiếp cùng nhau qua lại không dứt. Đó là ngu si, trong Phật pháp gọi là “đáng thương”.

Chúng ta học Phật đã đến mức nào? Ngay cả lý lẽ như vậy, sự thật như vậy cũng không hiểu rõ, làm sao có thể nỗ lực tự cứu lấy mình? Phước báo không phải do chư Phật, Bồ Tát ban cho ta, không phải Thượng đế ban cho ta, cũng không phải quỷ thần trong trời đất ban cho ta, mà do ta tự tạo. Gieo nhân lành nhất định được quả tốt. Tạo nhân xấu ác nhất định phải chịu quả báo xấu. Đó là lời dạy cho ta biết cách làm người trong cuộc sống hằng ngày, biết cách ứng xử với người, tiếp xúc với muôn vật.

Trong kinh Hoa Nghiêm có một đoạn nói về thế giới của chúng ta, nói rằng thế giới này có năm điều uestrợc, xấu ác. Hiện nay có thể nói là sự uestrợc, xấu ác đã đến mức cùng cực. Uesttrợc là ô nhiễm. Ngày nay trái đất này đã ô nhiễm nghiêm trọng, như mọi người đều biết. Rất nhiều người đang nghiên cứu, bàn luận cách phòng ngừa và chấm dứt sự ô nhiễm, cải thiện hoàn cảnh sinh hoạt, nhưng họ đều nhận hiểu sai lầm. Liệu họ có làm được việc này hay không? Khẳng định là không được. Vì sao ta có thể khẳng định họ không làm được? Bởi vì trong kinh Phật dạy rất rõ ràng: “Y báo tùy trước chính báo chuyển.” (Y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi.) Chính báo là gì? Đó là lòng người. Từ nơi chính báo đã bị ô nhiễm rồi, nhưng hiện nay rất ít người nhắc đến. Chúng ta ngày nay tư tưởng bị ô nhiễm, sự hiểu biết bị ô nhiễm. Đây là những điều căn bản nhất của sự ô nhiễm: nhận hiểu trái ngược, hiểu biết mê muội sai lầm. Tinh thần chúng ta cũng bị ô nhiễm, đến giai đoạn cực kỳ nghiêm trọng, nhưng điều đó vẫn không được mọi người nhận biết, vẫn chưa được xã hội chú trọng, thật vô cùng bất hạnh.

Đức Phật răn dạy, thánh hiền khuyên bảo, điều quan trọng nhất chính là giúp ta tu tập thanh tịnh tâm ý. Vì tâm

thanh tịnh thì thân thanh tịnh, thân thanh tịnh thì môi trường đời sống cũng thanh tịnh.

Có nhiều vị đồng tu gặp tôi đều ngưỡng mộ vì sức khỏe của tôi rất tốt, dường như không thấy dấu hiệu suy kém của tuổi già, liền hỏi tôi nhờ đâu được như thế. Chẳng nhờ đâu cả, đời sống của tôi cũng giống như mọi người [ở đây], hết sức đơn giản. Chỉ có điều tôi thấu hiểu được một lẽ: Tâm thanh tịnh thì thân thanh tịnh.

Làm sao tu tập được tâm thanh tịnh? Đó là: đọc kinh, niệm Phật, giảng kinh. Quý vị nên hiểu rằng, đọc kinh, niệm Phật, giảng kinh tức là gần gũi chư Phật, Bồ Tát, mỗi ngày đều được thân cận với chư Phật, Bồ Tát. Một ngày không đọc kinh, một ngày không niệm Phật, một ngày không giảng kinh, đối với chư Phật, Bồ Tát liền xa cách, dù đặt tượng Phật ngay trước mặt cũng chẳng ích gì. Chúng ta đối với chư Phật, Bồ Tát phải tương hợp tâm ý, tinh thần kết hợp với nhau thì mới được chư Phật hộ niệm. Được thế thì bao nhiêu danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần, tham sân si mạn ở thế gian này đều tự nhiên buông xả được hết.

Điều quan trọng là hằng ngày quý vị kết bạn cùng ai? Sống chung với ai? Như tôi phần lớn thời gian là sống với chư Phật, Bồ Tát. Các vị đồng học đều biết rõ, khi [Hàn] Quán trưởng còn sống, tôi cảm ân đức của bà ấy nên dành một phần thời gian để giúp bà. Bà ấy muốn đi đâu, tôi nhất định giúp bà đến chơi nơi đó. Tuy đưa bà đi chơi nhưng công phu của tôi vẫn hoàn toàn không gián đoạn. Tôi niệm Phật, tôi mang theo kinh điển bên mình, nhiều vị đồng học thường ở bên tôi đều biết điều đó. Ngày nay, Quán trưởng đã vắng sinh, tôi dành trọn tinh thần cho việc đọc kinh, vì tôi vẫn còn phải giảng kinh. Tuy đã giảng hết sức thuần thục nhưng vẫn cần phải đọc kinh. Không đọc thì làm sao thâm nhập? Ý nghĩa kinh điển không có chỗ cùng tận, sâu rộng không cùng

tận. Người xưa nói: “Bách đọc bất yếm” (Đọc trăm lần không chán) là nói về những sách vở của thế gian [mà còn được vậy]. Đối với kinh Phật, từ lúc bắt đầu phát tâm [tu học] cho đến khi chứng đắc quả vị Như Lai, lúc nào cũng tụng đọc không chán, tụng đọc không mỗi mệ. Mỗi lần đọc là một lần có chỗ nhận hiểu, mỗi lần đọc là một lần có chỗ lợi lạc, vượt thoát cõi trần nhập vào cõi thánh. Đọc kinh như thế cũng là một pháp môn, một phương pháp tu tập.

Chúng ta nên biết, trong đời này ai là người được phước báo lớn nhất? Chính là người mỗi ngày đều được đọc kinh, đều được sống cùng chư Phật, Bồ Tát. Đó là người có phước báo. Chư Phật, Bồ Tát đối với người người đều bình đẳng, vì sao chúng ta không thân cận các ngài?

Chư Phật, Bồ Tát xưa nay chưa từng cự tuyệt người nào. Dù là những kẻ phạm năm tội nghịch, tạo mười nghiệp ác, chư Phật, Bồ Tát cũng không hề quả trách. Chỉ cần kẻ ấy chịu gần gũi chư Phật, Bồ Tát, quay đầu hối cải liền được hướng thiện. Chúng ta thấu hiểu được lý lẽ ấy, nhận biết được sự thật ấy rồi nên phát tâm phấn chấn, nhanh chóng quay đầu sửa lỗi, cùng chư Phật, Bồ Tát kết bạn, gia nhập cùng một pháp hội với các ngài. Quý vị nói xem, như thế thật là tự tại biết bao!

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 12

(Giảng ngày 31 tháng 5 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 13, số lưu trữ: 19-012-0013)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đã giảng đến câu: “Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn, nhân giai ố chi, hình họa tùy chi.” (Tính toán giảm thì nghèo khó hao hụt, gặp nhiều buồn lo hoạn nạn, người người đều ghét bỏ, tai họa, hình phạt liên theo sau.)

Bài văn Cẩm ứng thiên không dài, nhưng cảnh giới trong mỗi một câu đều hết sức sâu rộng, hết thấy đều làm rõ những sự lành dữ, họa phước đích thực là do con người tự chiêu cảm đến.

Trong sách Vị biên có trích dẫn một đoạn kinh Hoa Nghiêm, tôi sẽ đọc qua một lượt:

“Trong cõi Diêm-phù-đề, chúng sinh chịu năm sự uestrực, chẳng tu mười nghiệp lành, chuyên tạo các nghiệp ác: giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói ác độc, nói hai lưỡi, tham lam, sân hận, tà kiến; bất hiếu với cha mẹ, bất kính Tam bảo, lại thêm sân hận tranh giành, chê bai sỉ nhục lẫn nhau, theo tình chấp khởi sinh tà kiến, mưu cầu sai trái. Do nhân duyên ấy phải chịu cảnh chiến tranh tàn khốc, mất mùa đói kém, dịch bệnh chết chóc, người gây tai họa, trời phạt nạn tai, chịu đủ mọi quả báo xấu ác.”

Đoạn kinh văn này mô tả rất giống với tình trạng xã hội hiện nay của chúng ta. Nghĩ lại xem, ta sống trong môi trường này, đối với những lời Phật răn dạy có phạm vào hay không? Nếu có, cần phải biết sám hối, phải biết tự mình sửa

lỗi, hướng thượng, hoàn thiện bản thân. Nếu không, cũng cần nỗ lực hơn nữa, tự khích lệ mình tinh tấn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Thế gian này chẳng có gì đáng cho ta lưu luyến. Trong ngàn kinh muôn luận, đức Phật luôn khuyến khích, chỉ dạy chúng ta phải tu tịnh nghiệp.

Kinh nói “trong cõi Diêm-phù-đề”, thật ra là nói về trái đất này, chúng sinh đang trong thời đại xấu ác có đủ năm sự ố trước, tức năm sự ô nhiễm nghiêm trọng. Chúng ta đã thấy trong kinh A-di-đà, trong kinh Vô Lượng Thọ cũng nói đến rất nhiều. Chúng ta tu hành ở thời đại hiện nay, có rất nhiều phương pháp trong kinh luận mà đời này ta không làm nổi. Ta chỉ mong cầu ở mức thấp nhất, tìm một phương pháp hiệu quả nhất, bảo đảm chắc chắn cho chúng ta [tu tập] trong một đời này, chẳng những sẽ không bị đọa vào ba đường ác, mà còn nhất định phải thoát ly ba cõi, vượt ngoài mười pháp giới.

Ngày nay ta có duyên lành [đã gặp được phương pháp như thế], quả thật là mỗi nhân duyên hiếm có từ vô lượng kiếp, thật may mắn không gì bằng. Nay đã gặp rồi thì việc làm sao để nắm chắc phương pháp, quyết định sự tu tập thành tựu, đều do chính bản thân ta. Có nhân duyên gặp được pháp môn rồi, có thể tin tưởng, có thể thấu hiểu thì đó là căn lành; có thể hướng thượng nỗ lực thực hành thì đó là phước đức. Đã có đủ ba điều kiện căn lành, phước đức, nhân duyên thì một đời này của chúng ta nhất định thành tựu, tai nạn từ vô số kiếp đến nay đều có thể được miễn trừ. Đó là lời dạy của chư Phật Như Lai.

Tu học ở mức độ thấp nhất là giữ theo năm giới và tạo mười nghiệp lành. Phải bắt đầu từ trong tâm mà làm, mỗi khi khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều lấy đó làm tiêu chuẩn. Tu tập tích lũy công đức đều phải y theo lời Phật dạy về Ngũ phẩm vị trong kinh Pháp Hoa làm tiêu chuẩn. Những tiêu chuẩn ấy là thấp nhất rồi, ai ai cũng có thể làm được cả.

Cho nên người xưa mới nói rằng pháp môn này “muôn người tu, muôn người thành tựu”. Lời ấy là chân thật. Nếu không thành tựu, đó là quý vị chưa thực hành đúng theo ý nghĩa giáo pháp. Nếu thực hành đúng theo ý nghĩa giáo pháp, có lý nào lại không thành tựu?

Cho nên, ngày nay chúng ta không cần phải nêu lên những việc cao siêu, không cần phải nói những chuyện quá sâu xa, huyền bí, vì không thực sự hữu ích, không phù hợp thực tế. Hoàn cảnh sống hiện nay của chúng ta thế nào, trình độ trước mắt của ta ra sao, pháp môn nhất định phải [phù hợp theo đó], phải khế hợp căn cơ, tức là căn cơ hiện nay của chúng ta, thì sự tu tập mới thực sự được phần lợi lạc.

Trong đoạn kinh trên nêu hai câu hết sức nghiêm trọng, chúng ta phải lưu tâm cảnh giác. Trước tiên nêu “chẳng tu mười nghiệp lành, chuyên tạo nghiệp ác”, đó là nói tổng quát. Tiếp đến kể ra mười nghiệp ác: giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói ác độc, nói hai lưỡi, tham lam, sân hận, tà kiến. Tà kiến tức là si mê. Đó là nêu đủ mười nghiệp ác. Chúng ta nhất thiết phải lưu tâm cảnh giác, luôn tự xét mình có phạm vào mười nghiệp ác như thế hay không?

Đối với hành vi thực tế trong đời sống, Phật dạy ta không thể bất hiếu với cha mẹ, không thể bất kính với Tam bảo. Đó là căn bản xử thế trong đạo làm người. Phật giáo cũng như Nho giáo đều xem đạo hiếu là căn bản ban đầu, cho đến mục tiêu cuối cùng [của sự tu học] cũng chính là thực hiện hoàn thành đạo hiếu. Ý nghĩa đó tôi đã từng giảng giải rất nhiều, nhưng đối với hai chữ “hiếu kính” phải nói thật ra là chúng ta không hiểu rõ được. Điều này cũng không có gì lạ. Bởi vì sao mà không hiểu? Vì không có người dạy, quý vị làm sao hiểu được?

Kinh Phật dạy rằng, chúng sinh cõi Diêm-phù-đề có khả năng dùng tai nghe nhạy bén nhất. Dùng mắt nhìn mà hiểu

được thì rất khó, nhưng dùng tai nghe thì dễ dàng hơn nhiều. Đó là vì khả năng dùng tai nghe nhạy bén. Chỉ có điều, vì suốt một đời không có duyên gặp được bậc thiện trí thức, không có ai đem vấn đề hiểu kính giảng giải rõ ràng, sáng tỏ cho chúng ta, nên về cơ bản chúng ta đều không hiểu được.

Hiếu kính cha mẹ, tôn trọng bậc sư trưởng, những điều này chỉ nhận thức ý nghĩa thế nào thôi cũng đã không được, thử hỏi sao có thể làm được? Tôi đã từng giảng qua kinh Địa Tạng, cứ mỗi lần giảng đến những đoạn kinh văn có ý nghĩa này, tôi đều giảng rất kỹ, rất chi tiết, hy vọng quý vị đồng học được huân tập nhiều lần mới có thể thực sự đưa vào hành trì trong cuộc sống, đề cao sự cảnh giác, tự khích lệ bản thân, hướng thượng nỗ lực tu học.

Phân tiếp theo nói chúng sinh cõi này “bất hiếu với cha mẹ, bất kính Tam bảo, lại thêm sân hận tranh giành”. Điều này tất nhiên có ý nghĩa trong đó. Chúng ta thì gọi là “đấu tranh kiên trì”, trong đó mỗi người đều bám chấp vào tà kiến, cái thấy biết sai lầm của riêng mình. Đó là nói theo kinh Phật, còn người đời thì gọi là “thành kiến”. Mỗi người đều có chỗ thấy biết riêng, so với người khác có chỗ bất đồng liền khởi lên tranh chấp. Người với người tranh nhau, quốc gia này với quốc gia khác tranh nhau, biết bao giờ mới kết thúc?

Tiếp theo nói “chê bai sỉ nhục lẫn nhau”, đó là nói đôi bên cùng hủy báng, nói xấu nhau; cùng chế giễu, làm nhục lẫn nhau. Lại nói “theo tình chấp khởi sinh tà kiến”, nghĩa là hoàn toàn buông xuôi theo tình cảm bám chấp của bản thân mà khởi sinh những kiến giải, hiểu biết sai lầm, tà vạy. “Mưu cầu sai trái”, đó là nói những chuyện không đúng chánh pháp, như cầu danh, cầu lợi, cầu địa vị, đều dùng những phương pháp bất chính, sai trái và phi lý để mưu cầu. Thử hỏi cầu như vậy có được hay không? Nhưng cũng có khi cầu được. Vì sao cầu được? Vì trong vận mạng thật ra đã sẵn có.

Trong vận mạng nếu không sẵn có, dù mưu cầu theo những cách như thế cũng không thể được. Những điều này trong sách Liễu Phàm tứ huấn giảng giải rất rõ ràng, quý vị nên xem đi xem lại nhiều lần. Trước đây tôi cũng đã giảng rất kỹ sách này, phân ghi âm vẫn còn lưu giữ, quý vị có thể nghe lại nhiều lần.

Cho nên nói rằng: “Muôn việc đều do vận mạng, không có gì do người định đoạt.” Câu nói ấy rất có ý nghĩa, cũng đúng sự thật. Nhưng trong đạo Phật dạy rằng: “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng.” (Trong cửa Phật có cầu có ứng.) Các bậc tổ sư, đại đức xưa nay dạy ta rằng lời này không sai. Trường hợp thiền sư Vân Cốc chỉ dạy Viên Liễu Phàm là một ví dụ hết sức rõ ràng. Khi tôi mới vào học Phật, nhờ được Đại sư Chương Gia chỉ dạy về câu “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”, mới hiểu rằng phải theo đúng lý, đúng Chánh pháp mà cầu. Nếu mưu cầu sai Chánh pháp nhất định không thể được. Mưu cầu sai Chánh pháp mà vẫn được, đó là trong vận mạng đã sẵn có việc ấy, chỉ có điều là phước báo phải bị giảm đi. Ví như trong vận mạng sẵn có mười phần, mưu cầu sai Chánh pháp sẽ làm giảm đi chỉ còn năm phần, đã tổn giảm một nửa. Những ý nghĩa đó cần phải hiểu rõ.

Do những nguyên nhân như thế mà thế giới này mới có chiến tranh, là tai họa do con người tạo ra, mới có mất mùa đói kém, mới có dịch bệnh. “Dịch bệnh” ở đây chỉ các bệnh truyền nhiễm, ôn dịch, chết người hàng loạt. Trong mấy năm qua, quý vị nhìn lại có thể thấy các loài vật bị nhiều trận dịch bệnh nghiêm trọng. Tại Anh quốc, trâu bò bị dịch. Tại Hương Cảng, trước đây mấy năm có trận dịch gà vịt. Đài Loan thì bị bệnh dịch lợn (heo). Những trận dịch ấy đều làm chết đến hàng triệu con vật. Một ngày kia, nếu con người bị dịch bệnh như thế thì biết làm sao? Điều đó rất có khả năng xảy ra.

Thiên tai, nhân họa, thủy đều là quả báo phải nhận lãnh.

Những quả báo ấy từ đâu mà có? Đều do chính mình tạo ra. Chúng ta nhìn các loài vật chịu quả báo như thế có thể hiểu ra. Những người không thấu hiểu sự thật thì không tin, nhưng chúng ta tin. Những con vật ấy đời trước từng làm người, vì sao chúng phải sinh làm súc vật? Vì chúng tạo nhiều nghiệp ác, ngày nay phải sa đọa đến mức mang thân súc sinh. Đã mang thân súc sinh vẫn còn phải chịu quả báo xấu ác, thật thê thảm biết bao! Do đó có thể biết rằng, tất cả đều là tự làm tự chịu, nhất định không phải do người khác tạo ra.

Năm nay là 1999, những lời tiên tri cổ xưa trên toàn thế giới đều nói rằng sẽ có tai nạn lớn. Những quyển sách nhỏ truyền bá các thông tin này có thể tìm thấy khắp nơi. Hôm qua có vị đồng tu ở Đài Loan điện thoại cho tôi, nói rằng hiện nay xã hội Đài Loan nhìn chung đang chịu ảnh hưởng của những truyền thuyết này, khiến lòng người thấp thỏm lo sợ. Trên truyền hình có một số người giải thích rằng, những lời tiên tri ấy không hẳn đã hoàn toàn đáng tin, khuyên mọi người phải bình tĩnh, chớ nên tin vào điều đó. Đó cũng là một phương pháp ổn định lòng người trong xã hội, nhưng đó chưa phải phương pháp tốt nhất, trọn vẹn.

Phương pháp tốt nhất trọn vẹn là phải đưa sự thật ra giảng giải rõ ràng, rằng vận mạng nhất định là có. Mỗi người có vận mạng, mỗi gia đình có vận mạng, mỗi quốc gia cũng có vận mạng, toàn thế giới này cũng phải có vận mạng. Vận mạng ấy do chính ta tạo thành, tất nhiên chính ta cũng có khả năng làm thay đổi, chuyển biến vận mạng của mình. Người xưa hiểu rất rõ ý nghĩa này, nên mỗi khi gặp phải thiên tai, hiểm họa, ta thấy các bậc đế vương, quan chức đều lo sám hối lỗi lầm, tự xét mình để sám hối, sửa chữa lỗi lầm, hoàn thiện bản thân, dứt ác làm lành, tích lũy công đức. Người xưa đã biết làm điều đó. Gia đình gặp phải điều bất hạnh thì cả nhà đều sám hối, người trong một nhà đều tu sửa lỗi lầm, hoàn

thiện bản thân. Quốc gia gặp phải tai nạn, các vị đế vương dẫn dắt mọi người cùng tu tập sám hối. Điều đó thật hữu lý, nhất định không phải mê tín.

Người thời nay tự cho mình là thông minh, tự cho là tri thức khoa học đã vượt qua hết thảy. Nói thật ra, nếu mê muội tin theo khoa học thật không bằng mê muội tin theo các bậc hiền thánh xưa. Nên biết rằng, tri thức, học vấn của các bậc hiền thánh xưa là từ ngàn năm, trăm năm tích lũy mà có, không thể sai lầm. Khoa học rốt cùng có sai lầm hay không, hiện nay vẫn chưa phát hiện, vì thời gian chưa lâu lắm. Nói cách khác, khoa học chưa trải qua sự khảo nghiệm của lịch sử. Những lời răn dạy của người xưa thì đã trải qua sự chứng nghiệm trong lịch sử, chúng ta làm sao có thể phớt lờ, xem nhẹ? Cho nên, nói đến lý lẽ cũng như phương pháp để chiêu cảm điều lành, né tránh điều dữ, thì đều có trong Phật pháp, trong sách vở của Nho gia và Đạo gia tại Trung quốc. [Theo phương pháp ấy], nhất định phải thấu hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ những khái niệm thiện ác, tà chánh, đúng sai. Có như vậy rồi mới biết được thế nào là ác và làm sao dứt ác, mới biết thế nào là thiện và làm sao tu thiện.

Trong một đời ngắn ngủi, chúng ta phải nắm chắc lấy cơ duyên hiếm có, khó gặp này. Kinh Phật thường dạy: “Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn.” (Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe.) Nếu có thể tin tưởng, nhận hiểu, y theo lời dạy vâng làm, thì chúng ta có thể tránh xa tai họa, thực sự có thể tiêu trừ nghiệp chướng, vượt qua hết thảy khổ đau ách nạn. Những việc như thế đều là trong khả năng con người làm được. Phải tìm cho ra nguyên nhân của những điều lành hay dữ, tai họa hay phước báo. Nguyên nhân của điều dữ, của tai họa thì phải tiêu trừ. Từ đâu mà tiêu trừ? Từ trong tâm mà tiêu trừ. Cội gốc của điều lành, của phước báo cũng từ trong tâm mà bồi đắp, nuôi dưỡng. Như vậy thì tự nhiên trong đời không còn gặp tai họa nữa.

Chân thành sám hối dứt trừ nghiệp chướng, thực sự tu tập tích lũy công đức, chính là ngay hôm nay, chính tại lúc này. Hy vọng mọi người đều hiểu rõ, tự khích lệ bản thân, nỗ lực hướng thượng thực hành.

Chúng ta là người tu hành phải phát khởi tâm lượng rộng lớn, tu tập thay cho rất nhiều chúng sinh mê hoặc điên đảo trong thế gian. Ta thay họ tu tập cũng có thể tiêu trừ được tai nạn cho họ. Trước tiên là tai nạn của chính bản thân ta được tiêu trừ, còn tai nạn của người khác cho dù không thể tiêu trừ tất cả, nhưng ít nhất cũng giúp bớt đi phần nào, khiến cho giảm nhẹ đi, thời gian chịu nạn rút ngắn đi. Hiệu quả như thế nhất định là có. Mong rằng mọi người đều hướng thượng nỗ lực.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 13

(Giảng ngày 1 tháng 6 năm 1999 tại Hương Cảng, file thứ 14, số lưu trữ: 19-012-0014)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời mở sách Cảm ứng thiên. Chúng ta ngay từ đầu đã đọc thấy:

*Thái thượng viết:
Họa, phúc không cửa vào,
Đều do người tự chuốc.
Việc báo ứng thiện, ác,
Như bóng luôn theo hình.*

*(Họa phúc vô môn,
Duy nhân tự chiêu.
Thiện ác chi báo,
Như ảnh tùy hình.)*

Bốn câu này là nói tổng quát. Nói tổng quát những gì? Nói rằng hết thấy sự trang nghiêm của y báo, chính báo khắp các pháp giới trong tận cùng hư không đều không ra ngoài nguyên lý báo ứng này. Cuộc đời của mỗi người là nhân duyên quả báo [của người ấy], cho đến cả một thế giới hay vô số thế giới cũng đều [là nhân duyên quả báo] giống như vậy. Nguyên lý quan trọng này chúng ta nhất định phải thấu hiểu.

Toàn bộ phần còn lại của bản văn đều là sự chú giải của bốn câu này. Chúng ta hãy xem qua đoạn đầu tiên:

“Thị dĩ thiên địa hữu ty quá chi thân, y nhân sở phạm khinh trọng dĩ đoạt nhân toán. Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn, nhân giai ố chi, hình họa tùy chi.”

(Cho nên, trong trời đất có thần chủ trì việc xét lỗi, tùy theo chỗ phạm lỗi nặng nhẹ của người mà định phần tính toán. Tính toán giảm thì nghèo khó hao hụt, gặp nhiều buồn lo hoạn nạn, người người đều ghét bỏ, tai họa, hình phạt liên theo sau.)

Bài trước đã giảng đến chỗ này. Có rất nhiều vị quỷ thần trong trời đất phụ trách việc giám sát từ sự khởi tâm động niệm cho đến nói năng, hành động của hết thảy chúng sinh. Cho nên, hết thảy mọi điều thiện, hết thảy mọi điều ác, không chỉ là trong lời nói, việc làm, mà ngay cả khi vừa khởi tâm động niệm thì quỷ thần đều thấy biết. Không chỉ là thấy biết, mà đều có sự ghi chép lưu lại. Mỗi chúng sinh đều có một hồ sơ tư liệu hết sức hoàn chỉnh [ghi rõ việc thiện ác]. Đây không phải việc lừa người, không phải việc giả dối.

Quý vị thử xem trong xã hội thực tế hiện nay của chúng ta, theo cách làm việc của chính phủ thì mỗi người từ lúc sinh ra cho đến chết đi đều có hồ sơ tư liệu, là vì chính phủ [có trách nhiệm] quản lý địa phương. Các vị thiên thần, quỷ thần vì sao phải lưu giữ hồ sơ hoàn chỉnh [của mỗi người]? Vì địa phương chúng ta đang sống đây cũng thuộc sự quản lý của họ. Thành hoàng quản lý huyện thị này thì phải có hồ sơ tư liệu. Tư liệu của Thành hoàng so với tư liệu của chính phủ ở dương gian cũng phải hoàn chỉnh như vậy.

Địa phương của chúng ta cũng thuộc phạm vi cai quản của thiên thần. Trong kinh Phật có nói đến Đại Phạm Thiên Vương, Ma-hê-thủ-la Thiên Vương là những vị cai quản thế giới Ta-bà. Nói cách khác, ta là chúng sinh trong sáu đường, có rất nhiều vị cai quản chúng ta, chỉ là ta không biết họ. Cũng giống như xã hội hiện nay, chúng ta đang sống trong địa phương này, có các vị trưởng thôn, chủ tịch xã quản lý chúng ta. Cao hơn nữa lại có các vị ở chính quyền quận, huyện... Lại cao hơn nữa là các vị ở chính quyền thành phố,

tĩnh... cho đến cao nhất là chính quyền trung ương. Cho nên, người [có trách nhiệm] quản lý chúng ta thật rất nhiều.

Các vị quý thần, thiên thần quản lý chúng ta so ra còn nhiều hơn, phức tạp hơn nữa, vậy có cách nào [thoát khỏi được] không? Ai khiến chúng ta đọa lạc vào trong ba cõi? Trong mười pháp giới thì các vị quý thần này không quản được đến các bậc A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ Tát, Phật Như Lai.¹ Những bậc [giác ngộ] này quý thần không quản đến nổi. Vì sao không quản được? Vì các ngài đã đạt đến vô ngã.

Nói cách khác, còn bám chấp bản ngã thì còn bị các vị quý thần cai quản, [tu hành] đạt đến vô ngã thì các vị này không quản nổi. Các bậc như thế là: “Thân chơi ngoài ba cõi, không hệ lụy ngũ hành”, thiên thần, quý thần đều tôn kính. Đức Phật được tôn xưng là bậc thầy của hai cõi trời, người, ý nghĩa là ở chỗ này.

Bài văn Cảm ứng thiên [ngày nay] nhất thiết phải giảng vào chi tiết. Những người thời xưa có đọc sách, hoặc giới trí thức Trung quốc thì hầu như ai ai cũng từng đọc qua Cảm ứng thiên. Những người ấy ít nhiều đều có nền tảng Hán học, nên chỉ giảng qua hết bản văn một lần là đủ, không cần phải giảng lại chi ly, tường tận.

Người thời nay không đọc sách xưa, đối với các bản văn đời sau dùng lối “thiển văn ngôn” rõ ràng dễ hiểu² cũng đều gặp khó khăn chướng ngại, không có ai giảng giải, chỉ bày. Đối với ý nghĩa [cảm ứng] này, sự thật này, hiện nay mang ra

¹ Tức là bốn Thánh Pháp giới theo giáo lý của tông Thiên Thai.

² Nguyên tác dùng thiển hiển đích văn ngôn văn (淺顯的文言文). Văn ngôn văn (文言文) là chỉ chung Hán văn, cách viết chữ của Hán tộc Trung quốc từ xưa, trong đó chia ra thâm văn ngôn (深文言) là cách viết dùng trong các sách cổ xưa, từ thời Tiên Tần, thường phức tạp, thâm sâu, khó hiểu, và thiển văn ngôn (淺文言) là cách viết đơn giản hơn từ thời Lương Hán trở về sau đến các đời Ngụy Tấn, Nam Bắc triều. Như vậy vẫn khác xa so với chữ viết và lối văn bạch thoại hiện nay.

giảng thì họ cho rằng đầu óc chúng ta có vấn đề, rằng chúng ta mê tín. Họ đâu biết được rằng đây là sự thật, đây là lẽ chân thật?

Phật độ người hữu duyên. Sao gọi là hữu duyên? Là người chịu tin nhận, là người có khả năng lý giải, nhận hiểu. Người có thể tin nhận, đó là người có căn lành sâu vững. Có thể nhận hiểu, lý giải cũng là có căn lành sâu vững. Người có thể y theo lời Phật dạy vâng làm, đó là người có phước đức sâu dày. Chúng ta có duyên tiếp cận được với những lời răn dạy của thánh hiền, đó quả thật là “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” (trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được).

Trên đây đã nói rõ ý nghĩa câu “trong trời đất có thần chủ trì việc xét lỗi”. Đó là những vị chuyên trách soát xét [mọi hành vi thiện ác của chúng ta]. Trong xã hội hiện tại thì “chủ trì xét lỗi” như vậy chính là ngành công an, cảnh sát, những người phụ trách công việc điều tra.

Trong bản văn nói “tùy theo chỗ phạm lỗi nặng nhẹ của người”, đó là nghiêng về những việc làm xấu ác. Tùy theo người phạm tội nặng hay nhẹ, đối với tuổi thọ dài ngắn hay sự giàu nghèo của họ đều có thêm bớt, bù trừ. Người tu thiện tích đức thì phước báo được tăng thêm, tuổi thọ được lâu dài hơn. Người làm việc xấu ác thì tuổi thọ bị rút ngắn, phước báo cũng bị giảm trừ.

Cho nên, mỗi ngày chúng ta khởi tâm động niệm [như thế nào], tuổi thọ hay những điều họa phước của ta đều [tùy theo đó] có sự thêm bớt, bù trừ. Chỉ có điều là sự thêm bớt, bù trừ như thế thường có mức độ không lớn, cho nên về đại thể thì người áp dụng phương pháp đúng vẫn có thể đoán biết được khá chuẩn xác vận mạng của chúng ta. Như trong sách Liễu Phàm tứ huấn, ngay từ đầu ta đã thấy Khổng tiên sinh đoán vận mạng cho Viên Liễu Phàm, đoán rất chính xác. Đó là vì Liễu Phàm tuy mỗi ngày đều có tạo ác, nhưng việc ác không

lớn, lại có làm thiện, nhưng việc thiện cũng không lớn. Do đó, mức độ thêm bớt, bù trừ vào vận mạng không lớn, có thể đoán trước được rất chính xác.

Nếu làm điều thiện lớn hoặc điều ác lớn thì vận mạng nhất định có thay đổi. Tiên sinh Viên Liễu Phàm về sau gặp được thiên sư Vân Cốc, dạy cho ông [lẽ nhân quả tự làm tự chịu]. Ông nhận hiểu rõ ràng liền dứt ác tu thiện, vận mạng được thay đổi, phước báo tăng thêm, không phải trong vận mạng đã sẵn có như thế. Về tuổi thọ, Khổng tiên sinh đoán ông chỉ sống đến 53 tuổi, về sau sống được đến hơn 70 tuổi. Tuổi thọ tăng thêm, đó là hiệu quả của việc làm nhiều điều thiện.

Nếu như tạo nghiệp ác lớn, phước báo sẽ rút ngắn thời gian được hưởng, tuổi thọ cũng rút ngắn. Hồi Đệ nhị Thế chiến, quý vị đều thấy Hitler của nước Đức là người có phước báo rất lớn. Nếu ông ta không phát động chiến tranh, biết đem tâm hiền thiện đối đãi với tất cả nhân dân, thì tuổi thọ của ông ta rất lâu dài, phước báo không ai có thể sánh bằng. Nhưng ông ta có tâm bất thiện, giết chết rất nhiều người, số người bị hại cũng rất nhiều, phước báo một phen giảm thiểu, chỉ hơn mười năm đã hết sạch. Ông ấy lẽ ra có thể hưởng phước đến vài trăm năm chưa hết, lại chỉ hưởng được trong mười mấy năm; tuổi thọ lẽ ra rất lâu dài, nhưng cuộc chiến tranh ấy chưa kết thúc thì ông đã chết.

Đó là [kết quả của] những việc thiện lớn, những việc ác lớn, chúng ta đã xem xét. Trong xã hội hiện thực, chúng sinh hiện hữu khắp nơi chính là hiện tượng quả báo thực tiễn, là sự thật quả báo bày ra ngay trước mắt, nhưng chúng ta không thấy được. Không thấy được như vậy là vì ngu si, mê hoặc, điên đảo.

Nếu quý vị thấy ra được, đó là quý vị đã khai mở trí tuệ, đã có được sự cảnh giác cao, biết được phải tu sửa tâm tánh

như thế nào, phải làm người như thế nào, biết trừ dứt mọi điều ác, làm mọi điều thiện. Được như vậy rồi mới thực sự đối trước chư Phật, Bồ Tát, đối trước lời răn dạy của các bậc thánh hiền xưa mà phủ phục lễ lạy, năm vóc đều sát đất, khâm phục bội phần, mới biết là những giáo huấn ấy nhất định phải tu học.

Cho nên, câu tiếp theo nói rõ sự thật một cách cụ thể: “toán giảm tắc bản hao” (tính toán giảm thì nghèo khó hao tổn). “Toán giảm” là những gì bị giảm? Đó là giảm phước báu, giảm tuổi thọ. Người làm việc ác, phước báu giảm thiểu còn ít ỏi thì phải nghèo khó. Hao là hao tổn, tiêu tán, mất mát. “Đa phùng ưu hoạn” (gặp nhiều buồn lo hoạn nạn) là nói về những điều gặp phải trong đời sống, [kẻ làm ác phải] gặp nhiều hung tai, hoạn nạn. Kẻ ấy sống trong xã hội bị người người ghét bỏ, đàn áp, đó là “nhân giai ố chí”.

Tiếp theo, “hình họa tùy chi” (hình phạt, tai họa liên theo sau) là nói người làm việc ác [phạm vào hình luật] phải chịu sự chế tài của luật pháp trong xã hội, đó là hình phạt. Tai họa là như chúng ta đang nói về thiên tai, nhân họa, kẻ làm việc ác sẽ thường gặp phải.

Nhưng vấn đề hiện nay nằm ở đâu? Chính là ở chỗ không nhận biết rõ ràng được thế nào là thiện, thế nào là ác, thật khó phân biệt. Nếu có thể phân biệt được lợi hại, thiện ác trong xã hội hiện nay, có thể xem là đó bậc thượng căn. Trong muôn ngàn người, nói thật ra rất khó tìm được năm ba người như thế! Tuyệt đại đa số mọi người đều không phân biệt được điều lợi hại, không hiểu rõ được điều thiện ác; đối với điều thiện cho là ác, đối với điều ác cho là thiện; đối với việc chân chính lợi lạc thì cho là có hại, đối với việc tai hại thì cho là có lợi. Quý vị có giảng giải [lẽ thật] với những người ấy thì họ không tin tưởng, không tiếp nhận, cho rằng những điều ấy đã lỗi thời, rằng quý vị mê tín. Hạng người như thế, trong kinh Phật gọi là “nhất-xiển-đề”.

Nhất-xiển-đề là phiên âm từ Phạn ngữ, nghĩa là “người không có căn lành”. Người không có căn lành thì chư Phật, Bồ Tát cũng không thể giúp đỡ, hỗ trợ. Vì sao không thể giúp đỡ? Vì họ không chịu tiếp nhận.

Những người có thể thực sự nhận thức phân biệt được giữa chân thật với hư vọng, chánh với tà, đúng với sai, thiện với ác, lợi với hại, trong kinh Phật gọi là bậc thượng căn. Chúng ta đích thực chỉ thuộc hàng hạ căn, căn cơ thấp kém, phải hết sức nỗ lực học tập mới mong được tăng trưởng, mới mong được vươn lên. Chúng ta bắt đầu từ chỗ thấp kém nhất trong hàng hạ căn, [nhờ nỗ lực tu tập] có thể vươn lên đến chỗ thấp kém nhất trong hàng thượng căn. Từ chỗ thấp kém trong hàng thượng căn, có thể vươn lên bậc trung bình. Tiếp tục nỗ lực tu học, công phu ấy sẽ không uổng phí, dần dần trải qua nhiều năm, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, chúng ta có thể vươn lên đến bậc cao trội trong hàng thượng căn.

Đây chính là điều mà Đại sư Thiện Đạo trong chú giải Quán Kinh đã gọi là “ngộ duyên bất đồng” (gặp duyên khác nhau). Chúng ta có thể được gần gũi bậc thiện tri thức chân chính, có thể gần gũi chư Phật, Bồ Tát, đó là đại nhân duyên tốt đẹp, phải biết giữ gìn, phải biết nắm chắc, thời gian còn lại trong đời này nhất định phải tu tập có thành tựu.

Sự thành tựu ấy, trước hết là thấu hiểu triệt để về nguyên lý cũng như thực tiễn nhân duyên quả báo. Quý vị có thấu hiểu triệt để rồi mới có thể thực sự dứt ác tu thiện, mới biết quay đầu sửa lỗi hướng thượng. Quý vị không thể quay đầu hướng thượng là vì chưa thông suốt rõ ràng, không khắc phục được tập khí xấu ác, không lìa xa được ma chướng. Kinh Phật gọi những trường hợp như vậy là “thật đáng thương”.

Chúng ta đã giảng đến câu “hình họa tùy chi”. Trong sách Vị biên nêu ra một chuyện tích nói lên công năng hiệu quả của sự tu tập. Ở đoạn thứ hai của chuyện này trích dẫn kinh

Hoa Nghiêm, phần trước đã giảng qua với quý vị nhưng chưa hết ý. Bây giờ, tôi tận dụng thời gian còn lại để bổ sung thêm một chút. Tôi sẽ đọc qua một lần đoạn trích dẫn này:

“Trong cõi Diêm-phù-đê, chúng sinh chịu năm sự ướ trước, chẳng tu mười nghiệp lành, chuyên tạo các nghiệp ác: giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói ác độc, nói hai lưỡi, tham lam, sân hận, tà kiến; bất hiếu với cha mẹ, bất kính Tam bảo.”

Phần trước đã giảng đến đây, ý nghĩa thật hết sức sâu xa, sự tướng hết sức rộng lớn, rộng lớn đến khắp cùng pháp giới trong hư không.

Nói đến việc “bất hiếu với cha mẹ”, thử hỏi chữ “hiếu” có ý nghĩa gì? Liệu có bao người hiểu thấu? Trên giảng đường, tôi đã từng giảng qua ý nghĩa chữ này rất nhiều lần, nhưng với những ai không có cơ hội đến nghe thì cũng đành chịu. Ý nghĩa của một chữ “hiếu” này, đừng nói là phạm phu như chúng ta, dù chư Phật Như Lai có vì chúng ta giảng giải, cho đến hết thầy các đấng Như Lai đều hiện đến vì chúng ta giảng giải, giảng qua vô số kiếp, cũng không thể giảng hết ý nghĩa chữ này.

Ý nghĩa chữ “hiếu” bao quát khắp hư không pháp giới, là chân lý căn bản, vô lượng vô biên sự tướng đều nằm trong đó, làm sao có thể giảng nói hết được? Vậy ai có thể thực hiện đạo hiếu một cách trọn vẹn? Chỉ có các đấng Như Lai mới thực hiện được trọn vẹn đạo hiếu. Tôi đã từng nói rất nhiều lần, cho đến quả vị Bồ Tát Đẳng Giác vẫn còn một phẩm sinh tướng vô minh chưa dứt sạch, nên vẫn chưa trọn vẹn đạo hiếu.

Phật pháp là gì? Phật pháp chính là đạo hiếu. Thành Phật là gì? Thành Phật chính là thực hiện trọn vẹn đạo hiếu. Phật pháp được xây dựng trên cơ sở đạo hiếu, từ khởi đầu cho đến kết thúc đều là thực hành đạo hiếu, chỉ là hết sức thực

hành đạo hiếu mà thôi. Chúng sinh hiện tại không người dạy dỗ nên đâu biết được, mỗi sự khởi tâm động niệm, nói năng hành động của họ đều là bất hiếu với cha mẹ.

Lại nói đến việc “bất kính Tam bảo”. Tam bảo chính là bậc sư trưởng của chúng ta. Thời Phật tại thế, Phật là thầy của chúng ta. Phật không còn tại thế, Pháp là thầy của chúng ta. Nhưng Pháp phải có người trao truyền, phải có người hoằng hóa rộng ra. Truyền pháp, hoằng pháp chính là [việc của] Tăng bảo. Vì sao chư tăng được tôn xưng là bảo, là ngôi báu? Vì chư tăng là người truyền pháp, hoằng pháp. Truyền pháp là đem Giáo pháp của Như Lai truyền lại từ đời này sang đời khác, không để gián đoạn. Ngày nay chúng ta gọi đó là công việc dạy học, bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp để kế tục. Đó là truyền pháp.

Hoằng pháp là mang Phật pháp ra giới thiệu, phổ biến rộng rãi đến với quảng đại quần chúng, giúp cho hết thảy chúng sinh đều có thể tiếp cận được với những lời răn dạy trong Phật pháp, đều có thể đạt được những lợi ích chân thật từ Phật pháp.

Thực hiện công việc truyền pháp, hoằng pháp, đó là Tăng bảo. Như thế mới xứng được tôn xưng là “ngôi báu”. Chánh nghiệp của người xuất gia chính là những việc này. Người xuất gia không cần theo đuổi những công việc xã hội như từ thiện, phúc lợi. Đó không phải việc của người xuất gia. Người xuất gia phải lo việc dạy học, hoằng pháp. Người xuất gia không sở hữu tài sản, lấy gì để làm chuyện phúc lợi xã hội? Chuyện phúc lợi xã hội là việc của hai chúng tại gia, nam nữ cư sĩ. Quý vị nghĩ xem, đức Phật Thích-ca Mâu-ni khi còn tại thế, du phương hoằng hóa đến nơi nào cũng đơn sơ chỉ ba tấm y, một bình bát, mỗi đêm ngủ dưới một gốc cây, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, nếu như ngài làm chuyện từ thiện xã hội thì lấy gì mà làm? Hoàn toàn không một xu dính túi! Cho nên, bổn phận của người xuất gia là hoằng truyền đạo pháp.

Xây dựng chùa chiền không phải bổn phận của người xuất gia. Vì sao vậy? Đức Phật Thích-ca Mâu-ni không xây ngôi chùa nào cả. Tinh xá Trúc Lâm, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên là do cư sĩ tại gia cúng dường. Quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc người tại gia, chẳng phải người xuất gia. Người ấy phát tâm thỉnh Phật, thỉnh các vị đệ tử Phật đến an cư, đến giảng kinh thuyết pháp.

Do đó mà biết rằng, chư Phật, Bồ Tát, các bậc Tổ sư qua nhiều đời, đều chỉ tá túc nơi các đạo trường. Đạo trường không thuộc sở hữu các ngài. Bản thân các ngài không hề xây dựng đạo trường. Ý nghĩa đó tự thân đức Phật cũng đã nêu gương cho chúng ta. Ngài nêu lên một tấm gương hết sức sáng tỏ rõ ràng nhưng chúng ta vẫn không thấy được. Thật ngu si đến thế là cùng, còn nói chi đến chuyện thành tựu được gì?

Người xuất gia nếu phải tự mình xây dựng đạo trường thì làm thế nào? Chỉ đơn sơ lợp bằng cỏ tranh. Điều này kinh Phật có dạy, trong Giới kinh có ghi chép. Đệ tử đời sau hết thấy đều kém thể lực so với thời đức Phật. Vào thời đức Phật, [chư tăng] có thể ngủ dưới gốc cây ngoài trời. Chúng ta hiện nay không làm được, thân thể không có được thể lực như vậy, nên cần phải có chỗ che trú. Làm sao có chỗ che trú? Tự mình lên núi chặt năm ba cây nhỏ, dựng lều cỏ tranh. Đó là đạo tràng của người xuất gia. Tại Trung quốc, các vị tổ sư, đại đức ngày xưa đều làm theo cách ấy. Chúng ta phải ghi nhớ, đó là những khuôn mẫu tốt nhất để noi theo. Phải hướng thượng học tập, dứt trừ tham lam, sân hận, si mê, thành tựu giới, định, tuệ.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 14

(Giảng ngày 2 tháng 6 năm 1999 tại Hương Cảng, file thứ 15, số lưu trữ: 19-012-0015)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đọc Cảm ứng thiên, giảng giải đến chỗ người làm việc ác thì “người người đều ghét bỏ, hình phạt, tai họa liền theo sau”.

Các bậc hiền thánh xưa cũng như chư Phật, Bồ Tát đều thực sự từ bi, thương yêu bảo vệ chúng sinh. Chúng sinh không tin vào các ngài, tạo tác nhiều nghiệp ác, thật ra chính là vì chẳng có ai dạy dỗ họ. Điều đó trong kinh Vô Lượng Thọ đức Phật đã giảng giải rất rõ ràng: “Tiên nhân bất thiện” (Do người trước không khéo dạy). Không có sự giáo hóa tốt đối với chúng sinh, do đó cũng không nên trách cứ họ.

Trong những hoàn cảnh bất thiện, nếu ai có thể không tạo nghiệp ác, phải nói thật rằng đó là bậc hiền thánh tái sinh hoặc chư Phật, Bồ Tát ra đời, nhất định không thể là phạm phu. Nếu quả thật là phạm phu, có thể khẳng định kẻ ấy nhất định phải tạo nghiệp ác. Cho nên, việc [chúng sinh] tạo nghiệp ác cũng là lẽ tất nhiên. Nhưng người có thể quay đầu hướng thiện, chỉ cần một niệm hồi tâm, chư Phật liền hộ niệm, chư thiên, thiện thần đều hoan hỷ, theo bảo vệ, giúp đỡ, tuyệt đối không trách tội người ấy. Đó gọi là “thiên tâm nhân thuật” (lòng trời đầy nhân ái), sẽ không đem hình phạt áp dụng với người đã hối lỗi. Chúng ta phải tin vào lý lẽ này.

Do đó có thể biết rằng, việc chiêu cảm điều lành, né tránh điều dữ, chính thật chỉ trong thời gian một ý niệm. Thiên đường, địa ngục đều ở ngay trước mắt. Một niệm hiền thiện, thiên đường hiển hiện; một niệm xấu ác, địa ngục hiện tiền.

Cho nên, một người đã biết được lỗi lầm trong quá khứ, biết hối cải, hướng thiện, đem tâm chân thành dứt ác tu thiện, thì tuyệt đối không có lý nào người ấy vẫn phải gặp quả báo xấu ác.

Nói cách khác, nếu người như thế mà vẫn gặp quả báo xấu ác, thì đó là do tâm sám hối không chân thành, đối với lời dạy của thánh hiền vẫn còn nghi ngờ không quyết định. Trong kinh Vô Lượng Thọ dạy rằng, đem tâm hoài nghi niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, chẳng phải là không lợi ích, vẫn có lợi ích là được sinh về thế giới Cực Lạc, nhưng phải sinh vào Nghi thành ở vùng biên địa. Cùng một ý nghĩa đó, nếu đem tâm nghi hoặc để dứt ác làm thiện, do tâm nghi hoặc nên sự sám hối không triệt để, vì thế vẫn phải chịu quả báo xấu ác. Bất quá chỉ là quả báo ấy được giảm nhẹ mà thôi. Như tội phải vào địa ngục Vô gián,¹ có thể giảm nhẹ chỉ đọa vào địa ngục Du tăng;² tội phải vào địa ngục Du tăng có thể giảm nhẹ chỉ vào địa ngục Cận biên.³ Nhất định sẽ được giảm nhẹ đến chỗ tốt hơn. Cho nên, chúng ta đối với những lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, các bậc thánh hiền, điều quan trọng trước nhất là phải đặt niềm tin sâu vững không nghi ngại.

Chúng ta đem tâm bất thiện đối đãi với người khác, ta không tin rằng thế gian này có người hiền thiện, không tin thế gian có người tốt. Cũng vậy, người đời cũng sẽ không tin ta là người hiền thiện, không tin ta là người tốt, cũng cùng một lẽ như vậy mà thôi.

Nhưng thế gian này quả thật có người hiền thiện, quả

¹ Địa ngục Vô gián: nơi tội nhân phải chịu hình phạt không có lúc nào dừng nghỉ nên gọi là vô gián. Tên gọi theo phiên âm Phạn ngữ là địa ngục A-tỳ.

² Địa ngục Du tăng: địa ngục nhỏ hơn thuộc phạm vi bên ngoài của Bát nhiệt địa ngục. Mỗi địa ngục lớn có 16 địa ngục nhỏ vây quanh, tổng cộng là 128 địa ngục Du tăng. Tội nhân đọa vào các địa ngục này, đi từ nơi này sang nơi khác thì hình phạt khổ não tăng lên gấp bội nên gọi là du tăng.

³ Địa ngục Cận biên: địa ngục phụ cận, nhỏ hơn, nằm bên ngoài các địa ngục kể trên.

thật có người tốt, hoàn toàn không thể vì mọi người có lòng nghi hoặc mà người ấy không làm người tốt, không giữ tâm tốt đẹp, không có lý nào như vậy.

Chư Phật, Bồ Tát, những người đã thực sự giác ngộ, các ngài đều là những bậc hiền thiện, những người tốt. Dù cho cả thế gian này đều hủy báng, khinh khi hủy nhục, hãm hại các ngài, các ngài vẫn đem tâm chân thành thương yêu đối đãi với chúng sinh. Như thế là hạng người gì? Là người giác ngộ.

Cho nên, giáo dục trong Phật pháp, tâm chân thật trong dạy dỗ, là giúp đỡ hỗ trợ chúng sinh trong việc phá mê khai ngộ, giúp họ đạt được giác ngộ thì đó là của báu. Nhà Phật nói về ba ngôi báu là Tam bảo, giác ngộ chính là Phật bảo. Phật bảo hiện hữu ngay trước mắt, Pháp bảo với Tăng bảo liên tự nhiên theo đó hiện ra. Pháp bảo là sự thấy biết chân chánh. Tăng bảo là sống chung hòa thuận với tất cả chúng sinh, liên theo đó là tương thân tương ái.

Cho nên, quan trọng nhất chính là Phật bảo. Có Tăng bảo, có Pháp bảo, chưa hẳn đã có Phật bảo, nhưng có Phật bảo thì nhất định có Pháp bảo, có Tăng bảo. Vì thế, chúng ta cần phải hết sức nỗ lực hướng theo chư Phật, Bồ Tát mà học tập.

Câu thứ năm [của bản văn] là “cát khánh tị chi” (điều tốt đẹp lánh xa). Người làm việc ác thì tâm xấu ác, lời nói xấu ác, hành vi cũng xấu ác. “Cát khánh” là những điều tốt đẹp, an lành. Người làm việc ác không gặp được sự tốt lành. Điều họ gặp được là hung tai hiểm họa. Chữ “tị” trong phần chú giải giảng hàm ý là cầu mong chẳng được. Người làm ác thì chỗ mong cầu đều không đạt được, không được vừa lòng thỏa ý.

Phần đầu chú giải có những câu ý tứ rất hay, như “thiên đạo vô thân” (đạo trời không có tình riêng). Chữ “thân” ở đây chỉ lòng riêng tư, tình cảm riêng tư, chư Phật, Bồ Tát đều không có, quỷ thần trong trời đất cũng không có. Lại nói “duy thân thiện nhân” (chỉ gần gũi người hiền thiện). Chỉ

cần người có tâm thiện, làm việc thiện, chư Phật, Bồ Tát, hàng trời, rồng, thiện thần đều sẽ tự nhiên gần gũi người ấy, đó là ý nghĩa “đồng sinh tương ứng”. Kinh Dịch nói: “Vật cùng loài hợp nhau thành bầy, người hợp ý phân chia thành phần”,¹ cũng là một ý này, nghĩa là ý hướng tương đồng. Chư Phật, Bồ Tát hiển thiện, các vị trời, rồng, thiện thần cũng hiển thiện, khi thấy người nào có tâm hiển thiện thì tự nhiên tương hợp hướng về nhau.

Đối với người làm việc bất thiện thì thật là “như muỗi với vị canh”,² họ không hoan hỷ với chư Phật, Bồ Tát, các vị thiện thần, mà các ngài cũng không hoan hỷ với việc làm của họ, đó cũng đồng nghĩa như “điều tốt đẹp lánh xa”.

Cho nên, một người thực sự giác ngộ là giác ngộ điều gì? Là giác ngộ những điều thiện ác, lợi hại. Chỉ cần thấu hiểu rõ ràng những ý nghĩa đó là quý vị có thể thường xuyên gần gũi các vị thiện thần, liền được chư Phật, Bồ Tát quan tâm đến.

Nếu một người thực sự có thể phát tâm, với nghị lực kiên định sửa chữa lỗi lầm, hoàn thiện bản thân, đó gọi là “cung kính thuận thiên” (cung kính thận trọng giữ mình, thuận theo đạo trời). Chữ “cung” ở đây là cung kính, thận trọng, cẩn trọng. Trong “thuận thiên” thì chữ thiên là trời nhưng được dùng để tiêu biểu cho các thiện hạnh. Tu tập mười nghiệp lành mới được sinh về cõi trời, nên chư thiên ở cõi trời đều là những vị có thiện tâm, thiện hạnh, tự nhiên cùng với chư

¹ Nguyên bản: 物以類聚，人以群分 (Vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân.) Ý nói loài vật cùng loài sống thành bầy đàn, con người hợp chí hướng cũng kết hợp với nhau, nhưng do đó lại phân chia thành các hội, nhóm, tổ chức khác nhau, thành phần khác nhau.

² Nguyên bản dùng 格格不入 (cách cách bất nhập), là một thành ngữ chỉ sự khác biệt, hoàn toàn không tương hợp. Chúng tôi dùng cách diễn đạt “như muỗi với vị canh” được mượn từ kinh Pháp cú, cũng nói lên ý nghĩa này, như cái muỗi tuy nằm trong bát canh nhưng không hề nếm biết được vị canh. Người bất thiện dù gặp chư Phật, Bồ Tát cũng vậy, không có chỗ tương hợp.

Phật, Bồ Tát, các vị thiện thần có sự cảm ứng giao hòa. Người như thế luôn gặp được những điều tốt lành, phúc lợi.

Nếu như tâm ý ngược lại với những điều nói trên, trong lòng nghĩ việc ác, nói lời ác, làm việc ác, thì ở thế gian này sẽ có rất nhiều nguy cơ phải chịu hình phạt. Hình phạt thế gian là những chế tài của luật pháp như phân xử, phán quyết, bỏ tù... và còn có rất nhiều sự trừng phạt khác nữa, cần phải hiểu rõ. Người phạm mất thịt không thấy được, nhưng quý thần trong trời đất sẽ tính toán hết [mọi việc xấu ác]. Trong đời quá khứ tu tích được bao nhiêu phước báo, do việc tạo nghiệp ác sẽ bị giảm thiểu; trong quá khứ tu tích được bao nhiêu tuổi thọ, cũng sẽ bị rút ngắn. Những việc tốt đẹp an lành đều sẽ lánh xa, hung tai hiểm họa sẽ thường xảy đến. Người làm việc ác không có cách nào né tránh [quả báo xấu ác], do nghiệp ác chiêu cảm. Điều này quý vị phải hiểu rõ.

Cũng trong đoạn này, phần đầu chú giải nêu ra một chuyện minh họa cho kết quả của sự tu tập, là một câu chuyện xưa. Chuyện này có thật, quả đúng là người thật việc thật. Chuyện kể ngày xưa có một thư sinh tâm hành bất thiện, lời nói việc làm đều ngược lẽ trời, trái với lương tâm. Nhưng anh ta có tài, văn chương tuyệt hảo. Vì thế, đến lúc dự kỳ thi tuyển, quan khảo thí hết sức khen ngợi bài văn của anh ta, liền chấm đỗ. Đến khi niêm yết bảng, ngay lúc ghi tên thì bài thi của anh bỗng nhiên lạc mất, tìm mãi không ra. Do đó, lần ấy anh không có tên trong những người thi đỗ.

Sau khi yết bảng rồi thì tìm thấy bài thi. Tìm thấy ở đâu? Ở ngay trong ống tay áo của quan khảo thí. Ấy là quý thần trong trời đất bốn cột anh ta. Quan khảo thí có ý đề bạt bài văn này, muốn đưa ra trước nhất nên đặc biệt để riêng trong ống tay áo, nhưng đến lúc khai bảng [không hiểu sao] nó vẫn nằm yên trong đó chẳng rơi ra. Cơ duyên tốt đẹp [mà quan khảo thí muốn dành cho anh ta] vì thế hoàn toàn mất đi.

Xảy ra việc như thế, anh thư sinh vô cùng đau khổ. Quan khảo thí thì đối với anh ta vẫn có cảm tình hết sức tốt đẹp. Về sau, ông quan ấy được thăng chức, vẫn luôn nhớ đến việc đề bạt anh ta và cũng đã có rất nhiều cơ hội. Nhưng cứ mỗi lần cơ hội đến thì đều phát sinh chướng ngại, đều phát sinh những ý tưởng không thuận lợi, khiến cho việc đề bạt anh ta luôn gặp sai sót. Do đó, trong lòng anh ta vướng mắc khó vượt qua. Vì sao có biết bao nhiêu cơ hội tốt đẹp như thế, những cơ hội thật rõ ràng chắc chắn thành tựu, nhưng rồi đột nhiên đều tan biến mất đi? Vì thế mà anh ta buồn khổ uất ức, dần dần sinh bệnh, rồi bệnh nặng, nằm liệt giường đến ba năm liền. Đến một hôm, anh ta bỗng nhiên giác ngộ, hiểu ra rằng mọi điều gặp phải trong quá khứ của mình đều do những việc ác đã làm chiêu cảm sự báo ứng.

Sau khi anh ta thấu hiểu rõ ràng, thật lòng hối cải, căn bệnh liền dần giảm nhẹ. Cuối cùng anh khỏi bệnh. Khỏi bệnh rồi, anh ta lại nỗ lực sửa lỗi, hoàn thiện bản thân, suốt đời làm thiện.

Những thư sinh ngày xưa, chúng ta ở đây đều biết, dù họ có tâm bất lương, có hành vi hết sức xấu ác, nhưng rốt cuộc cũng đều đã từng được trải qua sự dạy dỗ trong gia đình, sự răn dạy của thầy. [Vì thế], tuy có nhất thời mê đắm năm món dục trong sáu trần cảnh, tạo tác nghiệp ác, nhưng khi phải chịu nhiều khổ não rồi liền có khả năng tỉnh ngộ, nhận biết.

Người thời nay tạo tác nghiệp ác, đến chết cũng không tỉnh ngộ là vì sao? Vì không có hạt giống giác ngộ. Người xưa [dù tạo ác] cũng vẫn còn sẵn có hạt giống giác ngộ. Quý vị nói xem, người thời nay thật rất đáng thương, hoàn toàn không có hạt giống giác ngộ!

Các bậc cổ đức khích lệ chúng ta rằng, trong trời đất sẵn có phúc lộc. Nói theo ngôn ngữ hiện đại thì bao nhiêu tài nguyên của cải trong môi trường tự nhiên chính là phúc lộc của trời

đất. Nếu chúng ta không giữ gìn thiện tâm thiện hạnh, chuyên cần phấn đấu nỗ lực tu dưỡng tự thân, chúng ta sẽ không được dự phần thụ hưởng những tài nguyên của cái đó.

[Ví như] quý vị trong đời này không tu tập, đời trước có tu tích nhiều phước báo, vì thế hiện nay được hưởng phần phúc lộc, tôi gọi đó chỉ là sự hưởng thụ vật chất. Nói thật ra, ngày nay nếu nói đến đời sống tinh thần thì hoàn toàn không có. Ai là người hiểu được về đời sống tinh thần? Nói đến đời sống tinh thần hiện tại, mọi người đều cho đó là những chốn ăn chơi hoan lạc, đi xem ca nhạc, xem múa hát, vui chơi cuồng loạn, thế mà gọi là đời sống tinh thần sao? Từ nơi ma túy, từ nơi chất kích thích, có hiểu được đời sống tinh thần chăng? Đời sống tinh thần là phải có sự văn minh cao độ, là sự tu dưỡng cao độ mới có thể thấu hiểu được, thể hội được. Ngày nay chỉ thấy toàn là đời sống vật chất. Quý vị nếu có đạt được rồi cũng chẳng làm nên sự nghiệp gì lợi ích cho xã hội, cho chúng sinh. [Người xuất gia như vậy] không tiêu hóa được [hạt cơm tín thí]. Điều này người xưa đã giác ngộ được, đã thể hội được.

Trong kinh điển đức Phật giảng giải điều này hết sức rõ ràng, hết sức sáng tỏ: “Thí chủ nhất lạp mễ, đại như Tu-di sơn. Kim sinh bất liễu đạo, phi mao đái giác hoàn.” (Một hạt gạo [cúng dường] của thí chủ lớn như núi Tu-di. Đời này không đắc đạo, [đời sau] phải mang thân súc sinh để đền trả.) Quý vị cho rằng làm người xuất gia chỉ để được no cơm ấm áo? Cứ xem đi xem lại trong kinh Phát khởi Bồ Tát thù thắng chí lạc¹ thì quý vị có thể hiểu rõ. Chỉ có điều, kinh ấy nằm trong Đại Tạng Kinh, chẳng ai xem đến.

¹ Phát khởi Bồ Tát thù thắng chí lạc kinh (發起菩薩殊勝志樂經), còn có tên là Di-lặc Bồ Tát sở vấn kinh (彌勒菩薩所問經), hiện tìm thấy trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh thuộc kinh Đại Bảo Tích, quyển thứ 91 và 92, với tên gọi là Phát thắng chí lạc hội (發勝志樂會), hội thứ 25. (Đại Chánh Tạng, Tập 11, kinh số 310)

Đức Phật không chỉ giảng trong một bộ kinh, mà việc này được Phật giảng giải rất nhiều lần, trong rất nhiều bộ kinh. Quý vị không đọc qua Đại Tạng Kinh, quý vị làm sao biết được?

Tôi xem trong Đại tạng Kinh, trích thuật một phần, mang ra giảng giải qua mấy lượt, cũng đã cho in ấn xuất bản [thành sách Phát khởi Bồ Tát thù thắng chí lạc kinh giảng ký] cúng dường đại chúng. Liệu có bao nhiêu người qua những lời răn dạy trong đó mà có thể tỉnh ra, có thể giác ngộ? [Những lời dạy trong kinh] rất đáng để chúng ta tự mình phản tỉnh, rất đáng để chúng ta học tập, thật lòng sám hối, sửa chữa lỗi lầm, hoàn thiện bản thân, mỗi giây mỗi phút đều tự mình cảnh tỉnh kiên sợ, không dám quay lại tạo nghiệp xấu ác.

Chúng ta phải học theo chư Phật, Bồ Tát, lấy tâm chân thành đối đãi với người khác, bất kể đó là hạng người nào. Dù là kẻ có nợ nần thù oán với mình, cũng lấy tâm chân thành đối đãi, không khác chư Phật, Bồ Tát. Đem tâm chân thành từ bi hoàn toàn bình đẳng đối đãi với hết thảy chúng sinh. Những chúng sinh nào có duyên [với ta] đều sẽ tiếp nhận, những chúng sinh nào không có duyên sẽ không tiếp nhận.

Những người nào là có duyên? Là những người có thiện tâm. Người có thiện tâm, thiện hạnh sẽ tiếp nhận, tiếp nhận lòng từ bi của chư Phật, Bồ Tát. Người có tâm xấu ác, người làm việc ác, sẽ chê bai bác bỏ lòng từ bi của chư Phật, Bồ Tát. Đó không phải do chư Phật, Bồ Tát không từ bi, không phải chư Phật, Bồ Tát không thương yêu bảo vệ, chỉ do người ấy chê bai bác bỏ, người ấy không tiếp nhận. Tuy người ấy chê bai, bài xích, không tiếp nhận, nhưng tâm thương yêu chân thành của chư Phật, Bồ Tát, lòng từ bi của chư Phật, Bồ Tát đối với người ấy vẫn không giảm thiểu chút nào. Chúng ta học Phật phải từ chỗ này mà học.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 15

(Giảng ngày 3 tháng 6 năm 1999 tại Hương Cảng, file thứ 16, số lưu trữ: 19-012-0016)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Bây giờ chúng ta xem tiếp câu thứ tám và thứ chín:¹ “*Ác tinh tai chi, toán tận tắc tử.*” (Ác tinh chiếu vào gây họa, tính toán hết thì phải chết.) Phần cuối cùng là tổng kết ý nghĩa cả đoạn.

Quý thần trong trời đất giám sát việc người đời tạo nghiệp thiện hay ác, nặng hay nhẹ. Trong Cẩm ứng thiên nói về sáu loại quả báo.² Đó là sáu loại quả báo lớn, trong mỗi loại ấy lại có sự phân chia hết sức phức tạp, hết sức rắc rối. Câu thứ tám nói về “*ác tinh tai chi*” (ác tinh chiếu vào gây họa), ý nghĩa hết sức sâu rộng.

Phần chú giải giảng rằng “ác tinh” là các vì sao, tinh tú, cũng là đồng loại với các vị thiên thần, ta thường gọi họ là thiên thần ác sát hay hung thần. Các vị này là thần chưởng quản hết thảy các loại tai họa, ách nạn trong chốn nhân gian. Các vị chuyên việc tạo ra các hung tai ách nạn để trừng phạt người làm việc ác. Những vị này có thể thuyết giảng giáo pháp thông suốt, nhưng đối với ý nghĩa thì họ không hiểu được trọn vẹn.

Con người với các vì tinh tú ấy có quan hệ gì? Người thời

¹ Chỗ này bản Trung văn chép nhầm là thứ sáu và thứ bảy (第六句跟第七句). Chúng tôi căn cứ nội dung phía trước và phía sau để điều chỉnh cho đúng.

² Sáu loại quả báo ở đây chỉ sáu vấn đề người làm ác phải gánh chịu được nêu trong câu đang giảng: “Toán giảm tắc (1) bần hao, (2) đa phùng ưu hoạn, (3) nhân giai ố chi, (4) hình họa tùy chi, (5) cát khánh tị chi, (6) ác tinh tai chi”.

nay đối với chuyện này có thể nói là hoàn toàn xem nhẹ, không suy xét kỹ. Trong nền giáo dục cổ đại của Trung quốc, đặc biệt là trong Phật giáo, Phật pháp dạy rằng, xét đến chỗ rốt cùng thì hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không, bao quát hết các vị thiên địa thần minh, cùng với tự thân chúng ta đều là một thể thống nhất, tương quan mật thiết với nhau. Trong Phật pháp gọi đó là pháp thân, là lý thể, sao có thể không tương quan? Chẳng những tương quan, mà còn là quan hệ hết sức mật thiết với nhau.

Con người sinh ra trong thế gian này, mỗi một sát-na không ngừng sinh diệt, không một niệm dừng nghỉ. Trong kinh điển đức Phật giảng giải với chúng ta rất rõ. Hư không từ đâu đến? Thế giới từ đâu đến? Chúng sinh từ đâu đến? Sự sống từ đâu đến? Hết thảy những hiện tượng đang diễn ra đó là gì? Trong kinh điển đức Phật dạy rằng, đó đều là những vấn đề quan trọng. Ngài mang những ý nghĩa ấy, những sự thật ấy, giảng giải từng phần cho chúng ta, rất rõ ràng, rất sáng tỏ, giúp chúng ta đối với chân tướng của vũ trụ, nhân sinh đều có thể giác ngộ thấu triệt. Người giác ngộ rồi gọi là Phật, Bồ Tát. Người chưa giác ngộ gọi là phàm phu. Phàm phu so với chư Phật Bồ Tát chỉ là mê muội khác với giác ngộ mà thôi, trừ ra điều đó thì không có gì khác biệt.

Quý thân trong trời đất, các vị ác tinh, thảy đều là chúng sinh, do các duyên hòa hợp mà sinh ra. Chúng ta hiểu rõ được [thì biết] hết thảy đều biến hiện từ một niệm trong tự tánh. Phật pháp gọi là: “Nhất thiết pháp duy tâm tưởng sinh.” (Hết thảy các pháp đều từ tâm tưởng sinh ra.) Chúng ta cần phải ghi nhớ điều này.

Cho nên, hết thảy các pháp đối với chúng ta đều có quan hệ mật thiết. Chúng ta khởi tâm động niệm, một niệm hiền thiện thì cảnh giới cũng hiền thiện tốt lành. Cảnh giới là môi trường, hoàn cảnh sống của ta. Kinh điển Đại thừa thường

dạy: “Y báo tỳ trước chánh báo chuyển.” (Y báo tỳ theo chánh báo mà thay đổi.) Một người tu tâm thiện, làm việc thiện, hoàn cảnh sống của người ấy liền được tốt đẹp. Một người khởi tâm ác, làm việc ác, hoàn cảnh sống của người ấy liền xấu ác, chướng ngại đến với người ấy rất nhiều. Điều này cũng giống như ý nghĩa đang giảng ở đây. Cho nên, thiện cùng thiện tương ứng, ác với ác chiêu cảm.

Quan niệm của người Trung quốc đối với hiện tượng tinh tú so ra có chút khác biệt. Người Trung quốc xem trọng thuyết ngũ hành, bát tự, xem trọng những điểm này. Người Tây phương đối với hiện tượng tinh tú cũng hết sức xem trọng. Nếu người Trung quốc mê tín thì người Tây phương cũng mê tín vậy. Cả hai bên đều đoán số mạng, cả hai bên đều có thuật chiêm bốc, bói toán. Nhưng Tây phương đoán số mạng, bói toán, phần lớn dựa vào hiện tượng tinh tú, [gọi là chiêm tinh]. Người Trung quốc đoán số mạng, bói toán chủ yếu dựa vào thuyết bát quái trong Kinh Dịch. Tuy vừa nhìn qua có vẻ như rất khác biệt nhau, nhưng trong thực tế lại giống nhau, vì hiện tượng tinh tú đối với chúng ta quả thật có quan hệ.

Khi tôi ở Singapore, có vị đồng tu mang tặng một quyển sách tiên tri. Người ấy nói quyển sách này là do một đứa con đi du lịch ở Moscow (Mát-xcơ-va), tình cờ phát hiện trong một tiệm sách liền mua về. Sách này là của một nhà tiên tri Tây phương, người Pháp, sống hồi thế kỷ 16, tên là Nostradamus (Nặc-tra Đan-mã-tu).¹ Những lời tiên tri của ông này hết sức nổi tiếng trên thế giới. Ông cũng căn cứ vào các hiện tượng tinh tú. Ông Nostradamus học thức rất uyên bác. Người Trung quốc thường nói đến khả năng siêu nhiên, Nostradamus có khả năng siêu nhiên rất mạnh mẽ, có thể quan sát thấy được những việc trong tương lai. Ông ấy sống vào thế kỷ 16, cách chúng ta khoảng 500 năm. Từ 500 năm

¹ Nostradamus, tên đầy đủ là Michel de Nostredame, bác sĩ và là nhà tiên tri người Pháp, sinh năm 1503, mất năm 1566.

trước, ông đã suy luận và tiên tri rằng vào tháng 7 năm 1999, thế giới sẽ có một tai kiếp rất lớn. Ông nói rằng nhân loại sẽ bị hủy diệt.

Quyển sách này được chuyển dịch rất tốt, phân bình luận cũng khách quan, chính xác. Nhưng cho dù ông ấy có khả năng siêu nhiên và hết sức tinh thông khoa chiêm tinh, đã từng đưa ra những lời tiên tri hầu như đã đạt độ chính xác đến 99%, như vậy là quá giỏi, nhưng trong đó vẫn còn 1% không chính xác. Nếu như tháng 7 năm nay không có gì xảy ra, thì đó chính là 1% ông ấy đoán không chính xác. Phân bình luận cho biết ông ta theo đạo Cơ Đốc, nên tư tưởng, kiến giải của ông phải chịu sự hạn chế trong truyền thống đạo Cơ Đốc, không có cách gì vượt qua.

Đạo Phật không nói theo cách đó. Đạo Phật dạy rằng kiếp nạn có thể hóa giải được, trong khi đạo Cơ Đốc nói rằng kiếp nạn nhất định không thể hóa giải, bất kể con người có tư tưởng như thế nào, bất kể hành động ra sao, đều không thể làm thay đổi mạng số. Theo tư tưởng của họ thì con người nhất định phải vâng theo vận mạng đã định trước. Họ đưa ra một ví dụ, như một vở kịch đang diễn trên sân khấu. Tuy vở kịch chưa kết thúc, nhưng kịch bản đã được viết xong trước đó rồi, nên nhất định [diễn viên] phải y theo kịch bản mà diễn.

Theo tư tưởng đạo Cơ Đốc, hết thảy chúng sinh trong thế gian này đều phải sống theo một “kịch bản” sẵn có, không có khả năng thay đổi được bất cứ điều gì. Điều này cũng giống như trong sách Liễu Phàm tứ huấn, Khổng tiên sinh đoán vận mạng cho Viên Liễu Phàm, nói rằng ông ấy suốt đời không có cách gì thay đổi. Đó là kiểu tư tưởng “Nhất sinh giai thị mạng, bán điểm bất do nhân.” (Việc trong một đời đều do vận mạng, chẳng có gì do người định đoạt.)

Nhưng rồi Liễu Phàm gặp thiên sư Vân Cốc, được ngài

một phen khai thị, ông liền hiểu rõ. Trước đó ông chỉ nghĩ rằng vận mạng đã định sẵn. Nhưng ai định sẵn? Ông không đặt ra câu hỏi đó. Vận mạng suốt một đời mình lại do người nào sắp đặt trước? Nếu có sự suy ngẫm sâu xa, nhất định sẽ hiểu ra. Vận mạng không thể do thần quyết định. Nếu như thần quyết định vận mạng của người, vậy người làm việc ác [là do thần quyết định], sao thần lại phải trừng phạt? Như vậy chẳng phải thần tự làm khó hay sao? Còn nếu thần viết “kịch bản”, sao không viết ra kịch bản tốt đẹp, lại viết những kịch bản thật xấu xa độc ác? Thần như thế chẳng phải thần thông minh, thật là thần hồ đồ.

Chúng ta cần hiểu rõ được ý nghĩa này. Vận mạng là do chính mình tạo ra. Phật pháp dạy điều này rất hữu lý. Vận mạng là do chúng ta từ nhiều kiếp trước đến nay tạo tác các việc thiện ác, chiêu cảm những quả báo tai họa hay phúc lành mà thành. Cho nên, bài văn Cảm ứng thiên trong phần trước chẳng phải đã nói rõ rồi sao? Chỉ cần chúng ta biết quay đầu, dù trong quá khứ đã tạo nhiều nghiệp ác, chỉ cần thực sự quay đầu, thật lòng sám hối. Quỷ thần trong trời đất tuyệt đối không trừng phạt người đã hối lỗi, người đã thật lòng sám hối sửa lỗi.

Ý nghĩa này hết sức thâm sâu, quý vị phải thật lòng tin tưởng, thực sự nhận hiểu, sửa chữa lỗi lầm, tự hoàn thiện bản thân, chuyển họa thành phúc, chỉ trong khoảnh khắc là có thể làm được.

Cho nên, Nostradamus đã thấy ra được một sự thật. Sự thật ấy có hay không? Hoàn toàn có thể có. Ông ấy đã nhìn nhận đúng thật, không hề sai lầm. Chỉ có điều là sự thật ấy có thể thay đổi được. Nếu như Nostradamus được đọc qua kinh Phật, tiếp nhận được giáo lý nhà Phật, cách nhìn của ông ta sẽ không như thế, không thể cứng nhắc ở quan điểm vận mạng không thay đổi.

Hôm nay giảng đến câu “ác tinh tai chi” (ác tinh chiếu vào gây họa), tôi đưa ra quyển sách này. Trong sách xác định rằng trong khoảng thời gian tháng 7, tháng 8 năm nay có một hiện tượng tinh tú hết sức kỳ quái, điều này trong quá khứ chưa từng có. Trong sách giảng giải về điều này rất nhiều, phân tích rất chi tiết. Chín hành tinh lớn trong Thái dương hệ, tính gồm cả mặt trời là 10 tinh cầu. Hiện tại chúng ta đã dùng máy điện toán để tính ra được rằng, vào ngày 18 tháng 8 năm nay, [10 tinh cầu này sẽ] xếp hàng thành một hình thập tự giá giữa không gian. Hiện tượng này vô cùng hy hữu, rất khó xuất hiện. Các chiêm tinh gia cho rằng đó là hiện tượng cực kỳ xấu, là ác tinh soi vào gây họa.

Hiện tượng ấy xuất hiện khiến cho địa cầu này phải chịu tai nạn lớn, đó là nói theo người Tây phương. Từ trường của Thái dương hệ, do cách sắp xếp của các tinh cầu như vậy mà tạo thành một từ trường cực kỳ hủy hoại, cực kỳ xấu. Môi trường sống trên địa cầu của chúng ta sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn. Đó là những ảnh hưởng về khí hậu, ảnh hưởng rất lớn về việc nhiễu sóng vô tuyến, cũng có khả năng dẫn phát những cơn địa chấn, những cơn bão lớn, nhưng không thể biết được vào thời điểm nào thì xuất hiện loại tai nạn nào.

Từ trường xấu đó cũng sẽ ảnh hưởng đến con người, ảnh hưởng đến tư tưởng, cảm xúc, vì trong từ trường đó tinh thần con người không ổn định, tỏ ra nóng nảy bức bối, rất dễ nổi nóng. Con người trong trạng thái đó rất dễ dàng thay đổi, rất dễ dàng phản ứng với tình huống. Nếu như với các vị lãnh đạo quốc gia, trong trạng thái như vậy, thần trí không sáng suốt tỉnh táo, rất dễ dàng nổi giận, chỉ một chút không hài lòng là phát động chiến tranh hạt nhân thì tai họa như thế là rất lớn.

Chúng ta có thể hiểu được, điều này rõ ràng là sự thật. Ví như chúng ta đến một nơi nào, hoặc vào một căn phòng

nào đó, trong những nơi ấy có bầu khí hết sức không tốt, sau khi ta đến đó rồi liền cảm thấy vô cùng khó chịu, rùng mình sồn ốc. Người nước ngoài gọi đó là từ trường, người Trung quốc gọi là khí. Vào thời điểm đó, Thái dương hệ có bầu khí rất xấu, có từ trường rất xấu, rất dễ xảy ra chuyện. Nostradamus xác định tai nạn này xảy ra vào một thời điểm, vậy ngày tháng ông xác định đó là dựa vào điều gì? Dựa vào hiện tượng các tinh cầu mà xác định. Chỉ có điều hiện tượng tinh tú đó rất cùng đối với chúng ta ảnh hưởng nhiều hay ít, đến mức nào thì các khoa học gia hiện nay, thậm chí cả phương pháp chiêm tinh của phương Tây, đều không có cách gì để tính toán được. Nhưng tất cả đều thừa nhận rằng đó là một hiện tượng cực kỳ xấu. Vậy thì họ cũng gần như công nhận rằng, rốt cùng sẽ có nhiều sự nguy hại rất lớn, đến nỗi chẳng ai dám nói ra.

Ông Nostradamus khẳng định rằng đó là một kiếp nạn rất lớn, rằng có “Khủng bố Đại vương từ trên trời hạ xuống”. Ông nói rằng thế giới này từ trước chưa từng có một kiếp nạn như vậy.

Người học Phật chúng ta nghe qua những chuyện ấy rồi, đề cao cảnh giác, nhưng không bi quan như họ, không có cảm xúc tiêu cực. Chúng ta tích cực, chúng ta nỗ lực dứt ác tu thiện, từ trong tâm chân thành sám hối, tu tập niệm Phật tốt hơn nữa. Việc dứt ác tu thiện nhất định phải làm cho đến mức không tranh giành với người khác, không mong cầu trong đời sống. Phải dứt trừ được lòng ái dục, dứt trừ sự ham muốn, tức là hết thả những thú mà ta ưa thích. Hai thú dục vọng đó đoạn trừ được rồi, tâm trí quý vị sẽ sáng suốt, sẽ đạt được giác ngộ, sẽ có đủ năng lực để ứng phó với tai kiếp lần này.

Tôi có [hướng dẫn] một đạo tràng nhỏ ở Brisbane, Australia. Hôm qua tôi thông báo sang bên ấy, bảo họ tích

cực chuẩn bị các khóa tu chuyên tâm niệm Phật: đả Phật thất, kết thất niệm Phật, cũng là 24 giờ mỗi ngày không gián đoạn. Đạo tràng ấy phạm vi không lớn, tôi đề nghị giới hạn trong 48 người, vì không gian chỉ đáp ứng được vậy thôi. 48 người niệm Phật, niệm trong 49 ngày, luân phiên liên tục ngày đêm không gián đoạn. Người ngoài cũng có thể tham gia, nhưng trước hết phải ghi danh.

Hiện nay trong xã hội này, mọi người đều có công việc hết sức bận rộn, bẽ bộn. Việc gác bỏ hết mọi việc để niệm Phật liên tục trong 49 ngày không phải chuyện dễ dàng. Cho nên, trong pháp hội niệm Phật 49 ngày ở Australia, chúng tôi mở thoáng ra một điểm, không nhất thiết phải hạn chế nghiêm ngặt thời gian. Mỗi người có thể tham gia một tuần cũng tốt, hai tuần cũng tốt, nếu tham gia được trọn khóa tu tất nhiên là tốt nhất. Chúng ta có thể cho đăng ký trước, nếu như quá đông người, chúng ta có thời gian dễ dàng phân phối, sao cho ở Niệm Phật Đường mỗi ngày đều có từ 48 người trở lên, không để ít hơn 48 người.

Đạo Phật dạy rằng, muốn tiêu trừ tai ương, tránh khỏi ách nạn, thì niệm Phật là pháp môn thù thắng nhất. Chúng sinh nghiệp chướng hết sức nặng nề, trong Phật pháp có 84.000 pháp môn, bất kỳ pháp môn nào cũng đều không đủ hiệu quả, nên hết thảy đều không cứu vớt được chúng sinh. Cuối cùng, chỉ có pháp môn niệm Phật là có thể giúp chúng sinh thoát khỏi nguy nan. Chúng sinh y theo pháp môn niệm Phật có thể được độ thoát, nên trong đạo Phật thì niệm Phật là pháp môn thù thắng nhất. Vì thế, hết thảy chư Phật Như Lai trong khắp mười phương thế giới đều tán thán đức Phật A-di-đà, tôn xưng Phật A-di-đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương” (hào quang tôn quý nhất, bậc nhất trong chư Phật), ý nghĩa là ở đó.

Hôm nay chúng ta đọc đến một câu [trong Cảm ứng

thiên], nghĩ đến việc rất nhiều chiêm tinh gia Tây phương đã nói với chúng ta, trong năm nay, ngày 18 tháng 8, các tinh cầu trong Thái Dương hệ sẽ xếp thành hàng, đó là một kiếp nạn đang bày ra. Ngày tháng ấy đối với chúng ta đã cận kề lắm rồi, chúng ta nên có sự cảnh tỉnh, kiêng sợ, biết rằng từ trường của Thái Dương hệ đích thực sẽ có ảnh hưởng đến chúng ta. Chỉ những người có công phu thiên định thâm hậu, thực sự đã đạt được định lực và trí tuệ thì mới không chịu ảnh hưởng. Nếu không phải người thực sự có đủ định tuệ thì không một ai là không chịu ảnh hưởng.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 16

(Giảng ngày 4 tháng 6 năm 1999 tại Hương Cảng, file thứ 17, số lưu trữ: 19-012-0017)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta xem đến câu thứ chín trong Cảm ứng thiên: “Toán tận tắc tử.” (Tính toán giảm hết thì phải chết.) Bốn chữ trong câu này tổng kết trước đó đã nói về việc “thiên địa hữu ty quá chi thân” (trong trời đất có thần chủ trì việc xét lỗi), xét theo việc người đời làm ác nặng hay nhẹ mà tăng giảm sự trừng phạt. Trước đó nói sáu câu, đến câu này tổng kết lại, khi “toán tận” (tính toán giảm hết) thì người phải chết.

Câu này quả thật Thái Thượng đã đem tâm lão bà từ bi để khó nhọc răn dạy chúng ta, vì chúng ta đưa ra một lời cảnh báo. Tập khí xấu ác của chúng sinh quá sâu nặng, điều này chúng ta phải tự mình tỉnh giác, quay lại soát xét mới có thể hiểu được sâu xa, thấy rõ ràng những lỗi lầm khiếm khuyết của mình, hết lòng nghĩ đến việc cải hối, sửa chữa, dù là sửa không được. Nhưng sửa không được thì cuối cùng chỉ có mỗi một con đường chết, mà là chết cực kỳ bi thảm, sau khi chết nhất định phải đọa vào ba đường ác.

Vì sao vậy? Chỉ cần chúng ta lưu tâm tự xét kỹ, trong một đời này, thậm chí chỉ một ngày hôm nay, từ sáng đến tối, hoặc trong 24 giờ, chúng ta khởi tâm động niệm, được bao nhiêu ý niệm hiền thiện, có bao nhiêu ý niệm xấu ác? Chúng ta nói năng, hành động, được bao nhiêu việc thiện, còn những việc xấu ác nhiều đến bao nhiêu? Nếu không tự mình phản tỉnh thì không biết được. Lặng lẽ phản tỉnh suy xét rồi sẽ hiểu được rõ ràng.

Đức Phật dạy ta hành trì hai thời công phu sớm tối, tôi đã giảng rất nhiều về điều này. Thời công phu lúc sáng sớm là để nhắc nhở chúng ta khởi tâm tự phản tỉnh. Chúng ta đọc lên mỗi đoạn kinh văn, tự mình tu tập theo ý nghĩa được dạy trong kinh, khởi tâm tỉnh giác trong suốt ngày hôm đó, mỗi lúc khởi tâm động niệm, nói năng hành động, đều phải lấy lời dạy trong kinh làm tiêu chuẩn noi theo. Thời công phu buổi tối là để chúng ta tự phản tỉnh, suy xét trong ngày hôm đó ta đối với những lời Phật dạy đã làm được hay chưa? Nếu đã làm được, càng phải cố gắng nhiều hơn. Nếu chưa làm được, ngày mai nhất định sẽ gắng sức làm. Đó là ý nghĩa đích thực của hai thời công phu sớm tối.

Chúng ta tu tập theo pháp môn Tịnh độ, thời công phu sáng tụng đọc 48 lời nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ. Trong 48 lời nguyện này có đầy đủ ý nghĩa lý luận, có nêu lên sự tướng, có phương pháp tu học, có [xưng tán] cảnh giới, chính là tâm lượng lớn lao, đại nguyện rộng khắp của đức Phật A-di-đà. Chúng ta mỗi sáng sớm tụng đọc đoạn kinh văn này, phải học tập noi theo đức Phật A-di-đà, học tập theo tâm lượng lớn lao của ngài, theo đại nguyện rộng khắp của ngài. Chúng ta thực hành xong thời công phu sáng, tụng niệm xong đoạn kinh văn đó rồi, đã phát tâm [được như thế] hay chưa? Nếu như tâm nguyện của ta so với những lời tụng niệm trong kinh hoàn toàn không phù hợp thì chỉ uống công tụng kinh, thời khóa công phu đó xem như vô ích.

Thời công phu tối, chúng ta tụng đọc từ phẩm thứ 32 đến phẩm thứ 37 [trong kinh Vô Lượng Thọ]. Phần kinh văn này giảng giải những gì? Đó là năm giới và mười nghiệp lành. Chúng ta phải chú tâm tự suy xét kỹ, trong suốt một ngày qua đã khởi tâm động niệm, nói năng hành động như thế nào, so với lời Phật dạy có phù hợp hay không? Nếu không phù hợp, đó là ta đã làm việc xấu ác, tạo nghiệp tội. Làm ác tạo nghiệp thì niệm Phật sao có thể vãng sinh?

Cho nên, công phu niệm Phật của chúng ta không đạt hiệu quả chính là do ở điểm này. Mỗi ngày dường như đều tụng niệm công phu sáng tối, thật ra chẳng có gì, chỉ là hình thức, chỉ là làm ra dáng như thế mà thôi, thực chất chẳng được gì. Nếu quý vị thực sự hành trì hai thời tụng niệm sớm tối, thì công phu tu tập sẽ tăng tiến vượt bậc, nền tảng sự nghiệp tu tập sẽ vững chắc, quý vị tự mình cảm nhận được sự hộ niệm của chư Phật, sự ủng hộ của các vị trời, rồng, thiện thần. Không cần phải hỏi nơi người khác, tự mình có thể cảm nhận được.

Trong thời đại này, mọi người đều biết là sẽ có kiếp nạn lớn lao xảy đến, nhưng kiếp nạn ấy do đâu mà có? Là do lòng người đi ngược lẽ thường. Thế nào là lẽ thường? Là vâng theo năm giới với mười nghiệp lành. Phạm vào năm giới với mười nghiệp lành là trái ngược lẽ thường. Trái lẽ thường sẽ gặp phải nạn tai hung hiểm, thuận lẽ thường thì được phước báo an lành. Ý nghĩa này trong kinh Phật giảng giải rất rõ ràng, Cảm ứng thiên cũng nói đến hết sức thấu triệt. Kinh Phật là do bậc thánh nhân từ thời cổ đại Ấn Độ giảng dạy, Cảm ứng thiên là do bậc thánh hiền Trung quốc nói ra. Chúng ta cũng có thể xem đây như những lời tiên tri của thời cổ đại để xem xét đối chiếu.

Những lời tiên tri này đều dựa trên cơ sở lý luận. Mọi điều lành hay dữ, họa hay phúc quả thật có thể thay đổi chỉ trong một ý niệm. Một ý niệm đó sẽ tạo ra sự chuyển biến như thế nào của ta. Nếu như vẫn tiếp tục tạo nghiệp [ác], tiếp tục giữ tâm bất thiện thì quả đúng là như lời Phật dạy: “Biển nghiệp mêh mang, biển khổ không cùng.” Biển nghiệp là do chính ta tạo ra, biển khổ là quả báo ta phải nhận lãnh. Tuy vậy, còn lại được một chút phước báo từ đời quá khứ, ta lại mãi mê tận hưởng, trong đời sống thường ngày không biết tu tích thêm phước đức, cho dù có được nhiều phước báo lớn, liệu có thể hưởng thụ được bao lâu?

Đại sư Ấn Quang suốt một đời luôn dạy người tu tích phước đức, gặp ai cũng dặn dò. Lúc ăn cơm phải giữ lòng thanh tịnh, dù một hạt cơm cũng không để thừa, cũng không bỏ phí, đó là tu tích phước đức. Tự mình có miếng cơm ăn, phải nhớ nghĩ đến người khác, trên thế gian này vẫn còn biết bao người gặp khó khăn không có cơm ăn. Lúc mặc y phục vào cũng phải giữ tâm thanh tịnh, mặc vào ngay ngắn chỉnh tề, đó là tu tích phước đức. Y phục dù rách nát cũng chẳng hề gì, có thể vá lại, chỉ cần giặt cho sạch sẽ, chủ yếu có thể che thân, có thể giữ ấm là tốt rồi. Trên thế gian này vẫn còn rất nhiều người khó khăn không có đủ y phục che thân.

Trong lòng phải thường nhớ nghĩ đến hết thầy chúng sinh, hơn nữa còn phải hết lòng hết sức giúp đỡ, hỗ trợ cho hết thầy chúng sinh. Thường giữ được tấm lòng như thế, đó là lòng lành. Trong cuộc sống hằng ngày cũng phải thường lưu tâm giữ ý, người tu hành chân chính, dù một mảnh giấy cũng không hoang phí, xé bỏ, [nghĩ đến người] làm ra khó khăn vất vả. Cho dù ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển [làm ra dễ dàng hơn], cũng vẫn phải kiêng dè không được lãng phí. Vật dụng gì có thể tiết kiệm được, phải hết sức tiết kiệm thì phước báo còn lại từ đời trước có thể được hưởng mãi không hết. Nếu tùy tiện hoang phí thì phước báo không bao lâu sẽ hưởng tận.

Hưởng tận phước báo rồi, dù tuổi thọ còn vẫn phải chết. Vì sao vậy? Vì không có phước báo. Phước báo hết thì mạng người phải mất. Ví như quý vị có tuổi thọ được trăm năm, nhưng phước báo chỉ hưởng được trong 60 năm, vậy thì 60 tuổi quý vị phải chết. Ngược lại, nếu quý vị có tuổi thọ được 60 năm, nhưng suốt một đời tu tích phước đức, đến 60 tuổi vẫn chưa hưởng hết phước báo, tuổi thọ của quý vị sẽ được kéo dài, cho đến khi hưởng hết phước báo tu tích được trong đời này.

Nói thật ra, người đời nay được hưởng chút phước báo nào cũng chỉ là từ đời quá khứ còn thừa lại. Trong đời này họ chỉ toàn hưởng phước, không hề tu phước. Những ý nghĩa đó, người đời hiện nay không mong cầu được nghe. Nếu giảng giải với họ, chưa hẳn họ đã chịu tin.

Người học Phật thường tiếp xúc với kinh sách, lời dạy của các bậc thánh nhân, đối với những điều lý luận, chân tướng sự thật, đều có được nhiều cơ hội nghe biết, vì sao không thay đổi sửa lỗi được? Vì chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội, đại đa số người đời đều không tin, cho rằng những điều chư Phật, Bồ Tát giảng dạy chưa hẳn đã là chân thật. Cho nên, chính tôi đã thấy rất nhiều người học Phật, với thái độ hoài nghi ôm ấp trong lòng mà học Phật. Do đó, dù được nghe giảng rõ ràng, sáng tỏ, thấy được cảnh giới hiện tiền, nhưng rồi vẫn buông xuôi theo hoàn cảnh chung quanh mà lưu chuyển, không quay đầu lại được. Phật dạy: “Hồi đầu thị nạn” (Quay đầu là bờ), những người này không quay đầu lại được, cho nên “toán tận tắc tử” (tính toán hết thì chết), mà sau khi chết còn phải chịu tai ương. Tai ương đó là phải luân chuyển trong ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Ba đường ác đó rơi vào rất dễ, thoát ra mới cực kỳ khó khăn.

Tuyệt đối không được nói rằng chết là hết. Sau khi chết vì sao vẫn là chưa hết chuyện? Vì nếu quả thật chết là hết, chúng ta đâu cần phải học Phật? Nhưng sự thật là chết đi rồi vẫn chưa hết chuyện, đó là lời chân thật. Tôi đã giảng câu này trên giảng đường từ mấy chục năm qua. Chết đi chưa phải là hết chuyện, cho nên phải tận dụng lúc hơi thở này chưa dứt mà kịp thời quay đầu hướng thượng.

Trong kinh luận giảng rất rõ ràng việc Phật độ chúng sinh. Trong sáu đường luân hồi, vì sao đức Phật chỉ thị hiện thành Phật trong cõi người, còn năm đường khác không có Phật thị hiện? Điều đó nói lên rằng, cõi người tuy có khổ,

nhưng con người rất dễ quay đầu hướng thượng. Cõi trời vui nhiều khổ ít, rất khó giác ngộ. Điều đó cũng giống như trong thế gian, người giàu sang phú quý rất khó học đạo. Ba đường ác thì quá khổ, không còn lòng dạ nào nghĩ đến chuyện học Phật. Cho nên, Phật muốn độ chúng sinh trong ba đường ác cũng hết sức khó khăn. Chỉ riêng có cõi người là khổ nhiều vui ít, so ra rất dễ giác ngộ, rất dễ tiếp nhận những lời Phật dạy.

Chúng ta nhất định phải thấu hiểu được sự thật trong chốn nhân gian, rằng thân người này khó được nhưng dễ mất. Trong sáu đường luân hồi, được sinh vào cõi người thật không dễ dàng. Trong kinh luận có đưa ra nhiều ví dụ so sánh nói rõ việc này. Pháp Phật rất khó được nghe. Muốn nghe pháp Phật thì điều quan trọng tối yếu là tự bản thân mình phải có tâm chân thật muốn học. Vì sao vậy? Tâm chân thật muốn học thì tự mình có thể cảm, chư Phật, Bồ Tát liền có ứng. Trong kinh dạy rằng: “Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân.” (Trong cửa Phật không bỏ người nào.) Đó là lời chân thật. [Chỉ vì] chúng ta không có tâm chân thật cầu học, chư Phật, Bồ Tát không hiện đến. Chúng ta dùng tâm hư vọng học Phật, đem tình ý hư dối, giả tạo mà học Phật, không thể cùng với chư Phật, Bồ Tát có sự cảm ứng. Vậy cảm ứng với ai? Với yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái liền hiện hình thành chư Phật, Bồ Tát đến dụ dỗ, mê hoặc chúng ta. Đó là Phật giả, chẳng phải thật. Tâm chân thật thì cảm ứng Phật thật, tâm hư vọng ắt cảm ứng Phật giả.

Tâm ý người thời nay hầu hết đều hư dối, cho nên cảm ứng Ma vương Ba-tuần biến hiện thành chư Phật, Bồ Tát. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng.” Những tà sư ấy cũng đắp y ca-sa, cũng hiện tướng tỳ-kheo xuất gia, nhưng họ là hạng người nào? Là yêu ma quỷ quái. Họ dạy cho quý vị tạo nghiệp, xô đẩy quý vị vào ba đường ác. Họ rất giỏi những việc như thế. Chúng ta

người phàm mắt thịt không thấy biết được. Trong kinh Lăng Nghiêm có giảng đến 50 loại ám ma, quý vị thường tụng đọc thì biết được. Cảnh giới của ma, phàm phu chúng ta nhất định không nhận biết, tuyệt đại đa số đều xem đó là cảnh giới của chư Phật, cho đó đúng thật là Phật. Quý vị không đọc kinh Lăng Nghiêm thì không hiểu được điều đó.

Cho nên, đức Phật Thích-ca Mâu-ni dạy rằng, trong tương lai khi tất cả Giáo pháp đều phải mất đi thì kinh Lăng Nghiêm sẽ bị mất trước tiên. Vì sao kinh bị mất trước tiên lại là kinh Lăng Nghiêm? Ngày trước tôi theo Lão cư sĩ Lý Bình Nam học giảng kinh, chủ yếu là học kinh Lăng Nghiêm, nên đối với kinh này tôi có sự thể hội sâu sắc. Kinh này nếu còn lưu lại thế gian thì ma không được thuận tiện hại người. Đối với ma mà nói thì kinh này là chướng ngại lớn nhất. Chúng ta liệu có năng lực gì phân biệt được đâu là Phật, đâu là ma? Chính phải dựa theo kinh Lăng Nghiêm làm tiêu chuẩn phân biệt. Trước đây tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, có nói rằng kinh Lăng Nghiêm là kính chiếu yêu, soi rõ yêu ma. Kinh Lăng Nghiêm không còn nữa, kinh Lăng Nghiêm mất đi rồi thì ma sẽ được thuận tiện dễ dàng. Chúng ta không nhận biết được ma, ta sẽ xem chúng là Phật, Bồ Tát, sẽ theo chúng tu học, tương lai đều sẽ rơi vào ba đường ác, đều sẽ biến thành con cháu của ma. Cho nên kinh Lăng Nghiêm phải bị mất trước tiên.

Trong kinh Pháp Diệt Tận, Phật dạy rằng kinh Vô Lượng Thọ sẽ mất đi sau cùng. Vì khi pháp Phật đã mất hết rồi, chỉ riêng còn một câu danh hiệu “A-di-đà Phật” cũng có thể cứu độ vô số chúng sinh được vãng sinh về Tịnh độ. Chúng ta phải hiểu rõ ràng ý nghĩa này, phải thấu triệt ý nghĩa này.

Một hơi thở còn, quay đầu hướng thượng tu tập cũng vẫn còn kịp. Đợi đến lúc chết thì không kịp nữa. Ngay lúc này đây mà quay đầu hối cải còn không được, hướng chỉ đến lúc sắp

chết, có mấy ai còn giữ được tâm trí sáng suốt tỉnh táo? Quý vị liệu có duy trì được chăng? Vào thời điểm sắp chết, quý vị có giữ tâm trí sáng suốt tỉnh táo được chăng? Tâm trí không sáng suốt thì không thể vãng sinh. Tâm trí sáng suốt tỉnh táo, vào thời điểm cuối cùng sắp chết niệm một câu “A-di-đà Phật” cũng được vãng sinh. Quý vị có nắm chắc được điều đó hay chăng? Có chắc chắn rằng đến lúc lâm chung sẽ giữ được tâm trí sáng suốt tỉnh táo hay chăng? Nếu không tin chắc được như vậy thì ngay lúc này phải nỗ lực dứt trừ hết thảy mọi điều ác, tu tập hết thảy mọi điều lành, suy xét lo nghĩ đến đời sau của chính mình. Đó mới là người thông minh, đó mới thực sự là người có trí tuệ.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 17

(Giảng ngày 5 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 18, số lưu trữ: 19-012-0018)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Bài văn Cảm ứng thiên, từ câu thứ ba đến câu thứ chín là một đoạn. Đoạn này nói tổng quát về quả báo của các nghiệp ác. Câu chữ không nhiều, nhưng hàm nghĩa cực kỳ sâu rộng. Theo sau là một đoạn rất dài, giảng rõ với chúng ta về những tình huống tạo nghiệp ác của người đời, cũng có thể xem là phần chú giải cho sáu câu trước đó. Những việc làm ác này, từ xưa đến nay, ở khắp mọi nơi, nói thật ra là không kể xiết. Hơn nữa, người đời mỗi ngày lại vẫn đang tiếp tục, không biết quay đầu, không biết tỉnh ngộ.

Người ta sống ở thế gian này chỉ mấy chục năm ngắn ngủi, thoáng chốc như vừa khảy móng tay, mọi thứ đã trôi vào quá khứ. Khi tôi còn trẻ, năm 22 tuổi đến Đài Loan, vừa chớp mắt đó nay đã thành ông lão hơn bảy mươi rồi. Bạn bè một thời cùng đọc sách, cùng làm việc, cùng tu học với tôi, ngày nay có đến hai phần ba đã tạ thế rồi. Cho nên, đời người ngắn ngủi là thế. Nhưng phải biết rằng, không phải sau khi chết thì mọi thứ đều không còn. Con người chết đi rồi, ngày tháng sau đó vẫn còn rất dài. Các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian đều nói cho ta biết về điều đó, đã nói rất nhiều, nói rất chi tiết tường tận, bằng nhiều cách khác nhau.

Làm việc thiện có quả báo lành, sau khi chết sinh về nơi tốt đẹp, ở mức thấp nhất cũng được hưởng phước báo trong hai cõi trời, người. Phước báo cõi người ngắn ngủi, chúng ta đều biết. Phước báo cõi trời được lâu dài hơn, nhưng phải biết

ràng, dù lâu dài cũng vẫn có giới hạn. Cho nên, những người thực sự thông minh trí tuệ, không ai không mong cầu vượt thoát ra ngoài ba cõi.

Không cần nói đến chuyện vượt thoát ngoài ba cõi, [muốn hưởng] phước báo trong cõi trời, người cũng phải theo pháp tu tập tạo phước nghiệp cõi trời, người. Vì sao lại làm việc ác? Vì sao phải khởi niệm ác, phải suy nghĩ ác? Chúng ta muốn dứt ác tu thiện thì phải đem những xấu ác trong tư tưởng dứt trừ tận gốc, sau đó thì mọi hành vi sẽ tự nhiên hiền thiện. Sự hiền thiện ấy không phải được tạo ra, mà vốn là từ trong nội tâm tự nhiên trôi chảy hiển lộ thành. Chúng ta đều là những người cùng học Phật, trong kinh điển, ngữ lục, chư Phật và các vị tổ sư dạy ta rất nhiều về việc này.

Và nói đến việc tu tập thì ai tu người ấy được hưởng. Đó gọi là: “Ông tu ông được, bà tu bà được, không tu thì không được.” Người khác tu tập thì chúng ta không được hưởng phần. Chúng ta thấy trong Pháp hội Lăng Nghiêm, Tôn giả A-nan cũng có ý tưởng sai lầm, cho rằng đức Thế Tôn là anh họ của mình, nên việc tu tập hành trì của bản thân có thể sơ sài đôi chút, đến lúc cần hẳn có thể nhờ cậy nơi Thế Tôn. Kết quả đến khi gặp nạn Ma-đăng-già mới thực sự hiểu ra, công phu tu hành của Phật thì mình không hưởng được, nhất định phải dựa vào sự tu tập của chính bản thân mình. Công đức [tu hành] là như vậy, phước báo lẽ nào không như vậy? Ý nghĩa này chúng ta cần phải thấu hiểu rõ ràng, minh bạch.

Chúng ta cũng có thể dựa vào phước báo của người khác đôi chút, nhưng cần phải có duyên phần, mà phải đầy đủ các duyên. Ví như chúng ta hiện nay ở trong cõi người, sinh ra đồng thời, cùng ở một nơi, đó là trong quá khứ đã từng có duyên phần ấy. Nếu người kia nhiều tiền của, ta không có, họ có thể giúp ta một chút, ta có thể dựa vào họ một chút. Nếu như đôi bên không sinh ra cùng nơi chốn, không cùng thời

đại, dù người ấy muốn giúp ta cũng không thể giúp. Những việc như thế vì sao không chịu nhiều lần suy ngẫm?

Cho nên, người ta sống ở đời, điều quan trọng tối yếu là phải làm việc thiện đối với người khác. Dù đó là người ác, ta cũng phải đem tâm hiền thiện, dùng thiện hạnh đối đãi với họ. Lâu dần, kẻ xấu ác được cảm hóa cũng hướng về điều thiện. Nếu họ không thể quay đầu hướng thiện, đó là sức cảm hóa của ta chưa đủ mạnh. Bản thân ta phải sinh lòng hổ thẹn vì việc ấy, phải khởi tâm sám hối: “Minh đã làm không tốt, không giúp được người ấy quay đầu hướng thiện.” Tâm đại từ bi khởi sinh là từ chỗ nhìn thấy người khác làm việc ác, nhìn thấy người khác bị đọa lạc. Đó là điều trong kinh điển đức Phật dạy là: “Phật pháp nhân duyên sinh.” (Phật pháp do nhân duyên mà sinh.)

Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong sáu đường luân hồi, thị hiện giữa chốn nhân gian, các ngài vì sao thị hiện? Vì cảm ứng, chúng sinh có cảm nên chư Phật có ứng. Cảm ứng cũng là duyên sinh, cảm với ứng đều là duyên. Chính vì vậy nên Phật pháp cũng là duyên sinh. Nói chung, tất cả các pháp do duyên sinh thì tự thể đều là không, rốt cùng không thể nắm bắt. Chư Phật thấu triệt, chư Bồ Tát cũng hiểu rõ điều này, nên các ngài ứng hóa tại thế gian, dốc toàn tâm toàn lực cứu giúp hết thảy chúng sinh khổ nạn, nhưng không bám chấp nơi hình tướng.

Trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn dạy Tôn giả Tu-bồ-đề khi giáo hóa cứu độ chúng sinh cần phải chú ý đến sự không bám chấp này. Đây cũng là lời dạy cho chúng ta. Trong kinh, Phật dạy các Bồ Tát khi thị hiện trong sáu đường luân hồi, trong chín pháp giới, nhất định phải giữ theo một nguyên tắc: “Bất thủ ư tướng, như như bất động.” (Không nắm giữ hình tướng, như như chẳng xao động.) Như thế mới gọi là Bồ Tát chân thật. “Không nắm giữ hình tướng” là bên ngoài

không bám chấp hình tướng. “Như như chẳng xao động” là trong tâm không hề xao động. Như vậy mới có đủ năng lực để ứng hóa thị hiện.

Nếu bên ngoài bám chấp hình tướng, trong tâm xao động, thì đó chính là tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp thì có lẽ nào không nhận lãnh quả báo? Quý vị nói rằng mình làm vì chư Phật, Bồ Tát, vì hết thảy chúng sinh phục vụ, nhưng nếu bám chấp nơi hình tướng, trong tâm xao động, thì đó vẫn là nghiệp báo. Nếu bám chấp nơi hình tướng bất thiện, động tâm bất thiện, khởi sinh những tâm chướng ngại như tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, tật đố, thì nói thật ra đều là những quả báo phải vào địa ngục. Chúng ta suy ngẫm xem, bản thân mình có động tâm, có khởi sinh những ý niệm như thế hay không? Nếu quả thật có thì phải mau mau gấp rút sám hối.

Chúng ta chú tâm quan sát kỹ, ngay trong đời này ta đã gặp rất nhiều người xuất gia. Những người ấy vào lúc lâm chung, lìa bỏ cuộc đời này, đã biểu hiện những hình tướng thế nào thì chúng ta đều tận mắt chứng kiến, tự mình nghe biết. Đó là những hiện tượng gì? Chúng ta ngày nay tự thân được làm người xuất gia, trong tương lai đến lúc chết liệu sẽ chết như thế nào? Liệu có ra đi trong trạng thái thần trí mơ màng mờ mịt hay không? Liệu có phải lâm cơn bệnh nặng, mê man bất tỉnh không còn biết gì lúc ra đi hay không?

Người lâm chung nếu trong tình trạng bệnh nặng, mê man bất tỉnh, không còn nhận biết được thân nhân quyến thuộc, thì nhất định phải tái sinh vào ba đường ác. Nếu được tái sinh vào hai cõi trời, người thì thần trí [lúc lâm chung] hết sức minh mẫn.

Chúng ta ở chốn thế gian này cùng người khác tranh chấp những gì? Đối với người khác mà tranh danh đoạt lợi thì hãy chuẩn bị mà đi vào ba đường ác. Nếu thực sự mong cầu được sinh về thế giới Cực Lạc thì phải hoàn toàn buông xả hết thị

phi, nhân ngã, tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn. Trong việc hoằng pháp lợi sinh, phải thực sự đạt đến chỗ bên ngoài không bám chấp hình tướng, trong tâm không xao động, chỉ duy nhất đem một tấm lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi mà xử sự, mà đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật.

Trong đời này nếu bị người khác sỉ nhục, hủy báng, hãm hại, ta đối với người ấy phải chân thành cảm kích, biết ơn. Biết ơn vì điều gì? Vì đã giúp ta tiêu trừ nghiệp chướng. Bao nhiêu nghiệp tội ta đã tạo trong đời quá khứ cũng như đời này đều nhờ đó xem như trả hết, vì ta đối với người ấy tuyệt đối không một mảy may oán hận. Nếu ta có một mảy may oán hận, chẳng những nghiệp chướng không được tiêu trừ mà còn tăng trưởng nhiều hơn. Phải thấy rằng điều này [được quyết định] chỉ trong một ý niệm. Một ý niệm đó có thể là mê hoặc ngộ, là họa hay phúc, là lành hoặc dữ.

Nên biết rằng, hết thấy các pháp thế gian, trong kinh Phật thường dạy là mười pháp giới, sự trang nghiêm của y báo và chính báo, đều chỉ như mộng ảo, bọt nước. Hết thấy [hình tướng ấy] đều không chân thật. Chúng ta vì sao phải nhận biết đúng thật như vậy? [Vì có như vậy thì khi] người khác cần, ta sẽ mừng vui hoan hỷ cúng dường, hoan hỷ bố thí, không chỉ là những vật ngoài thân, mà ngay cả thân mạng ta cũng hoan hỷ bố thí. Tâm hoan hỷ bố thí như vậy sẽ được vô lượng vô biên phước báo.

Những lời Phật dạy trong kinh điển, mỗi câu mỗi chữ đều chân thật, không có lời giả dối. Y theo pháp Phật mà tu học chắc chắn sẽ được lợi ích. Chúng ta vì sao không tin tưởng? Vì sao không chịu làm theo?

Có vị đồng tu kể với tôi một câu chuyện. Trước đây có lần ông mộng thấy Bồ Tát Quán Thế Âm. Trong giấc mộng, ông thấy mình rơi vào một hoàn cảnh cực kỳ nguy nan, giống

như trên một hòn đảo nhỏ, bốn bên đều là biển cả, sóng gió dữ dội, mạng sống chỉ còn trong khoảnh khắc. Ngay lúc ấy, ông nhìn thấy Bồ Tát Quán Thế Âm, liền quỳ xuống đất cầu xin cứu nạn. Bồ Tát Quán Thế Âm không nói một lời, đưa tay chỉ xuống phía dưới, hàm ý bảo ông nhảy xuống. Ông nói: “Không được, bên dưới đó là biển cả, con nhảy xuống chẳng phải đường chết sao?” Bồ Tát Quán Thế Âm lại chỉ lần nữa, ông liền tin tưởng: “Bồ Tát đã bảo ta nhảy xuống thì ta cứ nhảy.” Kết quả khi ông nhảy xuống rồi liền thấy mình ở trên bàn tay Bồ Tát. Nếu không tin theo ắt là không được cứu. Ngay sau khi nhảy ông cũng không hề nghĩ đến việc Bồ Tát sẽ đưa tay nâng đỡ. Đỡ ông lên rồi, lại đưa đến một nơi an toàn, một nơi rất tốt đẹp. Ông rơi xuống trên mặt đất rồi thì không còn thấy Bồ Tát đâu nữa, chỉ thấy nơi ấy đang xây dựng một tòa lầu to lớn, phong cảnh thật xinh đẹp. Cả giấc mộng là như thế.

Cho nên, nhất định phải đặt niềm tin nơi chư Phật, Bồ Tát, tiếp nhận những lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta buông xả hết cả thân tâm, thế giới, thì ta phải buông xả, nhất định sẽ đạt đến chỗ tốt đẹp.

Trong việc xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, phải luôn hòa mục, xem hết thấy chúng sinh đều như Phật, Bồ Tát. Người có lòng tốt đối đãi với ta, phải cảm ơn vì được người quan tâm chiếu cố. Người đem lòng xấu ác đối đãi với ta, cũng phải cảm ơn, vì giúp ta tiêu trừ nghiệp chướng. Như vậy thì có người nào không phải thiện tri thức? Có người nào không phải Phật, Bồ Tát? Hết thấy quanh ta đều là thiện tri thức, đều là Phật, Bồ Tát. Như thế gọi là tu hành.

Nếu như chúng ta suốt một đời này luôn sống trong sự thành kính, sự biết ơn, sự sống như vậy phong phú biết bao! Người đời thường nói về ý nghĩa sự sống, giá trị của sự sống, trong thực tế thì đối với ý nghĩa và giá trị của sự sống, họ

chỉ có khái niệm thôi, không thực sự hiểu được. Nhưng các bậc thánh hiền ở thế gian và xuất thế gian thì nhận hiểu rất rõ ràng, sáng tỏ. Các ngài đã tự mình thực hiện được các ý nghĩa và giá trị đó. Chúng ta không hề lưu ý, không hề chú tâm quan sát, cũng có thể vì thời đại của các bậc thánh hiền ấy cách ta quá xa, nên chúng ta xem nhẹ, không chú ý. Nếu chúng ta chú tâm đọc kỹ những sách xưa của các bậc thánh hiền, chú tâm thể hội, thì cũng không khó để nhận hiểu rõ. Sách vở thánh hiền quả thật rất đáng để chúng ta học tập.

Vì thế, [hôm nay] chúng ta giảng rộng những ý nghĩa rõ ràng trong bài văn Cảm ứng thiên, đặc biệt là sách Vị biên. Trước đây tôi có khuyên các vị đồng tu ở thư viện nên tụng đọc bản văn này như giới luật, mỗi ngày nên tụng đọc một lần cùng với việc trì giới, niệm Phật, nâng cao sự cảnh giác của bản thân.

Ví như chúng ta niệm Phật mỗi ngày từ sáng đến tối, nói như Đại sư Ngẫu Ích là “niệm đến mức trời mưa xuống không ướt, niệm đến mức giếng hết như tường đồng vách sắt”, nhưng ý niệm xấu ác, hành vi xấu ác không sửa chữa được, thì chỉ là uống công vô ích. Đó chính là điều mà các bậc tổ sư, đại đức đã đem tâm từ bi khó nhọc răn dạy chúng ta. Chúng ta đối với lời răn dạy này phải luôn ghi khắc trong tâm, mỗi giây mỗi phút đều tự mình cảnh tỉnh, kiêng dè, giữ lòng tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt, nhất định được quả báo tốt đẹp. Ngược lại, nếu trái lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, trái lời răn dạy của các bậc hiền thánh xưa, thì nhất định phải nhận quả báo không tốt.

Hôm qua tôi giảng kinh ở Hương Cảng (Hong Kong), vừa về lại Singapore thì có mấy vị đồng học từ châu Âu về đến nói với tôi, xã hội châu Âu hiện nay hỗn loạn, lòng người hoảng hốt lo sợ, bầu không khí chung hết sức không tốt. Nơi ấy có ít người học Phật, ít người hiểu được những lời răn dạy của

các bậc hiền thánh xưa. Chúng ta nghe qua việc này rồi nên nghĩ tưởng đến họ, nghĩ cách làm sao đem hết sức lực nhỏ nhoi của mình ra mà giúp đỡ, hỗ trợ cho họ, đó là việc nên làm. Tuyệt đối không được nói rằng tai nạn của họ bên ấy chẳng liên quan gì đến ta. Quan niệm như thế là sai lầm. Dù khác biệt chủng tộc, khác biệt quốc gia, khác biệt tôn giáo tín ngưỡng, vẫn phải đem tâm từ bi bình đẳng mà đối đãi với họ. Nhìn thấy người khác gặp nạn cũng xem như chính mình gặp nạn, không có gì khác biệt. Cho dù sức mình không cứu được nạn, cũng phải khởi tâm như thế. Tâm như thế chính là lòng tốt.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 18

(Giảng ngày 6 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 19, số hồ sơ: 19-012-0019)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem tiếp câu thứ mười trong Cảm ứng thiên: “Hựu hữu tam thai, Bắc đẩu thần quân tại nhân đầu thượng, lục nhân tội ác, đoạt kỳ kỷ toán.” (Lại có [bốn vị] thần là tam thai và Bắc đẩu ở trên đầu người, ghi chép tội ác để giảm trừ kỷ toán.)

Câu này nói rằng, mỗi một hành vi, mỗi một ý niệm của con người, bất luận vào thời điểm nào, bất luận đang ở nơi đâu, đều có quỷ thần thấy biết. Trong số quỷ thần có những vị chuyên trách giám sát những điều thiện ác của người đời. Người có tâm thiện, làm việc thiện, các vị ấy liền ghi chép; nếu khởi tâm ác, làm việc ác, cũng có sự ghi chép. Nói cách khác, các vị quỷ thần thiên địa luôn có đầy đủ hồ sơ hoàn chỉnh ghi chép mọi ý niệm, hành vi tạo tác của chúng ta, so với sự ghi chép của cơ quan cảnh sát, điều tra ở thế gian cũng rõ ràng không kém. Nếu chúng ta hiểu được sự thật này thì tâm sợ sệt, kiêng dè sẽ tự nhiên sinh khởi, đối với mọi ý niệm và hành vi của chính mình nhất định sẽ có sự soát xét thiện ác.

“Tam thai, Bắc đẩu” là bốn vị thần minh được dân gian theo Đạo giáo thờ phụng tại Trung quốc. Thượng thai là thần cai quản sự sống chết của con người, thần trung thai cai quản về phúc và thần hạ thai cai quản về lộc. Nói theo ngôn ngữ hiện đại thì thần hạ thai cai quản sự giàu có, thần trung thai cai quản về địa vị xã hội, thần thượng thai cai quản về vận mạng. Như vậy, những sự sống chết, thọ yếu, giàu nghèo, sang hèn của mỗi người đều có quỷ thần cai quản.

Chúng ta có thể đặt câu hỏi là những vị thần này có quyền quyết định chuyện sống chết, họa phúc của ta hay không? Trong thực tế, họ không có quyền quyết định, chỉ là cai quản các phạm vi đó mà thôi. Mọi chuyện lành hay dữ, họa hay phúc đều do chính ta quyết định [qua những hành vi tạo tác của mình], họ chỉ giữ việc chấp hành thực hiện mà thôi. Cũng giống như cấu trúc các cơ quan cảnh sát, điều tra ở thế gian. Nếu người làm thiện, họ báo lên cấp trên để khen thưởng; với người làm ác, họ cũng báo lên cấp trên để trừng phạt. Họ là những đơn vị giám sát chấp hành, hoàn toàn không phải chủ thể quyết định. Chủ thể quyết định đích thực chính là bản thân ta. Cho nên, vận mạng là do chính ta tạo ra, tự làm tự chịu. Ý nghĩa và sự thật này chúng ta phải thấu hiểu rõ ràng, sáng tỏ.

Ví như đã lỡ phạm vào tội lỗi, như một phần trước tôi đã nói qua, chỉ cần quý vị biết lỗi và sửa lỗi. Thần minh không trừng phạt người đã biết sám hối sửa lỗi. Đến như chư Phật, Bồ Tát lại càng từ bi hơn nữa, đối với những chúng sinh khi đã tạo nghiệp ác đọa vào ba đường ác cũng vẫn lấy tâm từ bi đối đãi như trước, thật là bậc thánh nhân.

Các vị quý thần vẫn thuộc hàng phàm phu, chưa buông xả tình chấp, nên thấy người làm việc thiện thì hoan hỷ, thấy người làm ác thì ghét bỏ, không ưa. Chúng ta hiện nay cũng là phàm phu nên có thể dùng tâm lý tình cảm của chính mình để đo lường tâm lý tình cảm của các vị quý thần, cũng có thể biết được phần nào.

Đây chỉ nói Bắc đẩu tinh quân, trong Đạo giáo còn có Nam đẩu tinh quân. Nam đẩu chủ quản sự sống của con người, Bắc đẩu chủ quản về sự chết. Khi một chúng sinh tái sinh vào cõi người, Nam đẩu liên ghi chép và lưu giữ hồ sơ về người ấy. Khi một người đã hết tuổi thọ, vào lúc chết đi cũng có sự ghi chép hồ sơ, đó là việc của Bắc đẩu. Theo như người

đời thì nếu có ai muốn cầu đảo thần minh, nên hướng về Bắc đẩu mà cầu. Các vị quỷ thần này thường theo chu kỳ xuống chốn thế gian, vào những ngày giờ nhất định, đại khái trong khoảng hai tháng một lần, hoặc hai lần, dường như có định kỳ nhất định. Giống như việc đi tuần tra soát xét, vào thời điểm nào đó thì sẽ đến một địa phương nào đó. Mỗi hai tháng một lần, đó là theo cách tính can chi (giáp tý)¹ ngày xưa của Trung quốc, cứ 60 [ngày] là một chu kỳ can chi. Cho nên, ít nhất là hai tháng thì các vị ấy phải [xuống thế gian] một lần.

Trong kinh Nghiệp báo nhân duyên nói rằng, khí chất của bảy vì sao thường kết lại thành một, ở phía trên đầu người, cách đầu ba tấc. Ngạn ngữ Trung quốc nói: “Ngẩng đầu ba thước có thần minh.” Trong kinh không nói ba thước, mà là ba tấc. Một người tâm địa hiền lương, hành vi hiền thiện thì phía trên đỉnh đầu người ấy có hào quang. Vàng hào quang ấy lớn nhỏ không giống nhau, màu sắc cũng khác biệt, con người không nhìn thấy nhưng quỷ thần nhìn thấy. Hiện nay có một số người tu tập thiền định cũng nhìn thấy được. Tâm thanh tịnh đến một mức độ nào đó thì có thể thấy. Như một số người luyện khí công, cũng là một hình thức tu định, cũng có khả năng thấy. Hào quang có màu tốt nhất là màu của vàng ròng, kế đến là màu vàng, xấu nhất là màu xám tro, màu đen. Người có khí sắc đen thì thọ mạng gần như đã hết. Người luyện khí công gọi đó là khí, trong đạo Phật gọi là hào quang.

Do đó có thể biết rằng, con người nhất định phải tu thiện. Tôi thường nói, đời người quả thật khổ đau, ngắn ngủi. Tôi vừa từ Hương Cảng (Hong Kong) về đây, nhớ lại lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng là vào năm 1977. Lần đó tôi ở lại 4 tháng, giảng kinh Lăng Nghiêm. Khi ấy, người mời tôi là

¹ Tức Thập can (Giáp, Ất, Bính, Đinh...) và Thập nhị chi (Tý, Sửu, Dần...). Can và chi được người Trung quốc kết hợp để tính các chu kỳ thời gian bao gồm cả giờ, ngày, tháng, năm.

Pháp sư Thánh Hoài và cư sĩ Tạ Đạo Liên. Pháp sư hiện nay vẫn còn, nhưng Tạ cư sĩ thì mất rồi. Ông vãng sinh hồi năm ngoái. Rất nhiều người hồi đó cùng tu cùng học với tôi, nay đến hơn một nửa đã qua đời rồi. Đời người giống như một giấc mộng dài. Ngày trước, các vị ấy đều cư trú ở những khu nhà sang trọng, tôi cũng từng ghé qua. Ngày nay những tòa lầu vẫn còn nguyên đó, nhưng đã đổi chủ, khiến lòng tôi dâng lên cảm xúc trước lẽ vô thường.

Bản thân tôi cũng mỗi năm một già yếu hơn. Khi tôi mới đến Đài Loan, bạn đồng học xấp xỉ vài trăm người, hiện nay trong số đó còn lại chưa đến năm mươi. Con người đứng trước hoàn cảnh ấy, cảm xúc thật sâu xa.

Đức Phật dạy: “Mọi thứ đều bỏ lại, chỉ có nghiệp mang theo.” Nhưng vì sao chúng ta vẫn cứ tạo nghiệp? Vì ngu mê tâm tối. Đối với ý nghĩa đó, cho dù chúng ta thường đọc sách, đọc kinh, nghiên cứu giáo pháp, nghe giảng kinh [nên đã hiểu rõ], nhưng rốt lại cũng không chống nổi với sự dụ dỗ mê hoặc trong thế gian. Danh vọng, lợi dưỡng, tiền bạc, sắc đẹp, danh tiếng, ăn ngon, ngủ ngon... đều không chống lại nổi. Không chống lại nổi liền tạo nghiệp. Nghiệp ấy cùng đi theo ta. Ta tạo nghiệp lành liền được quả báo lành, tạo nghiệp ác phải chịu quả báo xấu ác.

Thiện ác báo ứng không phải do quỷ thần tạo ra cho chúng ta, cũng không phải Phật, Bồ Tát, không phải Thượng đế, vua Diêm La tạo ra. Hết thấy những điều lành dữ, họa phúc đều do chính ta tự tạo, tự làm tự chịu. Chỉ những ai thực sự hiểu rõ ý nghĩa này, sự thật này, mới giữ được tâm điềm tĩnh, cho dù có gặp đủ mọi tai họa cũng không hề oán trời trách người; cho dù bị người khác sỉ nhục, hãm hại cũng không hề oán hận.

[Người như thế] rõ biết điều gì? Rõ biết rằng những điều ấy là báo ứng nhân quả, là quả báo. Trong quá khứ nếu ta

không phạm tội với người khác, ngày nay người khác không thể phạm tội với ta. Trong quá khứ nếu ta không hãm hại người, ngày nay người khác sao có thể hãm hại ta? Ta bị người sỉ nhục, hủy báng, hãm hại, thấy đều do chính mình tự tạo, nên tự mình phải nhận chịu, vui vẻ mà nhận chịu thì quyền sổ nợ cũ đó mới được xóa sạch.

Nợ mạng sống phải trả bằng mạng sống, nợ tiền bạc phải trả bằng tiền bạc, [nhân] quả báo [ứng] tương quan trong cả ba đời, làm sao trốn tránh được? Cho dù quý vị đã thành Phật, quay lại thị hiện trong sáu đường luân hồi để hóa độ chúng sinh, cũng không thể tránh được nghiệp báo đã tạo từ đời trước. Tôi từng đọc sách thấy đức Khổng tử bị nạn cắt lương thực tại nước Trần phải chịu đói, đức Phật Thích-ca Mâu-ni chịu quả báo phải ăn thứ lúa dùng nuôi ngựa trong ba tháng. Trong kinh điển đức Phật đã dạy chúng ta, nghiệp nhân từ đời trước, khi nhân duyên thành thực thì dù thành Phật cũng không cách gì tránh được quả báo.

Trong Thiên tông có công án Dã hồ thiên, rất nhiều vị đồng tu đều quen thuộc. Đây là chuyện về Đại sư Bách Trượng đời nhà Đường. Đại sư mỗi ngày giảng kinh đều có một ông già đến nghe. Ông già ở phía sau núi, cứ đến giờ giảng kinh lại tìm đến nghe. Mọi người không ai biết, nhưng Đại sư Bách Trượng biết ông không phải người thường. Nếu gọi theo người đời thì ông là hồ tiên hoặc hồ ly tinh.

Một hôm, ông già ấy đến thỉnh giáo Đại sư Bách Trượng, tự nói việc mình bị đọa lạc như thế nào. Đời trước ông vốn là pháp sư, một vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp. Trong đại chúng có người thưa hỏi, ông giải đáp sai lầm, chỗ sai lầm là bác bỏ nhân quả, liền bị đọa phải mang thân chồn, đã hơn 500 năm. Hiện tại không biết cách gì để thoát khỏi thân súc sinh, thỉnh cầu Đại sư giúp đỡ. Đại sư Bách Trượng đáp: “Có thể được. Ngày mai lúc giảng kinh, ông hãy bước ra thưa hỏi.

Hãy đem câu hỏi ngày trước thỉnh chúng đã hỏi ông ra hỏi lại tôi.”

Hôm sau, hai người làm đúng như vậy. Ông lão hồ ly bước ra thưa hỏi Đại sư: “Bậc tu hành cao trỗi còn rơi vào nhân quả hay chẳng?” Ý nghĩa câu này muốn hỏi là, bậc tu hành chân chánh đã chứng đạo, chứng quả, đạt đến cứu cánh viên mãn là quả Phật, vị Phật ấy có rơi vào nhân quả hay không? Đại sư Bách Trượng đáp: “Chẳng che mờ nhân quả.” Trước đây vị pháp sư này trả lời câu hỏi ấy là “không rơi vào nhân quả”, như vậy là sai lầm. Nay Đại sư trả lời là “chẳng che mờ nhân quả”. Thế nào là “chẳng che mờ”? Là quả báo tất yếu phải có, rõ ràng, minh bạch, không che mờ, không phải là không có nhân quả. Bậc thánh nhân ở thế gian như đức Khổng tử, bị dứt lương thực tại nước Trần, đó là quả báo [của nghiệp đã tạo] từ đời trước. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ôm bát đi khắp thực chẳng có gì ăn, phải chịu đói. Có người dùng thứ lúa cho ngựa ăn mang đến cúng dường, Phật vẫn nhận [và ăn thứ lúa ấy]. Đời trước tạo nhân bất thiện thì đời này phải nhận lãnh quả báo, ngài hiểu rõ điều đó.

Cho nên, người tu hành tiếp nhận nghịch duyên, gặp người xấu ác, đều luôn rõ biết, lúc cần đền mạng thì đền mạng, lúc cần trả nợ thì trả nợ, vui vẻ hoàn trả rồi thì hết nợ.

Trong câu chuyện ghi chép về An Thế Cao, chúng ta thấy ngài là người tu hành chứng quả, đến Trung quốc vẫn phải chịu hai lần đền mạng. Đời trước ngài sơ ý mà giết người, nên đời sau cũng hai lần bị người giết nhầm. Trong truyện ký chép lại rất rõ ràng. Do đó, chúng ta mới có thể hoàn toàn khẳng định rằng, con người sống giữa thế gian, nếu nói chiếm được phần lấn lướt hơn người khác là điều không thể có, nếu nói bị thiệt thòi hơn người khác, cũng là điều không thể có. Đời này lấn lướt người khác, đời sau phải hoàn trả đủ; đời này chịu thiệt thòi, đời sau được phước báo [bù đắp].

Nhân duyên quả báo không một mảy may sai lệch. Quý thần trong trời đất luôn nhìn thấy rõ ràng, minh bạch. Người tạo tội nghiệp nhất định phải bị giảm phước báu, rút ngắn tuổi thọ.

Lịch sử Trung quốc cổ đại ghi chép những sự việc như vậy rất nhiều. Những quả báo như thế hiện nay có thể nói là còn rõ ràng hơn. Chúng ta không quan sát thấy là vì không chú tâm, không xét kỹ. Chỉ cần tĩnh tâm một chút, quan sát kỹ ngay chung quanh ta, sẽ thấy ngay những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng minh bạch, phân minh sáng tỏ. Thấy như vậy rồi mới biết là kinh điển của Phật cũng như những lời răn dạy của các bậc hiền thánh xưa đều đúng thật không sai. Chúng ta phớt lờ việc này chỉ là tự dối mình dối người.

Ngày trước Lý lão sư thường nói: “Phải hướng về nơi xa mà nhìn.” Thế nào gọi là nơi xa? Nơi xa là đời sau, vì đời này gọi là gần. Nhìn trong đời này thôi thì quý vị chỉ thấy được những chuyện quá gần. Quý vị cần phải hướng tâm nhìn về đời sắp tới, về đời sau nữa, rồi mới hiểu được mình nên làm những gì, làm những gì là có lợi cho mình, và làm những gì là gây hại cho chính mình. Hiện nay liệu có mấy người rõ biết chuyện lợi hại? Hy vọng mọi người có thể trân trọng quý tiếc mối nhân duyên [học pháp] này, thực sự nỗ lực tu học.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 19

(Giảng ngày 7 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 20, số hồ sơ: 19-012-0020)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Bài văn Cảm ứng thiên không dài, tổng cộng chỉ hơn ngàn chữ. Sách Vị biên phân chia Cảm ứng thiên thành 124 đoạn nhỏ, mỗi đoạn chỉ một, hai câu. Đoạn cuối cùng dài hơn, có nhiều câu. Về sau chúng tôi in lại bài văn Cảm ứng thiên, không ngại y theo cách phân đoạn trong sách Vị biên mà phân chia lại, bản này dùng tụng đọc, giảng giải đều hết sức thuận tiện.

Hôm nay chúng ta xem đến đoạn thứ 11: “Lại có ba thân thi ở trong thân người, cứ đến ngày canh thân thì lên thiên tào nói rõ những điều tội lỗi của người.”

Những người trẻ tuổi ngày nay, mà không riêng gì người trẻ tuổi, kể cả hạng trung niên, nghe đến câu này thì đều cho là mê tín. Dùng hai chữ “mê tín” để phủ nhận sự thật này, quả báo của những người ấy thật không dám nghĩ đến. Dưới mắt người sáng suốt thì đây là việc hết sức đáng tiếc. Các bậc hiền thánh xưa tích lũy kinh nghiệm từ nhiều ngàn năm, trong khi khoa học kỹ thuật hiện đại có lịch sử còn ngắn ngủi, chưa được ba trăm năm. Nhưng khoa học kỹ thuật hiện nay vẫn không ngừng phát triển. Họ đã biết về các chiều không gian, chỉ là chưa thể đột phá vượt qua. Giả sử khoa học cứ tiếp tục tiến xa hơn nữa, đến một ngày kia có được sự hiểu biết đột phá vượt qua các chiều không gian, thì cũng có khả năng sẽ thấy được trạng thái của quỷ thần, các trạng thái khác trong sáu đường luân hồi.

Tôi sống ở Mỹ và Canada một thời gian khá lâu, thấy hiện nay ở Tây phương đang rất thịnh hành thuật thôi miên. Người ta dùng phương thức thôi miên để khiến người bị thôi miên tự nói ra được chuyện đời trước, chuyện quá khứ của họ. Những tư liệu loại này khá phong phú, được xuất bản ngày càng nhiều hơn. Qua đó, người ta đã chứng minh được sự tồn tại đích thực của sáu đường luân hồi, rằng sáu đường luân hồi là có thật. Tuy là như vậy, nhưng thuật thôi miên không có khả năng chứng minh được về sự giám sát của quỷ thần đối với người đời, cũng không có cách gì để làm rõ được sự thật này. Chỉ qua những lời dạy của các bậc hiền thánh xưa, của chư Phật, Bồ Tát, ta mới biết được việc người đời khởi tâm động niệm mảy may chi tiết đều có quỷ thần ngay đó thấy biết.

Nói về ba thần thi, trong Phật pháp có nói đến hai vị thần là Đồng Sinh và Đồng Danh, thường ở phía trên vai trái và vai phải của ta, không lúc nào xa rời, nhưng ba thần thi ở trong nội tạng, thật không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, chúng ta đã từng xem qua băng ghi hình Lòi tiên tri cổ, được mang từ Mỹ về. Trong đó nói đến một người có năng lực đặc biệt lạ thường, khám bệnh giúp người khác. Nhưng bệnh nhân không ở trước mặt ông, cũng không hề quen biết trước, lại ở cách xa đến mấy mươi dặm, hoặc mấy trăm dặm cũng không hề gì, chỉ cần nói cho ông ấy biết tên họ, địa chỉ, thì ông có thể đến khám bệnh. Ông đến đâu để khám bệnh? Là đến bên trong lục phủ, ngũ tạng mà khám. Ông có khả năng đi vào bên trong nội tạng của người bệnh, quan sát từng nơi xem tim, gan, lá lách, phổi... nếu có gì khác thường liền nói ra, bên cạnh có người ghi chép lại. Băng ghi hình việc ấy quý vị đều đã xem qua.

Ba thần thi hẳn cũng như vậy. Chúng ta xem trong phần chú giải, ba thần thi giống như ba chị em cùng ở trong thân thể người. Thần thượng thi ở trên đầu, có thể khiến người

rối loạn tư tưởng, có thể khiến người mờ mắt, rụng tóc. Thần trung thi ở trong ruột và dạ dày của người, có thể khiến người tham ăn, khiến người mất trí nhớ, khiến người làm chuyện hư hỏng. Thần hạ thi ở trong chân người, khiến người háo sắc, tham lam, ưa thích việc giết chóc. Ba thần này đều mong cho người sớm chết đi, vì sau khi người chết họ sẽ biến thành quỷ, có thể được hưởng sự cúng tế của người. Cho nên, khi một người khởi tâm động niệm, nói năng hành động, ai là người biết rõ nhất? Chính là ba thần thi này. Ba thần thi này biết rõ nhất về con người.

Ba thần thi “ở trong thân người, cứ đến ngày canh thân thì lên thiên tào”. Mỗi chu kỳ can chi có một ngày canh thân. Trung quốc thời xưa tính ngày, tháng, năm đều theo chu kỳ can chi. Chúng ta xem hiện nay đoán vận mạng sắp xếp bát tự thì biết. Khi tính năm, dùng can chi (giáp tý) mà sắp xếp, cứ 60 năm là một chu kỳ. Tính ngày tháng cũng dùng can chi mà sắp xếp, cứ [60 ngày], 2 tháng là một chu kỳ. Vì thế, cứ 60 ngày lại có một ngày canh thân, đó là ngày ba thần thi dâng cáo trạng lên “thiên tào”. “Thiên tào” rất có thể là chỉ cho cõi trời Tứ vương thiên và Đao-lợi thiên. Họ đi lên đến Tứ vương thiên, Đao-lợi thiên để báo cáo.

Quý vị nên biết, việc này bất kể quý vị có tin hay không tin, không phải cứ tin thì mới có, không tin không có. Nếu quả thật không tin không có, thì các bậc thánh hiền nói với chúng ta việc này chẳng phải chỉ gây phiền toái cho ta thôi sao? Như thế, đối với ta sao có thể đáng bậc thánh hiền? Cho nên, dù không tin thì vẫn có thật như thế. Người Trung quốc có như thế, người nước khác cũng có như thế, không một người nào là không có như thế.

Nếu tạo đủ mọi nghiệp ác mà vẫn không gặp quả báo xấu ác, đó là do nguyên nhân gì? Là do đời quá khứ đã tạo phúc rất lớn. Trong đời này tạo nghiệp ác, đương nhiên bị giảm phúc, nhưng tuy bị giảm mà vẫn còn dư nhiều, do đó vẫn tiếp

tục được hưởng. Ý nghĩa là như thế. Nếu người ấy trong đời này hiểu rõ được ý nghĩa đó, dứt ác tu thiện, thì phúc báo lại càng lớn lao hơn, nhiều đời nhiều kiếp cũng không hưởng tận, đúng thật như thế. Vậy thì người đời vì sao phải tạo nghiệp ác?

Người xưa cũng có thuyết nói rằng ba thân thi chính là hồn vía của mỗi người. Ta thường nói “ba hồn, bảy vía”, đó là cách nói thời xưa của người Trung quốc. Trong Đạo giáo cũng có thuyết riêng của họ: “Nhân nơi vía mà có tinh, nhân nơi tinh mà có hồn, nhân nơi hồn mà có thân, nhân nơi thân mà có ý, nhân nơi ý lại có vía, [cứ xoay vòng như thế].” Đó là cách Đạo gia giải thích về nguồn gốc sinh ra hồn vía. Cho nên họ nói rằng, bậc thánh nhân đối với hết thảy cảnh giới đều không dùng đến vọng tâm, tức là tâm vọng tưởng [để nhận thức]. Các vị không dùng tâm vọng tưởng mà dùng chân tâm.

Thế nào gọi là chân tâm? Tâm không có vọng niệm gọi là chân tâm. Dùng tâm ấy nhận thức cảnh giới bên ngoài, đó là thuần thiện. Ai có thể dùng chân tâm ấy? Nói thật ra, chỉ có chư Phật, Bồ Tát, các bậc chân chính giác ngộ mà thôi. Trong kinh Thanh tịnh [của Đạo giáo] nói: “Nhân thân ưa thích sự thanh tịnh.” Nhưng tâm vọng tưởng của chúng ta làm nhiều loạn sự thanh tịnh đó, phiền não làm nhiều loạn. Tâm xưa nay vốn thanh tịnh, do dục vọng làm xáo động, khiến cho tâm không còn thanh tịnh nữa. Tâm không thanh tịnh chính là phạm phu. Do đó có thể biết rằng, chúng ta cần phải khôi phục tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là tự tánh, tâm thanh tịnh cũng là chân tâm. Khôi phục được tâm thanh tịnh, có thể dùng tâm thanh tịnh ấy mà xử sự, mà đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, thì người như thế chính là Phật, Bồ Tát.

Từ trong kinh điển, chúng ta phải thể hội thêm được ý nghĩa này: Mục đích cao nhất của việc học Phật là chuyển

phàm thành thánh. Nhà Phật thường nói, giáo dục Phật giáo dạy người ba sự chuyển biến. Một là chuyển xấu ác thành hiền thiện. Hai là chuyển si mê thành giác ngộ. Ba là chuyển phàm thành thánh.

Quý vị cần hiểu được phải bắt đầu chuyển từ đâu. Tâm ta xưa nay vốn là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ và từ bi. Hiện nay cả năm phẩm tính này đều không còn nữa, hết thấy đều biến thành hư ngụy, thành nhiễm ô, thành kiêu mạn, thành ngu si, thành tự tư tự lợi. Chúng ta nghĩ xem, có phải vậy chăng? Tự mình đã vậy, nhìn sang mọi người khác quanh ta cũng đều như vậy. Cho nên thế giới này mới phải gặp kiếp nạn, mới đầy thiên tai, nhân họa.

Chúng ta ngày nay sinh ra vào thời điểm kề cận với kiếp nạn, không nói chắc được sẽ nhanh chóng gặp nạn lúc nào. Làm sao để cứu vãn? Làm sao có thể né tránh? Tự cổ chí kim, từ đông sang tây, con người ai ai cũng muốn tìm sự an lành, tránh điều hung hiểm. Ai ai cũng biết vậy, nhưng làm sao để được an lành, tránh được hung hiểm thì lại không biết. Ở một nơi có tai nạn, không tốt, ta tìm đến một nơi khác để tránh đi có được không? Không nhất thiết phải vậy. Ngạn ngữ có câu: “Số kiếp khó tránh.” Quý vị đã rơi vào số kiếp, dù trốn tránh đến nơi khác cũng chẳng ích gì, vẫn phải nhận lãnh kiếp nạn ấy thôi. Đó là lý lẽ nhất định, là lý lẽ chân thật.

Vậy phải làm thế nào mới tránh né được? Nhất định phải từ trong tâm mình thực hiện một sự chuyển biến. Chính xác là như vậy. Ở một địa phương có tai nạn, quý vị vẫn có thể tránh được. Đó là điều mà nhà Phật gọi là trong cộng nghiệp¹ có biệt nghiệp.² Biệt nghiệp là nghiệp không cùng chịu với

¹ Cộng nghiệp: nghiệp quả chung của cả một cộng đồng, xảy đến cho mọi người trong cộng đồng đó.

² Biệt nghiệp: nghiệp quả riêng của một cá nhân, do những hành vi thiện, ác mà họ đã làm.

người khác. Cho nên, chúng ta phải làm sao khôi phục tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của mình.

Tôi đề cập đến 5 phẩm tính [là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ và từ bi], chỉ cần khôi phục được một, thì bốn phẩm tính khác đều hoàn toàn khôi phục. Trong mỗi một phẩm tính đã hàm chứa đủ bốn phẩm tính kia. Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Một tức là nhiều, nhiều tức là một.” Chúng ta từ nơi ấy mà thực hiện một sự chuyển biến. Nhất định phải dứt trừ, nhất định phải buông xả, từ nơi căn bản nhất mà khởi làm, buông xả ái dục, buông xả lòng ham muốn. Lòng ham muốn là những thứ mà ta ưa thích, khi có được thì trong lòng vui mừng. Phải xa lìa danh vọng, lợi dưỡng, xa lìa năm điều tham muốn: tiền bạc, sắc đẹp, danh tiếng, ăn ngon, ngủ ngon. Làm được như vậy thì có thể tiêu trừ tai nạn. Bằng như quý vị không buông xả được ái dục, không bỏ được những điều ham muốn, thì cho dù quý vị trốn tránh đến bất cứ nơi đâu trên thế giới này cũng không thể thoát được kiếp nạn. Chúng ta phải hiểu rõ được ý nghĩa đó.

Kinh Phật thường dạy: “Dùng gươm trí tuệ phá tan giặc phiền não, dùng đao trí tuệ cắt rách lưới phiền não, dùng lửa trí tuệ đốt sạch củi phiền não.” Điều này đức Phật thường nói trong cả kinh điển Đại thừa cũng như Tiểu thừa, nhưng đặc biệt trong kinh luận Đại thừa nói đến nhiều hơn.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy ta phương cách tu tập chuyển hóa. Nói đến lý lẽ và phương pháp chuyển hóa thì rất nhiều, nhưng quả thật không đâu bằng trong kinh Hoa Nghiêm. Đây là một bộ kinh lớn nên giảng giải rất chi tiết, tường tận, văn nghĩa liên tục lặp lại, giúp chúng ta có cơ hội thấm nhuần dần dần và tu tập trong thời gian dài. Đây là điểm hết sức quan trọng.

Chúng ta ngày nay học Phật đã lâu như thế, vì sao không đạt hiệu quả? Nói thật ra là vì thời gian huân tập còn chưa

đủ, vì tập khí phiền não của chúng ta quá nặng, ý niệm quá xấu ác. Cho dù nói được lời lành, làm được việc lành, nhưng ý niệm còn xấu ác. Ý niệm xấu ác thì làm việc lành, nói lời lành cũng đều không thiết thực, cho nên công phu tu tập không hiệu quả, kiếp nạn không tránh được, ý nghĩa là ở chỗ này.

Cần phải thực hiện một sự chuyển biến đích thực, thực sự chuyển biến từ bên trong. Điểm mấu chốt của việc này là phải thâm nhập Kinh tạng. Thâm nhập Kinh tạng, nói nghe sao dễ dàng thế? Ngày nay mọi người không đọc sách xưa. Chẳng những không đọc sách xưa, mà cũng chẳng thích đọc sách, nên nhìn thấy sách là chán chường mệt mỏi, còn biết làm sao? Hiện nay khoa học kỹ thuật phát triển mạnh, chúng ta có thể tận dụng những công cụ hiện có như băng ghi hình, băng ghi âm.

Quý vị nghĩ xem, người xưa cách nay mấy ngàn năm, mấy vạn năm, vì sao đem những tinh yếu quan trọng trong văn hiến khắc lên trên đá? Chúng ta hiện nay đều biết rõ, ví như khoa học kỹ thuật ngày xưa cũng phát triển, so với chúng ta ngày nay có thể còn phát triển cao hơn, nhưng chỉ một phen đại hủy diệt là sẽ hoàn toàn mất sạch, chỉ có những tảng đá là tồn tại thôi. Với khoa học kỹ thuật hiện nay, quý vị thường nói rằng các loại đĩa dữ liệu VCD, CD có thể bảo tồn được vài trăm năm. Liệu có thật bảo tồn được vài trăm năm chẳng? Ví như một ngày kia trên thế giới này hoàn toàn không còn nguồn điện thì những thứ ấy cũng như không tồn tại. Cho nên, chúng không có giá trị bằng các bản sách in, vì sách in có thể bảo tồn. Nhưng sách được bảo tồn cũng có giới hạn, tương lai nhiều trăm năm sau rồi giấy trong sách phải thành tro bụi, nên sách cũng không còn nữa. Cho nên, chúng ta thấy tổ tiên người Trung quốc xưa kia đem kinh Phật khắc lên trên đá, có thể vĩnh viễn truyền lại đời sau. Chúng ta đến Phòng Sơn ở Bắc Kinh nhìn thấy những bản kinh trên đá, đó mới thật là trí tuệ chân chính, như vậy mới thực sự bảo tồn

vĩnh viễn được mọi điều. Khi khoa học kỹ thuật bị hủy diệt rồi, chúng ta mới thấy ra được thế nào là trí tuệ chân thật. Nhưng hiện nay vẫn còn các công cụ, phương tiện, ta phải nhanh chóng tận dụng chúng. Không được nghĩ rằng chẳng có gì quan trọng, ta có thể giữ được những thứ này đến vài trăm năm, hôm nay không nghe thì ngày mai nghe, ngày mai không có thời gian thì ngày một vẫn còn thời gian, cứ từ từ thư thả. Đến ngày một, nếu mạng sống không còn thì quý vị còn nghe gì nữa? Cho nên, phải hiểu rõ ý nghĩa này.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 20

(Giảng ngày 8 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 21, số hồ sơ: 19-012-0021)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta giảng đến “ba thân thi”, nói rõ việc bất kỳ một chúng sinh nào, không chỉ trong nhân loại mà bao gồm cả các cảnh giới súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, mỗi khi khởi tâm động niệm, mỗi một hành vi, đều có thần minh trong trời đất giám sát. Người thời nay cho việc này là mê tín, hoàn toàn vô lý. Nhưng cũng có một số người giảng giải sai lầm, cho rằng đối với việc này nếu tin thì sẽ có, không tin thì không có. Quan niệm, giảng giải như thế là hoàn toàn sai lầm. Cho dù quý vị có tin hay không tin, sự thật nhất định vẫn tồn tại. Ý nghĩa đó quý vị cần hiểu rõ.

Người thời xưa, đặc biệt là những người có học, đọc sách hiểu được lý lẽ thì đối với những lời răn dạy của các bậc hiền thánh đều tin chắc không nghi.

Giáo pháp của đức Phật còn cao trổi, sáng suốt hơn nữa. Chư Phật, Bồ Tát dạy dỗ, không chỉ dạy ta phải đặt niềm tin, mà còn dạy ta phải chứng minh rõ sự lý, gọi là “tín, giải, hành, chứng” (tin nhận, hiểu rõ, thực hành, chứng nghiệm). Phật dạy chúng ta [đối với giáo pháp] phải chứng minh ý nghĩa là đúng, phải chứng minh được sự thật, đó gọi là chứng quả. Một phương pháp giáo dục như thế đích thực là hợp tình, hợp lý, hợp chánh pháp, quả là một phương thức giáo dục thực sự rất ráo, trọn vẹn.

Giáo lý của đạo Phật về sáu đường luân hồi, nếu nói chi tiết thì đó là mười hai nhân duyên [xoay vòng sinh khởi],

còn nói đại lược thì đó là [chu kỳ] hoặc, nghiệp, khổ, tức là [do chúng sinh] mê hoặc, tạo nghiệp và phải chịu quả báo. Chúng sinh trong sáu đường vĩnh viễn chịu sự chi phối của các lực tác động này. Vĩnh viễn những lực tác động này, tức là nghiệp lực, luôn là chủ thể chế ngự trong luân hồi.

Chúng ta muốn thoát khỏi sáu đường luân hồi, chỉ có một phương pháp duy nhất là không tạo nghiệp. [Muốn không tạo nghiệp thì phải] không mê hoặc. Không mê hoặc thì mới không tạo nghiệp. Cho nên, phá mê khai ngộ là cực kỳ quan trọng thiết yếu. Vì sao tạo nghiệp? Chính vì si mê. Mê tức là đối với sự thật không hiểu rõ, không giác ngộ. Các nhà Duy thức giải thích rằng hoặc bao gồm trí tướng, tương tục tướng. Những trí ấy không phải trí tuệ, đó là trí phân biệt. Trong Phật pháp gọi [người có những trí đó] là thế trí biện thông, không phải trí tuệ chân thật.

Trí tuệ chân thật sinh ra từ việc giữ giới, tu định. Cho nên chúng ta biết rằng, tâm không thanh tịnh, tâm không an định thì không có trí tuệ. Thế gian rất nhiều người có tri thức cao, như các nhà khoa học, triết học, nhà nghiên cứu tôn giáo... Những người này so với người bình thường có trí tuệ vượt trội, nhưng trong Phật pháp có xem họ là người có trí tuệ không? Không, vì trí tuệ của họ là loại thế trí biện thông, không phải trí tuệ chân thật.

Trong Phật pháp, tiêu chuẩn để xác định trí tuệ chính là tâm thanh tịnh. Tiêu chuẩn để xác định tâm thanh tịnh là phải lìa xa các phiền não do thấy biết sai lầm và nghĩ tưởng sai lầm. Những phiền não ấy chưa dứt trừ thì tâm chưa thanh tịnh. Dứt trừ được những phiền não ấy rồi, Phật mới thừa nhận đó là người khai mở trí tuệ, nhưng chỉ là chút trí tuệ ban đầu, chưa phải bậc đại trí tuệ. Trong danh xưng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người như thế được kể là đạt được chánh giác.

Đạt được chánh giác là những quả vị nào? Đó là các vị

A-la-hán, Bích-chi Phật. Trong kinh thường nói các vị ấy đã đạt Lưu tận thông. Sao gọi là Lưu tận thông? Lưu tức là các phiền não do thấy biết sai lầm (kiến hoặc) và nghĩ tưởng sai lầm (tư hoặc). Các phiền não này đã dứt sạch, đó là chứng được Lưu tận thông, khi ấy mới là Chánh giác. Nếu chưa đạt được như thế thì chỗ giác ấy không phải chánh, trong Phật pháp gọi là tà tri tà kiến.

Gọi là tà tri tà kiến, không phải là sỉ nhục người ấy, không phải khinh thường người ấy, mà là nói đúng sự thật. Tà ở chỗ nào? Vì người như thế còn chấp ngã. Kinh Kim Cang nói, nếu ai còn có “ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng”, thì người ấy còn vọng tưởng, phân biệt, bám chấp. Như vậy, chỗ thấy biết chưa phải là chân chánh. Ý nghĩa này không thể không rõ biết.

Biết được như thế rồi, tự mình sẽ biết được hiện tại mình đang ở tầng bậc nào [trên đường tu tập], đang ở địa vị nào trong quá trình tu học Phật pháp. Biết như vậy rồi mới có thể tinh tấn nỗ lực, mới phát tâm phấn chấn. Nếu không tự biết được mình đang ở địa vị nào, sẽ nghĩ mình đã chứng đắc rất cao. Trong kinh luận thường nói đó là kẻ được ít đã cho là đủ. Người như thế chỉ vừa đạt được một chút an ổn thư thái, một chút thông minh trí tuệ đã tự cho rằng mình thành tựu ghe gồm lắm rồi, khiến cho sự nghiệp tu tập vì thế phải bị chướng ngại, hy vọng thành tựu trong một đời này sẽ không còn nữa.

Trong sự tu học Phật pháp [có hạnh môn và giải môn thì] giải môn là quan trọng trước nhất. Sau khi hiểu đúng rồi thì sự thực hành, công phu mới đạt hiệu quả. Chúng ta đều biết, có rất nhiều người thực sự nỗ lực tu hành, nhưng vì sao công phu một đời không đạt kết quả, đến thời điểm lâm chung thì ra đi trong trạng thái mơ màng mờ mịt? Chúng ta thấy rất nhiều, nghe biết rất nhiều những trường hợp như thế, nên phải xem đó mà tự cảnh tỉnh mình.

Lại có những người suốt đời chưa từng được nghe giảng kinh, thậm chí còn không biết đọc chữ, chuyện gì cũng không biết, chỉ học được mỗi một câu “A-di-đà Phật”, niệm mãi cho đến phút cuối cùng có thể đứng mà vãng sinh, ngồi mà vãng sinh, chuyện như thế là thế nào? Xin thưa, đó là những người có trí tuệ chân thật. Họ như thế nào? Họ có lòng tin thanh tịnh. Kinh Kim Cang nói: “Lòng tin thanh tịnh ắt sinh thật tướng.”

Ngày trước Lý lão sư thường nói, những người này là người ngu, nhưng là kiểu ngu [chúng ta] không theo kịp. Kiểu ngu của họ, chúng ta không thể sánh bằng. Vì sao vậy? Vì trong đầu óc họ thanh tịnh, không hề có những tư tưởng mê lung rối loạn, họ thực sự buông xả hết muôn duyên, họ không cần phải đọc kinh, không cần phải học hỏi điều này điều nọ. Chỉ với một câu Phật hiệu, họ có thể thành tựu đạo Vô thượng, ai có thể sánh được với họ?

Dù là pháp thế gian hay Phật pháp cũng đều nhấn mạnh vào hai hạng người, bậc thượng căn thượng trí và hạng người ngu không học. Hai hạng người này đều có thể được hóa độ tốt nhất. Một hạng là căn cơ cao trổi nhất, một hạng lại là căn cơ thấp kém nhất. Bậc căn cơ cao trổi có trí tuệ, tâm thanh tịnh, một khi nghe giảng thuyết qua liền thông đạt, hiểu rõ. Hạng căn cơ thấp kém tuy không có trí tuệ, nhưng không có vọng tưởng, người khác thật lòng chỉ dạy điều gì, họ tiếp nhận cho đến rốt cùng. Hai hạng người này chỉ cần gặp được Phật pháp là nhất định thành tựu.

Khó [hóa độ] nhất là hạng người ở quăng giữa, tức là hạng có trí thức nửa vời, chẳng thuộc hạng cao, không phải hạng thấp, nhưng luôn tự cho mình là thông minh, tự cho mình là đúng, tự mình làm chướng ngại cho chính mình, tức là phạm vào sai lầm lớn.

Chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sinh chính là nhắm đến đối tượng này, là những người khó giáo hóa nhất, kinh Địa Tạng gọi là “cứng đầu khó dạy”. Đức Thế Tôn đối với hạng căn cơ cao trở hay căn cơ thấp kém nhất, chỉ cần giảng kinh thuyết pháp trong khoảng mấy giờ đã có thể xong việc, đâu cần phải giảng đến 49 năm? Trong suốt 49 năm dùng tâm từ bi khó nhọc giảng dạy, chính là vì hạng chúng sinh [khó hóa độ] như chúng ta đây. Cho nên, hạng chúng sinh có căn cơ trung bình mới thực sự phiền toái nhất, thật không dễ hóa độ chút nào. Họ tự cho mình là thông minh, tự cho mình là có trí tuệ, không tự biết mình đang mê hoặc. Vì mê hoặc nên tạo nghiệp.

Trong thực tế, chính đức Phật đã thị hiện một điển hình tốt nhất để ta noi theo, nhưng chúng ta không hề thấy được, không giác ngộ được. Trên giảng đường, tôi vẫn thường bàn luận với mọi người về vấn đề này. Chúng ta học Phật, phải học theo đức Phật Thích-ca Mâu-ni, học theo đời sống của ngài, lời nói việc làm của ngài đều là khuôn mẫu để ta noi theo. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni suốt một đời không xây dựng đạo tràng, chỉ ôm bình bát đi khất thực mà sống, bao nhiêu danh văn lợi dưỡng, năm dục sáu trần đều buông xả hết sạch, không còn mảy may vướng nhiễm, do vậy nên tâm mới được thanh tịnh. Ngài làm khuôn mẫu cho ta noi theo, muôn duyên nhất thời buông xả, chúng ta học Phật phải bắt đầu từ điểm này.

Thời đại của Đức Thế Tôn cách chúng ta quá xa, đã gần ba ngàn năm. Đại sư Ấn Quang là người gần đây, ngài thị hiện sống vào cuối triều Thanh. Nói cách khác, ngài là khuôn mẫu tốt để chúng ta noi theo trong thời cận đại. Chúng ta phải hiểu được điều đó.

Người xuất gia trong thời đại gần đây thường mắc phải những khuyết điểm gì? Chúng ta có thực sự nhận biết để

phản tỉnh, nhận biết để suy ngẫm hay không? Vì sao Đại sư Ấn Quang suốt một đời không thu nhận đệ tử [xuất gia]? Chúng ta xem qua những người xuất gia trong thời hiện đại này, vì sao tu hành không được thành tựu? Là vì trói buộc bởi đệ tử. Đại sư Ấn Quang vì chúng ta thị hiện một khuôn mẫu tuyệt vời, suốt đời không làm trụ trì, không truyền giới. Không truyền giới thì không đi ngược lại nhân quả. Truyền giới rất dễ, giữ giới mới thật khó. Người không thọ giới, tuy phạm tội cũng là tội, nhưng nếu đã thọ giới rồi mà phạm tội thì tội ấy nặng hơn bội phần. Vì sao có thể nhẫn tâm khiến họ phải mắc tội nặng nề hơn?

Trong khoảng mấy mươi năm gần đây, ở nhiều nơi tại Trung quốc cũng như hải ngoại, chúng ta nhìn thấy rất nhiều đạo tràng, hòa thượng già còn chưa chết mà đệ tử đã tranh nhau chia tài sản của chùa, dùng đủ mọi cách đấu đá nhau. Có khi lão hòa thượng bệnh nặng không ai chăm sóc, vì đệ tử bận tranh giành tài sản, tội lỗi ấy nặng nề biết bao. Tổ Ấn Quang thấy biết, nhận hiểu rõ ràng việc này, nên thị hiện một khuôn mẫu cho chúng ta noi theo. Một đời ngài chỉ nhận người theo học, không thu đệ tử [xuất gia], thật có ý nghĩa lớn lao trong đó.

Khi tôi học Phật vào lúc chưa xuất gia, Lý lão sư bảo tôi học theo gương Đại sư Ấn Quang. Tôi một đời noi theo Đại sư làm khuôn mẫu học tập. Một đời tôi không xây dựng đạo tràng, cũng không thu nhận đồ chúng. Các vị xuất gia ở đây có pháp danh chữ Ngộ đều biết, đó là do Hàn Quán trưởng thu nhận. Pháp danh của quý vị là do Hàn Quán trưởng đưa ra. Chỉ có một ngoại lệ là Ngộ Đạo, vì xuất gia ở Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội. Còn những người xuất gia ở Đồ Thư Quán, đều do Hàn Quán trưởng thế độ. Sau khi Hàn Quán trưởng qua đời, Đồ Thư Quán gặp biến cố. Mọi người ở đây cùng tôi tu học đã nhiều năm, tôi đương nhiên có nghĩa vụ quan tâm đến mọi người. Nhưng tôi khuyên tất cả mọi người, kể cả các

vị đồng tu từ đại lục sang, tôi chân thành khuyên hết thầy mọi người, nên học theo gương Pháp sư Ấn Quang, quyết định như vậy là chính xác, nhất định sẽ có thành tựu.

Thời kỳ tôi bắt đầu tu học là hết sức gian khổ. Sau khi xuất gia rồi thì các đạo tràng, tự viện nơi ấy đều không chịu thu nhận tôi. Nguyên nhân vì sao? Vì tôi kiên trì muốn học Giáo pháp, mà những nơi ấy họ chỉ muốn làm các Phật sự tụng kinh bái sám mà thôi. Tôi không chịu làm theo như vậy. Không chịu làm theo thì chỉ có một đường ra đi, mà họ không thể đi, cho nên tôi phải bị bức vào đường cùng. Lúc đó gặp được Hàn Quán trưởng giúp đỡ, thành tựu cho tôi được 30 năm trên giảng đường. Tôi một đời cảm kích bà. Bà quả là Phật, Bồ Tát hiện đến hộ pháp. Bà giúp đỡ tôi quá nhiều, nên tôi một đời này cảm ơn bà. Bà đúng là hộ pháp chân chánh. Năm nay bà vãng sinh đã tròn hai năm, chúng ta tổ chức Phật sự kỷ niệm hai năm ngày bà mất. Lúc thực hiện nghi thức Tam thời hệ niệm, có vị đồng tu nhìn thấy bà, cùng với mấy vị tỳ-kheo ni ngồi ở hàng đầu tiên, khi ấy Ngô Đạo ở trên đài làm lễ Tam thời hệ niệm. Thường có người nhìn thấy, bà lúc nào cũng hộ trì đạo tràng này như xưa không khác, không hề lìa xa. Quý vị đồng tu ở Đồ Thư Quán đều đến đây rồi, đương nhiên bà có trách nhiệm, bà có có nghĩa vụ, nên bà phát tâm hộ trì đến cùng. Chúng ta ở đây ai ai cũng cảm kích bà.

Sáng nay có một giờ rưỡi giảng kinh Hoa Nghiêm, gặp lúc thầy Ngô Chính từ Đài Bắc đến. Thầy có người em mới vừa niệm Phật vãng sinh, có diễm lành hiện vô cùng hy hữu. Tôi bảo thầy trình bày chi tiết mọi việc với tôi. Tôi ngưng việc giảng kinh, ở trong giảng đường thu hình, rồi sẽ đưa băng ghi hình này ra lưu hành trên toàn thế giới. Em của thầy chỉ niệm Phật sáu tháng được vãng sinh. Quý vị hãy xem đó, người ta niệm như thế nào, tu hành như thế nào, thành công như thế nào? Quả thật là một tấm gương sáng cho người tu

học trong thời hiện đại, một chương thù thắng nhất trong những chuyện vãng sinh hiện đại, rất đáng để những người niệm Phật học tập theo. Sau phần trình bày của thầy Ngô Chính, tôi cũng đã có mấy lời bình ngắn. Băng ghi hình đó rồi sẽ phân phát cho mọi người.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 21

(Giảng ngày 9 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 22, số hồ sơ: 19-012-0022)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem câu thứ mười hai trong Cảm Ứng Thiên: “Nguyệt hối chi nhật, táo thân diệc nhiên.” (Đến ngày cuối tháng, thân bếp cũng [lên thiên tào báo cáo] như vậy.)

Tám chữ này là một đoạn. Bản văn Cảm ứng thiên vừa mở đầu đã nói rõ nguyên lý nghiệp nhân quả báo, tiếp theo nêu lên sự thật là gieo nhân lành nhất định được quả lành, tạo nhân ác nhất định không tránh khỏi quả báo xấu ác. Ngay sau đó lại nói về sự giám sát của thiên địa quỷ thần. Đối với việc này, người thời xưa đa số đều tin, nhưng người thời nay cho là mê tín, hoàn toàn không lưu tâm đến. Do đó có sự cảm ứng, phải hứng chịu nhiều tai họa lớn.

Có người cho rằng đa số tai họa đều do thiên nhiên gây ra, chẳng phải do con người. Cách suy nghĩ, giải thích này chắc chắn là sai lầm. Những người này không biết rằng, hết thảy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không với tự thân chúng ta vốn là một sinh thể thống nhất. Cho nên, mỗi một ý niệm, hành vi của chúng ta đều có liên quan đến hết thảy chúng sinh trong hư không pháp giới, đều có tác động qua lại ảnh hưởng đến nhau.

Ý nghĩa này trong kinh luận giảng giải rất nhiều, giảng giải rất chi tiết. Nếu chúng ta không thâm nhập được Kinh tạng thì đối với ý nghĩa này thật rất khó thể hội. Do đó mà chỉ biết buông xuôi theo tập khí phiền não của tự thân, tất nhiên tạo nghiệp xấu ác nặng nề. Tạo nhiều nghiệp ác như thế mà tự mình không hề hay biết.

Nếu tự mình biết được mình đang tạo nghiệp thì người như thế đã khai mở được sự giác ngộ, nhà Phật gọi là đã giác ngộ. Đã giác ngộ thì có thể quay đầu hướng thượng, đã giác ngộ thì có thể được cứu thoát. Quay đầu là bờ, liền có thể vượt thoát hết thủy mọi tai nạn, có thể thoát ra khỏi sáu đường, mười pháp giới. Người như thế đã là Phật, là Bồ Tát rồi. Nhưng người có căn tánh như vậy trong thế gian này thật hiếm hoi như sừng lân, lông phụng, trong muôn ngàn người cũng khó tìm được một. Trong kinh điển Phật dạy rằng, người như thế là có căn lành phước đức nhân duyên trong vô số kiếp quá khứ, nay đã thành thực mới được như vậy.

Đại đa số người khác đều không biết được [mình đang tạo nghiệp]. Chư Phật, Bồ Tát đối với những người này cũng không buông bỏ, thật là từ bi đến mức tận cùng, trước sau vẫn thị hiện giữa chúng sinh, trong sáu đường luân hồi, dùng đủ mọi phương tiện khơi dậy tánh giác của chúng sinh. Dù trong nhất thời, trong một kiếp không thành tựu được, các ngài cũng tiếp tục hóa độ trong nhiều đời nhiều kiếp. Chúng ta đời này có thể tỉnh ngộ, lẽ nào không phải nhờ chư Phật, Bồ Tát đã trải qua nhiều đời nhiều kiếp mở bày chỉ bảo? Chúng ta một phen bừng tỉnh nhận ra điều này, mới hiểu rõ được quả thật là “Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân.” (Trong cửa Phật không bỏ người nào.) Nhưng trước đây khi ta chưa tỉnh ngộ, chưa quay đầu hướng thượng thì biển khổ mê mang, nghiệp báo không thể suy lường nào ai biết được?

Trước mắt chúng ta đã thấy tai kiếp lớn lao. Tai kiếp ấy từ đâu mà đến? Là do nghiệp lực tạo thành. Nghiệp lực của ai? Người thực sự kế nhập Phật pháp đều biết đó là nghiệp lực của chính bản thân mình. Vì sao chúng sinh không thể hướng thiện? [Nhưng thôi,] hãy xét ở phạm vi nhỏ hơn, vì sao các bạn đồng tu của chúng ta không thể tu hành thật tốt, không thể y theo chánh lý, chánh pháp mà tu hành? Đó là vì tự thân ta chưa làm tốt, ta chưa nêu gương tốt để mọi người

noi theo. Ta phải nhận lấy trách nhiệm, không thể đùn đẩy, quy trách cho người khác. Tự bản thân ta phải làm được một tấm gương rất tốt, như vậy là tự độ chính mình rồi mới cứu độ được cho người khác.

Nếu ta đã thực sự là một tấm gương tu tập tốt nhưng vẫn không cảm hóa được chúng sinh giác ngộ, thì đó là do nghiệp chướng của họ quá sâu nặng, chúng ta vẫn phải tiếp tục không ngừng giúp đỡ, hỗ trợ cho họ. Như trong kinh nói là dùng đủ mọi phương tiện, giúp đỡ hỗ trợ lâu dài, cuối cùng đến một ngày kia họ sẽ hiểu được, sẽ quay đầu hướng thiện. Công đức giáo hóa của chúng ta sẽ có kết quả, nhất định không hề uổng phí.

Trong Cảm ứng thiên có ba đoạn nói về việc quỷ thần giám sát người đời. Đoạn thứ nhất nói về thiên thần, đoạn thứ hai nói về ba thần thi. Ba thần thi tức là trong đạo Phật nói về thần thức. Hôm nay chúng ta xem đến [đoạn thứ ba,] hai câu nói về thần bếp.

Thần bếp giám sát trong nhà của một người, tức là một gia đình, giám sát cả một gia đình. Trước đó nói về thiên thần với ba thần thi đều là giám sát riêng mỗi người, còn đây là giám sát cả gia đình. Người trong một nhà đó làm thiện, làm ác, thần bếp đều rõ biết.

Ngày xưa, dân gian Trung quốc nhà nào cũng thờ cúng thần bếp, những người hơi lớn tuổi đều còn nhớ rất rõ. Thời ấy căn bếp của mỗi gia đình đều có bếp nấu củi, không phải hiện đại đến mức dùng bếp điện. Lúc xây lò, đặt bếp, trong nhà cũng dành một chỗ đặt cái khám nhỏ để thờ cúng thần bếp. Bên cạnh khám thờ thần bếp thường đặt một đôi liễn, tôi vẫn còn nhớ rõ một vế là “Lên trời làm việc tốt”, vế còn lại là “Xuống đất giữ bình an”.

Theo tập tục thì thần bếp lên trời vào ngày 24 tháng chạp [hàng năm] để báo cáo những việc làm thiện, ác của gia đình

đó trong suốt một năm. Người thời nay cho đó là mê tín, trong nhà không thờ cúng thần bếp nữa. Không thờ cúng thần bếp, vậy thần bếp có quản đến việc trong nhà của quý vị hay không? Vẫn quản như trước thôi, tuyệt đối không phải khi ta không thờ cúng thì thần bếp không quản việc thiện ác nữa, mà là vẫn quản như trước. Cho nên, từ sự giám sát của quỷ thần trong trời đất, chúng ta hiểu ra được một sự thật là mọi chuyện lành dữ, họa phúc đều có điềm báo trước, có sự cảnh báo trước để cảnh cáo chúng ta. Những cảnh báo ấy có rất nhiều trong hoàn cảnh trước mắt, chỉ cần chúng ta tỉnh táo, chú ý quan sát thì hầu như mọi sự tiếp xúc nhận biết của các giác quan chúng ta đều là dấu hiệu cảnh báo. Những dấu hiệu cảnh báo ấy đều là không tốt, hết sức bất lợi, cho nên chúng ta tự mình nhất định phải thực hiện một sự chuyển biến lớn.

Tôi được tiếp xúc với Phật pháp từ năm 26 tuổi, lúc đó đã có cảm giác như quá muộn rồi. Tôi vừa học Phật thì Đại sư Chương Gia đem mọi việc như thế dạy bảo cho tôi. Tôi tin nhận, y theo lời dạy mà làm. Những lời răn dạy của thầy thầy đều chân thật, cho nên tôi cảm ơn thầy, suốt một đời này luôn sống trong niềm biết ơn đó. Tôi giúp đỡ người khác, dạy bảo người khác cũng đều với tâm thái mà trước đây thầy đã dạy dỗ tôi, tức là tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, không hề phân biệt, đối với hết thảy mọi việc trong thế gian đều không mong cầu. Đặc biệt đến ngày nay đã lớn tuổi rồi, những năm xế chiều còn có gì mà không buông xả?

Nếu y theo nghiệp báo [đời trước] hẳn tôi đã chết sớm rồi, đã xa lìa thế gian này rồi. Đây cũng là một tấm gương cho quý vị noi theo. Quý vị cứ xem gương tôi hẳn sẽ có chỗ hiểu ra. Một đời tôi không có tuổi thọ nhiều, không có phước báo, nói theo trong Phật pháp thì đại khái là đời trước chỉ tu tuệ không tu phước, do đó cũng may mắn có được một chút trí tuệ, cùng với chúng sinh kết mối duyên lành, cho nên gặp

được toàn những bậc thiện tri thức. Bản thân tôi cũng có một điều kiện tốt, đã từng nói qua với quý vị nhiều lần, là tôi rất ham học, chịu học, rất vui mừng được gần gũi các bậc thiện tri thức, rất vui mừng được đọc các sách khuyến thiện. Đó là bản thân tôi có đủ điều kiện [hướng thượng].

Tôi vốn không có phước báo, nhưng hiện nay mọi người đều thấy tôi có được một chút phước báo. Tháng trước, pháp sư Dụ Dân đến thăm tôi, ông là người biết đoán vận mạng. Ông đoán vận mạng cho tôi, nói rằng: “Pháp sư, thầy có vận tẩu lão, trong lòng hiện nay nghĩ đến việc gì cũng đều thành tựu, làm việc gì cũng đều thuận lợi, cũng thành tựu, tuổi thọ cũng lâu dài.” Hết thầy những chuyện ấy tôi đều không cầu. Tôi không cầu phước báo, cũng không cầu tuổi thọ.

Ngày trước, lão cư sĩ Lý Bình Nam giảng kinh, dạy học ở Đài Trung, mỗi khi thấy trong số học sinh có người mệnh bạc, người có số mạng ngắn ngủi, người không có phước báo, thầy đều đặc biệt khuyên bảo những người ấy phát tâm hoàng pháp lợi sinh. Thầy dạy: “Hoàng pháp lợi sinh là phước báo lớn nhất thế gian.” Tôi cũng được thầy khuyến khích dẫn dắt nên mới đi theo con đường này, quả thật rất hiệu quả.

Chỉ có điều là muốn vậy thì từ trong thân tâm cho đến thế giới bên ngoài nhất thiết phải buông xả hết, phát tâm làm việc là vì [nghĩ đến] chư Phật, Bồ Tát, vì hết thảy chúng sinh phụng sự. Hết thảy chúng sinh có phước báo, chư Phật, Bồ Tát muốn quý vị phụng sự, tự nhiên quý vị sẽ được chư Phật hộ niệm, các vị trời, rồng, thiện thần theo ủng hộ, quý vị không cần tìm kiếm, các vị ấy tự nhiên tìm đến. Tuyệt đối không theo ý riêng của mình, muốn gì làm nấy, như vậy là sai lầm, là nhất định tạo nghiệp. Tạo nghiệp là tổn giảm phước báo của bản thân, nghĩa là những phước báo quý vị tu tích được trong đời quá khứ sẽ bị tổn giảm.

Trong Liễu Phàm tứ huấn và Cảm ứng thiên tuy giảng

nói rất nhiều, thật ra cũng chỉ để làm rõ điều này: “Nhất ẩm nhất trác mạc phi tiên định.” (Mỗi một miếng cơm ngụm nước đều đã định trước.) Điều là do chính bản thân quý vị định trước. Điều này chứng tỏ các pháp thế gian và xuất thế gian là một tổng thể nhân duyên quả báo. Quý vị hiểu rõ được ý nghĩa này thì sẽ gieo nhân lành, sẽ giữ lòng tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt, quả báo vô cùng tốt đẹp.

Đối với người học Phật, đức Phật chính là điển hình, là khuôn mẫu của chúng ta. Tâm Phật thanh tịnh, bình đẳng, chân thành. Đức Phật đối với hết thảy chúng sinh đều từ bi, thương yêu bảo bọc, quan tâm không bỏ sót điều nhỏ nhặt nào. Ta phải luôn đem lòng chân thành, cung kính đối xử với người, với sự vật. Chúng ta phải chú tâm quán sát kỹ lưỡng, phải biết học theo như thế nào? Đức Phật không chỉ khuyên dạy ta bằng lời nói, ngài còn dùng công hạnh của tự thân để dạy dỗ chúng ta.

Những điều đức Phật dạy cho ta đều hết mức hiền thiện, hết mức tốt đẹp. Cho nên, khế nhập vào cảnh giới của Phật thì không gian hoạt động của ta thật lớn lao, rộng đến tận cùng hư không, biến khắp pháp giới. [Khi ấy,] những gì chúng ta nghĩ tưởng, suy xét liệu lường, tuyệt đối không chỉ là trong một vòng giới hạn nhỏ nhoi, không chỉ là trong một thế giới, mà là vô lượng vô biên cõi Phật. Tắm lòng như vậy lớn đến mức nào? Đó chính là tâm lượng lớn thì phúc đức lớn. Cho nên, phúc đức trí tuệ của Phật đều trọn đủ, không có gì là không thể bao dung.

Chúng ta ngày nay thử xét nơi một đạo tràng, chỉ có mấy người xuất gia cùng sống, hổ tương qua lại đã không thể bao dung cho nhau, như vậy thì có phước báo gì? Phước báo như thế thật đáng thương xót, nhỏ nhoi quá, hưởng tận rồi đi vào ba đường ác. Lý lẽ đúng thật này ta phải nhận hiểu cho rõ ràng, sáng tỏ.

Thần bếp là thật có, tuyệt đối không phải giả dối bày ra. Không chỉ có thần bếp, mà trong mỗi nhà còn có rất nhiều quỷ thần, như nơi cửa ra vào có thần cửa. Quý vị nên đọc sách Lễ ký thì sẽ hiểu được. Vốn dĩ trong mỗi căn phòng, mỗi góc nhà đều có quỷ thần cư trú. Chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng hành động, người khác không thấy biết nhưng quỷ thần luôn thấy biết hết sức rõ ràng.

Đời nhà Minh có bài văn “Du Tịnh Ý công ngộ táo thần ký” (Chuyện Du Tịnh Ý gặp thần bếp), do người đồng hương của Du Tịnh Ý ghi chép lại, hoàn toàn là sự thật. Chuyện này được in thêm vào phía sau sách Liễu Phạm tứ huấn, lúc trước tôi đã từng giảng qua một lần, giảng rất chi tiết, quý vị có thể dùng [nội dung ấy] để tham khảo. Không chỉ riêng mình Du Tịnh Ý gặp thần bếp, chúng ta xem trong những ghi chép của người xưa thấy có rất nhiều. Nhưng bài văn này được viết tường tận và chi tiết nhất, hay nhất, nên được Pháp sư Ấn Quang chọn để lưu hành.

Những người có học, người tu hành, thường tự thấy mình là người hiền thiện, tốt đẹp. Người khác nhìn vào cũng thấy là rất tốt. Mỗi ngày đều làm việc thiện, nói lời tốt, làm việc tốt. Du Tịnh Ý ban đầu cũng là người như vậy, nhưng cứ mãi nghèo khổ vất vả. Tự thân ông thấy mình toàn làm việc thiện, chưa từng làm bất cứ điều gì xấu ác, nhưng nghèo khổ mãi như thế thật là trời ban quả báo không công bằng.

Thần bếp rất từ bi, biết ông là người có học thức, nếu được chỉ bày dạy bảo sẽ tiếp nhận được, có thể phản tỉnh, liền thị hiện bảo ông: “Hành vi của ông tuy giống như hiền thiện mà tâm niệm, ý nghĩ lại rất xấu ác, nhưng ông không biết phản tỉnh suy xét. Do tâm niệm, ý nghĩ xấu ác, nên những điều thiện ông làm đều không thực tế, không chân thật. Vì thế, quỷ thần trong trời đất theo giám sát ông, thấy từ ngày đầu năm cho đến cuối năm không hề có lấy một việc thiện chân

thật, toàn là những việc phô diễn, giả dối, cố làm ra dáng cho người khác xem. Đó là những việc thiện giả dối, không phải chân thật.” Được thần bếp chỉ bày như vậy, ông bừng tỉnh nhận ra sự thật, thực sự hiểu rõ được vấn đề.

Con người tạo nghiệp ác chưa đáng sợ, chỉ sợ không thể quay đầu hướng thượng, chỉ sợ không thể nhận biết hiểu rõ. Nếu chịu quay đầu hướng thượng, có thể nhận biết hiểu rõ thì đều cứu được. Mỗi một người là như vậy, một gia đình cũng như vậy, cho đến toàn xã hội, quốc gia hay cả thế giới cũng cùng một lẽ đó.

Hiện tại kiếp nạn ngay trước mắt, mọi người đều biết, vậy kiếp nạn này có cứu vãn được chăng? Nhất định cứu vãn được. Từ đâu bắt đầu cứu vãn? Từ trong lòng người mà bắt đầu cứu vãn, từ trong tâm mỗi người mà cứu vãn. Tự tâm mỗi người phải thực hiện một sự chuyển biến lớn, dứt ác tu thiện, phá trừ si mê mở ra giác ngộ, vậy mới cứu vãn được.

Hy vọng mọi người thực sự nỗ lực, sửa chữa lỗi lầm, hoàn thiện bản thân, không chỉ tự mình được cứu độ mà cũng giúp đỡ, hỗ trợ được cho người khác, công đức lớn lao không gì bằng.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 22

(Giảng ngày 10 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 23, số hồ sơ: 19-012-0023)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem đến câu thứ 13 trong Cảm ứng thiên:

“Phàm nhân hữu quá, đại tắc đoạt kỷ, tiểu tắc đoạt toán, kỳ quá đại tiểu, hữu sở bách sự. Dục cầu trường sanh giả, tiên tu tị chi.” (Người đời phạm tội lỗi, lớn thì giảm kỷ, nhỏ thì giảm toán, những tội lỗi lớn nhỏ như thế tính ra đến số mấy trăm. Muốn cầu sống lâu thì trước hết phải kiêng tránh tất cả những tội lỗi này.)

Đây là một đoạn tổng kết về việc quý thần giám sát [những việc thiện ác] của người đời.

Hôm qua nói đến thần bếp, kể chuyện Du Tịnh Ý gặp thần bếp. Thần bếp chỉ dạy cho ông mấy câu, rất đáng cho chúng ta lưu tâm cảnh tỉnh. Những khiếm khuyết của Du Tịnh Ý cũng đích thực là những khiếm khuyết mà bản thân chúng ta ngày nay mắc phải. Khiếm khuyết của chính mình mà bản thân lại thực sự không biết, ai ai cũng cho rằng những gì mình nghĩ tưởng, nói ra hay hành động đều là đúng đắn, còn người khác đều là không đúng. Vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Trong Phật pháp gọi đó là mê hoặc, điên đảo. Kinh Phật mô tả đến chỗ nghiêm trọng nhất [của khuynh hướng điên đảo này là trở thành] nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề là tiếng Phạn, có nghĩa là “không có căn lành”. Chư Phật, Bồ Tát đều không thể cứu được người như vậy. Người ấy không biết quay đầu hướng thượng, không biết đến giác ngộ.

Nguồn gốc [của sự mê lầm] như thế làm sao để tiêu trừ?

Chúng ta tỉnh táo mà suy xét thì [phương pháp] vẫn như xưa là phải đọc kinh sách. Không đọc kinh sách thánh hiền thì làm sao có thể giác ngộ? Nói thật ra, sự mê lầm cũng giống như cái hố bùn, [đã sa vào thì] ngày càng lún sâu, không dễ thoát lên. Người đọc sách thánh hiền, mỗi ngày đều gặm gùi các bậc hiền thánh, huân tập lâu ngày, dần dần sẽ đạt được giác ngộ. Tại Trung quốc từ xưa đến nay, những người lớn tuổi luôn khuyên bảo lớp hậu sinh phải đọc sách thánh hiền, phải đọc kinh Phật, ý nghĩa là ở chỗ này.

Du Tịnh Ý có thể quay đầu hướng thượng cũng là nhờ có nền tảng sâu dày từ trước đó đã từng đọc sách. Nếu như [thần bếp] giảng nói những điều như vậy với người thời nay, họ cũng không thể quay đầu hướng thượng, là vì sao? Vì họ không có được nền tảng [đọc sách] như vậy. Đây là điều chúng ta có thể hiểu ra sâu sắc từ chuyện này.

Thần bếp bảo Du Tịnh Ý: “Ý niệm xấu ác của ông quá nặng, [việc làm] chỉ nhằm đạt được hư danh.” Thần bếp còn nói nhiều điều nữa, nhưng hết thảy đều không cần giảng giải, chỉ riêng hai câu này là cốt lõi quan trọng. Nếu chỉ là vì cầu được danh tiếng, được ngợi khen, thì cho dù làm thật nhiều việc thiện cũng đều không chân thật. Cho nên thần bếp mới nói: “Quý thần trong trời đất mỗi ngày giám sát, mỗi ngày xem xét ông. Ông đối trước quý thần cầu khẩn, trông có vẻ hết sức khẩn thiết, cũng có chút thành ý, nhưng ông đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, so với lúc cầu khẩn quý thần lại hoàn toàn không giống nhau.”

Thiên thần có lòng từ bi. Ngày xưa ở Trung quốc, những người có học đều tin là có Ngọc Hoàng Đại đế, các tôn giáo khác gọi là Thượng đế. Thần bếp nói rằng: “Thượng đế lệnh cho quý thần giám sát việc thiện ác của thế gian, đến xem xét kỹ những việc ông làm, trải qua nhiều năm không thấy một việc thiện chân chính nào cả. Những việc thiện ông làm

đều là phụ họa theo người khác. Nói cách khác, nếu người khác không làm thì ông chẳng bao giờ chủ động làm thiện. Lại thấy những khi ông ở một mình nơi khuất tất vắng vẻ thì khởi sinh toàn là những tâm niệm tham lam, dâm dục, ganh ghét, hẹp hòi nóng nảy, tự mãn khinh người, nhớ việc đã qua, mong việc sắp đến, toan tính báo thù rửa hận... Những vọng tưởng, tạp niệm ấy quá nhiều, không thể nói hết. Hết thấy đều là những ý niệm xấu ác, cấu kết trong lòng ông, thiên địa quỷ thần đã ghi chép thành hồ sơ rất nhiều, ông trốn họa còn không được, dựa vào đâu mà cầu hưởng phúc?”

Sau khi nghe những lời này, Du Tịnh Ý như người bị tát gáo nước lạnh, một phen bừng tỉnh. Ông quỳ trước mặt thần bếp, lúc đó đang thị hiện hình người, nói rằng: “Ngài nhất định là thần tiên, thấy biết trong lòng tôi quá rõ ràng.” Du Tịnh Ý cầu xin được cứu giúp. Ông ấy còn có được một chút tâm niệm [quay đầu] như vậy. Người thời nay nghe những điều như thế hoàn toàn không quan tâm, cũng không tin nhận, cho là mê tín. Tự họ cho rằng mình có đầu óc khoa học, người khác không theo kịp, như vậy làm sao họ tiếp nhận được? Sửa lỗi cho người thời nay thật quá khó, hết sức khó. Du Tịnh Ý còn có một chút lòng hối cải nên thần bếp mới đến giúp ông, dạy ông từ đó về sau đối với hết thấy những tâm niệm tham lam, dâm dục, giả tạo, vọng tưởng tạp niệm... đều phải dứt trừ hết sạch, để tâm ý được thanh tịnh.

Hôm kia, quý vị được nghe thầy Ngô Chính báo cáo việc em của thầy được vãng sinh, nhưng quá trình tu hành như thế nào chưa nói rõ ràng. Hôm qua đã bổ sung nội dung này, tôi vẫn còn chưa nghe lại. Nhưng cha mẹ người này có kể với tôi về quá trình tu hành của anh ta. Mỗi ngày đều khó nghe được anh nói vài ba câu. Người trong nhà mời gọi đến trò chuyện, anh ta đều cự tuyệt: “Không cần trò chuyện với tôi.” Anh chuyên tâm [tu hành] đến mức như thế. Đó là bí quyết vãng sinh của anh. Tâm anh ta đã an định, đã thực sự buông

xả hết muôn duyên. Kinh A-di-đà có nói về thời gian, so với trường hợp này còn ngắn hơn, quý vị đều đã tụng niệm rất thông thuộc: “Hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày.” Có trường hợp nào niệm Phật bảy ngày thành công hay chẳng? Có đấy. Sách Tịnh độ thánh hiền lục có ghi chép, sách Vãng sinh truyện cũng có ghi chép. Nếu thực sự chịu quay đầu hướng thượng, triệt để buông xả [muôn duyên] thì người như thế có thể thành tựu. Cho nên, sự thù thắng của pháp môn này là không gì hơn được.

Tôi thường khuyên quý vị đồng học, chúng ta tu hành thì điều quan trọng nhất là phải giữ lòng tốt. Trong lòng chỉ toàn điều thiện, không có điều ác. Những ý niệm ác, việc ác, người ác đều không được chất chứa trong lòng. Chỉ nhìn thấy những chỗ hiền thiện của người khác, chỉ nhìn thấy những chỗ tốt đẹp của người khác, thì đời sống của chúng ta sẽ toàn là hiền thiện, không có sự xấu ác. Trong lòng quý vị sẽ thanh thản an vui, khoái lạc biết bao, đâu cần nói đến thành tựu gì khác. Mỗi ngày nghĩ tưởng đến chỗ xấu ác của người khác, đến oán thù với người khác, thì hoàn cảnh sống của quý vị sẽ hết sức xấu ác, quý vị phải chịu nhiều đau khổ, phải sống trong cay đắng khó nhọc.

Do đó có thể biết rằng, [sự chuyển đổi] khổ não hay an vui đều chỉ nằm trong khoảng thời gian một ý niệm, không phải do người khác mang đến, mà do chính sự chuyển biến trong ý niệm của ta tạo thành. Hiểu rõ được ý nghĩa này, vì sao không đem ý niệm của mình chuyển thành ý niệm của Phật? Mỗi niệm đều niệm Phật A-di-đà, mỗi niệm đều niệm thế giới Tây phương Cực Lạc với y báo, chính báo trang nghiêm. Như vậy, chúng ta tuy chưa đến được thế giới Cực Lạc nhưng hiện tiền đã sống trong thế giới Cực Lạc rồi. Tâm thức, tình cảm của ta đều đã sống trong thế giới Cực Lạc. Khi tuổi thọ hết, có lý nào lại không vãng sinh? Cho nên, muôn duyên đều phải buông xả.

Cư sĩ Bàn Uẩn có dạy: “Thêm một chuyện chẳng bằng bớt một chuyện. Bớt một chuyện chẳng bằng vô sự.” Vô sự ở đây không phải là dạy ta bất cứ chuyện gì cũng không làm, hiểu như vậy là sai lầm. Mọi chuyện đều vẫn làm theo đúng lẽ, nhưng trong tâm nhất định không có sự vướng mắc, nhớ nghĩ. Vô sự ở đây là nói tâm vô sự, chẳng phải nói thân vô sự. Đối với thân không có gì ngăn ngại, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Lý sự không ngăn ngại, sự sự không ngăn ngại.”

Những gì là ngăn ngại, che chướng? Ý niệm trong tâm là ngăn ngại, che chướng. Cho nên, quý vị thấy trong truyện Du Tịnh Ý nói rõ, lời nói của ông ta hiền thiện, việc làm hiền thiện, nhưng tâm ý bất thiện, cho nên làm việc thiện gì, nói lời hiền thiện gì cũng đều không có tác dụng, đều trở thành hư ngụy, giả dối không chân thật. Nếu tâm ý hiền thiện thì đó mới thực sự là thiện. Đó là căn bản khởi sinh của thiện ác.

Thần bếp khuyến khích ông ta trước hết phải giữ lòng tốt, giữ một tấm lòng hoàn toàn thuần thiện, sau đó mới tùy hoàn cảnh, tùy khả năng của mình mà làm việc tốt. Khả năng đến đâu thì đem hết sức ra làm đến đó. Khi làm, phải làm với tâm thanh tịnh, hoàn toàn không mong cầu quả báo. Vì cầu quả báo mà làm thiện thì tâm ý đã là bất thiện.

Vì sao vậy? Vì [làm việc thiện mà] có điều kiện. Làm việc thiện không có điều kiện mới là việc thiện chân thật. Làm việc thiện không cầu quả báo thì quả báo thù thắng nhất. Không cầu danh tiếng, không cầu lợi dưỡng, việc gì cũng không cầu, đem hết sức mình ra giúp đỡ người khác, có thể vì người khác quên mình. Đối với sự việc không kể là khó hay dễ, lớn hay nhỏ, đều đem tâm thành khẩn, chân thật mà làm. Nếu sức mình không làm nổi, vẫn phải giữ được tấm lòng tốt đẹp như thế. Đó gọi là: “Tâm hữu dư nhi lực bất túc.” (Lòng tốt có thừa nhưng sức không đủ.) Tấm lòng như vậy sẽ có sự cảm ứng. Nếu thực sự chân thật thuần thiện, sẽ được

chư Phật hộ niệm, các vị trời, rồng, thiện thần đến giúp đỡ. Nói cách khác là tăng thêm sức lực cho người làm thiện, giúp cho tâm nguyện làm thiện đó được thành tựu trọn vẹn, bởi người làm thiện không vì tự thân, chỉ vì chúng sinh mà làm, vì Phật pháp mà làm.

Chúng ta biết rằng, trong đời quá khứ tự mình không tu tích phước báo, đời này cũng không biết tu tích phước báo. Không tu tích phước báo, lại còn lãng phí phước báo. Thế nhưng đời sống trước mắt vẫn tạm ổn, chư Phật, Bồ Tát từ bi vẫn thường thị hiện sự cảnh tỉnh, cảnh giác chúng ta, thị hiện sự khích lệ, khuyến khích chúng ta. Chúng ta từ chỗ này phải biết tăng trưởng tín tâm. Có một số vị Bồ Tát hộ pháp, dường như ở đâu cũng có, đến bảo là muốn cho chúng ta đất đai, muốn cho ta nhà cửa, muốn cho ta tiền bạc, đó đều là chư Phật, Bồ Tát gia trì [cho sự tu tập của ta]. Ta có thể tiếp nhận, chỉ có điều nhận rồi dùng vào việc gì? Nếu biết là không có chỗ dùng [thích hợp] thì nên từ chối tất cả, dứt khoát không nhận.

Trong sự việc này có thông điệp nhấn gửi gì, quý vị có thể nhận hiểu được chăng? Có một thông điệp nhấn gửi rất mạnh mẽ, rằng chỉ cần ta lo tu tập, khi có nhu cầu là lập tức có trợ duyên ngay. Đây là một thông điệp nhấn gửi mạnh mẽ. Ngày nay, ví như chúng ta thực sự có năm ba trăm người chân chính tu tập, liền lập tức sẽ có ngay một đạo trường lớn rộng, đủ chỗ cho mấy trăm người ấy cùng tu tập một nơi, cho đến mấy ngàn người cũng vậy, không cần thiết phải bận tâm lo lắng chút nào. Thông điệp nhấn gửi là như thế. Chúng ta không nên cô phụ tấm lòng của chư Phật, Bồ Tát, không nên cô phụ các bậc trưởng giả hộ pháp, phải gắng sức tu hành, thực sự nỗ lực. Những người phát tâm giúp đỡ [sự tu tập] của chúng ta đều là thành tâm thành ý, không phải hư dối, chúng ta còn mong cầu phước báo gì khác nữa? Hoàn toàn không cần thiết. Chúng ta chỉ cần một lòng một dạ vì chư

Phật, Bồ Tát mà làm việc, vì hết thấy chúng sinh mà phụng sự. Quý vị chỉ cần kiên trì theo ý hướng như vậy, thực sự nỗ lực làm theo như vậy, nhất định không đối mình đối người, hết thấy mọi trợ duyên đều sẽ tự nhiên thành tựu.

Cũng giống như sau khi Du Tịnh Ý quay đầu hướng thượng, ông ấy có thể vâng theo lời dạy mà làm, hiểu sâu ý nghĩa cũng như sự thật về nhân quả báo ứng, cho nên “động tác vạn thiện tương tùy, tĩnh tác nhất niệm bất sinh” (khi động muôn việc thiện tùy theo, khi tĩnh không sinh một niệm). Hai câu này thật quan trọng, đã giúp ông ấy thay đổi vận mạng. Khi động, dù khởi tâm động niệm đều là vì chúng sinh, vì Phật pháp, đối với bản thân mình thì dù một [tạ] niệm cũng không sinh khởi, chỉ chân thật niệm Phật. Ông sống đến 88 tuổi. Ông sinh được bốn người con trai, đã chết mất ba, còn một người từ nhỏ đã thất lạc không thấy mặt. Sau khi ông hướng thượng làm lành, đưa con thất lạc ấy bỗng dưng không hẹn mà gặp, tìm nối lại được tình cha con.

Đứa con trai út này thuở nhỏ lúc đi chơi, trèo lên một chiếc thuyền của người khác, gặp lúc thuyền nhỏ neo đi xa nên lạc mất. Về sau, đứa bé bị người ta mang bán đi, rất may là có một quan thái giám bỏ tiền mua về. Quan thái giám ấy là người rất tốt bụng, không con cái, mua được đứa bé về xem như con mình, muốn nuôi nấng để phòng khi tuổi già có người chăm sóc. Về sau khi Du Tịnh Ý đã làm quan, công danh thành tựu, làm lành tích đức, chuyển hóa được nghiệp báo [xấu ác], liền [gặp dịp tình cờ] đến ra mắt quan thái giám này. Quan thái giám gọi hết mấy người con nuôi đến chào khách. Du Tịnh Ý vừa nhìn thấy đã nhận ra trong số đó có một đứa diện mạo rất giống con mình, chỉ có điều đã quá nhiều năm không gặp [nên không chắc được], liền gạn hỏi tên tuổi, quê quán. Người con trai vừa nói ra, ông liền rơi lệ, hỏi tiếp: “Dưới bàn chân con có hai nốt ruồi, phải vậy không?” Đứa con lập tức cởi giày ra xem quả nhiên đúng vậy, quả

đúng là đứa con [thất lạc] của ông. Quan thái giám liền trao lại đứa con cho ông. Về sau, người con này cũng học hành đỗ đạt thành danh, sinh ra rất nhiều con cháu. Đó chính là làm lành được quả báo lành, nhân duyên quả báo không một mảy may sai lệch. Bản văn Du Tịnh Ý công ngộ táo thần ký tôi đã từng giảng qua rất chi tiết, tường tận, dường như cũng có băng ghi âm.

Trong câu văn kết luận [chúng ta đang xem xét, có thể thấy rằng], mọi lỗi lầm lớn nhỏ, nặng nhẹ của một người, đều có quỹ thần nơi đó ghi chép lại, đều có hồ sơ lưu trữ. Quý vị nên biết, ở chỗ vua Diêm La có hồ sơ chi tiết, tường tận [về việc làm thiện ác] của chúng ta. Ở cõi trời Tứ vương cũng có, ở cõi trời Đao Lợi cũng có những hồ sơ ghi chép như vậy. Đó là điều chân thật, không giả dối, không phải chuyện hù dọa. Chúng ta khởi tâm động niệm đều có ghi chép đủ trong các hồ sơ ấy, quý vị tránh đâu được? Không thể trốn tránh được. Những người trí thức, có học vấn trước đây đều tin chắc sự việc này, cho nên mỗi lúc khởi tâm động niệm đều biết tự kiềm chế. Người thời nay thực sự mê hoặc, điên đảo, làm những điều càn dỡ, xằng bậy, không biết sợ sệt quả báo, không biết sự đáng sợ ngay từ lúc khởi tâm động niệm.

[Trong đoạn văn nói] việc ác lớn, nặng nề thì phải bị “đoạt kỷ”, tức là giảm tuổi thọ. Mỗi kỷ là 12 năm, tức là tuổi thọ bị giảm đi 12 năm. Nhưng nếu quý vị tu thiện tích đức thì được tăng kỷ. Tăng thêm một kỷ thì sống thêm được 12 năm, tăng hai kỷ được sống thêm 24 năm. Điều này trong các sách xưa vẫn thường thấy ghi chép. Việc ác nhỏ thì bị “đoạt toán”, tức là tổn giảm phước báo, tổn giảm tuổi thọ.

Từ đoạn văn này chúng ta hiểu được rằng, mỗi một con người sinh ra, từ thân tâm cho đến gia đình, địa phương quanh mình, trong suốt một cuộc đời luôn có quỹ thần vây quanh [giám sát]. Các bậc hiền thánh xưa, cho đến chư Phật,

Bồ Tát, không một vị nào không dạy dỗ chúng ta dứt ác làm lành, nhất là những lúc ở một mình nơi khuất tất vắng vẻ lại càng phải thận trọng [với các tâm niệm xấu ác]. Khi có nhiều người thường phải giữ thể diện, cố làm ra vẻ [tốt đẹp], những lúc không có ai quanh mình thì bản chất bên trong ắt phải bộc lộ, đó là điều hết sức đáng sợ. Người có thể sống riêng rẽ một mình trong nhà vắng mà vẫn không nảy sinh mảy may ý niệm bất thiện, như vậy mới là tu hành đã có được nền tảng chắc chắn. Chúng ta nên học tập theo như vậy.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 23

(Giảng ngày 11 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 24, số hồ sơ: 19-012-0024)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta xem đến câu thứ 14 [trong Cảm ứng thiên]: “Kỳ quá đại tiểu, hữu sở bách sự, dục cầu trường sanh giả, tiên tu tị chi.” (Những tội lỗi lớn nhỏ như thế tính ra đến số mấy trăm, muốn cầu sống lâu thì trước hết phải kiêng tránh tất cả.)

Những tội lỗi lớn nhỏ “tính ra đến số mấy trăm”, ở đây muốn chỉ đến mấy trăm loại. Trong mỗi một loại ấy, thật ra lại có vô số tội lỗi khác biệt. Các bậc cổ đức nói: “Việc phi nghĩa mà làm thì đều là tội lỗi.” Phi nghĩa là những chuyện không nên làm. Nếu tư tưởng, hành vi của quý vị là những chuyện không nên làm thì đó là tội lỗi.

Tội lỗi có lớn nhỏ, lớn là những tội ác nặng nề, nhỏ là những lỗi lầm sai sót. Đối với mọi tội lỗi, quỷ thần trong trời đất đều thấy biết, chư Phật, Bồ Tát cũng thấy biết rõ ràng, minh bạch. Thật ra, quỷ thần trong trời đất thấy biết, chúng ta thường xem là chuyện đương nhiên. Chư Phật, Bồ Tát còn có thể thấy được đến cả lý lẽ nguyên nhân [của tội lỗi], thấy biết rõ quý vị vì sao rơi vào mê hoặc, vì sao tạo nghiệp, vì sao thọ quả báo.

Vì sao nói rằng chư Phật, Bồ Tát có thể thấy được lý lẽ nguyên nhân? Trong kinh Vô Lượng Thọ mọi người đều đã đọc qua rồi, người ở thế giới Cực Lạc, ngay cả người chỉ vừa mới vãng sinh, hoặc người vãng sinh [ở phẩm vị thấp nhất là] hạ phẩm hạ sinh, cũng đều có thiên nhãn thông nhìn

thấu suốt, thiên nhĩ thông nghe thấu suốt, tha tâm thông rõ biết hết [tâm ý người khác]. Nói cách khác, đối với mỗi người chúng ta, trong quá khứ nhiều đời nhiều kiếp từng trải qua những tình huống gì, các vị đều biết rõ. Do đó, các vị biết được mọi lý lẽ nguyên nhân.

Bao nhiêu nghiệp ác, thói quen xấu ác đã tích lũy, tập thành qua nhiều đời nhiều kiếp, thật không dễ sửa đổi. Chúng ta đã thấy trong kinh Địa Tạng, thế gian có những người bất thiện, tập khí nghiệp chướng hết sức nặng nề, quá khứ từng đọa vào ba đường ác rồi mới từ đó sinh vào cõi người, vẫn còn mang theo những tập khí tàn dư trong ba đường ác.

Những điều tương tự như vậy, thiên địa quỷ thần chưa hẳn đã thấy biết được rõ ràng. Năng lực của một vị A-la-hán cũng chỉ biết được đến 500 kiếp quá khứ của một người. Thời gian lâu xa hơn 500 kiếp thì vị A-la-hán không thấy biết được. Cho nên, người thuyết pháp cần phải thấu suốt rõ ràng mới có thể khế hợp căn cơ, mới biết cần sử dụng pháp môn phương tiện nào để giúp đỡ cứu vớt chúng sinh khổ nạn.

Câu này trong Cảm ứng thiên [khuyên chúng ta kiêng tránh mọi tội lỗi] cũng là một nguyên tắc. Nguyên tắc mang tính khái quát, chỉ cần ta có thể tuân thủ làm theo, nhất định sẽ được lợi ích.

Ngày xưa ở Trung quốc, cả Tam giáo Nho, Lão, Phật đều tham gia vào giáo dục trong xã hội, cùng theo tư tưởng văn hóa đa nguyên nhất thể, đã cống hiến rất lớn lao cho xã hội. Tam giáo tuy khác biệt nhưng cũng có chỗ tương đồng, đó là bất luận tu học theo pháp môn nào của đạo nào, nhất định vẫn phải lấy việc tích đức làm căn bản. Điều này cả Tam giáo đều công nhận.

Phải bắt đầu từ đâu mà tích đức? Từ trong tâm mà thực hiện công phu. Trong tâm nhất định phải chân thành chính trực. Nhà Phật nói “vượt phàm lên thánh”, thế nào là phàm?

Phàm là tình cảm đời thường, chúng ta thường gọi là cảm xúc, tình cảm. Cảm xúc, tình cảm là tình thường. Phàm cũng có nghĩa là hành xử theo tình cảm, cảm xúc. Hành xử theo tình cảm ắt có lỗi lầm, sai sót, ta thường nói là hành động theo cảm tính.

Nếu có thể buông xả, dứt bỏ mọi tình cảm vướng mắc thì người đó là bậc thánh. Bậc thánh là người hiểu biết sáng tỏ, giác ngộ; định nghĩa về bậc thánh là như thế. Cho nên, trở thành bậc thánh tức là làm một người hiểu biết sáng tỏ, làm người giác ngộ. Nếu không đem bám chấp tình cảm chuyển biến thành trí tuệ thì không thể thành bậc thánh. Nói cách khác, người bám chấp tình cảm thì vĩnh viễn không hiểu biết sáng tỏ, không thể giác ngộ.

Sự bám chấp tình cảm từ đâu phát sinh? Trong Phật pháp dạy rằng, đó là từ nơi sự phân biệt, bám chấp vào bốn tướng mà phát sinh. Bốn tướng là tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả. Khi phân biệt bốn tướng này, bám chấp vào bốn tướng này, thì đó là nguồn gốc phát sinh sự bám chấp tình cảm.

Do phân biệt chấp trước cho nên mới có sự ích kỷ riêng tư, giành lợi ích về mình, mới có thị phi nhân ngã, mới có tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn. [Khi ấy,] không chỉ lời nói, việc làm mới tạo nghiệp, mà khởi tâm động niệm cũng đều tạo nghiệp.

Phần trước đã nói qua khái quát với quý vị điều này, khởi tâm động niệm xấu ác là tâm quý vị xấu ác, không tốt. Chư Phật, Bồ Tát đã giác ngộ, hiểu rõ. Người giác ngộ không có tự ngã, không [bám chấp] tự kỷ nên mới có thể thực sự tôn kính người khác. Người hiểu biết sáng tỏ mới làm được như thế. Nho gia cũng [dạy như] vậy, chỉ sau khi hiểu biết sáng tỏ rồi mới có thể xem nhẹ bản thân, tự mình khiêm hạ mà tôn trọng người khác.

Chỉ có người mê hoặc mới tự cao tự đại, tự nâng mình lên cao thật cao, hoàn toàn không xem trọng người khác, không thể chịu được sự trái ý bất công. Chỉ một chút trái ý bất công là ôm hận trong lòng, chẳng lúc nào quên, do đó chiêu cảm phải chịu quả báo [gặp những điều] không vừa ý [làm khởi tâm sân hận]. Mọi người đều biết, sân hận thì phải đọa vào địa ngục.

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát vì sao không trụ trong sáu đường? Vì sao không trụ trong mười pháp giới? Khi thị hiện trong sáu đường, các ngài vẫn trụ nơi pháp giới nhất chân, điều đó có ý nghĩa gì? Đó là, không có tự ngã, không [bám chấp] tự ngã thì mới có thể khiêm hạ. Người giác ngộ ở nơi thấp kém vẫn khoái lạc, tự tại, chỉ có người mê hoặc mới tham địa vị cao. Ý nghĩa này quý vị phải lưu tâm suy xét kỹ, chú tâm thể hội, được lợi ích vô cùng.

Nếu thực sự hiểu rõ được nhân quả trong ba đời, như tôi vẫn thường nói trong các buổi giảng, thì quan hệ giữa người với người nhất định không có sự lấn lướt được lợi, cũng nhất định không có sự thiệt thòi thua kém. Quý vị lấn lướt được lợi, tương lai phải đền trả lại, nợ mạng phải đền mạng, nợ tiền phải trả tiền. Trong truyện Hồng Lôu Mộng nói nợ người nước mắt phải trả bằng nước mắt, đó là chuyện thật chứ không phải giả.

Chỉ có người thực sự giác ngộ, thực sự hiểu biết sáng tỏ, không còn tạo nghiệp, mới có thể làm được đến mức tùy duyên qua ngày, trong chỗ tùy duyên đó thành tựu công đức. Trong Thập đại nguyện vương nói “tùy hỷ công đức”, công đức là gì? Đức của tự tánh lưu xuất hiển lộ là công đức. Trong ý nghĩa này, có một quan niệm trọng yếu nhất mà chúng ta không có cách gì hình thành [trong nhận thức của mình]. Nếu có thể hình thành được quan niệm này thì đạo Bồ Tát không còn khó khăn gì nữa, tích lũy công đức cũng là chuyện hết sức dễ dàng.

Đó là quan niệm gì? Hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không cũng là chính bản thân mình. Quan niệm như thế chúng ta không có cách gì hình thành [trong nhận thức của mình]. Nhưng chư Phật, Bồ Tát đều quan niệm như thế. Phật chứng đắc thanh tịnh pháp thân, pháp thân là gì? Pháp thân là hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không, cũng là chính bản thân mình. Người nào có thể khẳng định [hết thấy chúng sinh] là chính bản thân mình, nhất định không mảy may nghi hoặc đó là bản thân mình, thực sự là bản thân mình, thì người ấy đã thành Phật, đã chứng đắc pháp thân thanh tịnh. Cho nên vị ấy vì hết thấy chúng sinh phụng sự cũng chính là vì bản thân mình phục vụ. Như vậy đâu còn gì để nói, đâu còn gì để chấp trước? Không phải vì người khác, mà là vì chính bản thân mình.

Trong lúc giảng kinh tôi cũng từng nói, vũ trụ phức tạp như thế nào, thân thể chúng ta cũng phức tạp như thế ấy. Thân thể ta chính là vũ trụ thu nhỏ; vũ trụ là thân thể ta khuếch đại. Trong đó, mức độ phức tạp không tăng thêm cũng không giảm bớt, hoàn toàn tương đồng. Cho nên, thân thể chúng ta là một vũ trụ nhỏ. Vũ trụ nhỏ này với vũ trụ lớn cũng là một, chẳng phải hai.

Kinh Hoa Nghiêm nói, lớn nhỏ đều bao dung, lớn có thể bao dung nhỏ, nhỏ cũng có thể bao dung lớn. “Hạt cải hàm chứa núi Tu-di, núi Tu-di hàm chứa hạt cải”, đó mới là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Chư Phật, Bồ Tát trong vô số cõi nước cứu giúp hết thấy chúng sinh chưa giác ngộ, cũng là xuất phát từ quan niệm vừa nói trên, dựa trên quan niệm này mà kiến lập. Cho nên, pháp là pháp không thể nghĩ bàn, người cũng là người không thể nghĩ bàn.

Chúng ta đọc kinh “Bồ Tát Địa Tạng bản nguyện”, qua giảng chú đại lược của Pháp sư Thanh Liên, trong năm tầng

ý nghĩa huyền diệu, đối với mỗi tầng ngài đều thêm vào lời tán “không thể nghĩ bàn”, điều đó rất có ý nghĩa. Nếu bản thân ngài không kế nhập được những cảnh giới ấy thì không thể nói ra những lời như thế. Vì ngài đã thể hội sự thật chân tướng, nhận biết rõ ràng, kế nhập được vào những cảnh giới [trong kinh], nên mới có thể nói ra những điều như thế.

Chúng ta đọc qua rồi, liệu thể hội được mấy phần? Vì sao chúng ta không thể hội? Vì có chướng ngại. Chướng ngại ấy không ngoài hai điều là phiền não chướng và sở tri chướng. Phiền não chướng là [những phiền não] tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn. Sở tri chướng, nói theo ngôn ngữ ngày nay là những thành kiến, định kiến trong phương diện học thuật, tri thức. Nếu là những thành kiến về mặt nhân quả thì vẫn thuộc về phiền não chướng, là một loại trong các phiền não do thấy biết, nghĩ tưởng. Nếu thuộc về lãnh vực tri thức thì gọi là sở tri chướng. Vì tự cho mình là đúng nên không thể thấy biết được chân tướng sự thật.

Chúng ta ở chỗ này phải có sự vận dụng công phu, trừ được một phần chướng ngại thì trí tuệ hiển lộ được một phần. Chướng ngại như vậy có thể dùng cách gì để trừ, chúng ta cần phải hiểu biết rõ ràng. Việc trừ bỏ chướng ngại chính là đối với những tình chấp phân biệt [hãy làm cho] dần dần giảm nhẹ đi, không còn nặng nề nghiêm trọng như trước. Mỗi năm mỗi giảm dần, mỗi tháng mỗi nhẹ hơn, sự phân biệt bám chấp sẽ dần dần giảm nhẹ. Đó là từng bước xa lìa, dứt bỏ.

Đối với [sự phân chia] 51 phẩm vị của hàng Bồ Tát, hoặc bốn cõi, ba hạng, chín phẩm của [người vãng sinh] Tịnh độ cũng đều như vậy. Bớt đi một phần phiền não tập khí thì phẩm vị lại tăng cao hơn một bậc, cho đến khi tập khí phiền não hoàn toàn dứt sạch tức là viên mãn thành tựu quả Phật. Bồ Tát ở địa vị Đẳng giác vẫn còn một phẩm vô minh sinh

tướng chưa dứt sạch, nên vẫn còn phiền não. Do đó mà vẫn chưa viên mãn, công đức chưa hoàn toàn thành tựu. Chưa rốt ráo thành tựu, cần phải tiếp tục tu tập buông xả hết cho đến khi hoàn toàn thanh tịnh, như vậy mới rốt ráo thành tựu viên mãn.

Cho nên, chúng ta cần phải dứt trừ, buông xả hết. Nếu không chịu buông xả thì đó là tích lũy tội nghiệp; buông xả được, đó là tích lũy công đức. Vì sao không buông xả được? Vì không hiểu biết sáng tỏ về sự thật chân tướng, đối với những điều giả dối mà cho là chân thật, nhận biết sai lầm, nghĩ tưởng sai lầm cho nên tu tập sai lầm, tự chiêu cảm quả báo xấu ác.

Thế nhưng, buông xả và nhận biết thấu đáo là hai việc phụ thuộc và thành tựu cho nhau. Nếu có thể buông xả một chút, liền có thể nhận biết rõ ràng hơn một phần. Nếu có thể nhận biết thấu đáo thêm một phần, liền có thể buông xả được thêm một chút nữa. Nói cách khác, vị Bồ Tát từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành tựu viên mãn quả Phật là một quá trình thấy biết thấu đáo và buông xả, phụ thuộc và thành tựu cho nhau.

Trong sáu ba-la-mật thì trí tuệ là thấy biết thấu đáo và năm ba-la-mật còn lại đều là buông xả. Quý vị nghĩ xem có đúng vậy không? Bồ thí là buông xả tâm tham lam. Trì giới là buông xả ý niệm xấu ác. Nhẫn nhục là buông xả sân hận, buông xả lòng ganh ghét. Tinh tấn là buông xả sự giải đãi, lười nhác. Thiên định là buông xả tán loạn. Tất cả đều là buông xả. Bát-nhã là sáng tỏ, rõ ràng, minh bạch, thấu đáo. Sáu pháp ba-la-mật quy về trong bốn chữ “nhìn thấu, buông xả”, chúng ta phải thực sự cố gắng thực hành.

Những khái niệm, hình tướng trong kinh luận như thế này tuyệt đối không thể chỉ đọc qua là xong. Vừa đọc qua đã là quá khứ, làm sao thực hành? Quý vị thực sự nhận biết

thấu đáo, rõ ràng, sáng tỏ, thực sự buông xả hết, bao nhiêu tội lỗi đều không còn nữa, sao có thể không được sống lâu?

Sống lâu là tuổi thọ không thể đo lường. Cho nên, nếu muốn cầu được sống lâu, cầu được phước báo, phải từ nơi tâm địa mà cầu, vì tâm sinh ra muôn vật. Trong kinh Phật nói: “Tâm sinh thì đủ mọi pháp sinh.” Phần trước chúng ta đã xem qua: “Hết thấy các pháp từ tâm tưởng sinh.” Cho nên, Phật pháp gọi là cái học bên trong. Trong [tâm tu hành] đã trọn vẹn đầy đủ thì cảnh giới bên ngoài liền thuận theo tâm [mà hiển lộ]. Cho nên nói rằng: “Tâm tưởng sự thành.” (Trong tâm nghĩ tưởng thì sự việc thành tựu.) Trong Phật pháp dạy điều này là chính xác.

Quý vị vừa nghĩ tưởng điều ác, việc ác ngay lúc đó đã hình thành. Quý vị nghĩ tưởng điều hiền thiện, việc thiện được hình thành. Quý vị nghĩ tưởng đến Phật là đã có Phật. Nghĩ tưởng đến tham lam, sân hận, si mê thì ba đường ác đã hình thành. Trong tâm nghĩ tưởng là sự việc hình thành. Nghĩ tưởng đến tham lam thì cảnh giới ngã quỷ đã hình thành. Nghĩ tưởng đến sân hận, ganh ghét thì địa ngục hình thành.

Sự trang nghiêm của y báo, chính báo trong mười pháp giới từ đâu mà có? Là từ trong tâm tưởng của chính mình. Hết thấy các pháp đều từ trong tâm tưởng khởi sinh, biến hiện ra thành những cảnh giới ấy. Đã biết sự thật là như thế, vì sao không nghĩ tưởng Phật? Vì sao lại nghĩ tưởng những việc khác? Nghĩ tưởng đến Phật là làm Phật. Trong tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật, thân làm theo những điều Phật làm, miệng nói đúng những lời Phật dạy, người như thế là đã thành Phật rồi.

Cho nên, chúng ta muốn thành Phật thì không thể không đọc kinh. Nếu không đọc kinh thì tư tưởng lan man lộn xộn. Chúng ta muốn cho tư tưởng của mình hoàn toàn tương ứng với lời dạy trong kinh Phật thì khởi tâm động niệm phải nghĩ

tưởng những gì? Phải nghĩ tưởng đến những ý nghĩa được Phật giảng dạy trong kinh điển, đến những lời giáo huấn của Phật, đến những cảnh giới Phật đã thuyết dạy. Vì thế, tôi khuyên mọi người tụng kinh Vô Lượng Thọ 3.000 lượt, ý nghĩa là ở chỗ này.

Kinh điển không [tụng đọc cho] thuần thực thì quý vị nghĩ tưởng điều gì? Không có cách gì nghĩ tưởng [đến Phật được] cả. Trước hết phải tụng đọc kinh điển cho thuần thực, cho đến khi thuộc nằm lòng, thuộc lòng đến mức hết sức nhuần nhuyễn thì khởi tâm động niệm tự nhiên những ý nghĩa lập luận trong kinh, những cảnh giới trong kinh hoàn toàn có thể hiện ra ngay trước mắt.

Tôi thường bảo mọi người: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại hoặc tương lai nhất định sẽ gặp Phật.” Tin vào điều đó hay không là tùy quý vị. Có người tin được, làm theo, đạt được chỗ tốt đẹp, người ấy hết sức vui mừng hoan hỷ, đến nói cho tôi biết, tôi cũng vui mừng hoan hỷ theo, tôi vì người ấy mà hoan hỷ. Những người không chịu tiếp nhận, không chịu làm theo, tôi thấy vậy cũng vẫn hoan hỷ. Vì sao vậy? Một khi tâm người ấy nghĩ tưởng thì sự việc sẽ thành tựu, pháp giới khắp hư không chính là như vậy. Người ấy trong đời này không được cứu độ nhưng cũng xem như đã gieo trồng được căn lành, trong tạng thức (a-lại-da thức) cũng đã có một nhân duyên [về sau] được cứu độ, có chủng tử của việc được cứu độ. Như vậy cũng tốt, chỉ là không được cứu độ ngay trong đời này mà thôi.

Lý lão sư trước đây thường giảng, còn muốn kéo dài kiếp sống trong luân hồi là còn phải chịu đựng rất nhiều khổ nạn. Cho nên, chúng ta thực sự tin nhận, thực sự vâng làm theo lời dạy, ngay trong đời này phải làm xong việc này. Đó là căn lành, phúc đức, nhân duyên đều đã thành thực.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 24

(Giảng ngày 12 tháng 6 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 25, số hồ sơ: 19-012-0025)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Mời quý vị xem tiếp đến câu thứ 15 trong Cảm ứng thiên: “Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái.” (Hợp đạo thì tiếp tục làm, trái đạo thì thối lui.) Từ câu này suốt đến câu thứ 36: “Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.” (Muốn cầu làm thiên tiên phải thực hiện một ngàn ba trăm điều thiện. Muốn cầu làm địa tiên phải thực hiện ba trăm điều thiện.) là một đoạn, thầy đều nói về phước báo. Xét trong toàn bản văn thì đây là đoạn lớn thứ ba.

Tám chữ này là nói tổng quát: “Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái.” (Hợp đạo thì tiếp tục làm, trái đạo thì thối lui.) Người ta nên dứt bỏ điều ác, tu tập điều thiện, đó là chân lý bất di bất dịch. Hết thầy chúng sinh, có ai không cầu được phước báo? Có ai lại mong muốn gặp phải tai họa? Nhưng quý vị cũng đã biết phước báo từ đâu mà ra, tai họa từ đâu mà đến. Tám chữ này chính là [chỉ rõ] nguồn gốc ban đầu của mọi điều lành dữ, họa phước. Nhưng trong tám chữ này thì ý nghĩa then chốt nằm ở chữ đạo, vậy chữ đạo này phải hiểu thế nào?

Ý nghĩa chữ này rất sâu rộng. Thông thường thì đạo được hiểu là lý lẽ, là đạo lý, cũng được hiểu là con đường. Vậy thế nào gọi là “hợp đạo”? Thế nào là “trái đạo”? Đây là điều chúng ta phải phân biệt thật rõ ràng.

Tâm hiền thiện, công hạnh hiền thiện là hợp đạo. Tâm

bất thiện, việc làm bất thiện là trái đạo. Đó là xét từ góc độ gieo nhân. Điều lành, phước báo là hợp đạo. Điều xấu ác, tai nạn hiểm họa là trái đạo. Đó là xét từ góc độ nhận lãnh quả báo. Đối với lý lẽ và sự tướng về nhân quả, chúng ta đều phải nhận hiểu thật rõ ràng.

Tiêu chuẩn [về hợp đạo] trong Phật pháp thì chính là [so với] đức của tự tánh. Những gì phù hợp, thuận theo đức của tự tánh là hợp đạo. Những gì không phù hợp, trái ngược với đức của tự tánh là trái đạo.

Đức của tự tánh, nếu xét đến chỗ rốt ráo thì chính là tâm tánh quy về một niệm chuyên nhất. Cho nên, xét đến rốt cùng thì một niệm chuyên nhất là hợp đạo, phân ra hai niệm, ba niệm... đều là trái đạo. Tiêu chuẩn này rất cao, là tiêu chuẩn của hàng Pháp thân Đại sĩ, chư Phật Như Lai, vì chỉ có các ngài mới đủ năng lực giữ vững một niệm chuyên nhất, không rơi vào niệm thứ hai. Cho nên, quả báo của các ngài là đại cát, đại phúc, là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Trong kinh Đại thừa thường gọi đó là pháp giới nhất chân.

Pháp giới nhất chân từ đâu mà có? Từ một niệm chuyên nhất mà có. Nếu chúng ta không giữ vững được một niệm chuyên nhất, hóa thành phân tâm tán ý, từ đó liền biến hiện ra mười pháp giới với sự trang nghiêm của y báo và chánh báo. Cho nên, đối với bậc Pháp thân Đại sĩ thì mười pháp giới với sự trang nghiêm của y báo và chánh báo đều là trái đạo.

Chúng ta cần hiểu rõ ý nghĩa đó. Dù tự thân mình chưa làm được nhưng không thể không hiểu biết. Điểm tốt của sự hiểu biết là trong quá trình tu học sẽ không rơi vào chỗ biết ít mà tự cho là đủ. Vì biết được cảnh giới hiện tại của mình hết sức giới hạn, nên từ đó mới phát tâm phấn chấn không ngừng nỗ lực hướng thượng vươn lên.

Thế nhưng, trong điều kiện trước mắt của chúng ta, hãy đem [ý nghĩa của] chữ đạo ấy hạ xuống mức thấp. Đến mức

thấp nhất thì những gì là đạo? Đó là năm giới và mười nghiệp lành. Những gì là trái đạo? Đó là phạm vào năm giới, là mười điều ác. Đã hạ thấp tiêu chuẩn [định nghĩa] đến mức này thì chúng ta nhận hiểu được rõ ràng, sáng tỏ rồi, đã có được một chỗ để làm căn cứ, đã biết được chỗ để bắt đầu tu tập. Đó là nói một cách phổ quát với toàn thể đại chúng.

Riêng với quý vị đồng tu niệm Phật thì tại sao quý vị niệm Phật? Mục đích của việc niệm Phật là gì? Đó là cầu mong được sinh về Tịnh độ. Nói cách khác, sự mong cầu này không thể là rỗng không vô ích, nhất định phải thành hiện thực. Cho dù là sinh về cõi phàm thánh đồng cư ở phẩm vị thấp nhất, cũng không phải là vô ích, tâm nguyện cũng được trọn thành.

Mức độ [tu tập để đạt được phẩm vị vãng sinh] thấp nhất này là gì? Đức Thế Tôn trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã dạy chúng ta về “tịnh nghiệp tam phúc” (ba điều phúc lành tạo nghiệp thanh tịnh), đó là mức độ [tu tập] thấp nhất, nếu muốn được vãng sinh ngay trong đời này thì phải nhận biết rõ.

Về “tịnh nghiệp tam phúc”, trước đây tôi đã giảng qua rất nhiều lần, có cả băng ghi âm, băng ghi hình, dường như cũng có in thành sách lưu hành rồi. Phật dạy về ba điều phúc lành [trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật] tổng cộng có 11 câu. Thuận theo 11 câu này là hợp đạo, nghịch với 11 câu này là trái đạo.

Điều phúc thứ nhất thuộc về phước báo cõi trời người, cũng là đạo trong hai cõi trời, người. Quý vị vâng làm theo điều này thì đời đời kiếp kiếp không mất thân người. Quý vị không vâng làm theo điều này thì trái đạo. Trái đạo là ba đường ác, nhất định phải đọa vào ba đường ác.

Bốn câu nói về điều này là: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp” (hiếu

dưỡng cha mẹ, phụng sự bậc sư trưởng, giữ lòng từ không giết hại, tu mười nghiệp lành). Chúng ta có hiểu rõ được những ý nghĩa này chăng? Chúng ta có chịu làm theo hay chăng?

Trong câu thứ nhất [“hiếu dưỡng phụ mẫu”] cũng đã hàm ý nói rõ về mười nghiệp lành. Đây là căn bản của mọi điều căn bản. Thế nào gọi là hiếu? Thế nào gọi là kính? Nhất định phải hiểu điều này thật rõ ràng, sáng tỏ. Chỗ này tôi sẽ không giảng giải nhiều.

Điều phúc thứ hai thuộc về hàng Nhị thừa, là tiêu chuẩn tu tập của Nhị thừa. Ba câu nói về điều này là: “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi.” (Thọ trì ba quy y, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.) Như vậy là đã bước vào cửa Phật. Điều phúc thứ nhất là nền tảng để bước vào cửa Phật, nhưng chưa thực sự bước vào. Đến điều phúc thứ hai là đã bước vào, đã làm đệ tử của Phật, là học trò của Phật.

Quý vị thử nghĩ xem, chúng ta có đủ tư cách làm học trò của Phật hay chăng? Học trò của Phật thì phải tuân thủ trong khuôn thước của ba quy y, khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều không trái lời Phật răn dạy.

Trước hết trong ba quy y là quy y Phật, điều này khi truyền thụ ba quy y tôi có giảng giải hết sức rõ ràng, sáng tỏ. Quy y Phật là sáng suốt hiểu biết, không mê lầm. Chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng hành động có được sáng suốt, không mê lầm hay chăng? Sáng suốt hiểu biết là hợp đạo, mê lầm là trái đạo.

Tư tưởng, kiến giải của chúng ta có chính xác hay chăng? Tư tưởng, kiến giải hoàn toàn chân chánh, phù hợp với [lời dạy của] Phật là hợp đạo. Tư tưởng, kiến giải không chân chánh, rơi vào tà tri, tà kiến là trái đạo. Đó là ý nghĩa của việc quy y Pháp.

Thứ ba là quy y Tăng. Tăng là sáu căn thanh tịnh, không

bị cảnh trần làm nhiễm bấn. Chúng ta nghĩ xem, tâm mình có thanh tịnh hay chẳng? Ý niệm của mình có thanh tịnh hay chẳng? Thân này có thanh tịnh hay chẳng? Hoàn cảnh sống quanh ta hiện nay có thanh tịnh hay chẳng? Thanh tịnh là hợp đạo, không thanh tịnh là trái đạo.

Cho nên, đệ tử của Tam bảo trong mỗi niệm đều phải tương ưng, phù hợp với “giác, chánh, tịnh” (hiểu biết sáng tỏ, chân chánh, thanh tịnh). Đó là hợp đạo. Nếu mỗi niệm đều rơi vào “mê, tà, nhiễm” (mê lầm, tà vạy, nhiễm bấn) thì đó là trái đạo. Tư tưởng, lời nói, việc làm đều phải y theo giới luật, đặc biệt là với người mới phát tâm.

Thật ra thì từ lúc mới phát tâm cho đến địa vị Như Lai, Bồ Tát Đẳng giác, [hành giả] đều nghiêm trì giới luật. Quý vị đã có bao giờ thấy chư Phật, Bồ Tát phá giới, phạm giới? Hoàn toàn không có. Hình tượng của chư Phật, Bồ Tát đều làm lợi ích cho chúng sinh. Đệ tử Phật phải noi gương chư Phật, Bồ Tát. Học Phật phải học đến mức giống như Phật. Phải đem chỗ giống như Phật đó mà làm tấm gương sáng, làm khuôn mẫu tốt đẹp để noi theo cho toàn xã hội, cho hết thảy chúng sinh. Chúng ta phải thấu hiểu được ý nghĩa này. “Không phạm oai nghi”, oai nghi đó chính là khuôn mẫu tốt đẹp để noi theo.

Điều phúc thứ ba là nền tảng của Bồ Tát Đại thừa, [trước hết dạy] “phát tâm Bồ-đề”. Phát tâm Bồ-đề là phát “Tứ hồng thệ nguyện” (Bốn lời nguyện sâu rộng). Phát nguyện rồi thì phải thực hiện. Tâm nguyện ấy không thể là hư rỗng, phải làm được. Cho nên Bồ Tát phải có tâm tầm quý, nhờ tâm tầm quý thúc giục, khích lệ trong sự tu tập, khiến cho Bồ Tát có thể phát tâm phấn chấn hướng thượng, tinh tấn, dũng mãnh. Tầm quý là hợp đạo; không có tầm quý, không biết hổ thẹn là trái đạo.

[Tiếp đến là] “thâm tín nhân quả” (tin sâu nhân quả), tôi

đã giảng về câu này rất nhiều. Nhân quả đề cập ở đây không phải là nhân quả hiểu theo nghĩa thông thường. Nhân quả theo nghĩa thông thường thì có lý nào Bồ Tát lại không biết? Nhân quả ở đây là: “Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả.” Thực sự thì không mấy người hiểu được ý nghĩa này.

[Tiếp theo nữa là] “tụng đọc [kinh điển] Đại thừa, khuyến bảo khích lệ hành giả”. Tụng đọc [kinh điển] Đại thừa là thân cận chư Phật Như Lai. Mỗi ngày đều không bỏ luống qua, mỗi ngày đều thân cận chư Phật Như Lai. Chư Phật Như Lai ở tại đâu? Các kinh điển Đại thừa chính là chư Phật Như Lai, mỗi ngày đều phải tụng đọc.

Về phương pháp tụng đọc, trước tiên phải thân cận với một vị thiện tri thức. Đây là bí quyết cầu đạo, cầu học ở thế gian cũng như xuất thế gian, người xưa gọi là “theo thầy học đạo”. Nhất định phải nương theo một vị thiện tri thức mà thành tựu, sau đó mới có thể tham vấn cầu học với vô số các bậc thiện tri thức khác. Dưới sự dẫn dắt của một vị thiện hữu mà thành tựu được bản lĩnh tham học thì mới có năng lực tham học. Bản lĩnh đó là gì? Kinh Bát-nhã gọi đó là căn bản trí. Tham vấn khắp thấy các bậc thiện tri thức là thành tựu hậu đắc trí, [có đủ hai trí thì] trí tuệ mới được viên mãn.

Phần cuối Kinh Hoa Nghiêm đưa ra cho chúng ta một ví dụ minh họa: Đồng tử Thiện Tài thân cận với Bồ Tát Văn Thù. Đó là [thân cận với] một bậc thiện tri thức. Đó là theo thầy học đạo. Đồng tử Thiện Tài dưới sự dẫn dắt của ngài Văn Thù đạt được căn bản trí, sau đó mới ra đi tham học. Qua 53 lần tham học thành tựu trọn vẹn được hậu đắc trí, đó là trí tuệ viên mãn.

Không có căn bản trí, quý vị không có năng lực tham học. Căn bản trí là thật trí, là trí tuệ chân thật. Trí này có năng lực phân biệt được chân chánh với hư vọng, có năng lực phân biệt được tà chánh, thị phi, thiện ác, lợi hại, một khi vừa tiếp

xúc liền rõ biết. Cho nên [người đạt được căn bản trí rồi] ra đi tham học, bất kể gặp hạng người nào, bất kể gặp sự việc gì, cũng đều là khai mở trí tuệ, không gặp phải chướng ngại.

Nếu quý vị không có được [năng lực] căn bản này mà ra đi tham học, gặp một vị thiện tri thức chỉ cho một con đường, gặp hai vị thiện tri thức lại chỉ ra hai con đường, gặp ba vị thiện tri thức thì thành ngã ba đường, gặp bốn vị thiện tri thức là đứng giữa ngã tư đường, quý vị biết đi về đâu? Quý vị không biết đi đường nào cả!

Khi quý vị có căn bản, có thể phân biệt, có thể nhận thức, thì không có gì phải sợ. Dù thân cận nhiều vị thiện tri thức nhưng phương hướng, mục tiêu của quý vị nhất định không thay đổi. Chúng ta xem như Đồng tử Thiện Tài là một hình mẫu minh họa.

Đồng tử Thiện Tài thân cận Bồ Tát Văn Thù, được ngài dạy dỗ điều gì? Ngài dạy cho pháp môn niệm Phật. Nhưng xem trong kinh văn không thấy được điều đó. Kinh văn thì không có, nhưng ý nghĩa là rõ ràng như thế. Ý nghĩa ấy nằm ở đâu? Bồ Tát Văn Thù cầu sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc, [Thiện Tài là] môn sinh đặc ý nhất của ngài, nếu như không kế thừa y bát thì sao có thể gọi là đệ tử truyền pháp? Quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này. Đức Thế Tôn dạy chúng ta pháp Tứ y, trong đó có “y nghĩa bất y ngữ” (y theo ý nghĩa, không y theo từ ngữ), quý vị cần phải thể hội được ý nghĩa đó.

Lại xem Thiện Tài ra đi tham học với những ai? Vị thiện tri thức đầu tiên là Tỳ-kheo Cát Tường Vân đã dạy cho Thiện Tài điều gì? Dạy pháp Tam-muội Ban-chu. Pháp Tam-muội Ban-chu chính là chuyên niệm hồng danh A-di-đà Phật, cũng gọi là Tam-muội Phật Lập.

Vị thiện tri thức được tham học cuối cùng là Bồ Tát Phổ Hiền, [người phát khởi] Thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Suốt từ khởi đầu cho đến kết thúc [hành trình tham học]

đều là pháp môn niệm Phật. [Quá trình tham học của Đồng tử Thiện Tài] đã nêu lên cho chúng ta một tấm gương để noi theo. Đó là hợp đạo thì phải tiếp tục làm, phải dũng mãnh tinh tấn mà làm; trái đạo thì phải gấp rút nhanh chóng thôi lui.

Hai câu [tụng đọc kinh điển Đại thừa, khuyên bảo khích lệ hành giả] là nói tổng quát. Không chỉ riêng mình hiểu biết sáng tỏ, còn phải thường khuyên bảo, dẫn dắt người khác, giúp đỡ người khác. Đó là phần cuối trong điều phúc thứ ba: “Khuyên bảo khích lệ hành giả.”

Nói tóm lại, trong 11 câu [nói về ba điều phúc], có 10 câu là tự lợi (tự làm lợi ích cho mình), câu cuối cùng là lợi tha (làm lợi ích cho người khác). Tự làm lợi ích cho mình rồi mới có khả năng làm lợi ích cho người khác. Tự mình chưa có thành tựu gì mà nghĩ đến việc làm lợi ích cho người khác, kinh Phật thường nói là điều “không thể có”.

Cho nên, hai câu tám chữ: “Độc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả” có hàm nghĩa hết sức sâu rộng, là cương lĩnh tổng quát của những điều phước thiện. Tiếp theo phần sau sẽ nói về cách thức tu thiện, tu phúc, tích lũy công đức trong cuộc sống hằng ngày.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Lời thưa

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy rằng: “Pháp thí thắng mọi thí.” Thực hành Pháp thí là chia sẻ, truyền rộng lời Phật dạy đến với mọi người. Mỗi người Phật tử đều có thể tùy theo khả năng để thực hành Pháp thí bằng những cách thức như sau:

1. Cố gắng học hiểu và thực hành những lời Phật dạy. Tự mình học hiểu càng sâu rộng thì việc chia sẻ, bố thí Pháp càng có hiệu quả lớn lao hơn. Nên nhớ rằng **việc đọc sách còn quan trọng hơn cả việc mua sách.**
2. Phải trân quý kinh điển, sách vở in ấn lời Phật dạy. Khi có điều kiện thì mua, thỉnh về nhà để tự mình và người trong gia đình đều có điều kiện học hỏi làm theo. Không nên giữ làm của riêng mà phải sẵn lòng chia sẻ, truyền rộng, khuyến khích nhiều người khác cùng đọc và học theo. Không nên để kinh sách nằm yên đóng bụi trên kệ sách, vì **kinh sách không có người đọc thì không thể mang lại lợi ích.**
3. Tùy theo khả năng mà đóng góp tài vật, công sức để hỗ trợ cho những người làm công việc biên soạn, dịch thuật, in ấn, lưu hành kinh sách, **để ngày càng có thêm nhiều kinh sách quý được in ấn, lưu hành.**

Thông thường, việc chi tiêu một số tiền nhỏ không thể mang lại lợi ích lớn, nhưng nếu sử dụng vào việc giúp lưu hành kinh sách thì lợi ích sẽ lớn lao không thể suy lường. Đó là vì đã giúp cho nhiều người có thể hiểu và làm theo lời Phật dạy. Mong sao quý Phật tử khắp nơi đều lưu tâm đóng góp sức mình vào những việc như trên.

TINH YẾU THỰC HÀNH PHÁP THÍ

- *Mua thỉnh kinh sách về đọc, tự mình sẽ được rất nhiều lợi ích.*
- *Chia sẻ, truyền rộng bằng cách cho mượn, biếu tặng kinh sách đến nhiều người thì lợi ích ấy càng tăng thêm gấp nhiều lần.*
- *Đóng góp công sức, tài vật để hỗ trợ công việc biên soạn, dịch thuật, giảng giải, in ấn, lưu hành kinh sách thì công đức lớn lao không thể suy lường, vì có vô số người sẽ được lợi ích từ việc lưu hành kinh sách.*